

BULLETIN

DE L'ANCIEN DO-VIET NAM

NHỮNG NGƯỜI BẠN CỔ ĐÔ HUẾ

B.A.V.H

TẬP

XIV

1927



NHÀ XUẤT BẢN THUẬN HÓA

**NHỮNG NGƯỜI BẠN
CỐ ĐÔ HUẾ**

NHỮNG NGƯỜI BẠN CỐ ĐÔ HUẾ

**TẬP XIV
NĂM 1927**

**Người dịch: HÀ XUÂN LIÊM
Hiệu chỉnh: NHỊ XUYỀN
NGUYỄN ANH**

**NHÀ XUẤT BẢN THUẬN HÓA
HUẾ - 2004**

**MỘT NGƯỜI PHIÊU LƯU MẠO HIỂM
CỦA THẾ KỶ THỨ XIX:**

**MARIE ĐỆ NHẤT VUA
CỦA NGƯỜI SÉDANG (1888 - 1890)**

JEAN MARQUET

"Không bao giờ nhượng bộ

Luôn luôn giúp đỡ nhau"

LỜI NÓI ĐẦU

Hôm nào đó, đang khi cỡi ngựa đi trên những vùng cao nguyên đất đỏ là nơi người Mọi sinh sống này, một ông thanh tra của Bảo an binh bản xứ đã nói với tôi: "Đây là vương quốc cũ của Marie đệ nhất". Xung quanh vùng cao nguyên trông này, không có gì khác hơn là những dãy núi vĩ đại đầy rừng cây và trắng bụi bao phủ. Đôi khi mới thoáng hiện một vài cái nhà sàn đứng trên những hàng chân cao, hoặc một người đàn ông gần như khỏa thân, có vũ trang một cái lao dài chắc chắn, đi mất hút vào xa xa. Ngoài ra chỉ là một sự yên lặng mênh mông.

Như tất cả mọi người Đông Dương, có lúc tôi đã nghe nói đến ông Marie đệ nhất nổi tiếng này, nhưng cũng như mọi người ở Đông Dương, tôi cũng chỉ nghe được những câu chuyện giai thoại lý thú. Còn lại, nghĩa là sự thật về vương quyền này, đều mù tịt đối với tôi.

Vậy là tôi đã giải quyết vấn đề, trong ngày cưới ngựa đi chơi trợn vện dưới cơn gió lạnh buốt này, bằng cách đi sưu khảo thêm nhiều tài liệu có thể tìm được, cùng với tất cả những tài liệu về Mayréna. Và, từ những khám phá đầu tiên đó tôi nhận thấy rằng tất cả những gì lặp đi lặp lại ở Đông Dương và hầu như ngay cả đến tất cả những gì đã viết ra trước đây, đều sai lầm.

Sự thật, tôi chỉ có được sự thật nhờ những mẫu tài liệu trong các nơi lưu trữ chính thức. Dần dà, từng chút lại từng chút, tất cả những chuyện cổ tích đều rơi rụng, làm biến mất một câu chuyện kể hay ho vùng viễn đông.

Chỉ còn lại những dữ kiện lịch sử khất khe chứng tỏ, than ôi! Rằng David Mayréna, tức là Marie đệ nhất, vua của người Sédang; để riêng ra những bậc phát hiểm hoi; chẳng có gì hơn là một nhà thám hiểm tồi, một kẻ lừa đảo, và càng tệ hơn, ông ta hầu như là một kẻ buôn người.

Chúng ta nên phán đoán ông ta thế nào đây? Chẳng có gì để nói.

Vào một thời kỳ còn rất xáo trộn của việc đi chinh phục thế giới cho lưỡi dao găm của Tây phương, biết bao nhiêu kẻ đi chinh phục châu Mỹ khác đã phạm phải những hành động đáng chê trách cũng như những hành động mà David Mayréna đã phạm phải hoặc toan phạm phải...

Nhưng, những con người ấy thì hoặc là có tài năng, hoặc là có cơ may để thành công; còn ở đây Marie đệ nhất chỉ có sự sai lầm đen tối!

Và sự thất bại là một điều mà tính hiểm độc của loài người không tha thứ chút nào...

Trước khi đi qua câu chuyện nhạt nhẽo về cuộc sống và những cuộc thám hiểm của vị vua người Sédang, tôi tưởng cần phải lưu ý độc giả rằng tất cả những chi tiết về câu chuyện này đều được rút từ trong những nơi lưu trữ và những tài liệu được viện dẫn trong phần chính của tác phẩm hoặc là in lại in extenso ở chương các tư liệu, hoặc giả còn được kể ra trong mục sách tham khảo.

Và, để chấm dứt "Lời nói đầu" này, tôi xin thành thật cảm ơn những người đã giúp tôi trong ba năm đi sưu khảo của tôi, và cả những lá thư rất buồn chán của tôi cũng không bao giờ các người ấy nản lòng.

Đó là các ông Suzonni và Pannier, hoa tiêu ở Hải Phòng; ông Fournier công sứ Kontum; ông Lafond, cựu nhân viên Sở Thuế quan tại Quy Nhơn, đã về hưu ở Mirebeau - en - Poitu; ông Simoni, cựu tham tá sở S.C tại quy Nhơn, về hưu với chức khâm sứ; ông Danju, Lãnh sự Pháp ở Singapour; ông Goite, tùy viên ở Tòa lãnh sự Pháp Ostende; ông Salles, thanh tra các thuộc địa đã về hưu; ông Cabaton, giáo sư ở trường Ngôn ngữ Đông phương; ông Deremez; ông Bompard; ông Malard; ông Afred Audibert; ông Saint Poulof; . các cha giáo sĩ ở Kontum và ở Lang Song v.v... cũng xin cảm ơn các công chức chỉ có tình bạn quý đã dành cho tôi khi lục lọi trong các tư liệu ở sở của họ; ông Pasquier, khâm sứ; ông Peyssonnaud, nhân viên Phòng Lưu trữ ở Huế; ông Boudet, giám đốc Sở Lưu trữ ở Hà Nội; các ông Finot, Aourousseau, Goloubew ở trường Viễn Đông Bác Cổ.

J.M.

PHẦN THỨ NHẤT

DAVID MAYRÉNA

DAVID, Auguste - Jean - Baptiste - Marie - Charles, sinh ở Toulon, Var, ngày 31 tháng giêng năm 1842.

Ông là con trai của Léon - Jacques - Albert David, sĩ quan hải quân; và bà Marie - Anne - Marguerite - Baptistine Thunot, con gái của vị đại tá chủ huy vệ quốc dân binh.

Léon - Albert David sinh ở Dusseldorf, ngày 5-6-1812, vào lúc ông thân của ông làm quản đốc các sở thuế quan của đại công tước de Berg ở đây.

Người ông nội này tên là Daved Charles - Marie, quê ở Remiremont, hình như là một trong những người thân cận của Louis-Philippe người đã đặt biệt danh cho ông là Già Bích (Roi du Pique). Sinh ở Remiremont ngày 4-5-1780, con trai của ông Augustin David, thương gia ở thành phố này và bà Anne Lambert; người ông nội này mất ở Paris ngày 22 tháng giêng năm 1868. Ông làm quản đốc tài sản đất đai, khi ông được quận Remiremont chọn bầu làm đại biểu ở chambre des Cent Jours, vào ngày 13-5-1815.

Ông có ba người con trai: Albert David, về sau làm thiếu tá hải quân; Louis David, ông này làm cố vấn luật sư ở Tòa án des Comptes; và David Isodore, tức là Porto, cán sự ở hội đồng tư vấn quốc gia, làm quận trưởng, thị trưởng thị xã Douai, và cuối cùng làm tỉnh trưởng miền bắc vào năm 1849.

Chính vì để phân biệt với thân phụ của họ mà ba người con trai nhà David đã thêm một biệt danh vào cái tên - họ (patronymique) của họ:

Albert được thêm vào tên của Mayréna; Louis, người anh cả, đã tự gọi là ông David; và người thứ ba thì đã thêm tên họ của anh ta vào tên họ của vợ anh, thành ra tên David - Porto.

Léon - Albert David mất ngày 07-12-1856, đang lúc còn làm việc tại nhiệm sở. Từ cuộc hôn nhân của ông với Baptistine Thunot thì bốn người con được ra đời: Romaric mất năm 1915 ở Eu, khi đang giữ nhiệm vụ chỉ huy lục quân; Charles - Marie (quốc vương dân tộc Sédang sau này); Henry và Raymond, đều mất lúc còn trẻ.

Jean - Baptiste - Louis - Henri, sinh ở Paris vào ngày 01-01-1850, là người đã đi theo anh của ông đến Nam Kỳ vào năm 1885, do tướng mạo oai vệ của ông mà tại đây người ta gọi ông với biệt danh là vị Nam tước. Ông làm nhà báo, làm thư ký cho nhiều ban giám đốc gánh hát, ông đã cộng tác với Fernand Ganesco để viết cho tạp chí Saigon - Dolant.

Bốn người con trai của nhà David đã theo bố của họ lên Paris và theo học tại thành phố này.

Charles theo học trường hàng hải, nhưng bị trượt trong kỳ thi Borda vào năm 1857; ngày 04-7-1859, ông ghi tên gia nhập đội long kỵ binh thứ 6. Vào lúc rút thăm của ông, năm 1863, ông đã làm đội trưởng đội thiết giáp số 7 tại Versailles. Tuy nhiên, cuộc sống ở trại lính ít thích hợp với tính khí thích mạo hiểm của ông, cho nên người ta lại thấy ông gia nhập đoàn kỵ binh Nam Kỳ (spahis cochinchinois) vừa được Đô đốc Bonnard thành lập ⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Ngày 07-02-1862, Đô đốc Bonnard đã thành lập một đại đội kỵ binh Nam Kỳ, gồm tất cả lính kỵ binh Pháp và "tagal" đang đóng rải rác khắp

David đã có dự vào một vài hoạt động xâm lược, rồi trở về Pháp vào năm 1868, tại đây ông đã giải ngũ và được tự do.

Ông đã làm gì từ lúc có sự tự do này? Có lẽ ông đã không làm gì cả. Cũng có thể ông ta đã ở yên tại nhà bà ngoại ông, nữ bá tước Thunot, góa phụ của đại tá chỉ huy vệ quốc dân binh Thunot, và ở tại nhà bà dì của ông, Mme Briet, bà này là chủ nhân của một vùng đất trong bán đảo Saint - Mandrier, ở phường Palmier.

Vào ngày 03 tháng ba 1869, tại Toulon, ông đã kết hôn với cô Maria Francisca Avron, con gái của cố Martial Louis Marie Avron, cựu đại tá đương chức và bà Rosalie Cécile Célestine Baron.

Nhưng chiến tranh Pháp - Đức đã nổ ra, Charles David đã gia nhập tiểu đoàn lính cơ động ở Var.

Những ga-lông cấp bậc đội trưởng đội quân kỵ của ông có lẽ đã cho phép ông, vào thời buổi có chiến tranh ấy, đạt vị trí quan trọng hơn, vì ông được tách khỏi chức chỉ huy Trung đoàn 82 của đạo quân cơ động, để về làm ở Bộ tham mưu của Quân đoàn (corps d'Armée) thứ 21.

Tại vị trí mới này ông đã thực hành nhiệm vụ rất xuất sắc, bởi vì trong trận đánh ở cầu Conlie, ông chỉ có ba binh sĩ bị thương, vào ngày 28-02-1871 sự kiện này đã đem lại cho ông huân chương Bắc đẩu bội tinh.

Khi cuộc chiến tranh chấm dứt, Charles David đã rất muốn lưu lại trong quân ngũ...

Không có địa vị, không có khả năng lớn lao; hoặc đúng hơn, xem như là khả năng thì ông chỉ có một khả năng duy

thuộc địa vào thời đó. Quân số của đạo kỵ binh này gồm có: 9 sĩ quan, 14 hạ sĩ quan, 17 đội trưởng, 14 lính thợ, 32 kỵ binh Pháp và 222 người nước ngoài (Cultru: Lịch sử xứ Nam Kỳ).

nhất là tầm vóc cao lớn (1,82m) của ông, dáng dấp thu hút và vẻ oai vệ đẹp trai của ông, nhưng như thế thì ông sẽ trở thành gì đây?

Than ôi! Sự chấm dứt trận chiến tàn khốc này cũng đã cho thấy sự chấm dứt cuộc sống có phẩm cách và lương thiện của Charles David kể từ đây chỉ có những sự làm hại mình rất ám muội; những nỗi gian truân, những điều ô nhục, và kể cả những sự lừa bịp; nói chung, là cuộc sinh tồn của một loại lính đi chinh phục châu Mỹ không còn sải cánh được, và đã tận cùng, vào năm 1890, bằng sự chấm dứt đen tối.

*
* *

Tuy nhiên, David vẫn đã chuẩn bị kiếm cách mưu sinh, nhưng những nỗi bất hạnh (?) đã tạo ra như một thú vui chơi bám riết lấy ông... Ông đã cộng tác với vài tờ báo ở Toulon và cho in cuốn "Những kỷ niệm về xứ Nam Kỳ". Từ năm 1872 đến năm 1874, ông được tuyển dụng làm việc trong Công ty cấp nước Paris; vừa mất chỗ làm ở đây, ông liền mở một ngân hàng nhỏ ở số 8bis đường Châteaudun. Nhưng những hoạt động về ngân hàng của ông không lấy gì làm xuất sắc cho lắm, vì một dư luận than vãn lừa bịp đã được tung ra để chống lại ông vào ngày 27 tháng 7 năm 1883. Ông phải tuyên bố phá sản vào ngày 18-9 cùng năm đó, và mặc dầu một sự miễn tố của Parquet de la Seine đã dập tắt lời than vãn có sự lừa bịp, David vẫn nghĩ là nên thận trọng bất chước hành vi của biết bao chủ ngân hàng gặp vận không may: là chuồn ra nước ngoài...

Ông đã xuống bến tàu ở Amsterdam để đáp một chuyến tàu chạy bằng hơi nước của người Hòa Lan, chuyến tàu này sẽ đưa ông đến đảo bộ ở Batavia ngày 20-9-1883. Trên chuyến vượt trùng dương này, ông đã nắm được lòng tin của một

thanh niên người Pháp đi tìm gia đình ở Java; ông đã kể cho thanh niên này nghe rằng ông đã mất sạch tiền bạc đem theo. Người thanh niên Pháp đã dẫn Ch.David về tận chỗ ở của cha mình, ông Léonard Sandre, công chức Sở đường sắt quốc gia, ở Probolinggo, tại đây David đã sống trọn hai tháng toàn ăn bám vào gia đình người đồng hương niềm nở này.

Bị bức tức bởi con người không ai muốn dung nạp ấy, mà sự hiện diện của ông ta ở Probolinggo đã nhanh chóng gây ra nhiều lời phàn nàn của dân chúng, chính quyền Java đã trục xuất Ch.David, và cấp cho ông một cái vé hạng 3 để đi châu Âu, trên chuyến tàu biển Koningen Emma của Công ty Nederland, sẽ nhổ neo vào ngày 27-8-1884.

Vậy là một lần nữa Charles David vẫn còn đi bộ trên lề đường Paris.

Nhưng điều này không phải kéo quá lâu.

Thời gian lưu trú ngắn ngủi ở xứ Nam Kỳ và cuộc đi chơi trong vài tháng ở Java đã làm cho con người David thành một trong những "kiều dân" của các xứ ấy, than ôi! người ta đã tìm thấy họ trong các quán cà phê ở kinh đô...

Đây chính là thời kỳ đổ xô theo chất nhựa "Gutter - percha". Bởi vì, có lẽ Ch.David đã kể rằng ông vừa khám phá ra những cánh rừng nhiệt đới của người Ấn - Hà Lan rất giàu chất mủ, ông đã tạo được một sự lừa bịp mới với một số người mới.

Bằng nghị định ngày 05-12-1884, Bộ trưởng Bộ xây dựng công cộng đã ủy cho Ch.David công việc thăm dò nghiên cứu khoa học tại vương quốc Hồi Atchem (đảo Sumatra). Nam tước Sellièrre mở một tài khoản hai nghìn đồng bạc cho cuộc viễn hành sẽ đáp tàu biển ở Toulon, trên chiếc vận tải hạm Vĩnh Long. Chuyến đi xa gồm có anh em Charles và Henri David và ông Vésine - Larue.

Suốt trong chuyến vượt trùng dương lần này (những chuyến hàng hành trên biển cả hẳn đã gọi cho ông điếm quá xấu!). Ch.David đã thử làm một chuyến "áp-phe": ông đã ký với ông Vésine - Larue một giấy bảo hiểm trị giá 200.000 francs trả cho người nào trong hai người ký còn sống sót về sau...

Các sĩ quan hàng hải trên chuyến tàu biết rõ những thủ đoạn trước đây của David đã ra dấu lưu ý cho ông Vésine - Larue là ông đã thiếu thận trọng biết bao khi ông đặt bút ký một giao ước như vậy với một con người như David, người sắp là bạn cùng đi làm cuộc thăm dò trong những cánh rừng Atechem với ông... Vì thế nên từ khi đến Sài Gòn, ông Vésine - Larue đã xé tờ bảo hiểm. Từ chối cuộc viễn hành đến Sumatra, một mình ông Vésine - Larue đi đến xứ Trung Kỳ.

Anh em nhà David đổ bộ từ tàu Vinh Long xuống Sài Gòn ngày 23-5-1885.

Đây chính là cuộc sống thứ hai sắp bắt đầu đối với Charles David, và ông đã có linh cảm rất rõ về việc này đến nỗi ông ta đã bỏ cái tên gọi đơn giản của gia đình đặt cho, từ đây ông ta chỉ tự xưng là ông Nam tước David de Mayréna...

*
* *

Người ta đã thấy rằng, để phân biệt với thân phụ và với anh em của mình, Albert David đã kết vào cái tên ông một biệt danh là Mayréna. Vậy từ đâu mà có tên gọi ấy?

Theo như truyền thống gia đình, Mayréna là tên của một tài sản ruộng đất mà tổ tiên dòng David đã làm sở hữu, trong làng Vosges; có lẽ ở vùng Remiremont mà người ông nội David là người nguyên quán tại đó. Hơn nữa, chính là để tưởng nhớ tới nơi nguyên quán này mà người con trai cả của Albert David đã lấy tên tục là romaric Saint Romaric là người hộ mệnh cho thành phố Remiremont.

Tuy nhiên, trong một lá thư ông thị trưởng Remiremont đã xác nhận với tôi rằng không có mảnh đất nào trong lãnh thổ của thành phố này mang tên Mayréna cả.

Đấy những cuộc sưu khảo của tôi đi xa hơn thì tôi đã khám phá trong quyển Từ điển Địa lý của Vivien de Saint - Martin, có hai làng Tây Ban Nha được gọi tên Mairena. Đó là làng Mairena del Alcor và làng Mairena del Aljarafe, cả hai làng đều ở tỉnh Séville.

Nếu người ta muốn lưu ý rõ hơn rằng David là một danh từ hiển nhiên có bao hàm nguồn cội "israel", và rằng sau cuộc xâm lăng vĩ đại của người Do Thái ở nước Espagne (1492 - 1497), rất nhiều người Israel đã trốn sang vùng đông nước Pháp, thì người rất có thể chấp nhận rằng một tổ tiên David, một người Do Thái ẩn giấu bằng cách trốn khỏi truy tà pháp đình của Espagnol, để nhớ lại tên làng nguyên quán của mình, ông ta đã lấy tên Mairéna đặt cho vùng đất ông mới đến cư trú.

Nếu không như thế thì Mayréna hẳn phải là một sự biến thái hoặc là một cách đọc sai chệch chữ Marrane, một ngạo danh mà người ta thường gán cho hạng người Do Thái cải đạo, vào thời Trung cổ.

*
* *

Anh em David phải chịu đi đến vùng người Ấn - Hà Lan để hoàn thành "sứ mạng khoa học" của họ tại đây thôi. Nhưng họ lại không bao giờ đi tới vùng đó cả, và hai nghìn đồng bạc của Nam tước Sellière bị phân tán hết, anh em David phải lang thang ở xứ Nam Kỳ để tìm cách xoay xở kiếm sống.

Trong khi Henri cư ngụ ở Sài Gòn thì tại đây ông đã nhanh chóng lấy biệt danh của một nam tước, là Charles de

Mayréna, đang theo đuổi tư tưởng khám phá chất nhựa "gutta - percha". Khởi đầu đi thăm dò trong các cánh rừng Biên Hòa vào tháng sáu năm 1885. Nếu ông đã không mang về được chất keo đó từ loại cây cao su, thì ông cũng đã trở lui với câu chuyện về cái chết rất mơ hồ của người Mọi đi hướng dẫn cho ông, câu chuyện không bao giờ được làm sáng tỏ hơn...

Có lẽ để chứng nhận rằng ông đã hoàn toàn biết rõ vấn đề mủ cao su (latex); nên vào ngày 18-11-1885, ông đã gửi một lá thư cho ông Nouët, giám đốc nội vụ; gửi bản báo cáo đầu tiên, rồi đến bản báo cáo thứ hai về việc đi thám hiểm ở vùng người Mọi, cho ông Gaillard, quan chức hành chánh sở Thanh tra Biên Hòa (đi thăm dò vào ngày 12-9 và trở về vào ngày 01-11-1885). Đây chính là điều tỏ ra Mayréna không muốn bỏ rơi vấn đề cây cao su...

Thực vậy, không những tướng Bégin, Thống đốc Nam Kỳ, bằng nghị định ngày 03-3-1886, vừa thành lập một ủy ban có nhiệm vụ nghiên cứu nhiều vấn đề khác nhau có liên quan đến chất keo "gutta - percha"; mà nhất là Hội đồng thuộc địa (Conseil Colonial) cũng đã bỏ phiếu thuận cho một khoản tiền thưởng nhiều nghìn đồng bạc nhằm khuyến khích những bước đầu và những thử nghiệm của các kiều dân Pháp có ý định hoặc là khai phá, hoặc là trồng trọt loại cây có chất keo "gutta" này.

Mayréna khẳng định là mình đã làm chảy ra được chất mủ danh tiếng trong vùng đất Mọi, nên tức khắc người ta yêu cầu ông dẫn một đoàn khảo sát đến tại chỗ họ sẽ kiểm tra lại những lời nói của ông. Chín người Pháp, với một đoàn hộ tống 15 tay súng, đi bằng xà lúp đến Bà Rịa. Công việc khởi đầu không được tốt đẹp mấy, vì khi cập bờ, xà lúp đã lật nhào, nhiều người trong đoàn thám hiểm bị thương, và vị chủ tỉnh cũng không hề bận tâm hỏi đến!

Cuối cùng, người ta đã đi sâu vào trong rừng, vì vị trưởng đoàn thám hiểm, ông dược sĩ trưởng Geffroy, đã có một quyết tâm; ông muốn thấy cho được chất mủ "latex" chảy ra! (Thư viết từ cù lao Thổ ngày 23 tháng ba năm 1886).

Sau khi đã làm một cuộc "dạo chơi" hơn là cuộc đi hợp lý vào xứ Mọi, vẫn nằm dưới sự hướng dẫn của Mayréna, đoàn thám hiểm quay về Sài Gòn, vào ngày 06-5-1886, có lẽ bị ảnh hưởng rất nặng nhọc bởi họ chẳng tìm thấy gì, vì vị trưởng đoàn tuyên bố, trong một bản báo cáo gửi về Hội đồng Thuộc địa, rằng ngài Mayréna cũng không biết rõ loại cây cho nhựa "gutta" mọc ở đâu...

Tuy nhiên, Mayréna vẫn không mấy may thất vọng.

Ông mua một khoảnh đất chuyển nhượng lại ở Thuận Biên, tỉnh Bà Rịa, và ông đặt cho vùng đất ấy cái tên là đồn điền Sainte - Marguerite. Ông đấu tranh chống lại những lời ong tiếng ve cho rằng ông đã bận tâm chú ý vào một điều gì khác hơn là chú ý vào công cuộc khai thác thuộc địa; và trong một cái thư đề ngày 04-9-1886, ông cho biết là ông đã gieo hơn một nghìn hột "gutta", "tập trung" thành tám thăm thực vật Malaisie, và vẫn tiếp tục thăm dò trong vùng đất Mọi.

Một lần nữa, ông đã xác nhận điều đó trong lá thư đề ngày 11-01-1887 của ông; ông đã đấu tranh chống lại những luận cứ sai lầm trong bản báo cáo của Ủy ban thăm dò cây nhựa "gutta" gửi về Hội đồng Thuộc địa. Vì ông muốn đoạt được khoản tiền thưởng...

Nhưng công luận và chính quyền bắt đầu (hay đúng hơn là "tận cùng") bằng cách quyết đổ lỗi cho David de Mayréna.

Ông G.Benoit, được Nam tước Sellière thông báo, nên từ Singapore, trên tàu Oxus đã viết một lá thư cho ông Mayréna (ở số 5 đường Ormay, Sài Gòn). Trong thư nói rằng ông đã cắt

đứt sự liên hệ với Mayréna là người có nhiệm vụ phải đi khảo sát ở Atchem, để cung cấp thứ nhựa "gutta" tốt, chứ không phải là cung cấp thứ "rác rưởi bẩn thỉu" (15-3-1886).

Bởi nghị định ký ngày 17-9-1886, ông Bộ trưởng Bộ Xây dựng công cộng đã giải tán ban thăm dò này.

Và rồi thì những bản báo cáo tình hình chính thức từ mọi nơi bay về phòng chỉ đạo nội vụ: chính ông lãnh sự ở Batavia đã kể lại vụ ở trọ tại Probolingo và sự cho hồi hương trên chiếc tàu Konigen Emma; nhà cầm quyền ở Atchem đã xác nhận rằng David de Mayréna đã nói láo một cách trơ trẽn khi ông ta nói rằng ông ta đã ở nhiều ngày tại tỉnh hạt này; phòng giao dịch Bordeaux đã gửi đến bản trích trong bản án của Charles David, bị kết án 10 ngày ngồi tù, vì những phát súng gây ra thương tích, ngày 23-11-1875, phòng giao dịch "la Seine" đã có ác cảm khi nhắc lại lời phàn nàn về sự lừa đảo được tung ra vào ngày 27-7-1883 chống lại chủ ngân hàng nhỏ Ch.David ở số 8bis đường Châteaudun... (Thư của ông Thứ trưởng Bộ Thuộc địa gửi cho Thống đốc Nam Kỳ, đề ngày 28-10-1886).

Trong lúc đó Mayréna đã không ngớt đấu tranh và chống lại số phận tồi của ông; chống lại chính quyền ác độc không bảo vệ và nâng đỡ các "kiều dân" đã đành, mà hình như ngược lại, còn lấy làm thích thú là tạo cho số kiều dân này những nỗi buồn chán.

"Thuận Biên, ông viết, là một bãi biển vắng vẻ, mà tại đó ông đã phải sống dưới mái lều vải, và đó cũng là nơi mà những người dân làng không muốn bán cho ông một thứ gì" (25-01-1887).

Ông đã gửi cho đô đốc Jausès, bạn của thân phụ ông, một tập sách mỏng: "Tại sao không có kiều dân sống ở xứ Nam Kỳ".

Ông đã có nhiều cuộc cãi cọ với người bản xứ trong các làng xung quanh; cãi cọ với ông chủ tỉnh Escoubet. Và cuối cùng, ngay vào lúc mà người em Henri của ông; có lẽ đã chán ngấy cái xứ Nam Kỳ và thứ nhựa keo "gutta" chẳng thấy tăng hơi ở đâu, nên đã trở về Pháp bằng chuyến tàu biển Melbourne; thì chẳng phải là cũng vào lúc đó mà ông đã tố cáo công việc của mình với ông Escoubet là đề nghị ông này thực hiện một cuộc khám xét lục soát nhà của David de Mayréna mà ông Chủ tỉnh hằng nghi ngờ (với lý do đúng đắn) là ông đã buôn bán lậu vũ khí đó ư?

Và đây là biên bản của sự khám xét và tịch thu tang vật.

Xứ Nam Kỳ thuộc Pháp

Tỉnh Bà Rịa

VĂN PHÒNG

QUAN CHỦ TỈNH

NƯỚC CỘNG HÒA PHÁP

Tự do - Bình đẳng - Bác ái

Bà Rịa, ngày 15 tháng 5-1887

Năm một nghìn tám trăm tám mươi bảy, ngày chủ nhật, mười lăm, tháng năm, vào lúc một giờ ba mươi phút buổi xế trưa.

Chúng tôi, Escoubet, Chủ tỉnh phụ trách sự vụ bản xứ, tỉnh Bà Rịa, kiêm nhiệm chức vụ sĩ quan cảnh sát tư pháp, có sự phụ tá của:

Ông Melloeuf, nhân viên kế toán của tỉnh nói trên, kiêm nhiệm chức vụ coi sóc trị an công cộng tỉnh này, và Sang Michel, thông ngôn.

Chúng tôi đã hiện diện tại nhà ông David, tức de Mayréna, kiều dân, ở làng Lộc An, thôn Thuận Biên, cốt để thực hiện một cuộc khám xét tại nhà này, với mục đích lục soát tìm kiếm và nếu cần thì bắt giữ những vũ khí.

Ông David, tức de Mayréna, hiện vắng mặt, chúng tôi đã tìm gặp trong ngôi nhà nói trên, một người đàn bà tên là Lê

Thị Bền, bà này đã được giao lại một mảnh giấy ký tên "de Mayréna", đã được viết bởi người thông ngôn Sang Michel, theo lời đọc của người kiều dân này và trước sự hiện diện của chúng tôi khi ở trên đường đến Thuận Biên, chúng tôi đã gặp kiều dân này, và anh ta đã được thông báo cho biết mục đích chuyến đến khám soát của chúng tôi, trên tờ giấy đó ông David, tức de Mayréna, đã báo cho bà vợ của ông biết rằng bà phải tuân theo những yêu cầu cuộc khám soát của chúng tôi.

Người đàn bà tên là Lê Thị Bền đã khai với chúng tôi riêng phía của bà rằng: trong lúc vắng mặt của ông David, tức de Mayréna, thì bà được giao trách nhiệm giữ nhà; chúng tôi giải thích cho bà ta biết cuộc đến thăm viếng của chúng tôi, sau lời giải thích đó thì bà ta để cho chúng tôi quyền sử dụng hoàn toàn, chính bà ta đã mở cho chúng tôi khám xét nhiều tủ gỗ khác nhau đang trong tình trạng đóng kỹ, khi chúng tôi chỉ cho bà những tủ ấy.

Cuộc khám xét tại chỗ đã cho những kết quả sau đây:

Phòng số 1 (bên trái đi vào): hai súng lục và một số đạn dược, đặt trên một cái bàn nhỏ, được khai báo là để dùng cho cá nhân sở hữu chủ, được thừa nhận là đúng như vậy, *không tịch thu*;

Phòng số 2 (chính giữa ngôi nhà); một cái súng bắn từng hai phát một một cây cạc-bin bắn liên thanh và có ổ đạn, được xem như là vũ khí sẵn bắn hoặc tự vệ, *không tịch thu*.

Phòng số 3 (bên phải đi vào): một cái tủ chất đầy đạn dược, trừ một ngăn dành để làm tủ thuốc nhỏ; những đạn dược ấy, mặc dầu rất nhiều, có thể là cực kỳ chính xác để xem như đồ dùng cá nhân cho sở hữu chủ, tủ này để xa nơi trung tâm để ở.

Tám hộp thuốc súng còn đầy,

Một số khá nhiều những túi đựng đạn chì,

Một số khá nhiều những cái "douilles", *không tịch thu*.

Tử nhiều ngăn trưng bày:

Một súng có báng súng màu hồng, *tịch thu*. Thứ vũ khí này không thể được xem như là vũ khí sẵn bắn, không thể xem như là vũ khí để tự vệ, mà là một thứ vũ khí, cũng như những vũ khí đã tịch thu ở Bà Rịa, có cùng công dụng như những vũ khí ở Bà Rịa;

Những phòng phụ ở bên trái, phần nhà phụ cuối cùng:

Bốn khẩu súng có hộp đựng thuốc, *tịch thu*;

Năm khẩu súng có báng súng nhiều màu khác nhau, *tịch thu*;

Một cái két có chiều dài 0,80m, rộng 0,50m, cao 0,30m, dung tích khoảng một trăm hai mươi décimet khối, chứa đầy một nửa két những "douilles" đạn súng săn, *không tịch thu*.

Phòng bên cạnh sát một phòng bếp nấu ăn, được khai báo là phòng của nhạc gia ông David, tức Mayréna (thân phụ của cô con gái tên Lê Thị Bền): hai cây súng được giấu sau một cái tủ, một trong các cây súng ấy là súng có hộp thuốc, được khắc dấu chữ M; khẩu súng này, vì cái dấu khắc ấy có liên hệ đến chữ đầu của tên "Mayréna", nên chúng tôi xem nó là đồ dùng cá nhân của sở hữu chủ ngôi nhà và không phải tịch thu; còn hai cây súng kia đều bị tịch thu.

Một súng lục nhỏ nạp đạn, *không tịch thu*;

Cuộc khám xét các chỗ đều xong, chúng tôi đã hỏi người đàn bà Lê Thị Bền số vũ khí này để làm gì mà theo chỗ chúng tôi biết thì ông David tức de Mayréna; phải chuyển từ Bà Rịa về Thuận Biên; người đàn bà Lê Thị Bền đã khai báo với chúng tôi là không biết điều đó, chúng tôi không nhấn mạnh về điểm này nữa.

Sau đó chúng tôi hỏi bà ta rằng ông David, tức de Mayréna, không có chấp chứa những thứ vũ khí khác ngoài những vũ khí đã tìm thấy tại nhà ông ta hay sao; bà ta đã khai báo với chúng tôi rằng thực sự ông ta còn chấp chứa nhiều két vũ khí khác mà ông ta đã để ở Sài Gòn, tại nhà một ông người Pháp mà bà ta không thể hoặc không muốn cho chúng tôi biết tên người Pháp ấy.

Cuộc khám soát của chúng tôi đã xong, chúng tôi rút lui, vừa nói cho người đàn bà Lê Thị Bền biết để quan sát kỹ lại là sự khám soát này tuyệt đối chỉ nhằm vào việc tìm tòi các thứ vũ khí và đạn dược, không đụng vào một mảnh giấy hoặc một áo quần nào, và chúng tôi vẫn để nguyên mọi vật trong nhà theo như trạng thái mà chúng tôi thấy chúng vốn có như vậy, trừ ra *mười hai* khẩu súng mà chúng tôi tịch thu.

Để làm tin chúng tôi đã lập biên bản hiện tại chỗ này.

Làm tại Thuận Biên, làng Lộc An, tỉnh Bà Rịa, xứ Nam Kỳ, ngày mười lăm tháng năm, năm một nghìn tám trăm tám mươi bảy.

Nhân viên kế toán,
viên chức coi trị an công cộng
BELLOEUF

Quan Chủ tỉnh,
Sĩ quan cảnh sát tư pháp,
ESCOUBET

Thông ngôn
SANG MICHEL

*
* *

Vậy, cái "ông người Pháp" này là ai mà ông ta cũng cất giữ vũ khí ở Sài Gòn? Đây hẳn không phải là Henri David, bởi vì ông ta vừa trở về Pháp.

Hẳn lại càng không phải là Alphonse Mercurol, một kẻ xảo trá khác mà Mayréna đã đến phụ tá hẳn ta như là một kẻ

đúng hàng thứ yếu, và tên xảo trá này cũng có nhà ở tại Sài Gòn, đường Lefebvre?

Dù thế nào, thì anh em David cũng đã từ tàu biển Vinh Long, đã đổ bộ vào ngày 23 tháng năm, 1885, sáu thùng thuốc súng và ba két súng trường, có lẽ là có mục đích dùng vào cuộc "khám sát" danh tiếng của họ ở đảo Sumatra, và đúng vào hai năm sau, ông Escoubet cũng không bắt giữ được gì ở Thuận Biên hơn là mười hai khẩu súng...

Công việc không tiến xa hơn được, nhưng nó đã chứng tỏ cho Mayréna thấy rằng một "kiều dân" như loại ông có thể ít có cơ may thành công với những công chức tò mò như ông Escoubet.

Vài tháng sau, ông đã sang Cambodge, được phụ tá của Mercuriol, nhân viên Sở Thuế gián thu đang nghỉ phép, ông cho làm thông ngôn, Mayréna đã đề nghị một cách hoàn toàn thành thực với vua Norodom thành lập một công ty hàng hành đường sông thuộc hoàng gia... David de Mayréna, vẫn khiêm tốn, đã bằng lòng với danh tước là Đại quan giám mã của hoàng đế! (Thư của quan Tổng trú sứ gửi cho quan Phó Toàn quyền, ngày 29-11-1887).

Có lẽ vua nước Cambodge đã không hạ cố bạn sắc chỉ cho những đề nghị tuy có phần khá xuất sắc ấy, vì người ta lại thấy Mayréna về Nam Kỳ.

Ngày 05-01-1888, ông lại gửi cho vị tân Toàn quyền là ông Constans một lá đơn xin đi công tác khảo sát ở người Mọi độc lập cư trú trong các vùng đất nằm ở hướng tây tỉnh Bình Định, giữa nước An-nam và sông Mêkông. Mặc dầu Mayréna một lần nữa ở đây lại phạm tội nói láo: "Tôi đã sống hai năm trong rừng rậm với người Mã Lai," ông nói như vậy, "dự án thám sát" này, được nâng đỡ bởi Paul Blanchy, được chuyển đi

một cách thuận lợi bởi ông Phó Toàn quyền, và sự khảo sát được chấp thuận!

Một cách hiển nhiên là mọi người đã hấp tấp vội vã tổng khứ cái ông David de Mayréna. Nhờ vậy, cuộc viễn thám được nâng đỡ số tiền thưởng mấy trăm đồng bạc và mười lăm tên mã tà người Sài Gòn (mật thám bản xứ).

Mayréna đã đem theo với ông: tên Alphonse Mercurol, hai người đàn bà An-nam (hiển nhiên là những vợ lẽ của các ông này) và bốn nhà buôn người Trung Hoa ở Sài Gòn, những thương gia này sẽ chứng minh được những nơi có mỏ vàng mà các nhà thám hiểm đã từng khám phá được trong các ngọn núi của dãy Trường Sơn!

Chất nhựa "gutta-percha", những cục vàng thiên nhiên, các con đường thâm nhập từ nước An-nam vào nước Lào, kể cả vào nước Siam, đó là những từ ngữ thường kêu vo ve trong đầu óc của Mayréna, trong khi vào tháng ba năm 1888, ông đã tìm lối vượt biển với tất cả mọi người của ông trên một phần đất phụ của bờ biển An-nam, đó là chiếc tàu biển Hải Phòng.

PHẦN THỨ HAI

MARIE ĐỆ NHẤT,
VUA CỦA NGƯỜI SÉDANG

HÌNH như có một ngôi sao tốt, từ những ngày đầu tiên, đã chiếu mạng hỗ trợ cho nhà thám hiểm của chúng ta. Chiếc tàu biển Hải Phòng có chở ông Constans và người tổng thư ký của ông là ông Klobukowski đã không chạy về hướng bắc.

Chiếc tàu đã thả neo ở vịnh Quy Nhơn, tỉnh lỵ của tỉnh Bình Định (Trung Kỳ) vào ngày 16 tháng ba năm 1888, và trước khi rời tàu, Mayréna đã nhận được từ tay ông Klobukowski một lá thư giới thiệu gói gắm mà, chốc nữa đây, ở trên đất, ông đã biết rất rõ cách sử dụng nó:

Trên tàu biển "Hải Phòng"
Ngày 16 tháng ba năm 1888

Thưa ông Công sứ,

Ông de Mayréna, người vừa đổ bộ xuống Quy Nhơn hôm nay, đã đề nghị đi thám hiểm vùng đất trải dài ở miền tây Bình Định và để tìm tòi những lối giao thông tự nhiên có thể có giữa vùng đất này với xứ Nam Kỳ thuộc địa của chúng ta.

Tôi hân hạnh kính giới thiệu nhà thám hiểm này với sự đón tiếp nhân từ của ông

Xin ông vui lòng, trong mức độ quyền hạn của ông, ban cho ông ta một ân huệ tương trợ và dành cho ông ta mọi sự dễ

dàng cần thiết cho ông ta để giúp ông ta trong việc thực hiện dự án của ông ta.

Đĩ nhiên là ông chỉ chấp thuận sự hợp tác của ông với ông Mayréna với điều kiện nói rõ rằng ông ta, và những người bản xứ đi theo ông ta mà ông ta sẽ đệ trình danh sách của họ cho ông, phải tuân thủ theo sự tiến cử của ông.

Mong ông chấp thuận.

Tổng thư ký Phủ Toàn quyền
Đã ký tên: KLOBUKOWSKI

Hiển nhiên đây chỉ là một lá thư tầm thường, như bất cứ một công chức nào cũng có thể tiến cử với bất cứ ai trong số người đồng hương của họ sắp mạo hiểm đi vào các rừng già, nhất là khi phải đi vào một loại rừng già như rừng già của những vùng Mọi vào năm 1888.

Xứ Mọi trên dãy Trường Sơn vẫn còn là vùng "terra incognita" ("vùng đất bí ẩn") hoàn toàn độc lập, chỉ mới được các giáo sĩ người Pháp khám phá ra các vùng này vào năm 1849 và đã lập nên những vùng đất có người theo Thiên Chúa giáo ở đây. Ông Chủ tỉnh (L'Administrateur) coi về sự vụ bản xứ E.Navelle đã đi xuyên qua vùng đất Mọi này vào năm 1884 và vừa công bố một ký sự về chuyến du lịch thám hiểm của ông trong bài *Excursions et Reconnaissances de Cochinchine* (Những chuyến du khảo thuộc địa và khảo sát xứ Nam Kỳ) (từ Thi Nại đến Bla, tập XIII, 1887)

Trung úy Metz đã đi theo sơ đồ của ông E.Navelle vào năm 1886.

Từ đó trở lui, từ những nhà truyền đạo, không có một người châu Âu nào dám mạo hiểm vào xứ Mọi.

Phải chăng Mayréna đã đọc câu chuyện kể của E.Navelle? Có thể. Tuy nhiên, ông đã không ngớt xác nhận rằng người đã

xui khiến ông liều thân đi vào vùng đất xứ Mọi, để tìm vàng và tìm vinh quang ở vùng này, là linh mục Auger, người đồng hương của ông ở Bà Rịa. Nhưng linh mục Auger đâu muốn tống khứ một người đồng hương của mình một cách rầy rà đến thế?...

Vật là David de Mayréna đã mang lưới kiếm đi về nơi thành phố Qui Nhơn đã được xây dựng.

Ông được tiếp đón bởi nhân viên Sở Vận chuyển đường biển, ông Crochet, ông này đã tiếp đón ông với tấm lòng hiếu khách; ông cũng được tiếp đón bởi ông Lemère, Công sứ tỉnh Bình Định.

Ông Công sứ, bị đánh lừa bởi tài nói phượng (lebagout) và thái độ kiêu căng của Mayréna, hoặc còn do đọc được lời giới thiệu của ông Klobukowski trong lá thư, liền dùng đủ cách để nâng đỡ nhiệm vụ của nhà thám hiểm.

Chính là Maréna "tự tổ chức" lấy vậy!

Chắc chắn một mình Mercuriol không đủ, vị vua tương lai của người Sédang còn tuyển dụng thêm lão Paoli để cho coi về việc nấu ăn, quản lý căng tin, và coi sóc vùng đó, mà tất cả mọi chuyện kể lại của thời đại ấy đã phác họa cho ta biết lão này là một người có tâm hồn chất phác, cả tin đến nỗi (không chứng cứ dĩ nhiên) lão đã nhường tất cả của cải dành dụm được của lão cho Mayréna...

Paoli sẽ là sĩ quan hỏa đầu quân và sẽ có phần trong việc chia danh vị trong tương lai...

Mayréna cũng đã chiếm được lòng tin của ông giám mục, M^{eur} Van Camelbeke, mà ông đã đến thăm lễ vị này ở Long Sông; và giám mục đã trao cho ông một lá thư giới thiệu đến với các linh mục của Hội Truyền giáo cho người man dã (la Mission des sauvages).

24 tháng ba năm 1888

Các bạn đồng Hội thân kính,

Các bạn sẽ được giải muộn một cách êm ả thú vị; ở giữa chốn xa xăm và đơn độc của các bạn; bởi sự thăm viếng của một người đồng hương, ông de meyréna, *được phái đi làm nhiệm vụ khảo sát bởi chính phủ Pháp*, để khám phá xứ sở người Mọi. Khi ông ta đến vùng dân tộc Bahnar, tôi mong các bạn hiến cho ông ta một sự cư trú hợp pháp, và tạo cho ông ta những phương tiện nằm trong quyền hạn của anh em để cho ông ta dễ dàng tiếp tục cuộc du khảo của ông ta.

Vì ra khỏi nhiệm sở của bạn một khoảng ngắn thì người ta rơi vào cõi hoang vu xa lạ, ta không thể nói cho ông này biết những điều mà chính ta cũng không biết, và đây là điều mà các bạn có nhiều thuận lợi hơn tại chỗ bằng cách hỏi han người man dã. Vì ta cũng không rõ tình trạng sức khỏe của các bạn hiện nay và nhiều phụng vụ khác có thể thuộc phận sự của các bạn trong lúc này, nên ta không thể cho các bạn những mệnh lệnh chính xác hơn được. Nhưng ta biết rằng tinh thần yêu cầu của các bạn sẽ hướng các bạn dễ dàng thực hiện một cách khôn ngoan tất cả những gì phụ thuộc vào các bạn, để đạt nhanh tới sự thành công việc bao thầu đang nói đây.

Cũng có thể cho rằng cơ hội hiện tại là khá thuận lợi để nỗ lực tìm một giải pháp cho công việc rất tốt của người Jarai vẫn còn lơ dờ.

Ta nhắc lại với các bạn, hỡi các bạn đồng Hội thân kính, tình cảm chân xác hiến dâng và tôn trọng của ta với các bạn.

Đã ký: F.X.VANCAMELBEKE,
EV.D'HIÉROCÉSARÉE.

Tất cả mọi việc đều tiến triển như nguyện. Nhưng một sự cố xảy ra không phải lúc đã làm chậm trễ lúc khởi sự cuộc thám sát.

Mặc dầu David đã có đến 18 súng trường, 3 cạc bin, 4 súng lục và 2.500 viên đạn, ông vẫn thấy rằng sự trang bị vũ khí này có hơi yếu trong việc đi chiếm cứ một vùng đất còn hoang dã. Và trong một cuộc viếng thăm, ông đã bắt gặp ở nhà ông Lafond, nhân viên Sở Quan thuế Quy Nhơn, một thùng chứa khoảng 15 lít thuốc súng đen bị hư, ông đã không ngần ngại nài ông Lafond để lại cho ông số thuốc súng đó.

Ngay tức khắc Mayréna đã rải chất nguy hiểm đó dưới ánh nắng trước văn phòng Sở Quan thuế, để phơi cho khô. Thành linh (người ta không bao giờ biết được vì nguyên nhân nào) một ngọn lửa bắt vào số thuốc súng, thuốc nổ tung mà không có tiếng kêu ầm. Cháy lên dữ dội làm bị thương người đang phơi thuốc đáng thương ấy! (24 tháng Ba). Mayréna được chở về nhà của ông Robin, nhân viên trưởng Sở Quan thuế, cho đến ngày ông được chữa chạy gần lành hẳn; vì sự kiện này, cuộc khởi hành của đoàn quân đi thám hiểm chỉ khởi sự vào ngày 21-4-1888.

Thực tình, đây là một cánh quân thực sự đang đi về hướng tây! Cầm đầu cánh quân là David de Mayréna, súng colt đeo ở nịt lưng, ngồi trên lưng một con ngựa Ả Rập lớn, theo sau là đoàn ngựa của toán kỵ binh Phi châu của cánh quân đi chinh chiến, rồi đến Alphonse Mercurol, Paoli, hai guồng nước "con gai" (con gái), bốn người Trung Hoa những nhân chứng tương lai của các mỏ vàng tương lai! Rồi đến người thông ngôn của Sở Mật thám tên là Phạm Văn San, rồi đến 18 người lính Sài Gòn, và sau cùng là 80 người cu-li khuân vác hành lý!

Mayréna có bốn trăm đồng bạc mà quỹ riêng của chính phủ đã cấp cho ông một cách thoải mái, những vũ khí, một

thùng thuốc súng, những đồ hộp của lão sĩ quan hỏa đầu quân của ông! Trước khi khởi hành ông đã nhận những lời cầu nguyện thượng lộ bình an và những lời cầu chúc thành công từ những bạn đồng hương của ông ở Quy Nhơn. Bởi vì, David de Mayréna là một chàng trai rất linh lợi, sinh hạ trong một gia đình có tiếng (ông nội làm giám đốc Sở Quan thuế của Grand Duché de Berg; thân phụ của ông làm thiếu tá hải quân; một người chú của ông làm cố vấn ở Tòa án des Comptes); ông tự lái cuộc sống rất dững cảm vào năm 1870 (đóng lon đại úy ở Bộ Tổng tham mưu, ba lần bị thương, được thưởng Bắc đẩu bội tinh); ông đã từng đi khám phá nhiều xứ "étranges" (xa lạ) (Java, Sumatra, rừng rậm Biên Hòa); ông có vẻ oai vệ rất hãnh diện (vóc dáng: cao 1,82m, có bộ râu bạc rất đẹp, hai vai rộng, có tài bẻm mép của nhân viên du lịch), ông đã có trong túi nhiều lá thư giới thiệu, mà tất cả, từ một nhân viên sở thuế tầm thường đến ông giám mục in partibus d'Hiérocésarée; từ nhân viên hãng Vận tải đường biển đến ông công sứ, đều có thể bắt gặp những điệu ngan nga của một ông sáo mà ca sĩ David de Mayréna đã thổi lên rất hay vậy...

Cộng thêm với lá thư tuyệt vời của ông Tổng thư ký Klobukowski, một Sésame thực sự, hãy mở rộng sự quản lý của ngài ra, thì Mayréna cũng đã mang theo hai bức thư khác mà ông đã đọc với sự hoài nghi hoàn toàn.

Trước tiên là lá thư dài của Công sứ Lemire, một con người can đảm, một người thường trao đổi thư từ với nhiều hội văn học nghệ thuật hàng tỉnh, và hình như ông tin tưởng rằng nhà cựu chủ ngân hàng lẻ đã thất bại ở đường Châteaudun sẽ mất thì giờ đi sưu tầm cho viện bảo tàng Abbeville những bộ sưu tập về cây cỏ, về sạn sỏi và về ... những sâu bọ cánh cứng vậy!

Số 728 - Quy Nhơn, ngày 15 tháng Tư năm 1888

Quan Công sứ ở Quy Nhơn,
gửi ông de Mayréna, Quy Nhơn.

Thưa ông,

Tôi hân hạnh báo tin để ông biết rằng một lần nữa tôi lại viết thư cho quan Tổng đốc để giới thiệu ông, đồng thời nói rõ dự án của ông để giúp đỡ ông đi đến sông Bla, ngày giờ ông khởi hành và những điều kiện mà dự án được thực hiện trong các điều kiện đó. Tôi đã yêu cầu quan Tổng đốc ra lệnh cho quan phủ An Nhơn và cho ông Kinh lý (người đứng đầu cai quản các vùng lãnh thổ có công cuộc khai thác thuộc địa) hiện trú tại An Khê, để giúp ông tìm được mọi sự dễ dàng bên cạnh họ. Tôi đã trưng tập số cu-li mà ông đã yêu cầu tôi, là 80 người. Điều cần thiết là phải trả công cho họ cũng như số lương thực để nuôi sống số cu-li đó, mỗi ngày 1 quan tiền và 500gr gạo cho chuyển đi, 1 quan cho chuyển về và gạo.

Tôi cũng đã viết thư cho quan Tư lệnh vùng (le commandant supérieur de la région). Tôi đã báo tin cho quan Tư lệnh biết rằng ông chỉ phải sử dụng vũ khí của ông vào trường hợp ông bị một lực lượng mạnh tấn công. Tôi cũng đã yêu cầu quan Tư lệnh báo trước lối đi của ông cho vị trung úy trưởng đồn Hữu Giang. Tôi đã báo trước với quan Tư lệnh rằng ông sẽ trả những cu-li của ông về lại Quy Nhơn khi họ không còn hữu ích cho ông hoặc họ được thay phiên trên đường đi.

Tôi đã nói rõ với quan Tư lệnh: rất tiếc là tôi không thể tạo thuận lợi cho ông về các công việc của các người đi trước ông, bản báo cáo về sự thám sát thực hiện vào tháng chạp ở vùng người Mọi hiện tôi không có trong tay, mặc dầu theo yêu cầu của tôi, nó đã được thông tri trước đây.

Sự kinh doanh của ông là thuộc về cá nhân, tôi không có một lời khuyên cáo đặc biệt nào đối với ông; sự tham dự của ông nằm trong giới hạn bảo đảm an ninh công cộng và an ninh của ông, tức là nằm trong giới hạn hoạt động của ông.

Cái mục đích đáng ao ước là đi từ Tòa công sứ Quy Nhơn (thuộc bờ biển Trung Kỳ) đến Tòa công sứ Kratieh (trên sông Mêkông). Để thực hiện được mục đích này, thì cần phải đi đường thủy theo dòng chảy của sông Bla hay là đi dọc theo bờ sông bằng cách đi gần đến cửa sông cho đến điểm mà tại đó biên giới nước Lào chạy ngang qua, từ điểm này đi quặt về hướng tây nam, trên vùng Sambor, nằm trong vùng đất bảo hộ.

Có lẽ ông đã có dịp gặp ông "xếp" Pim, con trai của ông Kiêm. Với sự cộng tác của các nhà truyền giáo và theo sự chấp nhận được thực hiện bởi một trong các sĩ quan của tỉnh Bình Định, Pim đi điều đình lập liên minh thân hữu giữa các bản làng người Bahnar, người Rơn Gao, người Bahnar và người Hadrong. Mục toan lập liên bang này, đã được tiên liệu bởi ông Navelle, có thể phục vụ sự nghiệp của chúng ta và nhanh chóng đẩy sự tiến bộ theo ảnh hưởng Pháp vào các vùng giống người ấy. Mục toan này có thể góp phần dập tắt sự chống đối của người Giarai mà ai cũng biết, đây là một chương ngại chính trên bước tiến của chúng ta. Pim phải sắp đặt như một liên minh mà sự độc lập của người liên minh phải được tôn trọng.

Một đối tượng khác để lưu ý với ông là lối đi giả sử cho con đường bộ tương lai để sử dụng giao thông giữa An-nam và Lào: "Con đường ấy, "ông Navelle nói, phải đi theo vùng cao nguyên, giới tuyến chia cách những dòng sông của An-nam và của Lào, con đường ấy, sau khi được mở xuống trong vùng tây nam thì lại mở đi lên trong vùng tây bắc bằng cách lượn

quanh đèo Mang Jang và núi Erenh về phía trái. Con đường sẽ chạy qua sông Bla, vào các vùng hợp lưu của nó với sông Po Kan và sẽ chạy vượt qua trên những vùng lãnh thổ của người Hamong và người Haland để chạy đến tận cùng ở Attopeu, điểm này không xa Rohi hơn là Rohai cách xa phía đông Quy Nhơn; đây là hướng đi đã được người Lào sử dụng, ngày xưa họ đến tìm những vảy vàng của vùng Pokan và người Man Sédang, người man Giarai cũng dùng lối đi này để sang bán nô lệ của họ tại Lào".

Chính việc mở con đường này phải là lúc khởi đầu những nỗ lực đầu tiên của chúng ta, tuy nhiên vẫn không mang nổi ám ảnh lại cho nước Siam.

Một đoạn đường khác mà tôi tin là các nhà truyền giáo rất bận tâm là đoạn đường từ Konjeri đến Komtoun, qua sông Tuer.

Từ lúc những trận mưa đông bắt đầu vào buổi chiều và những trận mưa sẽ đến trong tháng sáu, sẽ đem lại khó khăn nhiều hơn cho việc đi bộ trên đường đất, và đem lại cho xứ sở này khí độc nhiều hơn.

Vậy ông phải đi gấp. Sau khi đến gần cạnh sông Mèkông, ông sẽ được thông tin cho biết về những lối đi tốt hơn để chọn chỗ xây dựng một thương điểm châu Âu; và lúc trở về, ông sẽ hoạt động với một kiến thức hiểu biết đầy đủ hơn về tài nguyên của các vùng lãnh thổ này.

Tôi không thể cung cấp cho ông những lời chỉ dẫn về thực vật hệ của xứ này. Hai thứ cây nho hoang, loài dương xỉ ăn được, loài lau sậy Trun, loài tre Por Xa, sẽ lôi kéo sự chú ý của ông.

Trên cao nguyên của người Giarai, hình như có một cái hồ lớn, mà loài cá ở đó nên nghiên cứu; không xa hồ đó lại có một vĩa thiếc.

Ở vùng người Sédang thì có loại sắt có từ tính được chính họ khai thác. Ở những vùng ấy, tại Ron Penang, gần và ở bên kia Kon Keson, có một mỏ có bạc.

Tôi gửi gắm vào lòng yêu nước của ông về việc gửi cho đoàn đại biểu nước An-nam sang dự cuộc triển lãm Paris với mọi mẫu mới của hệ thực vật trong xứ này, mẫu của sản phẩm khoáng vật, và mẫu của hệ động vật nếu có thể được, mẫu của tất cả những đồ vật thuộc nhân chủng học mà sau khi triển lãm xong, tất cả sẽ được thu tập lại cho Trocadéro với sự biết ơn

Nhớ cho người thông ngôn An-nam có tên San ghi chép những chữ của thứ ngôn ngữ thông dụng thường ngày, tìm tòi những chữ viết nếu như có thứ chữ đó; cho anh ta giúp ông sửa soạn một bản phác họa, dù cho là chưa hoàn bị, những con đường đi của ông, những đường vẽ phác biểu đồ gần đúng của ông. Hãy thiết tha và tạo niềm thiết tha với từng người Âu, với người thông ngôn, với những ai viết được chữ quốc ngữ về sự kinh doanh của ông trong một tờ báo hằng ngày. Tờ báo ấy, được tạo thành toàn bộ cả chồng báo của từng người, có thể là một trong những nhiệm vụ làm cho nổi bật tất cả các công trình của ông lên.

Tôi chỉ nói với ông một điều là sự kinh doanh rộng lớn của ông đã đem lại lợi nhuận cho nước Pháp và nước An-nam biết bao. Tôi theo dõi ông với sự ân cần của một vị công sứ, và theo tư cách cá nhân, nhân danh các hiệp hội bác học và các ủy ban trong cuộc triển lãm quốc gia mà tôi có dự phần.

Xin ông vui lòng nắm chắc kỷ luật trong những người của ông. Mong ông tôn trọng những dân tộc thiểu số ấy và tôn trọng phong tục lễ thói của họ. Nếu ông được đứng trước một chòi, xin ông nghĩ rằng đó chính là cái chòi của nước Pháp. Tất cả mọi lời cầu chúc của tôi sẽ đi theo ông để giữ gìn sức

khỏe cho ông, giữ gìn năng lực về thể chất và đạo đức của ông, để đem lại sự sung túc cho những người đi theo ông và vì sự thành công của việc kinh dinh mới mẻ của ông vậy.

Quan Công sứ

Đã ký tên: CH.LEMIRE

Sau đó, một lá thư thứ hai của Đức khâm mạng Tòa thánh ở xứ Nam Kỳ Đông phương gửi đến. Chẳng khác lá thư đầu tiên đề ngày 21 tháng ba, giám mục Van Camelbeke chỉ bận tâm tạo những phương tiện dễ dàng cho một người đồng hương tín đồ Thiên Chúa giáo ngoan đạo.

Lang Sông, 18 tháng tư 1888

Linh mục Vialleton thân kính,

Ta đã giao cho ông de Mayréna một lá thư đầu tiên để xin cha ban cho ông ta tất cả mọi phục vụ mà cha có thể làm, khi ông ta đến vùng người Bahnar.

Một tai nạn ngoài ý muốn đã xảy ra làm chậm trễ mất gần ba tuần lúc khởi hành của ông ta để đi từ Quy Nhơn đến xứ sở người Mọi. Một cách hiển nhiên, sự chậm trễ này chỉ làm tăng thêm nhiều khó khăn trên đường đi, vì vào lúc này chính là lúc mùa mưa đông, và những cơn mưa lũ đã bắt đầu trên cao.

Ông de Mayréna, là một người rất can đảm và rất có năng lực, đã không hề thiếu quyết định thực hiện dự án đi thám sát, hoàn toàn dựa vào những nguồn tài nguyên mà đáng Quan Phòng (Providence) có thể chu cấp cho ông suốt trong chuyến đi đầy gian khổ nặng nhọc này.

Đó chính là điều cho biết tại sao ông ta vẫn lấy làm sung sướng cho rằng một vị cha nào đó từ trên trời, hoặc là cha, hoặc là linh mục Guerlach, đã đến trước mặt ông ta, với một

nhóm con chiên Thiên Chúa giáo quen thuộc để làm nên con đường ấy. Ngoài ra, ông ta đã đề nghị để cho chính ông ta viết thư cho cha để nói rõ với cha cái ngày và nơi hẹn ở trong rừng, điều mà ta không thể quyết định ở đây được, bởi vì vào lúc này, thì phải chọn ngày theo ông ta và tránh sự gặp gỡ của người Jarai.

Hỡi người anh em thân kính, ta lợi dụng cơ hội tốt này, để nói lại với cha một lần nữa về những tình cảm hiến dâng và triu mến rất vững chắc của ta vậy.

Ký tên: F.X.VANCAMELBEKE
EV.D'HIÉROCÉSARÉE

*
* *

Có vài sự việc rắc rối nhỏ đã nhanh chóng nói lên điều mà các nhà khám phá của chúng ta đã trở thành thế nào.

Chính Paoli, người sĩ quan hỏa đầu quân, là người đã trở lại Quy Nhơn vào ngày 26 tháng Tư, vì ông lớn Jean như trước đã nói: Thiếu tá chỉ huy quân đội vùng này, từ cuộc nổi dậy năm 1885, người coi về trị an tỉnh Bình Định, đã không cho phép Paoli đi qua An Khê, bởi vì ông này đã không tự trang bị một giấy "passeport"!

Sau đó là việc những người cu-li An-nam đã bỏ rơi đồ khuân vác của họ dưới cái lý do (chắc chắn là đúng thế) là họ không được trả tiền công và bị đối xử tàn bạo (Mayréna mắc nợ họ đến 52\$10).

Tuy nhiên cánh quân thám hiểm cũng đã đến những làng Mọi đầu tiên, kể cả làng của xếp Pim: làng Kon Jari Tul. Chính tại "bản làng" này mà, vì thiếu người khuân vác, "Nam tước de Mayréna" đã gửi cho cha Guerlach lá đơn kêu sự hỗ trợ như sau:

Làng của Pim, ngày 01-5-1888.

Thưa cha thân kính,

Tôi đã gửi đến cho cha hai lá thư của Đức giám mục (Sa Grandeur). Tôi đang ở tại nhà Pim, tôi không đến yêu cầu cha cho làm tạp dịch trong vùng Thiên Chúa giáo của cha ở đây; mà cha rất đáng kính khi cha phái đến cho tôi ít người Thiên Chúa giáo và hai thớt voi của cha.

Tôi đã có 100 người cu-li, nhưng, để cho tôi dùng được một từ có tính cách thương thuyết, thì sự không đủ thẩm quyền của ông công sứ là nguyên nhân nói lên rằng tại nhà Pim, số cu-li này đã được cứu thoát.

Sáng nay, tôi đã gửi cho ông Toàn quyền một lá thư nói về vấn đề này, và tôi cũng báo tin cho ông Bộ trưởng, tôi phụ thuộc vào ông này, về sự kiện chưa từng nghe này, một vị Công sứ không đủ quyền hành để ngăn chặn những tên cu-li bỏ trốn. Một khi đã ở trong xứ đạo của cha, thì tôi không còn lo sợ nữa, vì những chuyến đi thám sát của tôi sẽ cần đến hai hoặc ba ngày sinh sống tại đây.

Trong thư này, tôi không thổ lộ hết được những điều mà tôi phải nói với cha, tôi hy vọng tìm được nơi cha một người bạn thân, như cha Auger, tôi đã từng ở lại bốn tháng rông rã với cha Auger này.

Xin tin lời tôi, thưa cha thân kính, là người hết sức tận tâm của cha và xin cha vui lòng nhận nơi đây những tình cảm đặc biệt nhất của tôi.

Ký tên: Nam tước DE MAYRÉNA

Đính kèm với thư này là hai lá thư của giám mục Van Camelbeke.

Những nhà truyền giáo ở Kontum lúc đó thường làm những điều mà mọi người Pháp đã làm theo địa vị của họ. Họ

tổ chức những cuộc cứu trợ, và ngày 08 tháng Năm, cha Guerlach đã đến nhà Pim để gặp Mayréna Mercurol với hai thốt voi và nhiều con ngựa thồ.

Bằng cách hành động như thế, các linh mục đã lập lại những điều mà họ làm cho ông Navelle vào năm 1884; làm cho Trung úy Metz vào năm 1887, và đó cũng là điều mà về sau (1891 - 1892) họ sẽ làm cho những thành viên trong đoàn truyền giáo Pavie.

Trong lúc đó, Mayréna đã thành một người khác rồi...

Ông đã giương lên trước túp lều của ông một cờ hiệu màu xanh có ba con chuồn màu trắng sắp thành hàng; và ông đã ký với các xếp Hmot và Pim hai hiệp ước liên minh và thân hữu.

THỎA ƯỚC VỚI HMOT (KENDEH)

Hôm nay, 28 tháng Tư 1888 theo kỷ nguyên người Pháp, ông De Mayréna, phái viên có nhiệm vụ đến khảo sát vùng người Mọi, sau nhiều lần tiếp xúc hội kiến khác nhau với các trưởng bộ tộc Mọi, đã nói chuyện với họ về những người trong bộ lạc của họ, đã hội họp các trưởng bộ tộc ấy trước mặt:

1. Ông Mercurol;
2. Ông Phạm Văn San, người An-nam, thông ngôn của Sở Mật thám Sài Gòn;
3. Ông Huỳnh Văn Tư, người An-nam nói được tiếng Pháp;
4. Một người có tên là Gambier, người An-nam thông ngôn của người Mọi; ông đã thỏa thuận và quyết định những điều nói sau:

Các trưởng bộ lạc của các bộ tộc Mọi bao gồm khởi đầu từ dãy núi thứ hai cho đến các vùng lãnh thổ nằm dưới quyền

của Pim, vị đại tù trưởng Mọi, hiện nay nằm dưới quyền bảo hộ của nước Pháp, đều chấp nhận lá cờ Pháp như là dấu hiệu của sự liên minh với những điều khoản và những điều kiện sau đây:

1- Người Mọi vẫn sống tự do theo phong tục, tập quán và tín ngưỡng của họ;

2- Vâng phục các nhà cầm quyền người Pháp, người Mọi không muốn với bất cứ giá nào người ta cung cấp cho họ những vị trưởng người An-nam;

3- Theo tập quán của người Mọi, những vị trưởng của từng bộ lạc, dưới mệnh lệnh của Yum thì phải có như là vị thứ hai có tên là Mock, sẽ tiếp tục việc bầu chọn làm vị trưởng của bộ lạc;

4- Khi những người Pháp đến vùng đất người Mọi, thì họ sẽ tìm đến nhà vị trưởng, vị này sẽ bảo vệ những người Pháp ấy;

5- Người Mọi không phải làm tạp dịch, không muốn gánh những gánh nặng trên vai như người An-nam;

6- Người Mọi sẽ tuyên truyền với người Pháp trong công cuộc khai thác mở mang của người Pháp;

7- Những vị trưởng bộ lạc Mọi phải tuyên bố là họ không bao giờ nộp bất cứ một thứ thuế gì cho hoàng đế An-nam hoặc cho một tù trưởng khác, và tuyên bố rằng chính phủ Pháp là chính phủ duy nhất, các tù trưởng Mọi chấp nhận liên minh với chính phủ này, và sẽ là chính phủ duy nhất trong tương lai;

8- Ngược lại, nước Pháp sẽ bảo hộ các bộ lạc Mọi được đặt dưới quyền của Yum hoặc của những người kế tục Yum, và trong trường hợp có sự tấn công của các dân tộc nước ngoài, thì nước Pháp sẽ bảo vệ các bộ lạc Mọi.

Sau khi đọc và dịch sát nghĩa to lên trước những người của các bộ tộc, các vị tù trưởng không biết ký đều làm một dấu hiệu trước mặt các nhân chứng.

Bản thỏa ước này phải được phê chuẩn bởi chính phủ Pháp và chỉ kể ngày tháng có hiệu lực kể từ ngày phê chuẩn ấy.

THỎA ƯỚC VỚI PIM, TÙ TRƯỞNG BỘ TỘC HAGUS

Hôm nay, 04 tháng năm theo công nguyên Pháp, theo sự thỏa thuận của tất cả các tù trưởng bao gồm các bộ lạc nằm giữa dãy núi chia ranh giới lãnh thổ Dak Oium, vùng đất bắt đầu thuộc bản làng lớn Kon Cherap và nằm lọt vào giữa dãy núi gọi là núi Banham, và bao gồm cả dãy núi tạo giới hạn của người Haban, Pim, được sự phụ tá của người em rể ông là Jo, nhân danh tất cả các làng nằm dưới quyền họ, và ông De Mayréna trong sứ mệnh đến khảo sát vùng người Mọi, có sự phụ tá của ông Mercurol, trước sự hiện diện của:

1. Phạm Văn San, Thông ngôn của Sở Mật thám ở Sài Gòn;
2. Huỳnh Văn Tư, người An-nam nói được tiếng Pháp;
3. Một người có tên là Gambier, người An-nam làm thông ngôn cho người Mọi; đã đồng ý thỏa thuận và quyết định như sau đây:

Những tù trưởng của bộ lạc Mọi nằm khoảng giữa dãy núi phân chia lãnh thổ Oium cho đến các bộ lạc người Haban, hiện nay đang đặt dưới sự bảo hộ của nước Pháp và chấp nhận lá cờ Pháp như là dấu hiệu của sự liên minh và phục tùng, với những điều khoản và những điều kiện sau đây:

- 1- Người Mọi vẫn sinh sống tự do theo phong tục, tập quán và tín ngưỡng của họ;

2- Người Mọi phải vâng phục các nhà đương cục người Pháp, họ không bao giờ đặt trưởng quan người An-nam để cai trị người Mọi;

3- Theo tập quán của người Mọi thì họ sẽ đề bạt tù trưởng của họ;

4- Khi có những người Pháp đến vùng người Mọi thì họ sẽ tìm đến các trưởng làng; các trưởng làng sẽ bảo hộ cho những người Pháp này;

5- Người Mọi không phải làm tạp dịch, không muốn mang một gánh nặng nào;

6- Người Mọi sẽ tham gia với người Pháp trong việc kinh dinh khai thác của người Pháp;

7- Người Mọi tuyên bố rằng họ không bao giờ nạp bất cứ thứ thuế gì cho hoàng đế An-nam, cũng tuyên bố rằng họ không phụ thuộc vào nước Lào, cũng không phụ thuộc vào nước Siam, tuyên bố rằng chính phủ Pháp là chính phủ duy nhất mà người Mọi đã chấp nhận liên minh với chính phủ này và đó cũng sẽ là chính phủ duy nhất trong tương lai;

8- Những tù trưởng Mọi sẽ báo với các nhà đương cục Pháp về mọi mưu toan của người An-nam trên lãnh thổ của người Mọi;

9- Ngược lại, nước Pháp sẽ bảo hộ các bộ lạc Mọi được đặt dưới quyền hành của Pim và của Jo hoặc của các người kế tục họ, và bảo vệ người Mọi trong trường hợp có sự tấn công của các dân tộc xa lạ.

Sau khi nghe đọc và dịch sát nghĩa lớn tiếng trước những người của các bộ lạc, những tù trưởng không biết ký đều phải làm một cái dấu và chấp nhận sự điểm chỉ trước mặt các người làm chứng.

Bản thỏa ước này, để được có giá trị, phải được phê chuẩn bởi chính phủ Pháp, và chỉ kể ngày tháng bắt đầu khi có sự phê chuẩn.

Điều đáng nói là cha Guerlach đã bị "sửng sốt" về chuyện này.

Trước sự ngạc nhiên của nhà truyền giáo, David de Mayréna đã hết sức tránh để khỏi rơi vào tình trạng thiếu lời giải thích:

"Được chính phủ Pháp phái đi, về bất cứ mặt nào ông cũng không thể làm hại thanh danh lá cờ Pháp, nhưng ngược lại, ông phải tỏ ra chỉ hành động dưới góc độ trách nhiệm cá nhân, thận trọng tránh tất cả những điều có thể mang tính chất công quyền. Ông đã cho tập hợp lại dưới uy quyền của ông tất cả những dân tộc thiểu số sống độc lập và chỉ dừng lại vào ngày đến Mêkông. Nếu cuộc kinh dinh khai thác thành công và không có một lời tuyên bố nào về ngoại giao được nêu lên kể về phần một thế lực nào ở châu Âu, thì người khám phá sẽ giao quyền lại cho nước Pháp (sic) và, để tưởng thưởng cho việc đó, người khám phá sẽ nhận phần chuyển nhượng những mỏ có vàng".

Mayréna lại còn phô trương ra nhiều tài liệu khác nữa: lá thư của ông Klobukowski, lá thư của ông Lemire; kể lại chuyến đi của ông trên chiếc tàu biển Hải Phòng với ông Toàn quyền Constans; nói đến những khoản tiền trợ cấp mà ông đã nhận, nói đến chuyện Hội đồng Thuộc địa Nam Kỳ đối với sự đi tìm tòi chất mủ cao su (latex) của ông; nói đến ông Tổng thư ký với sự giới thiệu sứ mạng của ông; và "patati" và "patuta"... (tức là "và chuyện lằng nhằng và chuyện lộn nhộn"...)

Và rồi thì, tuy không có đó, để xác nhận những lời nói của ông thì có ông Alphonse Mercurol; ông thư ký Phạm Văn San,

bốn người Trung Hoa, cuối cùng, chứng cứ mạnh siêu đẳng nói lên được rõ ràng cái phẩm chất của người phái viên chính thức là 18 bảo an binh có trang bị vũ khí đi theo ông.

Cha Guerlach vẫn còn nghi ngờ chẳng? Mayréna đã chứng minh cho cha thấy những bản báo cáo mà ông đã tổng đạt cho ông Félix Faure, với lời khẩn cầu ông này thông tri chúng cho Bộ Ngoại giao.

Thực ra, trước khi rời làng của Pim, ngày 10 tháng năm, để đi sâu hơn nữa vào phía trước mặt, thì Mayréna đã có gửi cho ông công sứ Lemire những lá thư theo địa chỉ của Félix Faure!

Ngày chủ nhật 13, cánh quân đến đất thuộc giáo xứ của cha Guerlach, ở Kon-Djéri Kong, và cánh quân đã nghỉ lại mười ngày tại giáo xứ này.

Cuộc hành quân lại tiếp tục đi vào rừng sâu; ngày 23 Mai vào buổi chiều, người ta đến Kontoum, giáo xứ của cha Vialleton, cha bề trên của Hội Truyền giáo cho người man dã, và sáng ngày hôm sau, 24, đến Kong Trang, giáo phận của cha Irigoyen.

Cha này quá sung sướng vì cuộc viếng thăm bất ngờ ấy, đến nỗi cha đã thưởng một con bò mà người Bahnar đã hạ quy con vật với nhát gươm đâm, sau khi đã thực hiện cuộc nhảy múa điệu anh hùng ca.

Nhưng tôi tin rằng bây giờ là lúc thích hợp để nhường lời lại cho người đã đi theo Mayréna trong cuộc thám hiểm đi xuyên qua vùng đất xứ Mọi, tức là nhường lối cho cha Guerlach, chính cha đã kể lại mọi chi tiết của chuyến đi này trong một lá thư bênh vực mà cha đã viết, ngày 13-11, cho tờ báo Le Courier d'Hai Phong; những chi tiết mà cha đã lặp lại trong cuốn sách của cha: L'Oeuvre Néfaste.

"Ngày 10 Mai, tất cả đoàn người rời ngôi làng của Pim, và lên đường tới làng Kon Jeri Krong, là nơi mà nhân sự của đoàn đi thám sát được dừng chân nghỉ lại vào ngày chủ nhật 13 tháng năm. Mười ngày được dành cho sự nghỉ ngơi; cho công việc sắp đặt lại và cho việc chuẩn bị cuộc đi điều tra thực địa đầu tiên. Ngày 23 tháng Năm, vào buổi tối, chúng tôi sẽ ngủ lại ở Kontum; ngày 24, chúng tôi đã ở lại Kon Trang, nhiệm sở của cha Trigoyen. Để mở tiệc mừng sự đến thăm của những đồng hương chúng tôi, cha đã tặng một con bò mà những người dân trong làng đã buộc vào một cái cọc, và tổ chức nhảy điệu Rolang, thực hiện một buổi hòa âm rộn rã lớn lao với trống, công, chiêng. Ngày 25 tháng Năm, chúng tôi lại lên đường để đi đến Polé Tebâu. Ở đây cuộc thám sát mới bắt đầu thực sự. Đoàn người gồm có ba người : ông De Mayréna, ông Mercurol và tôi, hai người An-nam cỡi ngựa, mười người Mọi của nhà tôi, họ khuân vác hành lý của chúng tôi, một con ngựa thồ, sáu lính mật thám người Sài Gòn đều kém phần tháo vát, trừ một mình viên Đội, và cuối cùng có bốn người Trung Hoa, đại diện cho giới thương gia Trung Hoa ở Sài gòn, để chứng minh nơi hiện diện của những mỏ vàng - và trước nhất là họ đã chứng minh cho sự hiện diện của bệnh sốt rét rừng.

"Cuộc hành quân xuyên qua rừng rậm thực nặng nhọc, vì mặt đất bị bao phủ với loài tre mà cành lá tre đan như bện vào nhau đã tạo thành một vòm trần rất thấp, người ta phải lườn qua dưới vòm trần thấp đó bằng cách cúi lưng gần sát đất. Rồi đi qua một cái hồ đầy đĩa, và chúng tôi đã đến được những cánh đồng của Polei Tebâu, nằm cách làng một khoảng ngắn. Lúc 11h $\frac{3}{4}$ chúng tôi lên thang vào ngôi nhà làng. Đây là giai đoạn đầu tiên của chúng tôi; chúng tôi ngủ qua một đêm ở nhà làng này.

"Ngày hôm sau, 26 tháng Năm, đi đến Kon Trang Mené, chúng tôi đến đây vào lúc 11h buổi mai. Những Tenoul hay là những tù trưởng Pelei Tebâu đi theo chúng tôi. Sau bữa ăn trưa, tôi cho gọi các chức sắc của hai làng, và lúc đã có một đại "grodap" hay là một đại hội đồng, mà ông De Mayréna được cả hai làng chấp thuận bầu làm trưởng đại hội đồng. Tôi dùng người thông ngôn, chính tôi thì viết một bản thỏa ước mà các bên ký kết đều ký vào, và bản thỏa ước được ký chứng nhận bởi ông Mercurol và tôi. Trận mưa đã giữ chúng tôi ở lại Kong Trang Mené suốt cả ngày 27. Tôi lợi dụng dịp này để đi mua gạo và cho sửa sang đường cho đến tận Pekô vừa dần xếp mua bốn mươi chuỗi hạt ngọc đỏ và tôi sẽ phân phát cho những người làm việc nặng.

"Chúng tôi đã rời Kon Trang Mené vào ngày 28 lúc 7h30, và đến lúc 8h40 thì chúng tôi đã ở tại Pekô, phụ lưu của sông Bla. Bờ sông nằm ở trên đỉnh núi; để xuống cho tới dòng nước, những người của chúng tôi phải đeo những bậc cấp vào trong đất bằng lưỡi kiếm của họ. Dòng sông chảy từ Bắc đến Nam trong vùng đất đó, những đoạn bờ sông dốc đứng đều bị bao phủ với rừng và bụi; nhiều tảng đá cứng khổng lồ chặn nghẽn dòng chảy đáy sông và tạo nên nhiều ghềnh thác. Trên bờ bên phải chúng tôi thấy làng Kong Yang Ié, mà người trưởng làng, tên Sam, là một ông già, toàn bộ nét mặt ông nhăn như trái táo khô. Chúng tôi gọi những người dân để cho họ đưa chúng tôi qua sông với các con đò của họ. Sự hoảng sợ đã chụp lấy họ, và họ chạy trốn bán xác. Họ tưởng rằng người ta sẽ tiêu diệt họ, vì những người Hamong, vào hôm trước, đã báo cho họ rằng nếu người Pháp đến để chiếm lấy xứ sở họ. Cuối cùng thì Sui, anh em họ với Sam, đã đến, sui là trưởng một làng nằm phía trước xa, trong những vùng đất này. Con người man dã can đảm này đã thấy chúng tôi vào hôm kia ở

làng Kon Trang Mené, nên anh ta đã chèo những chiếc bè đến cho chúng tôi, và cuộc vượt sông đã thực hiện không gặp trở ngại gì. Chúng tôi đi thẳng tới làng Kon Gung Sui.

"Ngôi làng được xây dựng trong một vùng miệng phễu, được bao quanh với những dãy đồi trên hai bờ của Dak Henui, con suối có vàng. Những người đã ký vào một bản thỏa ước với ông De Mayréna và cầu xin người "xếp" mới của họ bắn những phát súng cac-bin. Họ thích nghe tiếng nổ; họ trầm trồ chiêm ngưỡng cái cò súng và sự chính xác của loại vũ khí này; nhưng cái mà họ thích trước tiên, chính là những vỏ đạn, rỗng để làm một thứ trang sức được chuộng hàng đầu cho những ống điếu hút thuốc của họ.

"Chúng tôi đã lưu lại khá lâu ở làng Kon Gung, chờ một tù trưởng của người Keuiong đến, ông này tên là Serot, với ông này thì dân tộc Lào đã phong cho phẩm tước của Ek. Chúng tôi muốn ông này cho biết những thông tin về xứ sở ông và cũng muốn ông cho biết về đoàn truyền giáo của người Đức mà người ta đã nói đến phần đất của nước Siam, đã khám phá những xứ sở độc lập. Ngày 30 tháng năm, ông trưởng làng Kon Gung Ié ký vào thỏa ước đã được ký với làng Kon Gung sui. Ngày mồng hai tháng sáu có một người lạ đến, nhưng không phải ông Ek, ông Ek không thể đến bởi vì đứa con trai của ông chết (có thực thế không?). Vì vậy ông đã phái người anh em họ của ông mang tên Khâm mà người Lào đã gọi là Phia Keo đến (tôi tin là phẩm trật của ông này tương đương với vị phó thủ hiến). Ông Phia Keo này có một diện mạo vóc dáng khá được. Khổ người trung bình, trán cao, mặt tròn, tóc hớt ngắn, phía trước đầu tóc xù lên, có nhiều vòng bạc đeo ở tai; trên lưng ông mang một hình xăm biểu thị ngôi chùa, và trên hai bên sườn đều được xăm những vòng tròn, những chữ, và những đồng tiền. Trả lời những câu hỏi của chúng tôi,

người này cho chúng tôi biết rằng, vào tháng trước, ba người Âu có đoàn hộ vệ mang vũ khí đi theo họ đã đi đến tận Attopeu, nhưng bệnh sốt và gặp mùa có thời tiết xấu đã buộc họ phải rút lui; họ đã báo cho biết họ có ý định trở lại đây vào một thời gian thuận tiện hơn.

Ngày hôm sau, 03 tháng sáu, ông Mayréna thiết lập bản Hiến pháp của vương quốc Sédang mà nhiều tù trưởng của nhiều làng đã cùng ký tên vào ngày hôm đó. Đoạn, nhà thám hiểm đã ký kết liên minh với vị Phia Keo có mục đích xác nhận biên giới về phía ấy. Một cách dĩ nhiên tôi phục vụ làm thông ngôn, làm thư ký và làm nhân chứng luôn.

"Ba ngày sau chúng tôi phải trở lui lại Kontum và sau đó đến nhà tôi. Các bạn cần ghi nhận rằng khi sự ký kết các bản hiệp ước đầu tiên xong, ông De Mayréna đã hứa sẽ trở lui về ngay và hứa sẽ mang lại cho các người bị trị của ông một số nhiều vật mầu rất hữu ích. Ông đã nói thêm rằng trong trường hợp ông chết, thì nước Pháp sẽ phái đi một người trưởng đoàn khác để chỉ huy hướng dẫn họ. "Cha hẳn hiểu rõ, ông vừa nói với tôi vừa cười, rằng tôi sẽ không chôn mình dưới đất ở các cánh rừng này đâu: một khi sứ mạng của tôi đã trọn vẹn đầy đủ, tôi giao lại cho chính phủ để chính phủ phái một vài người Pháp khác đến để cai trị những nhóm dân tộc thiểu số đã được tập hợp lại. Lúc đó, nếu những bộ tộc người man dã có hỏi tại sao tôi không trở lui, thì người ta sẽ nói với họ rằng tôi chết rồi".

"Dần dần, những ý tưởng của ông De Mayréna thay đổi đi, ông đã quá quan tâm đến công trình của ông, và ông đã nghiêm túc nghĩ đến việc thành lập một vương quốc, luôn luôn ông nói rằng ông đã đồng tình với chính phủ Pháp rồi.

"Cuộc đi khảo sát thực địa lần thứ hai đã xảy ra ngày 17 tháng sáu ở vùng đất của người Hamong. Ngày 19 tháng sáu,

chúng tôi đã ở Hamong Ketou, một làng rộng lớn trên triền sông Pekô, ở bên dưới làng Kon Gung Jé, và ngày 20 tất cả mọi trưởng làng người Hamong đã chấp nhận bản hiến pháp. Ông de Mayréna đã được công nhận lên làm vua, ông gọi là một vị Ek hay là vị Thống đốc. Với chức vụ này, ông đã xem như là huy hiệu; ông đã mang một cái băng tay có bốn ga-lông băng vàng. Lúc từ cuộc thám sát thực địa trở về, ông De Mayréna đã bị ngã bệnh nặng. Trước đó, ông đã chịu đựng nhiều cơn bệnh khá trầm trọng đã làm cho ông rất yếu và cơn choáng váng sau cùng này đã làm cho ông sợ hãi. Ông đã cầu xin tôi viết cho quan Toàn quyền một lá thư mà lại do ông ký tên, và trong thư đó ông yêu cầu cho giấy triệu hồi ông về. Lá thư này được giao cho ông Mercuriol đi về trước, cũng mang theo một bản sao của bản hiến pháp và bản tuyên bố mà báo Le Courrier d'Haiphong đã công bố. Tôi đã yêu cầu ông De Mayréna cũng nên cho những người Trung Hoa, người thông ngôn An-nam và những lính mật thám về luôn vì họ không còn phụ trách một công việc gì nữa. Việc nuôi ăn tất cả những cái miệng vô ích ấy trong một thời gian rất dài, đối với tôi, là công việc quá ư tốn kém. Vậy chỉ còn cho ở lại với người đồng hương của chúng ta ba người An-nam, trong số đó có một viên Đội, cựu quân nhân bản xứ đã từng dự chiến dịch đánh Bắc Kỳ.

"Sau sự ra đi của nhóm người đầu tiên này, thì lực lượng của ông De Mayréna đã thiết lập lại dần dần; không có sự hồi âm của Sài Gòn, ông De Mayréna đã làm một cuộc thám sát thửa địa thứ ba ở vùng đất của người Sédang, người thiểu số ở ven bờ sông Pekô và sông Pexi. Đối với lần đi này, có cha Irigoyen đi theo ông; cơn sốt đã giữ tôi ở lại nhà.

"Trong khi quay về lần này, ông De Mayréna đã sửa đổi hiến pháp làm tại làng Kon Gung. Ông đã mở rộng hoặc tăng thêm nhiều điều khoản. Bản hiến pháp mới này được chấp

nhận bởi những người Mọi trước sự hiện diện của cha Irigoyen, cha đã ký để chứng nhận bản hiến pháp. Một làng, nằm gần đường biên giới Lào, đã ký một thỏa ước đặc biệt, bằng thỏa ước này các trưởng làng đã giao kết là không thừa nhận một vị vua nào khác ngoài ông De Mayréna, và không rời bỏ vị trí hiện tại của làng mà không có sự cho phép của ông. Ngoài ra, họ đều tuyên bố rằng trước đây họ chưa bao giờ thừa nhận một người chủ hoặc một lãnh chúa nào khác. Làng này được gọi là làng Dak Dry hay Day Eré, thật đáng kể, nhất là những người dân trong làng đều miệt mài vào việc đi tìm vàng.

"Ông De Mayréna đã yêu cầu tôi thực hiện cho hai bản sao của hiến pháp với và của thỏa ước ký với làng Dak Dry. Tôi đã viết những bản đó bằng tiếng Pháp và bằng tiếng Sedang, đúng như là chúng đã được ký trước mặt cha Irigoyen. Tôi cũng chứng kiến rằng đó rõ ràng là những bản sao chính thức mà nguyên bản của chúng đã nằm trong tay của nhà thám hiểm. Từ hai bản sao ấy, thì một được gửi cho ông Bộ trưởng, còn bản kia thì gửi cho quan Toàn quyền. Ông De Mayréna đã mang hai bản chính theo với ông khi ông đi xuống Quy Nhơn; vì ông muốn đồng tình với chính phủ Pháp.

*
* *

Trong khi Marie đệ nhất bận sáng lập và tổ chức vương quốc người Sédang của ông thì xứ Đông Dương chính thức đã lo âu về nhà thám hiểm này; thực vậy; ông ta đã có hơi làm cho nhiệm vụ của mình có vẻ quan trọng.

Một bức điện đầu tiên được chuyển thành mật mã của ông Toàn quyền đề ngày 11 tháng năm gửi cho ông Khâm sứ ở Huế: "Mayréna không có nhiệm vụ chính thức. Ông đừng thừa nhận những hành động của ông ta và hãy chú ý quan tâm đến

các biện pháp nghiêm ngặt của ông ta. Một bức điện thứ hai mang số 77, ngày 12 tháng năm, cũng của ông Toàn quyền gửi cho ông Khâm sứ ở Huế, xác nhận rằng "do những thông tin mới đã cho tôi biết về Mayréna là ông ta đi đến vùng có người Bahnar với sự cho phép của người tiền nhiệm. Điều này không chính thức xác nhận cuộc đi thám sát. Một lần nữa khuyên ông nên hỏi cái thư của Klobukowski ở ông Lemire, nhớ hành động chắc chắn và ngăn cản ông ta làm những việc có thể phương hại thanh danh, ảnh hưởng của chúng ta, tuy nhiên cần hành động đối với ông ta một cách thận trọng, vì hoạt động kinh doanh khai phá của nhà thám hiểm này đã được duyệt y với sự nâng đỡ bởi người tiền nhiệm của tôi".

Từ ngày 22 tháng Tư năm 1888, chính "vị tiền nhiệm", ông Congstant, rất không hợp thời, đã nâng đỡ "cuộc điều tra thuộc địa" này, lại đang lên đên trên chiếc tàu Natal để về chính quốc, giao lại cho ông Tổng Trú sứ Richaud nỗi lo âu phải sắp đặt cho con người kỳ cục của lịch sử này..."

David de Mayréna hiếm khi cho biết tin tức của ông ta.

Tuy nhiên ngày 28 tháng Năm, ông ta đã yêu cầu ông bà Gerand ở Sài Gòn gửi cho những đồ ăn dự trữ và bằng một lối viết chính tả phóng túng quá mức, ông ta đòi hỏi những "lantilles", những "mì ống" (mocaronie), những "pikels" và in fine... (ở cuối tờ kê...) là "mười lăm kilô tỏi (ails) (sic) và sáu chai rượu "absinthe Pernod"... Ngoài tờ hóa đơn giản dị ấy ra, chỉ là một sự yên lặng mê mông. Đột nhiên, Mercuriol, mệt mỏi với những chuyến đi thám hiểm trong rừng rậm, đã trở về Quy Nhơn với 16 người từng đi theo Mayréna.

Cái người gọi là Hầu tước de Henoui ấy, vì Hoàng đế Marie đệ nhất đã phong cho ông như thế bởi sắc chỉ ký ngày 12 tháng sáu 1888 đã tuyên bố ở Quy Nhơn là người Mọi đòi

thừa nhận một cách đáng ngạc nhiên: ông De Mayréna làm vua Marie I! Một điều tốt hơn nữa là ông Mercurol đã mang về một bản sao bản hiến pháp ngày 03 tháng sáu!

"Hôm nay, mồng ba tháng sáu năm 1888, các tù trưởng của tất cả mọi vùng đất đã ký một thỏa ước với ông Marie de Mayréna và đã thừa nhận ông ta làm thủ lĩnh tối cao, cùng với nhiều người trong bộ lạc của họ, tụ họp tại làng Kon Gung; sau việc dịch thuật và giải thích, đồng tuyên bố chấp nhận bản hiến pháp sau đây:

"Điều thứ nhất: Những vùng lãnh thổ độc lập, hôm nay liên kết lại với nhau và lấy tên gọi là Liêng bang Mọi (Confédération Moi).

"Điều 2: Lãnh thổ của người Sédang là lãnh thổ rộng lớn đáng kể nhất trong liên bang này, lãnh thổ lấy tên gọi là vương quốc Sédang.

"Điều 3: Ông De Mayréna, đã từng là vị thủ lĩnh nổi tiếng, được chọn làm vua của người Sédang.

"Điều 4: Quyền làm quốc vương là quyền được thừa kế, nhưng đức vua, nếu ngài muốn, có thể chỉ định người kế vị ở ngoài gia tộc mình. Tuy nhiên, tù trưởng các bộ tộc đòi hỏi rằng vị vua ấy phải được chấp thuận bởi tất cả các tù trưởng, với đại đa số phiếu thuận.

"Điều 5: Quốc kỳ sẽ chỉ có màu xanh duy nhất với một hình dấu cộng màu trắng có hình sao đỏ ở chính giữa.

"Điều 6: Nhà vua có uy quyền tuyệt đối. Ngài chỉ huy mọi thủ lĩnh dân sự và quân sự, và giải quyết những mối phân tranh có thể phát sinh giữa các thủ lĩnh.

"Điều 7: Nhà vua quyết định tình trạng chiến tranh và hòa bình, với sự tham dự của một hội đồng cố vấn gồm các thủ lĩnh của các bộ lạc.

"Điều 8: Đức vua chỉ huy đoàn người ra trận chiến hoặc chỉ định người có quyền chỉ huy đoàn người ấy.

"Điều 9: Những vùng đất đai chỉ được chuyển nhượng cho người ngoại quốc với sự đồng ý của các Ténule, mọi sự chuyển nhượng phải được đức vua phê chuẩn.

"Điều 10: Trong tương lai, sự hiến tế con người đều bị cấm chỉ.

"Điều 11: Tất cả mọi tôn giáo đều được tự do trong vương quốc Sédang.

"Điều 12: Ngoài Tổng hội đồng, nhà vua sẽ triệu tập một Hội đồng riêng lãnh nhiệm vụ lo công việc hằng ngày.

"Điều 13: Mọi sự đổi thay của bản hiến pháp hiện hành này, để có giá trị, phải được quyết định bởi Đại Tổng hội đồng, có nhà vua tham dự.

"Làm tại Kon Gung, ngày mồng ba tháng sáu năm 1888".

Mercuriol tức khắc khoắc lấy bộ mặt của con người vĩ đại!

Nguyên trước Mercuriol là người con trai bán hàng thịt, được giải ngũ, sống tự do sau thời gian gắn vào binh chủng thủy quân lục chiến, một hạng người tàn ác không có gì làm anh ta sợ hãi, con người đó không làm gì hơn là xoay xở để kiếm sống. Ngay tức khắc Mayréna đã đoán được ở Mercuriol một con người có đủ khả năng làm mọi công việc, kể cả việc giết người, bởi vì, khi say rượu (và hình như con người say sưa này thường xuất hiện ở anh ta), được thúc đẩy bởi Mayréna, Mercuriol đã dám ám sát cha Guerlach...

Chúng ta nên chấm dứt ngay chuyện này ở đây với Alphonse Mercuriol. Cái người đã đổ bộ xuống Quy Nhơn vào ngày 16 tháng ba, tất cả hành lý của anh ta chỉ có ba hộp sữa,

một đôi giày và một súng lục, thì vào tháng sáu, anh ta đã trở lại Quy Nhơn, và với cây bút lông ngỗng anh ta báo cáo lại những mỏ vàng có vàng của anh ta, và tại các mỏ đó đã có một số cục kim loại nghèo nàn nằm rải rác quanh mỏ.

Dù cho là ông ta khoác lác, mặc dầu vậy, sự giàu sang hão huyền vùng Eldorado mới vừa được vua Marie đệ nhất khám phá, thì ông Hầu tước de Hennoui đã lấy tin tức về cho miền nam với những người mà các rừng già ở vùng Mọi không bao giờ làm sáng tỏ được: đó là những tên mật thám và bốn nhân chứng người Trung Hoa...

Sau một thời gian dài sống trong sự mớ c ngoặc của tên hồ ly người Trung Hoa bao thầu thuế các chốn ăn chơi ở Cambodge, Alphonse Mercurol, người giám thị ngành xây dựng dân dụng, đã chết trên chuyến xe cứu thương lưu động của Phnom Pênh, ngày 06-7-1896.

*
* *

Tuy nhiên, ở trên kia, giữa hai cuộc viễn chinh hòa bình và chiến tranh, David de Mayréna đã ra sắc lệnh, ra mệnh lệnh, thưởng huy chương.

Ông đã ký những thỏa ước liên minh, lập ra sở bưu điện, sở quan thuế, lập một đạo quân, lập ra ba huy chương (huy chương hoàng gia Sédang, huy chương Sainte Marguerite và huy chương Mérite Sédang), từ bỏ danh hiệu công dân Pháp, ném ra những lời tuyên bố, tuyên chiến, gửi những báo cáo cho các bộ trưởng, hủy bỏ cuộc hôn nhân của ông, soạn thảo bản hiến pháp thứ hai, định ra lễ lượt ở ở triều đình của ông, với một tính linh hoạt và hoạt bát đáng kinh ngạc thực sự, nếu người ta còn muốn lưu ý đối với những sáng tạo ấy thì ông ta chỉ làm một mình (Mercurol thì hầu như là không biết chữ), đối với cung điện của ông thì chỉ có một trường hợp chao

đảo trong "kinh thành" Maria Pelei của ông, và ông đã ghi tất cả lên giấy chỉ trong bốn tháng (từ 28 tháng tư đến cuối tháng tám).

Vào những ngày đầu tháng chín năm 1888, thành phố Quy Nhơn đã có một xúc động lớn và vui vẻ: vua Marie đệ nhất đã hạ cố đến thăm thành phố, hoặc để nói đúng sự thật hơn là hoàng thượng (sa majesté) trong ít tháng đã bỏ rơi vương quốc núi rừng của ngài, tuần du xuống vùng đồng bằng để bảo vệ tài sản của ngài và cũng có mục đích tìm những nguồn vốn để đưa vào khai thác sự giàu có mệnh mông của Đeh Sedang...

Than ôi! Hoàng hậu Marie (có lẽ là người "con gái" An-nam Lê Thị Bên) đã mất vì một cơn sốt ác tính ở Kon Monei. Hoàng thượng không còn cỡi con ngựa Ả Rập đẹp vào thời mới ra đi của ngài. Những đồng bạc và những vũ khí cũng đã biến thành mây khói, và thành phố Quy Nhơn đã sưng sốt khi hiểu được rằng ngài Hầu tước de Henoui trước khi bỏ rơi đấng quân vương của mình thì ngài đã đổi hết của cải và đồ thiết bị của "sứ mệnh đi thám sát" cho số vàng trên ngai bút lông ngỗng của ngài rồi...

Và chẳng "ngài" Mercurol này vốn là một tên vô lại mà vua Marie đệ nhất đã luôn luôn sợ hãi những hành động cực kỳ xấu xa của ngài và cũng để tỏ ra hoàng thượng không ngớt phải nghi ngờ những kẻ thù của mình như thế nào, ngài đã không uống rượu bằng cái gì hơn là trong một cái sừng tê giác, một vật ở châu Á ai cũng biết rõ điều này, duy nhất có thể ngừa được bùa ngải thuốc độc!

Vừa mới đến Quy Nhơn, Mayréna liền cầu xin ông Công sứ Lemire đánh điện cho ông Khâm sứ Trung Kỳ: "... Bản hiến pháp được thiết lập ở vùng người Sédang hiển nhiên là do các cha... Khối liên minh được thực hiện với người Lào và các dân tộc lân bang... Mayréna đã quyết định, nếu chính phủ

từ chối, không đồng ý với ông; từ chối, không đồng ý với một vài thế lực mạnh nào đó mà họ tạo những mệnh đề cho ông thì người Phổ đã rút lui khỏi Attopeu hy vọng sẽ được ông gọi trở lại ..." (17-9) .

Như là trả lời cho bức điện này, ông Lemire gửi cho vua Marie đệ nhất đã rút về ở tại địa hạt giám mục Lang Sông, bức thư sau đây:

Xứ bảo hộ Trung Kỳ
và Bắc Kỳ
Tòa Công sứ
ở Quy Nhơn (Trung Kỳ)
Số: 863

Quy Nhơn, ngày 19 tháng chín năm 1888

Ông Công sứ ở Quy Nhơn
gửi cho ông Mayréna, Lang Sông

Kính ông,

Để trả lời cho bức điện tín ngày 17 tháng này, ông Toàn quyền ủy nhiệm cho tôi gửi tới ông những lời khen ngợi đối với những kết quả mà ông đã thu lượm được. Trong lúc này, hình như không ích lợi lắm việc triệu tập các tù trưởng Mọi về Sài Gòn. Vì lý do những khó khăn hiện tại, chúng tôi chưa thể nghĩ đến việc mở rộng về phía người Bahnar được.

Cho phép tôi được kết hợp với những lời khen ngợi của ông Toàn quyền, những lời khen ngợi thuộc cá nhân tôi đối với chuyến trở về thành công mỹ mãn của ông và đối với thành quả của cuộc kinh doanh đầy khó khăn gian khổ mà nó sẽ gợi mở ra việc giao thương với vùng đất của người Mọi.

Tôi xin ông vui lòng, thưa ông, chấp nhận cho sự giải bày mới mẻ về tình cảm rất ưu ái của tôi.

Ký tên: LEMIRE

Nếu người ta so sánh lá thư này với những bức điện của ngày 11 và 12 tháng năm, người ta phải thừa nhận rằng công việc đã mờ tối đi, thay vì nó phải sáng sửa ra...

Trong tháng năm, Devid de Mayréna bị khiển trách và bị từ chối, vào tháng chín, Marie đệ nhất được khen ngợi. Ông Lemire cũng đòi mở một bữa tiệc chính thức để khoản đãi danh dự vị vua của người Sedang...

Vậy Mayréna đã có sứ mệnh bí mật để chặn đường người Phổ mà mọi người đều nói đến họ nhưng chưa ai thấy được họ chẳng? Những người Đức thực sự có tham vọng vượt dãy Trường Sơn bằng cách đi ngang vương quốc Siam chẳng?

Nhiều tư liệu sẽ nói cho chúng ta biết sự thật về những "người Phổ" này:

1- Bằng lá thư ngày 06 tháng năm 1888, ông De Ker-garadec, Lãnh sự Pháp ở Bangkok đã báo tin với ông Bộ trưởng Ngoại giao rằng ông C.W.Rossel, người Đức, đi du lịch dưới chiêu bài nghiên cứu về dân tộc học và nhân chủng học, đã lấy một giấy hộ chiếu để đi từ Cambodge sang Siam, qua đường Bassac, Oubone, Sourène và Korat. Ở Stung Streng, ông ta đã mượn một số tiền nơi ông Saintenoy. Ông Tổng Trú sứ ở Cambodge cho biết rằng Rossel đã trở lui về Phnom Pênh và đã đáp tàu về Sài Gòn.

2- Một sĩ quan người Phổ, ông Bá tước Amrept Elmpt đã đi đường bộ từ Cambodge đến Bangkok; 17 tháng năm: ông ta báo tin cuộc khởi hành của ông ta để đi Birmanie và Thibet.

3- Ở Robenen, nhà thảo mộc học người Đức, đã đi ngang Luang Prabang (Thượng Lào) vào đầu tháng ba, đã trở về Sài Gòn bằng đường sông Mêkông, với một bộ sưu tập phong phú về loài lan (orchidées) mà ông ta đã sưu tầm cho một người trồng vườn (un horticulteur) ở vùng ngoại thành Londres.

Đó là tất cả những gì mà các viên chức của chúng ta ở Siam đã ghi chép được. Thực quá ít. Hiển nhiên là mối hiểm họa về người Phổ đã được, cũng như bao điều tào tạo dựng khác

của Marie đệ nhất sáng tác một cách độc đáo chỉ vì nhu cầu của một nguyên nhân đáng ngờ vực mà thôi...

*
* *

Chính phủ và công luận xứ Đông Dương không có vẻ lấy làm nghiêm trọng về vương quốc mới này và vị chúa tể của nó là người thường chống đối, giải thích và hăm dọa.

Từ địa hạt giám mục Lang Sông, ông ta gửi một cái thư cho Công sứ Lemire, ngày 19 tháng chín:

"Đính kèm một bản sao hiến pháp của liên bang. Ngài đừng quên rằng, thưa ngài công sứ, Mọi, từ khi mới đẻ ra, (ghi chú ngoài lời tức là Krui) đã cho tôi mọi quyền hạn để thương thảo với nước Pháp, mà cũng cho tôi đầy khả năng, trong trường hợp bị từ chối hoặc có sự chống đối và quyền hạn đi sang nước Anh, vì người đó yêu thích người Anh hơn.

Ký tên: MARIE".

Vì trong lúc chuyển bản sao của cái thư này cho ông Khâm sứ Trung Kỳ, ông Lemire, là một trong những công chức hiếm hoi vào thời ấy đã tin vua Marie đệ nhất, đã viết thêm:

"Bằng tất cả mọi phương tiện, dù cho những phương tiện đó là thứ nào, De Mayréna vẫn sẽ theo đuổi nền độc lập và sự thừa nhận cho vương quốc người Sédang của ông... Nếu ông đã được thừa nhận là vị vua, thì ông sẽ chấp nhận một lãnh sự Pháp. Bản hiến pháp của ông ta cũng khó lộng chỉ trích được theo ý kiến của các luật sư ở Sài Gòn. Ông ta đã tự tôn phong mình lên, ông đã bổ nhiệm một vị đại tuyên úy: cha Irigoyen, để vị giáo sĩ cao cấp này sẽ cầu xin La Mã cho ông.

"Nếu không được nhận là vua của người Sédang thì Mayréna sẽ không ngại tuyên bố rằng ông ta sẽ chấp nhận những đề nghị mà ông đã nhận được của phía người Đức,

người Siam, người Anh và người Trung Hoa. Ông đành ưng thuận những gì mà nước Pháp thay vào cho ông ở vùng người Sédang dưới điều kiện của một khoản phụ cấp xứng đáng hoặc là một khoản chi trả hằng năm... Ông dần xếp là mười nghìn đồng... Ông được lưu trú trong hội truyền giao Lang Sông, cách Quy Nhơn mười hai kilômét... Để làm gì?"

Hơn nữa, Mirie đệ nhất mà khẩu hiệu thuộc vương triều của ông là "không bao giờ chịu thua, luôn luôn tương trợ nhau", đã không hề e ngại tuyên bố những quyền hạn của ông và lấy ý kiến chung của những người lương thiện để làm bằng chứng bằng con đường báo chí:

VƯƠNG QUỐC NGƯỜI SÉDANG

Quy Nhơn ngày 08-10-1888

Kính gửi ông giám đốc báo "Courrier d'Haiphong"

Vừa về Quy Nhơn để chứng trình cho Tòa sứ những tài liệu chính thức và để lại bản sao của những tài liệu. Tôi biết rằng ông muốn tạo niềm vinh dự cho tôi để nói về tôi. Cho phép tôi cung cấp cho ông tình trạng chính xác về tôi.

Tôi sẽ không nói với ông về các dân tộc ở xứ Đông Dương; cha Guerlach đã cung cấp cho ông đầy đủ chi tiết rồi, tôi tin thế; tôi cũng sẽ không nói đến những sản phẩm đầu tay, đến địa vị xã hội của các giáo sĩ truyền giáo, đến cuộc du lịch của ông Navelle. Tôi chỉ nói đến những dữ kiện từ tháng hai năm 1888.

Vào thời đó, một phái bộ người Phổ muốn thâm nhập vào vùng lãnh thổ các dân tộc thiểu số sống độc lập ở xứ Đông Dương và cấm cờ hiệu của họ ở nơi này, ông Constans đã có cách xử sự khôn khéo, chẳng cự tuyệt nhưng ông chẳng cho họ cái gì, và phái bộ ấy đã đi sang Siam. Phái bộ đã tìm những

người hộ tống và đi sang Battambang. Tôi xin đi đến trước mặt họ và cắt con đường của họ. Thế nhưng ông Constans vẫn không có ý làm hại thanh danh mình. Sứ mạng vẫn từ chối tôi; nhưng ông vẫn để cho tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm, ông đã giúp tôi mà không tỏ ra là giúp tôi. Tôi ra đi với một người châu Âu và hai mươi người tình nguyện mà tôi đã tập hợp vào tổ chức của tôi.

Đi đến chỗ của các cha, với một cái thư đức giám mục Quy Nhơn. Các cha liền bắt tay vào việc sắp đặt cho tôi, và họ là những kẻ phụ tá quý báu và thành tâm đối với tôi. Theo sau có cha Guerlach và có người Bahnar, người Reungao, tôi là người đi trước của phái bộ.

Những vùng đất mà chúng tôi đi ngang qua là những xứ chưa hề biết đến. Tôi đã giải thích cho người Sédang hiểu rằng đi trước những người châu Âu muốn vào vùng đất của họ. Tính khí của tôi đã làm vui lòng những nhóm dân tộc chưa được khai hóa này. Trời mưa như mưa ở xứ Ấn Độ, các con sông đều biến thành những dòng thác, tôi ngồi lại dưới trời mưa. Tôi vượt qua sông bằng cách bơi đi. Như vậy mà tôi đã đến sông Pekau. Khi vượt qua được dòng sông lớn này, tôi dừng lại nghỉ ở làng Kon Gung. Tôi thử tìm một giải pháp, khi người tù trưởng của làng này, tên là Sui, đến tìm giải pháp đã giúp tôi bằng cách hiến cho tôi một sự biểu diễn chiến tranh. Họ rất hãnh diện về sự uyển chuyển nhanh nhẹn trong việc sử dụng lưới kiếm của họ. Tôi cứ để cho họ muốn làm gì thì làm, rồi tôi khích động kẻ chiến thắng. Sai vài ba đường chiêu khách, tôi đã thành công trong việc nắm lấy anh ta. Ở làng này, cũng như ở những làng khác, tôi đã chiếm được lòng tin. Vì là người Pháp tôi không thể sử dụng khí giới, tôi đã nói nguyên cố này trong một bản tuyên bố về ngoại giao, và hiển nhiên là tôi phải giữ lời. Vậy nên tôi đã ra

mất trình diện với các tù trưởng và các chiến binh, để họ đặt tôi làm thủ lĩnh chiến tranh (tenul bla) hay (Kedra bla) - cả hai đều tự cho là thủ lĩnh như vậy - và điều này đã được chấp nhận. Liên tục tôi được tín nhiệm bởi tất cả các làng nằm sát biên giới sông Pekau. Lúc đó tôi bố trí các chiến binh chặn con đường. Đây không phải là một nhà thám hiểm người Pháp nữa, mà đây chính là một thủ lĩnh Sédang đang kháng chiến chống lại một cuộc xâm lược. Người Phổ đã hiểu được tình trạng mới của sự kiện này, nên họ đều rút lui về bờ phải sông Mêkông bằng cách phao lên rằng họ đã bị dịch sốt, điều này cũng không có gì lạ, tôi đã thấy họ và tôi còn thắng họ.

• Những tù trưởng trong các làng của tôi đã yêu cầu tôi dẫn họ đi làm một cuộc chinh phạt người Jiarai. Tôi có bốn phạm nói rõ điều đó với họ và tôi đã chấp thuận. Người Jarai bị đánh bại. Đó chính là một sự cuồng nhiệt thật sự, những tù trưởng Sédang chạy đến với tôi, và sau khi đồng ý với nhau, họ đã tôn vinh tôi lên làm vua (agna).

Lúc đó tôi đã thực hiện những liên minh với các dân tộc lân bang, quyền uy của tôi được thừa nhận, ngay cả bởi những thủ lĩnh nước Siam. Ông thống lĩnh liên bang Bahnar Reungao trở thành liên minh của tôi, và, theo sự điều tra dân số được thực hiện vào tháng Tám, tôi sắp xếp được mười nghìn chiến binh. Liên bang có thể đề nghị con số nhiều hơn. Điều này đã làm cho con số tăng lên hai mươi nghìn người, mà tôi có thể, theo nhu cầu của nước Pháp, ném ra trên xứ Trung Kỳ và xứ Cao Mên trong trường hợp có nổi loạn.

Ông Toàn quyền đã được báo trước tất cả chuyện này, hiện ông đã có trong tay tất cả tài liệu về chuyện ấy.

Sự độc lập của các xứ sở này thật là hiển nhiên không thể chối cãi được. Sự độc lập này đã được xác nhận bởi những

giáo sĩ truyền đạo, bởi những người dân trong các xứ ấy đã tuyên bố rằng họ không bao giờ chấp nhận những thủ lĩnh người ngoài, một cách hiển nhiên là theo cương giới địa dư của những vùng này, vì có ba dãy núi cao, những dãy núi liên tục đã che chở cho xứ này về phía biên giới Trung Kỳ và biên giới Siam; đó là những dãy trường thành thiên nhiên và khó lòng vượt qua được, nơi đó, với hàng trăm người, người ta có thể chặn đứng cả một đạo quân.

Khi người ta muốn xây dựng đường cương giới giữa Trung Hoa và An-nam, người ta sẽ nói với ai? Với phái bộ đi khảo sát.

Ai có thể cung cấp những bản đồ địa dư mà Bộ Ngoại giao đang cần có? Những người trong Phái bộ đi khảo sát.

Ngày nay, ai có thể nói nước An-nam sẽ đến tận nơi nào? Những người trong phái bộ đi khảo sát?

Nước An-nam không biết gì về những chuyện đó cả, không có một người An-nam nào đặt chân lên vùng đất này. Khi tôi nói không bao giờ, tôi có thể phạm sai lầm, vì tôi đã thấy nhiều người An-nam ở đây, nhưng toàn là nô lệ, tóc hớt ngắn và ăn vận theo người Sédang. Chính tôi cũng đã có một người An-nam trong đoàn công tác của tôi mà tôi đã trả lại tự do cho người đó rời. Ngôn ngữ của vùng này không có một liên quan gì với ngôn ngữ An-nam và ngôn ngữ Xiêm, nòi giống hoàn toàn khác biệt nhau. Vả lại, tôi còn có thể nói thêm rằng nước An-nam đã cho dựng một hàng rào bằng đá để phân định rõ ranh giới của họ ở về phía tây và từ điểm mốc giới phải mất đến tám ngày để đi đến vùng tôi. Nếu nước An-nam đã có quyền đối với vùng tôi, nghĩa là vùng người Sédang, thì trước tiên họ phải có quyền trên những vùng nằm giữa đèo An Khê, và vương quốc Sédang đã không yêu cầu,

không van xin một cách hèn hạ việc gia nhập vương quốc của tù trưởng Pim bằng cách hứa hẹn cam đoan bổ dụng ông ta làm một vị quan lớn (sau đó ông ta cai trị bằng cây "roi") (nghĩa là đoạn cây mây song - J.M.), Lời hứa hẹn đó được quan kinh lý An Khê theo lệnh quan Tổng đốc đưa ra vào tháng mười hai năm 1887. Từ vùng của Pim đến vương quốc Sédang, đi năm ngày. Người An-nam bị toàn bộ dân tộc Sédang ghét cay ghét đắng, đến nỗi tù trưởng Jiarai là Ham ở làng Pelei Trim đã được van xin để phá hoại phái bộ đi khảo sát bấy giờ bằng cuộc tàn sát, thì Ham đã trả lời: "Công việc của các ông không phải là công việc của chúng tôi".

Cuối cùng, trước khi đến với người Sédang, thì đã có liên bang, được tổ chức chặt chẽ, liên bang ấy có vị thống lĩnh liên bang, có tổng thư ký liên bang (vì họ đều biết viết chữ), có cảnh sát trưởng liên bang v.v... và v.v...

Tôi không đòi hỏi gì ở nước Pháp, tôi không đòi hỏi tiền bạc, không đòi hỏi tưởng thưởng. Tôi nói: "Người Sédang, một dân tộc độc lập, đã tôn phong tôi lên làm vua, xin hãy để cho tôi yên". Các ngài muốn có mười ngàn người để đi đánh An-nam, đánh Cambodge ư? Tôi phải có cho các ngài ngay. Các ngài muốn những mỏ sắt, mỏ chì, mỏ vàng ư? Tôi sẽ cung cấp chúng cho các ngài ngay.

Ông Công sứ ở Quy Nhơn, tức ông Lemire, mà tôi đã thông tri cho ông tất cả các tài liệu chính thức, những bản hiến pháp của vương quốc, sự liên minh với các lân bang; đã báo cáo những thứ này lại với ông Toàn quyền, vua nước An-nam phải tham khảo ở ông này.

Nhà vua, cũng không hơn gì các ông quan của mình, không biết gì vùng đất này, có lẽ nhà vua sẽ trả lời rằng ngài làm chủ tất cả đất đai vùng lưu vực sông Ba vì rằng con sông

này đổ về đất Phú Yên. Sự xác nhận của nhà vua sẽ sai lầm. Ngài biết rất rõ rằng những vị quan của ngài đều bất lực tiến quân đến An Khê vào một ngày nào đó. Nhà vua biết rất ít chỗ ngài sẽ đến mà, cũng như các vị tiên đế của ngài, nhà vua cần đến các sĩ quan người Pháp để gỡ rối cho các công việc của ngài. Vào thời gian này, Đại úy Luce đã biên soạn tất cả mọi tài liệu để vạch ranh giới cho vương quốc của ông ta. Pétrusky, một học giả nổi tiếng, đã viết một quyển lịch sử An-nam từ thời cổ đại xa xưa nhất, cũng không nói gì về người Mọi. Nhưng bằng cách chấp nhận rằng đất đai của vùng lùn vực này là thuộc về nhà vua thì phải kể cả các tộc người Rodes, người Hagus, người Bahnar, người Guolhar vào đấy luôn, điều này không thích đáng và nó chỉ kéo xa ra cho tới Kontum.

Từ đó còn cần phải đi ba ngày đường nữa để đến liên bang. Vậy nên tôi không phải là nằm trong vùng đất của nhà vua.

Với một câu trả lời rất hợp lý là các nhà đương quyền, các công chức người Pháp có lẽ sẽ nói: "Nếu ông không thuộc về An-nam, thì ông thuộc về nước Siam". Để chấm dứt điều này, những người khác sẽ trả lời: "Tôi sẽ tự mình xin nhập quốc tịch Anh đi"; nhưng phần tôi thì tôi trả lời:

- "Nước Siam không bao giờ đến vùng đất của tôi; nước Siam không nói gì, mà nếu nước Siam có nói theo chiều hướng ấy, thì chính là ông lãnh sự Pháp đã bảo họ nói điều đó".

Hơn nữa nước Siam đã có quyền gì trên người Sédang? Nếu nước Pháp thừa nhận các vùng lãnh thổ của Sédang là thuộc về nước Siam, thì tôi thử hỏi do quyền hạn nào mà nước Pháp lại có những tham vọng về vấn đề nhượng địa trên phía tả ngạn con sông?

Nếu người ta định ranh giới các quốc gia theo dòng chảy của những con sông, thì phải vẽ lại bản đồ châu Âu. Con sông Rhin, đã có cửa sông mở ra ở Hòa Lan và Bỉ, vậy phải chuyển các phần đất của người Đức lại cho hai nước này chăng. Sông Rhône đã cho nước Pháp quyền hưởng đất đai bây giờ phải trả bù lại cho Thụy Sĩ? Tham vọng phi lý ấy sẽ làm cho các nhà ngoại giao nước ngoài bật cười thối. Nếu lý luận này phi lý đối với sông Rhin, thì nó cũng phi lý đối với sông Bala và sông Ba vậy.

Chúng ta hãy chấm dứt vấn đề mà nó chỉ gây ra khó khăn trong việc giải quyết bởi những ý muốn xấu xa.

Người ta có thể chạy xe từ Quy Nhơn đến sông Bla mà không bị tấn công không? Chắc chắn là không.

Nước An-nam có thể cấp hộ chiếu để đi từ Quy Nhơn đến sông Pekau không? Chắc chắn là không.

Nước Siam có thể cho hộ chiếu để đi từ sông Pekau về Quy Nhơn không? Chắc chắn là không.

Tôi có thể cho cấp giấy hộ chiếu đó và dấu ấn tôi sẽ được tôn trọng!

Tôi không phải là vua Aurélie đệ nhất, vị vua có một vương quốc không bằng chứng. Tôi có những vị linh mục của Hội Truyền giáo như là những nhân chứng. Tôi có một bản hiến pháp đã được ký bởi nhiều vị tù trưởng, tôi đã có những nhà cai trị, có một quân đội, có nhiều sống ống, nói tóm lại là đã có một tổ chức đảng hoàng.

Ở nước Pháp, người ta đã đùa cợt tôi rất nhiều. Đó là tinh thần người Pháp; người Anh ít có tinh thần này, và nhiều tinh thần kiên trì, nhất là giàu đầu óc thực tiễn hơn. Hãy xem những đất đai chúng tôi chiếm được của Ấn Độ, của Canada, v.v... thì đủ biết.

Bởi vậy nước An-nam và nước Siam không bao giờ có những người cai quản, cũng không có tổ chức gì trong các vùng đất ấy, trong lúc phần tôi thì tôi đã có tổ chức và một quốc gia đã được thiết lập nên tôi đề nghị chính quyền Pháp nên lợi dụng, không cần phải có một sự thưởng bù về người, cũng như về tiền bạc, nên lợi dụng, tôi nhắc lại những công việc đã được hoàn thiện một cách êm đẹp và nên cho những dân tộc này bước vào phạm vi của nước Pháp bằng cách đặt họ nằm dưới quyền bảo hộ của người Pháp với những điều kiện dễ dàng chấp nhận. Đó là điều cần thiết nếu nước Pháp muốn chiếm nước An-nam, và hơn nữa bằng hành động này, nước Pháp có thể rút ra nhiều mối lợi lớn lao về chính trị và thương mại.

Tôi khuyên ông xét đoán về tình hình này, để cho ý kiến quần chúng nêu ra được một giải pháp.

Xin ông vui lòng, ông giám đốc tòa báo, nhận cho những tình cảm sâu sắc nhất của tôi.

M.DE MAYRÉNA

*
* *

Để có thể tự biện minh một cách tốt hơn, Marie đệ nhất quyết định đi ra Hà Nội, nơi có ông Tổng Trú sứ Trung - Bắc - Kỳ làm việc tại đó.

Thư đề ngày 25-10 của ông Công sứ Lemire đã báo ngày khởi hành đi Hải Phòng của Marie I, trong khi vị "Linh mục phụ trách nhà thờ riêng" Irigoyen và ông xếp Nhiêu quay lui miền núi Mọi.

Mayréna đáp chuyến tàu chở thư phụ vào ngày 29 tháng mười, có một trẻ trai giúp việc đi theo, và đến ở trọ tại khách sạn Gandaubert (tức là khách sạn Thương mại về sau).

Vừa mới đặt chân lên xứ Bắc Kỳ thì ông liền chuẩn bị tiến hành việc tổ chức cụ thể cho Deh Sédang. Chính nhà in của báo Courrier d'Haiphong đã in những tấm bằng được thưởng huy chương Sainte-Marguerite; chính người thợ may Trung Hoa A Kong đã nhận đơn đặt hàng may một nghìn bộ binh phục cho những người lính của quân đội Sédang...

A Kong cho may ngay hai trăm bộ binh phục tại Hà Nội, và người chủ hiệu may bị choáng ngợp bởi sự dạn mua hàng kỳ lạ này đã cho rằng ông ta phải trở thành nhà tổng mại bản cho mọi cuộc đấu thầu của vương quốc Sédang, vì thế ông con trời ngây thơ này đã bán hết tài sản của mình, sắp xếp mọi công việc và sửa soạn tháp tùng hoàng thượng sang Hong Kong!

Có điều là, nếu có một số người Pháp ở cảng Bắc Kỳ muốn nỗ lực để nghiêm túc xem ông ta là vua của người Sédang, thì đa số những người đồng hương của họ chỉ thấy ở nơi con người của ông ta là một kẻ phiêu lưu không hơn...

Mayréna đến thăm ông Đốc lý của thành phố Hà Nội, ông này báo tin ngay tức khắc cho xếp mình là ông Tổng Trú sứ biết rằng vua Marie đệ nhất, như mọi người nghiêm túc, đã chỉ cho ông ta ấn tượng của một kẻ phiêu lưu hoàn toàn không cần tiền bạc (thư số 1162 ngày 31 tháng 10).

Vua của người Sédang đòi yết kiến ông Tổng Trú sứ. Hoàng thượng đã bị ông này từ chối.

Có lẽ để đánh một đòn nặng hơn, Marie đệ nhất lúc đó đã viết thư cho người anh em họ của ông ta, tức là Tổng thống cộng hòa Pháp, một lá thư giải thích. Nhưng, vì ít hy vọng gặp được vị đứng đầu một quốc gia bằng con đường hành chánh, nên ông vẫn nhờ tờ báo hàng ngày "le Courrier d'Haiphong" làm trung gian:

"Ông De Mayréna vừa thông tri cho chúng tôi lá thư sau đây:

Hải Phòng, ngày 04 tháng mười một năm 1888

Kính gửi ngài Tổng thống nước Cộng hòa Pháp

Kính thưa ngài Tổng thống,

Nhờ báo chí, tôi hiểu được rằng tình trạng các dân tộc sống trong vùng giữa xứ Trung Kỳ và sông Mêkông, nói riêng là người Sédang đã gây nên công luận rất gay gắt ở Đông Dương cũng như ở nước Pháp.

Tôi có ý mong rằng chuyện đó chẳng có gì để gây dư luận như thế nào trước khi chính tôi có thể đưa ra những lời giải thích về các dân tộc đó, vì nếu xứ Trung Kỳ đã được thăm dò khảo sát, nếu sông Mêkông đã được thám hiểm ngược dòng, thì vẫn chưa có người nào, trừ tôi ra, dám đặt chân lên vùng đất của các dân tộc tự cho là độc lập này và họ đã sống độc lập một cách thực sự, rõ ràng; bởi vậy tôi sẽ có cái vinh dự để xác nhận với ông điều này.

Tôi đã từ giã người Mọi và đã về đến Quy Nhơn (Trung Kỳ) vào ngày 17 tháng chín. Tôi vừa đến, thì được nghe rằng ông Richaud, Toàn quyền đã đi Huế và sau đó sẽ dừng ở Quy Nhơn, một sự dừng chân bình thường. Tôi mong sẽ nói chuyện được với ông Toàn quyền về tình hình của các dân tộc khác nhau chưa hề có ai biết này; nói về tính chất của họ, để mong xây dựng được nền độc lập của họ một cách khá rõ ràng, và chứng minh điều mà nước Pháp có thể giải thoát cho sức mạnh sinh động và thông minh này từ chỗ không ai biết, ra nơi ánh sáng.

Đến Quy Nhơn, tôi khởi đầu công việc bằng cách đến Tòa Công sứ, tôi đã giao cho ông Lemire, để được chuyển lên ông Toàn quyền một bản trình bày tình hình, nguyên lai của bản

hiến pháp Sédang; nói tóm lại, là tất cả mọi tài liệu nói lên một cách rõ ràng sự thật về các vùng ấy và về hoạt động của tôi giữa các dân tộc ấy.

Trước tôi, có hai người đã thử đi sâu vào bên trong là: ông Navelle, chủ sự bản xứ dân sự vụ, và ông Metz, Trung úy.

Hai nhà du khảo thám sát này; cánh quân đầu tiên sẵn lòng đi không cần lệnh của chính phủ, phái bộ thứ hai có sự chấp thuận; đã được lệnh rút về theo sự yêu cầu đầu tiên, không bàn luận về biên giới, đã đơn thuần đi về vùng của các cha giáo sĩ truyền giáo. Chính là với sự hợp tác của Cha Guerlach mà người đầu tiên đã viết xong quyển sách "Du Thinaï au Bla" ("Từ Thi Nại đến sông Bla"), người thứ hai hoàn thành được tám bản đồ đường đi.

Đi cho tới vùng các cha, có các cha đi theo - đó là trường hợp của hai nhà du khảo thám hiểm kia - thì không phải là điều quá khó khăn. Từ hơn ba mươi năm trước các cha đã ở đó để chú ý: ông Navelle hiểu được điều đó nên đã muốn thăm viếng vài làng, nhưng tất cả đều đóng cổng làng và nói: Chúng tôi đang Dieng (Dieng là một tập quán về tín ngưỡng mà không ai có thể vi phạm được; một làng Dieng thì được kính trọng không ai có thể vào làng, nếu không thì sẽ thấy toàn thể dân làng nổi dậy để trừng phạt kẻ len lỏi vào làng; và nếu kẻ vi phạm lãnh thổ làng Dieng mạnh hơn, thì tất cả các làng lân cận đều tập hợp lại để bắt kẻ ấy phải tôn trọng làng Dieng).

Vậy thì không có năn nỉ xin xỏ gì được; chính các cha, đã quen tập quán và đã biết rõ, cũng không dám làm điều năn nỉ để được vào làng lúc đó, cho nên ông Navelle đành phải rút lui.

Ông Metz cũng vậy, cũng không yêu cầu đi thăm viếng các làng; ông đã đi một quãng đường với các cha, và ở lại nhà các cha.

Đó là tình hình vào tháng giêng năm 1888, hướng chi tình hình còn căng thẳng hơn vì ở phía Bắc đã có những vụ rắc rối càng nhiều lên với nước Siam, và phần khác, một phái bộ người Phổ sắp khởi hành để đi thám sát các dân tộc chưa được ai biết đến ấy. Tôi cũng đã yêu cầu để đi, lời yêu cầu của tôi đã được ông Toàn quyền lúc đó chấp nhận; đó là ông Constans; và tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm.

Tôi thì tôi đã không dừng lại ở vùng của các cha, tôi còn đi rất xa, lên cao đến nỗi các cha chưa bao giờ dám đi về phía sườn núi nữa.

Nhưng phải thực hiện điều đó thôi, đó không phải là tôi đã làm một cuộc đi dạo chơi, cũng không phải là làm một cuộc khám phá: mà tôi đi - đó là mục đích của tôi - để ngăn cản người Phổ chiếm địa vị là người đầu tiên đặt chân vào các vùng chưa hề ai biết tới này. Mặc dầu ngày nay người ta có thể nói, không ai có thể ngăn cản phái bộ đó và phái bộ đó đã xác chứng một cách rất minh bạch là họ đã làm người đầu tiên tới các vùng đó:

- 1- Rằng đất đai là thuộc về bất cứ ai là người chiếm đầu tiên.
- 2- Rằng sức mạnh ưu tiên hơn luật lệ.

Tại sao tôi đã thành công?

Câu trả lời của tôi và những sự kiện đã xác chứng ý chí tuyệt đối của các dân tộc này khi họ cố giữ sự độc lập của họ.

Tôi đã thành công, bởi vì, ở làng đầu tiên họ đã đóng cổng không cho tôi vào, tôi đã trả lời:

"Tôi không cố đi vào vùng đất các bạn đâu, nếu tôi đến để gặp các bạn chính vì tôi đã đi trước các người châu Âu như tôi, nhưng họ muốn đến chiếm đất đai lãnh thổ của các bạn thôi".

Lúc đó tôi không có gì hơn là một ông cha duy nhất và toàn hộ vệ ông gồm có mười người Bahnar, nhưng làng đầu tiên hưởng ứng hoàn toàn, rồi đến một làng khác và cứ thế mà tiếp tục, và khi vào một hôm, tôi đến tận Attopeu, tôi đã có một đạo quân hơn hai nghìn người được trang bị vũ khí, đạo quân này cứ lớn mạnh lên suốt trong thời gian tám ngày tôi ở lại tại Keudion.

Một lần đi đến, tôi được tôn làm lãnh tụ tối cao, rồi được tán tôn phong làm vua, bởi vì tôi sẽ bảo vệ được nền độc lập của vùng này, và không vì một lý do nào khác.

Như vậy, tôi đã đến Quy Nhơn để giải thích tình hình ấy cho ông Richaud và cung cấp cho ông những điều chỉ dẫn gần liền với bốn nét lớn sau đây:

- 1- Miêu tả vùng đất và những cư dân sống trên đó,
- 2- Trình bày những sản phẩm; sự giao thương, những thị trường tiêu thụ;
- 3- Tình hình các nhóm dân ấy đối với lân bang của họ;
- 4- Tương lai của các dân tộc ấy; những gì mà nước Pháp có thể thu nhận được từ các dân tộc đó.

Ông Lemire, bằng điện tín, đã báo trước cho ông Toàn quyền lúc tôi đến nơi (Tài liệu số 1), và đã nhận được một điện tín trả lời rằng ông đã chuyển cho tôi bằng thư đề ngày 19 tháng chín, số 863 (Tài liệu số 2).

Hôm nay tôi đến, thưa ông Công sứ, để trình bày với ông tình hình mà tôi chưa có thể giải thích cho ông Toàn quyền.

1. Miêu tả vùng đất và những cư dân sống trên đó:

Vùng đất nằm giữa sông Mêkông và dãy Trường Sơn của xứ Trung Kỳ là một vùng đất hoàn toàn tách biệt vùng đất có

giới hạn thiên nhiên được cấu tạo bởi hai đường giao thông lớn: đường sông Mêkông và đường sông Bla. Đất được cấu tạo phì nhiêu bởi con sông Bla, một con sông rộng, và bởi hàng ngàn dòng nước gọi là Dak, tất cả miền này đã tự túc cho chính nó, cư dân đã ít có hoạt động không có liên lạc quan hệ với người Siam và người An-nam.

Đất đai được phủ một lớp mùn của rừng cây, vùng đất này là rất mấp mô. Những dãy núi tiếp theo nhiều dãy núi khác, và khi người ta đã leo lên đỉnh núi Kong Ering hoặc đỉnh Kong Brai, người ta chỉ nhận thấy xung quanh mình những dãy núi mênh mông bao phủ toàn những rừng rậm.

Ở giữa những núi ấy, ở giữa cái dồi dào sức sống ấy, thì cái chết đã không hề khoan dung cho số cư dân ở đây. Vô số đầm lầy đã sản sinh ra những cơn sốt rét ngã nước, chất mùn của cây mục ra đã thai nghén nên những cơn sốt gỗ mục rất đáng sợ và rất khó chữa lành, bệnh sốt ác tính (*les fièvres pernicieuses*) thường tước đi mạng sống từ cơn sốt đầu tiên, bệnh ỉa chảy (*la diarrhée*) và bệnh lỵ (*la dysenterie*). Tất cả những bệnh tật đó không muốn nói rằng vùng này là vùng không thể ở được. Cha Dourisboure đã trải qua ở đây trong ba mươi năm rồi và vẫn còn sống; cũng đã trải qua mười ba năm mà cha Vialleton đã ở đây; tôi cũng đã sống ở đây trong nhiều tháng, và cuối cùng, nếu vùng này là một vùng chết chóc thì số cư dân ở đây đã lụi tán hết rồi. Người ta có thể vượt qua bệnh tật đau ốm, nhưng phải theo một phương pháp; biết hướng dẫn cuộc sống theo quy tắc chặt chẽ; nên tránh ánh nắng mặt trời; không nên mặc phải điều khinh suất, thiếu thận trọng; phải miệt mài vào một công việc thích hợp và tránh những sự dư thừa của mọi thứ tự nhiên.

Trong vùng này, có hai mùa khác biệt rõ ràng: mùa mưa và mùa khô nóng. Cuối tháng Janvier, mặt trời xuyên thủng lớp

mây dày, sức nóng rất dữ dội, lá cây khô vàng và những con suối đã từng là những dòng thác trong tháng Decembre, đều bỗng nhiên hạn khô. Sức nóng của mùa khô là rõ rệt hơn nhiều mà không hiếm khi thấy nhiệt kế trong ban đêm chỉ số 40, 30 và kể cả 20 trên số không. Ban ngày nhiệt độ lên từ 37° đến 40°.

Vào khoảng tháng Mai, bầu trời bị đầy mây dày bao phủ, tiếng sấm nổ ì ầm, mưa bắt đầu rơi dữ dội. "Bầu trời chạm mặt đất" như người dân bản địa đã nói.

Những dân tộc khác nhau này từ đâu đến, họ chung sống trong một phạm vi rộng lớn như vậy và họ không nói cùng một ngôn ngữ? Câu hỏi này tôi đã từng đặt ra với các nhà truyền giáo đã đến ở đây từ lâu. Cha Viallton, rất thông thạo về các phong tục tập quán, đã không thể trả lời tôi được; cha Guerlach, nhà nghiên cứu không biết mặt mũi và thông thái, thì cha cũng không thể nào giải quyết được vấn đề đặt ra.

Trong tất cả những chuyến đi và chuyến đào xới của tôi, thì tôi đã tìm được vết tích của thời quá khứ, nhưng tôi cũng không tìm được điều gì hơn nữa. Trong những cuộc khai quật, tôi đã tìm thấy những cái rìu bằng đá trau, nhưng không có một pho tượng, không có lấy một hòn đá có khắc chữ. Vậy nên tôi không thể nào xác định được nòi giống, cũng không xác định được nguồn gốc của các nhóm dân tộc ấy, điều mà tôi có thể nói là họ không có gì giống với người An-nam hoặc người Trung Hoa, và họ khác với người Lào, người Xiêm hoặc người Cao Mên.

Vùng đất này có một diện tích rộng đáng kể, và một cách chắc chắn thì nó cũng rộng lớn bằng các tỉnh Sài Gòn, Biên Hòa và Bà Rịa hợp lại.

2. Trình bày những sản phẩm; sự giao thương; thị trường tiêu thụ sản phẩm:

Trong các vùng đất này người ta tìm thấy đủ mọi loại sản phẩm của các xứ nhiệt đới và người ta có thể, trên các cao nguyên, trồng được cả những sản phẩm của châu Âu.

Trong số các sản phẩm hiện có, tôi sẽ kể ra cây mía, cây chà, cây bông vải, cây quế, cây cau, cây dừa, sáp ong, cánh kiến trắng (còn gọi là an tức hương), sắt, vàng.

Lúa gạo, thực phẩm căn bản ở Đông phương, thay thế cho bánh mì, chính gạo là loại thực phẩm thiết yếu hàng đầu.

Cây lúa ở đây được trồng trọt, không bằng ruộng nước như ở Nam Kỳ, ở Trung Kỳ và trong vùng châu thổ Bắc Kỳ, mà như trồng lúa mì ở châu Âu. Sản lượng là 100 trên 1.

Sau cây lúa thì đến cây bắp, người dân bản địa đã tiêu thụ một lượng lớn hạt bắp. Kê cũng được trồng ở đây, và với những thứ hạt ngũ cốc người dân trong vùng này đã chế biến một thức uống ủ cho lên men.

Cây bông vải mọc một cách dễ dàng; nhưng sự trồng trọt cây bông vải bị giới hạn vào nhu cầu địa phương, người bản địa chỉ trồng cho họ đủ dùng, không có ý xuất cảng.

Cây thuốc lá được trồng trên một bình diện rộng lớn, vì ở đây tất cả mọi người đều hút thuốc lá.

Cần phải có một ngành đặc biệt và cần có nhiều năm nghiên cứu để viết ra tất cả các thứ gỗ quý của rừng ở đây. Cây thông, không hề được biết đến ở xứ Nam Kỳ, đã phát triển với sức sống mạnh mẽ; người ta cũng tìm thấy một loại cây tương tự như cây sên (chême), và cũng sản sinh những hạch (glands) như cây sên; người ta bắt gặp khắp nơi những từ cây gỗ tứ thiếc, có màu đỏ và đen, gỗ mun v.v...

Những nhóm cư dân ở đây chỉ giao thương giữa họ với nhau; họ chỉ xuất cảng về phía biên giới xứ Trung Kỳ, sự giao

thương này được thực hiện bởi người Mọi ở các biên giới, họ về tận ngôi làng ở bên trên An Khê, đổi gạo lấy muối hoặc đổi những sừng gạc của động vật hoặc đổi sáp ong để lấy chum ghè. Tất cả sự liên sinh hoạt này chỉ có bởi các làng ở ranh giới, người cư dân bản địa ở bên trong nội địa của vùng đất này không muốn có một liên hệ nào với người An-nam. Giới hạn cực xa của sự giao liên sinh hoạt này là làng của "sếp" Pim, chính "sếp" thỉnh thoảng cũng có xuống núi với những nô lệ của ông ta để đổi gạo lấy muối. Tất cả những cư dân bản địa ở bên kia ngôi làng của Pim đều gửi sản phẩm để đi trao đổi từ làng này sang làng khác mà thôi.

Cư dân bản địa càng ghét người An-nam và từ chối lòng tham lam của họ chừng nào thì lại thích buôn bán với người Lào - Xiêm hoặc người Xiêm thuần túy chừng ấy. Chính vì thế mà các sản phẩm đã dồn về nơi đây, chính về phía này mà người ta đã có sự buôn bán thật sự về các động vật có sừng, có gạc; vải vóc; quặng mỏ. Tôi cũng nói rõ rằng ngày xưa thì cư dân bản địa đã chuyển hàng hóa của họ đến Golhar và đến Habau rồi đi về xứ Trung Kỳ để trao đổi các hàng hóa đó, nhưng ngày nay thì họ dồn số hàng hóa đó về phía nước Xiêm. Hành động này đã xảy ra từ sáu tháng nay và sở dĩ như vậy là bởi vì đức vua nước An-nam đã đặt trạm thu thuế quan ở ranh giới, và trạm này đã lừa đảo người bản địa. Những con người tự do ấy không hiểu được, và sẽ không bao giờ hiểu được rằng để đổi một "picul" gạo, thì họ bị mất đi một phần tư giá trị món hàng trao đổi của họ.

Vậy nên, bây giờ người Hadrong, người Bahnar, người Jiarai, người Reungao đều cho hàng hóa sản phẩm của họ đi qua ngã Attopeu. Về phần người Sédang, người Hallang, người Brao, thì họ không bao giờ đưa một hạt gạo, hay một thứ hàng hóa gì đến xứ Trung Kỳ. Tất cả những giao liên về bên ngoài họ đều thực hiện với nước xiêm.

3. Tình hình các nhóm dân ấy đối với các lân bang của họ:

Tình hình các các nhóm cư dân ấy đối với các lân bang của họ, nước An-nam và nước Siam, có thể thu gọn vào một chữ duy nhất: độc lập.

Khi người ta thực hiện ký những thỏa ước, những hiệp ước, người ta đã quên hoặc không biết đến các dân tộc sống tách rời hai quốc gia: Siam và An-nam.

Và thực ra, ai đã từng sống trong vùng này? Những giáo sĩ truyền đạo Thiên Chúa, lên cho đến sông Bla. Nhưng vì ngược lại với những tập quán cổ xưa, nên người ta đã chối từ việc đến tham khảo ý kiến các vị này.

Vậy, ngày nay ta phải bàn luận về điều đã từng không thể bàn được.

Chúng tôi khởi hành từ tỉnh Bình Định, và trong lúc chúng đi tới trước, chúng tôi đã thu thập được nhiều bằng chứng về sự độc lập của các dân tộc ấy đối với nước An-nam.

Nếu ngày nay người An-nam đã làm chủ toàn bộ đất đai từ biển cho đến sông Ba, vượt qua bên kia của vùng An Khê, chính là bởi cái quyền của kẻ chiến thắng một phần, phần khác là bởi cái quyền làm sở hữu chủ được thiết lập bởi sự di dân.

Phải chăng chính vì cái quyền của sự chinh phục mà nước An-nam đã sở hữu được các vùng đất đai mà tôi xác nhận là vùng độc lập?

Đối với câu hỏi này thì người ta có thể trả lời là không phải, vì để làm một cuộc chinh phục thì phải điều động đến tại chỗ nhiều đạo quân, đằng này không bao giờ, thật là không bao giờ cả - lịch sử An-nam là ở chỗ đó - không bao giờ có một đạo quân nào đã vượt quá cái điểm mà hiện nay vị

tướng An-nam là quan Tri phủ đang đóng ở đó, quan Tri phủ đã chiếm đóng và quản nhiệm một thành trì trên ranh giới tỉnh Quảng Ngãi, ở hướng đông bắc tỉnh Bình định.

Ngoài ra, ở đó người ta còn thấy được một tường thành, tường thành này chẳng có lý do gì để tồn tại ở đó cả nếu nó không phải là để làm ranh giới. Và chẳng vị quan trấn ấy đã có sứ mạng là ngăn chặn người Mọi xâm chiếm lãnh thổ An-nam.

Nếu không phải bởi sự chinh phục, thì chỉ còn cái quyền làm sở hữu được thiết lập bởi sự di dân đến khai phá, một phương sách được sử dụng từ thời xưa của người An-nam.

Chúng ta hãy xem lại lịch sử của đế quốc An-nam.

Vào năm 1344, nhà nước An-nam đã đặt những quan chức gọi là quan Kinh lý, có bốn phân khu vực khuyến khích dân chúng bành trướng sang bên kia các đường ranh giới. Hai mươi đội lính được giao nhiệm vụ bảo vệ chính sách ấy. Không ngừng bị ép bởi những người láng giềng ở phương bắc, lại bị kẹp thành lối hẹp giữa biển ở phương đông và núi non ở phương tây, nước An-nam chỉ có thể bành trướng về phương nam (Pétrusky, Lịch sử nước An-nam).

Lịch sử đã chứng minh điều này, trong mọi thời nước An-nam đã tiến hành bằng sự thâm nhập chậm chạp hơn là bởi những trận chiến đấu đẫm máu. Sự chiến đấu công khai vẫn được theo đuổi luôn luôn, và khi có sự chiến đấu xảy ra thì liền có sự chiếm cứ bởi các cuộc di dân lập ấp.

Tỉnh Phú Yên chỉ bị sáp nhập vào năm 1647.

Cũng chính bởi sự thúc đẩy liên tục ấy mà người An-nam đã làm sở hữu chủ tỉnh Bình Thuận, rồi đến tỉnh Bà Rịa và cả miền đông Nam Kỳ. Nhưng họ đã hết sức tránh vượt qua

những dãy núi đầu tiên ở hướng tây (Pétrusky, Lịch sử nước An-nam).

Vậy, nếu họ đã đẩy lùi người Cambodge, người Khmer, người Chăm, thì điều này đã chứng tỏ rằng những dân tộc này đã có quyền làm chủ xưa hơn; và nếu những giống người này đều rút lui về hướng tây, ở bên kia dãy núi, thì điều này chẳng có gì chắc chắn cả, như thế thì không hẳn những vùng đất mà họ chiếm cứ hiện nay phải là thuộc về của họ. Paris không phải thuộc về nước Đức bởi vì nước Pháp đã mất đi hai tỉnh.

Quan Kinh lý, vị quan cầm đầu chính thức của việc di dân lập ấp mà lỵ sở đóng ở An Khê, thì quan thường ở đâu? Theo chính sách di dân lập ấp, thì ông kinh lý, với những kiều dân của ông, vẫn ở còn cách xa làng Amré, làng Mọi đầu tiên và là làng độc lập, và để đi từ làng này tới sông Bla thì phải đi năm ngày cật lực. Để đến cho được bên sông Bla với phương sách thực dân thì họ phải cần đến mười lăm năm, thế là họ vẫn còn mau đấy, vì họ đã mua đất ở vùng người Mọi phía trên An Khê (Bình Định) và Tra Kê (Phú Yên). Tôi đã có những bằng chứng ở điều quy định của chính phủ.

Điều này đã thành công được một lần - mua đất đai - chứ không thành công mãi được, ông Kinh lý đã làm những việc dễ nghị vô ích với Pim, kẻ tù trưởng độc lập.

Pim là người có tính độc lập, vì ông Lemire, Công sứ, đã viết cho tôi vào ngày 15 tháng tư năm 1888, thư số 728.

"Có lẽ ông đã có cơ hội gặp được tù trưởng Pim, con trai của Kiem"; rồi sau những lời giải thích nói rằng Pim là người đứng đầu một liên bang, ông đã kết lại bằng những chữ này:

"Pim là người chẳng theo ai, đang sống như là một đồng minh mà nền độc lập của ông ta phải kính nể".

Điều này rõ ràng, chính xác là thế; lá thư mang dấu hiệu bảo hộ trên tờ giấy, có số vào sổ công văn gửi đi, và ông Công sứ, một công chức Pháp đại diện cho nước Pháp đã cho biết người tù trưởng có tính thích độc lập này, và điều đó đến trước khi tôi khởi hành, trong lá thư khuyến cáo của ông.

Không tin ông Công sứ là điều dễ, nhưng sự kiện thì còn đó, thì "à fortiori", nền độc lập đó không thể bàn cãi được đối với tất cả vùng đất trải dài từ những làng của Pim cho đến sông Mêkông.

Có cần một chứng cứ thứ hai sau chứng cứ thứ nhất chẳng?

Pim, mà tôi đã vận động cho ông ký một thỏa ước với nước Pháp, đã kể cho tôi nghe rằng quan Kinh lý đem nhiều quà tặng cho ông để làm cho ông trở thành chư hầu của nước An-nam; quan Kinh lý đã đề nghị với ông là đổi lại cho sự thần phục ấy bằng chức tước một vị quan. Pim đã từ chối.

Khi trở về, tôi đã đến nhà quan Tổng đốc vào ngày 18-10-1888; tôi đã có đem theo với tôi một người Thiên Chúa giáo làm thông ngôn, và một đại úy là người có thể xác nhận cho sự kiện này.

- Quan Tổng đốc, tôi nói với ông, biên giới xứ Trung Kỳ ở đâu?

- Con sông Sông Công.

- Sông Công ở chỗ nào?

- Tôi không biết gì về nó.

- Ai cai trị cho đến chỗ đó.

- Tôi.

- Và Pim? Ông không chỉ huy anh ta à; tôi đã gặp anh ta, anh ta nói với tôi rằng do lệnh của ông anh ta phải nhận những lời đề nghị, nhưng anh ta đã từ chối phải không?

- Vâng, anh ta không muốn chấp nhận.

- Và lúc đó, Pim không ở tại nhà ông, làm thế nào ông có thể cai trị vùng đất vẫn còn ở trên đó? (Tôi chỉ cho ông ta xem bản đồ).

Quan Tổng đốc đã bị khá lúng túng, và sau một lát do dự, ông trả lời:

- Tôi không biết gì về tất cả chuyện đó, tôi chưa bao giờ đi qua thành An Khê và tôi trả lời cho điều mà người ta bảo tôi trả lời.

Vậy, những dân tộc sống trên vùng đất giữa nước Siam và nước An-nam đều độc lập với nước An-nam, đó là điều rõ ràng, mặc cho niềm tin sai lầm của người dân An-nam.

Ngoài ra, không cần phải nói rằng trong một văn phòng, với những tấm địa đồ trước ông, "mà chúng tôi đã nắm được cho đến một điểm nào đó", phải chứng minh cho ông thấy một cách rõ ràng, và để làm điều đó, thì ít nhất cũng phải đã từng sống trong vùng đó. Vậy mà, ai đã sống trong vùng có người Sédang? Không ai cả. Chưa bao giờ có một vị quan lại An-nam đặt chân lên vùng này và cũng chưa có ai tỏ ra có uy quyền cai trị ở đây. Vâng, có những người cu-li đã từng đi đến vùng này cho đến sông Bla để mang đồ tiếp tế cho các cha, mà chỉ đi theo một con đường để làm chủ một con đường lớn đã bị chiếm?

Những giống dân khác nhau ấy đã sinh sống lẫn lộn với nhau và tự cung tự cấp. Một thức ăn duy nhất mà họ thiếu hẳn, đó là muối, thức ăn này họ phải đi đổi lấy nó ở vùng trên An Khê, nơi đó có một trạm thuế quan của An-nam. Vậy thì, giáp giới là ở chỗ có trạm thuế quan ấy.

4. Tương lai của các dân tộc ấy, những gì mà nước Pháp có thể nhận được từ các dân tộc đó.

Nền độc lập của các dân tộc ấy đã được thiết lập, và sự kiện đó không những chỉ được chứng minh bởi những chứng cứ mà tôi đã đưa ra, mà còn bởi sự làm chứng của tất cả những người có hiểu biết về nước An-nam từ thời đi chinh phục, lại còn chứng minh bởi những phúc lợi mà nước Pháp có thể rút từ tình hình mới ấy ra nữa

Nếu người Sédang, để chỉ nói đến người Sédang, vẫn còn nằm lại trong tình trạng hiện tại thì họ sẽ tiếp tục canh tác đất đai, gặt hái những sản phẩm tự nhiên, đãi vàng trong các con sông của họ.

Tất cả những sản phẩm ấy, sáo ong nguyên chất, gà sao, cánh kiến trắng (hay an tức hương), sắt, chì và vàng đều được đem bán, hoặc ít nhất là được đem đổi ở nước Siam, và trao đổi hoặc bán chác này đem lại lợi tức đến 300% về lợi nhuận cho người Siam.

Thực vậy, trong số những hàng hóa trao đổi ấy có một thứ đã đã đánh mạnh vào tôi một cách đặc biệt.

Một người Xiêm, trước mắt tôi đã bán hai khuỷu tay (couées) vải cô-tông cho một người Sédang, người này đã trao đổi bằng một ống nhỏ đựng bột vàng. Ống này thường chứa 3gr vàng.

Vậy là người Xiêm đã có đến 9franc đổi lấy số vải chỉ bằng 1 franc.

Những sản phẩm, sáo ong và những sản vật khác, đều được đổi chác trong cùng những điều kiện như vậy. Một chén lớn đầy sáo được đem đổi lấy một lá chì mỏng tanh mà giá trị của nó chỉ bằng 0,10fr và bánh sáo đem về Quy Nhơn sẽ bán được 2,50fr.

Thừa nhận, nền độc lập của vùng này và làm cho nó trở thành một đồng minh, chính là:

Mang lại cho nước An-nam, và bởi vậy là cho nước Pháp bảo hộ, một số lượng sản phẩm đáng kể.

Và hơn thế, chính là mở một lối ra rộng rãi cho sản phẩm của Pháp, thứ sản phẩm này sẽ tìm được cách đổi lấy số lãi gấp ba mươi hắc bốn mươi lần giá trị của chúng; chính là mở các vùng này cho kiều dân Pháp có thể đến đó làm việc một cách tự do và bảo đảm an ninh; chính là, không cần phải tốn chi phí một chút nào, không cần phải đánh chác để giao chiến, mà lại có một sức mạnh sinh động của hai mươi ngàn chiến binh dùng làm đệm giữa các nước Cambodge, Xiêm và An-nam, và nối ba điểm này lại để cho quyền lợi của nước Pháp trở thành vùng liên kết.

Thưa ông Công sứ, tôi tin rằng những lời giải thích này sẽ làm cho ông nắm lấy được một sự quyết định đáng kể cho lợi nhuận của nước Pháp.

Xin ông vui lòng, thưa ông Công sứ, chấp nhận cho sự biết ơn cao quý nhất của tôi đối với ông.

MARIE DE MAYRÉNA

"Vua của người Sédang"

*
* *

Mặc cho sự tán dương đẹp đẽ và mặc cho sự khoác lác của ông, Mayréna cũng không làm sao thuyết phục được người dân Hải Phòng. Một người duy nhất bằng lòng bỏ tiền bạc để tham gia vào công việc của người Sédang này, chính là người Trung Hoa A Kong; ông ta đã theo Marie đệ nhất sang Hồng Kông, mà hoàng thượng sẽ mua hai chiếc xà lúp tại đó... để mê hoặc tốt hơn nữa người thợ may cung cấp hàng của ông, Mayréna đã xuất trình cho ông ta coi một hồi phiếu giả mạo 200.000franc mà đức ông Van Camelbeke đã ký chuyển cho

ông; mà từ khi đổ bộ xuống Hong Kong, Marie đệ nhất sẽ đến lấy tiền ở linh mục quản lý Hội Truyền giáo, cha Lemonnier!

A Kong không may nghĩ ngờ do dự. Chính ông đã cho may liền hai trăm bộ quân phục tại Hà Nội; chính ông đã, dưới chỉ dẫn của một nhân viên nhà đoan cũ làm thợ may, ông Bénigni, đã cắt những bộ y phục lộng lẫy cho hoàng thượng, cho quan cận vệ và cho quan quản lý của vua; chính ông đã cố nài nỉ để lãnh nhận từ nhà vua số tiền tạm ứng như đã được hứa vào hôm trước khi khởi hành là ba trăm đồng ở Marie đệ nhất, trên khoản tiền 3400 đồng.

Vào ngày mười tháng mười một này, trong phòng trọ hoàng gia ở khách sạn Gandaubert đã diễn ra một cảnh buồn cuối: vì ba trăm đồng ấy đã được giao lại cho Mayréna qua sự trung gian của một ông Liébard nào đó, nhân viên của công ty vận tải đường sông, Marie I lại không viết biên lai giao cho A Kong, A Kong bèn chạy tới khách sạn để báo sự ra đi của ông ta. Marie đệ nhất liền viết biên nhận là năm trăm đồng, A Kong phải bù cho đủ số tiền ứng trước ấy cho nhà vua là hai trăm đồng nữa.

Vua của người Sédang được tháp tùng bởi nhà lãnh thầu trò chơi trong tương lai của nhà vua và ba người An-nam, đã rời Hải Phòng vào ngày 11 tháng mười một để đi Hồng Kông, trên chiếc tàu chạy bằng hơi nước của Đan Mạch Freij, thuyền trưởng Lünd, người ký nhận hàng là Ulysse Pila.

Và tàu Freij đã giương lên tận đỉnh cột cờ chính cây cờ hiệu màu xanh của vua Marie đệ nhất!

*
* *

Bằng lá thư ngày 26 tháng mười một 1888, ông Lãnh sự Pháp ở Hồng Kông đã nói với ông Toàn quyền xứ Đông Dương

ngày tới của vua người Sédang như sau: "Ông De Mayréna đã đến đây từ mười ngày nay rồi. Xã hội người Anh đã dành ông ta một sự tiếp đón đầy tình cảm nồng hậu, vì ông ta đến để mua một chiếc tàu hơi nước và để tìm nguồn vốn. Các giáo sĩ truyền giáo đã nhìn nhà kinh doanh của họ với con mắt rất độ lượng, và không tiếc cho ông ta nhiều sự hợp tác về đạo đức mặc dầu các giáo sĩ này đều có ước vọng biểu lộ ra là nên dừng lại ở khía cạnh tâm linh và tôn giáo của công việc. Marie đệ nhất đã được tiếp đón bởi nhà cầm quyền, tỏ ra rất kinh ngạc vì những hiến kế của ông ta đều bị chính phủ bảo hộ từ chối hết". Ký tên: H.Verleye.

Và ông này vẫn còn là một người bị mê hoặc bởi Mayréna! Vì trong mọi lá thư của vị lãnh sự của chúng ta đều tỏ ra một cảm tình nồng hậu thực sự đối với nhà mạo hiểm phiêu lưu: ngày 30 tháng 11, ông Verleye cũng đã yêu cầu ông Toàn quyền rằng nếu ông nhìn với con mắt thiện cảm thì nhóm tài phiệt Bavier - Chauffour sẽ để ý đến công việc khai quặng mỏ của vua người Sédang.

Thực tình, chính ở Hồng Kông, còn hơn cả ở Đông Dương, Mayréna đã vẫn tiếp tục làm ra vẻ trịnh trọng, làm ra vẻ sáng hơn lên.

Báo Le Courrier d'Haiphong ngày 02-12 đã đưa tin tóm tắt cuộc phỏng vấn mà Hoàng thượng Marie đệ nhất đã hạ cố dành cho một nhà biên tập báo China Mail.

"Báo chí Hồng Kông, ít nhiều đều nói đến chuyện Mayréna đến hải cảng này. Một trong các tờ báo ở đây, tờ China Mail ngày 15 tháng 11, cho công bố một bài dài đến hai cột báo, dưới nhan đề: "Vua của người Sédang ở Hồng Kông. Một cuộc phỏng vấn với hoàng thượng".

"Sau lời mở đề giới thiệu khá dài có liên quan đến chính con người của ông De Mayréna, việc ở trọ tại "Hong Kong

Hôtel" v/v... người biên tập báo Chiana Mail, bằng lời hỏi và đáp, đã kể lại những thông tin được vua của người Sédang cung cấp cho ông. Về vấn đề phái bộ người Phổ tìm cách xâm nhập sâu vào vùng những dân tộc thiểu số sống độc lập ở xứ Đông Dương, nhà vua Sédang đã tuyên bố rằng ông Constans đã từ chối cấp một đoàn hộ vệ cho phái bộ này, cuối cùng phái bộ ấy đi sang Bangkok và thâm nhập cho đến vùng Bassak, được hộ tống bởi những người lính Xiêm.

"Vào cuối buổi phỏng vấn, ông De Mayréna đã nói: "Tôi đã bắt đầu chán ở Hong Kong" (câu này được viết bằng tiếng Pháp trong báo China Mail). Người bạn đồng nghiệp của chúng ta còn nói thêm rằng vào lúc nhà biên tập sắp rút lui, thì ông De Verleye, lãnh sự Pháp tới, ông lãnh sự làm một cuộc viếng thăm riêng tư với ông De Mayréna, và nói thêm rằng ông Mayréna ngay trong buổi chiều hôm đó, phải làm một cuộc thăm viếng ông Thủ hiến Hồng Kông, nhưng không với tính cách chính thức nào".

Vua của người Sédang hơn bao giờ hết, đã bận tâm để ý đến quốc gia và những thần dân của ông, để cho những người này không còn biết đến, có lẽ thế, sự ân cần đầy tình cha, ông đã chia phần với cha Guerlach về hành động và tư cách của nhà vua.

Hong Kong, 23 tháng 11 năm 1888

Thưa Cha thân kính,

Tôi hiện ở Hồng Kông, tôi muốn, trước khi đi Paris, bảo đảm tương lai cho người Sédang của tôi và tương lai của liên bang Bahnar Reungao. Tôi không muốn nói với cha về tất cả mọi sự khó khăn mà tôi đã gặp phải đối với các nhà chức trách đương quyền người Pháp, dưới chiêu bài bảo hộ, họ muốn rằng các dân tộc thiểu số Bahnar, Sédang, v.v... phải là

người An-nam. Vấn đề nô lệ, bảo hộ người An-nam nghèo khổ giữ một vai trò quan trọng. Nói tóm lại, tôi đã thấy những toán quân đến xâm lược vùng này, và tôi bị bắt buộc phải làm cuộc chém giết để bảo vệ dân tộc tôi. Ngoài ra, tôi đã quyết định ở đó. Rồi, thấy cách giải quyết của tôi, người ta đã phải lên tiếng. Tôi vẫn luôn luôn tự tin, tóm lại, là trong một thời gian tôi phải bỏ việc đi sang châu Phi.

Tôi đã đi đến Hồng Kông, trên lãnh thổ người Anh. Báo Times ở Luân Đôn đã viết nhiều bài ca tụng hay nhất về tôi; tất cả các báo ở Hồng Kông đều dành cho tôi khi vừa đến đây, tôi đã đưa danh thiếp của tôi cho ông Thủ hiến; chúng tôi đã đến gặp nhau vào lúc 1h sáng; vào lúc 7h mai. Người sĩ quan tùy tùng của vị Thủ hiến đã ở lại nhà tôi. Tôi đã làm những cuộc viếng thăm của tôi trong bộ đồ lớn: quần dài trắng có sọc bằng vàng, đai nịt màu đỏ, mang dây lớn đeo huy chương S^{te} Marguerite. Ngài Thủ hiến đã nói chuyện với tôi suốt trong một giờ đồng hồ, với bản đồ dưới mắt. Ngày chủ nhật, đã có một bữa đại dạ tiệc, gồm tất cả mọi hạng người Anh tai mắt. Lãnh sự Pháp đã đánh điện mời tôi ăn cơm tối vào ngày sau. Ông lãnh sự đã nói với tôi ông đừng nên lao vào nước Anh. Ông muốn gì? Tôi đã giải thích cho ông ta biết rằng trước Thượng đế và trước dân tộc của tôi, tôi phải giúp đỡ và bảo vệ người Sédang, và rằng tôi sẽ bảo vệ nền độc lập của họ hoặc là chết trên cảnh điêu tàn các làng của họ. Tóm lại, ông ta đã nói với tôi: Hãy viết ra điều gì mà ông muốn nói, để tôi viết thư cho Bộ. Trong lúc đó, người Anh không khoanh tay ngồi yên. Ông Toàn quyền Anh đã nói với tôi rằng Nữ hoàng sẽ rất sung sướng được đón tiếp tôi. Tôi là vua, và nước Anh sẽ đối xử với tôi như là vị vua. Tôi muốn đi Macao để làm công việc ngoại giao như thế đối với Bồ Đào Nha, nhưng ông Lãnh sự đã nói với tôi: ông nên giữ yên lặng. Bây giờ chúng tôi đi qua

nói chuyện nghiêm túc, nghĩa là nói đến sự tổ chức. Ông lãnh sự không muốn ông Toàn quyền Anh nói với chính phủ của ông cung cấp cho tôi tiền bạc, và đã tạo những bước tiến đi đến gần ông giám đốc Chartred Bank. Ông này, cùng với ông lãnh sự đến gặp tôi vào hôm qua và đề nghị cấp cho tôi một số vốn là hai mươi triệu phật lạng (20.000.000fr). Ngày chủ nhật, tôi dự bữa cơm trưa tại nhà ông lãnh sự cùng với những nhà tư bản để hoàn thành vấn đề.

Tôi sẽ viết cho Cha từ nơi đây.

Ký tên: MARIE

Tuy nhiên, vào tháng Mười hai, sự tan băng khởi đầu...

Mayréna không còn được một xu dính túi, cái "chèque" mạo hai trăm nghìn franc làm cho vua của người Sédang mất uy tín đến nỗi từ đó ông ta phải rút lui để đàn đúm với những tên Do Thái gian xảo. Nước Pháp từ bỏ ông ta, nước Anh cuối cùng cũng trở mặt, đẩy ông ta ra xa. Lúc đó, hình như ông ta đã cư xử rất kiên cường như năm 1871, ông là người có tham vọng chặn đứng con đường không cho người Phổ vào vùng xứ Mọi, đã rơi lại đằng sau đây ô nhục là ông đi đề nghị "vương quốc" của ông với nước Đức...

Lá thư ngày 18-12 mà ông Lãnh sự Pháp ở Hồng Kông gửi cho ông Toàn quyền xứ Đông Dương, đã cho chúng ta thông tin về cái điểm tể nhị này: Ông Schrameir, thông ngôn của lãnh sự Đức ở Hồng Kông đã đi báo cáo lại những đề nghị của Marie đệ nhất cho xếp của ông ta là ông Budler, Tổng lãnh sự ở Canton. Nhưng ông này "là người không hề có ý định được làm con ngáo ộp" nên đã từ chối không nghe Mayréna và thông tin cho ông Bộ trưởng ở Bắc Kinh. Sau đó, cả hai ông lãnh sự này đã báo cáo lại cho ông lãnh sự Pháp biết những vấn đề của Marie đệ nhất. Bởi vì lúc đầu đã bị gạt bỏ bởi ông

lãnh sự ở Hồng Kông, Mayréna đành đi trình diện với Tổng lãnh sự Đức cũng ở Canton, tại đây bước tiến của ông vào ngày 14 tháng mười hai được đánh dấu bởi lá thư của lãnh sự chúng ta ở thành phố này vào ngày 16-12.

Vả chăng, công việc đã bị tiết lộ ở điểm nào đó mà ông de Pincé, Công sứ ở Hải Phòng đã biết đến chuyện đó, và cũng đã báo cáo lại cho Phủ Toàn quyền (thư ngày 26 tháng mười hai).

Lúc này, mọi người đều xa lánh "de Mayréna"; A Kong cuối cùng cũng vỡ tan ảo mộng và ... bị phá sản, nên đã đáp tàu hơi nước để trở lui về Bắc Kinh; và không còn ai ở bên cạnh Marie đệ nhất hơn là người trung thành Liébard, ông này vẫn luôn luôn đầy lòng cả tin, vẫn còn sẵn sàng cho Mayréna vay một nghìn đồng! Có lẽ ông này còn tăng thêm lòng tin vào lời nói của vua người Sédang vì vua nói rằng vua còn chấp hữu một tài sản lớn ở Sài Gòn và vua là anh em họ của Đốc lý thành phố Sài Gòn, ông Paul Blanchy? (Thư của lãnh sự Pháp ngày 12 tháng 12).

*
* *

Công việc của vương quốc ma này đã làm trò vui cho xứ Đông Dương từ khi Hoàng thượng khởi hành lên đường và vẫn tiếp tục làm say sưa công luận.

Vì vậy, để có thể cho độc giả của mình biết tình hình một cách tinh thông, ông giám đốc báo "Courrier d'Haiphong" là ông de Cuers de Cogoline đã yêu cầu những lời giải thích về sự kiện nhiều mặt hấp dẫn này, ở chứng nhân chính là cha Guerlach.

Ngày tức khắc cha Guerlach đã trả lời bằng cái thư đề ngày 13-11 mà chúng tôi đã cho một bản sao ở trên mà tờ báo của Bắc Kỳ đã in lại ngày 20 tháng 12.

Muốn được xác định lại về câu chuyện đầy tính huyền hoặc này và về vai trò mà một vài người đã giữ ở phái bộ truyền giáo cho người man dã này, ông Tổng trú sứ Trung - Bắc Kỳ đã yêu cầu cha Guerlach về tiếp xúc với ông.

Vậy nên nhà truyền giáo này đã đáp thuyền thư đi ngay. Ở Hà Nội, cha mới biết những gì mà các miệng lưỡi độc hiểm đã xác nhận ngay tức khắc, cha liền lên tiếng biện hộ (ngay là để công kích lại) bằng một lá thư mới viết mà cha đã gửi cho báo "Courrier d'Haiphong".

"Gửi người Sédang thân mến,
Chúng tôi vừa nhận được lá thư sau đây:

Hà Nội, 25 tháng 12 năm 1888

Kính gửi ông giám đốc,

Tôi từ xứ sở man rợ đến và đang ở trên đất Hà Nội. Tôi đã biết được, với nỗi nặng nhọc, những chuyện bày đặt đặc biệt đang rất phổ biến ở đây, và hình như người ta trao quyền hành cho tên tôi là chứng nhân. Khi thời cơ may mắn sẽ đến, thì trong một lá thư có chi tiết, tôi sẽ dập tắt mọi tiếng ồn ào bày đặt láo khoét mà người ta đã phổ biến rộng rãi về vấn đề tôi tham dự vào hành động mọi mặt của ông de Mayréna ở vùng người Sédang.

Trong lúc đó, tôi đã tự giới hạn vào việc hồi tị mọi sự tham dự vào những thủ đoạn bất chính đã đánh lừa một số rất đông người.

Tôi xác nhận rằng không khi nào những nhà truyền giáo đã cấp cho ông de Mayréna bất cứ một giấy ủy quyền về thương mại hoặc một giấy tờ nào khác, và các giáo sĩ truyền giáo cũng không bao giờ giữ bất cứ một lời cam kết nào với ông ta.

Chữ ký của tôi, xác nhận ở dưới một vài giấy tờ nào đó thì không bao hàm một tí gì về một lời cam kết, cũng không phải là một sự hợp tác nào cả. Tôi đã ký với tư cách là người đã mục kích, thế thôi.

Tôi muốn nhân cơ hội này để bác bỏ một số lời đồn đãi bóng gió đầy ác ý của ông De Mayréna chống lại ông Navelle và ông trung úy Metz. Theo Mayréna, thì các ông này tuyệt đối không làm gì cả, chỉ sao chép lại những công trình của các giáo sĩ, và đó là công việc của họ. Vậy mà, điều ông Mayréna nói đó đã sai một cách tuyệt đối. Ông Navelle đã viết quyển sách của ông tại nhà ông, theo các ghi chú và các thông tin do ông ghi chép lượm lặt được trong cuộc du khảo của ông.

Còn Trung úy Metz thì đã vẽ tấm bản đồ của ông ở tại nhà tôi, tôi nhận là có điều đó, nhưng theo sự đo vẽ mà chính ông đã ghi chép nhờ vào một cái la bàn (la boussole), và đó là một công việc nghiêm túc.

Tôi mong ông vui lòng cho đăng cái thư này lên số báo sắp ra gần nhất của ông, và tôi xin ông vui lòng, với lời cảm ơn của tôi, nhận cho những tình cảm bằng hữu tận tâm nhất của tôi.

J.B.GUERLACH

Từ Hồng Kông, Mayréna đã biết được bài báo này, và lúc đó ông viết lá thư báo cho người bạn cũ trong việc đi thám hiểm trước đây.

Hồng Kông, ngày 31 tháng 12 năm 1888

Thưa Cha thân kính,

Tôi đọc được trong báo Courrier d'Haiphong ra ngày 27 của tháng này, lá thư thứ hai của cha.

Tôi không làm sao hiểu được rằng, sau những lời cam kết đầy thân hữu mà cha đã thực hiện với tôi, thì nay cha lại nghe theo lời của người này người khác.

Tôi không bao giờ đổ trách nhiệm cho cha về những gì có thể thuộc về hành vi mọi mặt của tôi. Tôi vẫn luôn luôn nói rằng cha đã không làm gì hơn là ký như một chứng nhân, thế thôi, không có gì hơn.

Tôi đã viết điều gì mà trong đó tôi đã làm liên can đến cha chưa? Chưa, chưa hề viết điều gì như thế cả.

Nếu cha nghe theo người này người nọ thì một cách hiển nhiên cha đã hành động theo những lời đồn đại ác hiểm, điều này không xứng đáng với con người có cá tính riêng, cũng không xứng với bản chất của cha.

Tôi vẫn giữ lòng trung thành với cha và cha không phải chê trách tôi. Cha bảo vệ cho ông Navelle và ông Metz, thì tôi đâu có công kích họ: tôi chỉ nói một cách đơn giản rằng công việc mà họ đã làm không có gì khó khăn cả, bởi vì họ đã được cha giúp đỡ. Chính tôi, tôi cũng có thể sẽ biết được những phong tục thân mật, những tin tưởng dị đoan của người Bahnar nếu như cha không ở đó để giảng giải cho tôi những phong tục ấy.

Nhà nước cho rằng người Sédang phụ thuộc vào nước An-nam, tôi thì tôi cho rằng ngược lại; tôi phải tự vệ chứ, và trong lúc đó thì cha lại tin vào những người có tài kể chuyện để lôi kéo cha chống lại tôi.

Nếu tôi bảo vệ sự độc lập của người Sédang thì điều này không quan hệ gì đến cha và nó không thể gây thiệt hại cho cha được; ngược lại, tôi có sự độc lập của tôi, cha có sự độc lập của cha, không phải tôi là người đã đến để quấy rầy những cái gì mà các cha đã thực hiện ở vùng đất của người Bahnar Reungao.

Sự cai trị của tôi không phải để làm gì trong vùng này ngoài chuyện chỉ là để bảo vệ vùng đó vào trường hợp nó bị

tấn công. Ít ra nữa thì Krui cũng chưa thích xé bỏ thỏa ước của ông ta, trong trường hợp nào thì anh ta sẽ mất uy tín ở vùng này nhiều hơn tôi, bởi vì hôm nay ngày 31 tháng 12 tôi đã ký một thỏa ước của tôi, thỏa ước này sẽ đem đến cho tôi hai mươi triệu, và với số tiền đó tôi đã có điều kiện khá hơn để đem lại hạnh phúc và bảo đảm tương lai cho dân tộc tôi.

Cha nói với tôi rằng ông Richaud chống lại tôi, rằng những người nói xấu đang lẫn lộn vào chuyện này. Vâng! Nhưng tôi sắp đi Pháp, và một người có hai mươi triệu đồng trong túi thì không phải là bất cứ ai cũng có thể nói xấu được.

Người ta tìm cách gây ảnh hưởng cho cha, tìm cách nhắc cha lên, tôi biết điều đó chứ; về tôi đã nhận được một cái thư từ Hải Phòng nói cho tôi biết rằng ông Thống đốc Sài Gòn đang tìm cách gây ảnh hưởng lên các nhà truyền giáo để chống lại tôi. Vậy, tôi đã làm cái gì đó cho các nhà truyền giáo? Vai trò của họ thật dễ hiểu; họ chỉ nói ra sự thật thôi, có nghĩa là: chúng tôi không để cho chúng tôi vướng vào những công việc của vua người Sédang và ông ta cũng không liên hệ gì đến công việc của chúng tôi, đối với ông ta thì chúng tôi chỉ là một người bạn, chúng tôi đã làm thông ngôn giùm cho ông ta thôi.

San vẫn ở đây với người thư ký của tôi và một người An-nam khác nữa; đối với tôi thì hình như tôi còn có nhiều người làm chứng khác có thể nói lên sự thật.

Hãy tin tôi đi, thưa cha thân kính, người ta tìm cách phân rẽ hai người bạn thân, người ta muốn giữa chúng ta phải có một cuộc luận chiến làm cho quần chúng vui thích và sẽ làm hại cả hai chúng ta.

Tôi có thể trả lời cho cái thư thứ nhất và cái thư thứ hai của cha, nhưng tôi đã không làm điều đó, để khỏi phải gây ra

tình hình khó lòng cứu vãn nổi. Tôi có thú vị gì chẳng? Nói bất cứ điều gì để gây thiệt hại cho cha chẳng? Tôi có thể ngăn ông Mercuriol đừng nói chẳng? Tôi không bao giờ kể lại những cuộc thám sát của chúng ta, tuy nhiên Thượng đế biết nếu nông thôn làm ầm ĩ chuyện đó lên! Tôi đã nói đến sự cai trị của Krui ư?

Cha cứ tin tôi đi, người ta muốn quét sạch ảnh hưởng của cha cũng như ảnh hưởng của tôi đấy, người ta tin cậy vào nghị lực nóng bỏng của cha và của tôi, và họ tạo nên sự vui thích cho quần chúng, cha sẽ là vai ông Bertrand và tôi thì là vai hề Raton.

Hãy suy nghĩ kỹ và cha sẽ thấy rằng tôi đang sống trong chân lý.

Cha hãy kiên nhẫn, tôi đi sang Pháp! Ở đó chúng ta sẽ tìm được; tôi có quyền nói chứ; những bạn thân và tiền bạc. Nhưng đây chưa phải là lúc nhảy lên boong tàu. Tôi tôn trọng lời nói của tôi, tôi không hiệp thương hội với các cha đâu. Mong các cha đừng bẻ gãy sự đoàn kết này.

Chúng ta đã ở vào ngày 31 tháng mười hai, tôi xin cầu chúc cha một năm 1889 mới hạnh phúc, và hy vọng cha xem lại càng sớm càng tốt; vì tôi là một vị vua, người chỉ mang lại cho thần dân của mình và ban phát cho thần dân của mình hạnh phúc, chứ không bán hạnh phúc, và chỉ muốn mang hạnh phúc lại cho những ai quanh tôi.

Dù sao cũng vẫn là bạn thân của cha.

Ký tên: DE MAYRÉNA

*
* *

Lá thư này cũng chẳng ngăn cản được cha Guerlach tiếp tục điều diễn cuộc luận chiến, luôn luôn vẫn là trên các cột báo

hàng ngày ở Hải Phòng, và đây vẫn là một bài báo của vị giáo sĩ này viết về De Mayéna, về vương quốc mạo xưng của ông ta và thái độ của những nhà truyền bá phúc âm trong vùng Mọi.

VÙNG NGƯỜI SÉDANG

Hải Phòng, ngày 30 tháng 12 năm 1888

Thưa ông giám đốc,

Tôi đã hứa với mọi người về một lá thư chi tiết sẽ làm sáng rõ về nhà chạy việc Mayréna; hôm nay tôi xin gửi lá thư đó đến cho ông. Đây chính là cơ hội tốt rồi chẳng? Có cần chờ đợi thêm nữa cho sự bình tĩnh trở lại trong tâm trí mọi người chẳng? Đó là những câu hỏi mà tôi đã tự đặt ra cho mình. Đã suy đi nghĩ lại, tôi tin là thật hữu ích bằng tất cả sự trung thực, để nói ra những sự việc đã xảy ra như thế nào. Một sự chậm trễ quá lâu sẽ làm nảy sinh cả nghìn lời giả sử, mà những lời giả sử này lại lạ lùng hơn những lời giả sử khác; vì mọi người đều biết rằng những tờ báo cáo phát xuất từ Quy Nhơn đã giới thiệu được sự dắt dẫn của các giáo sĩ một giai đoạn đáng buồn và thiết yếu là tôi phải đi ra Hà Nội. Rằng do những lời giải thích của tôi với các đại diện chính quyền cấp cao mà ra thế ư? Rằng người ta phải nghĩ đến những mối nguy vực có khuynh hướng chống lại chủ nghĩa yêu nước và danh dự các giáo sĩ truyền giáo ư? Rằng phải nghĩ đến nhà thám hiểm Mayréna ư? Phải có một sự tin tưởng như thế nào để hợp với con người hầu như đã hết lòng làm việc như là một người được sự ủy nhiệm của các giáo sĩ ấy? Tất cả những câu hỏi này đã làm quay cuồng ý kiến và đòi hỏi phải có lời giáp đáp nhanh chóng và chính xác. Vậy tôi đã giải đáp bằng cách viết cho ông bài tường thuật này mà tôi xem như là lời cuối cùng của tôi về một công việc đáng buồn mà tôi đã có dính dáng vào đó, mặc dù tôi không muốn, và người ta đã thổi phồng tầm quan trọng của việc này lên rất nhiều.

Tôi bằng lòng trình bày những sự việc với tất cả sự trung thực, và không để chen vào một tình cảm thù oán hoặc ác tâm nào.

Trong lá thư của tôi đề ngày 13 tháng 11, được đăng tải bởi báo Courrier d'Haiphong (số ngày 20 tháng 12) tôi đã nói với ông, là một giáo sĩ người Pháp, với tất cả quyền hạn của tôi, tôi đã giúp một nhà thám hiểm người Pháp. Khi ông ta được phái lên núi rừng của chúng tôi bởi chính phủ Pháp như thế nào. Cùng với vô số bằng chứng của sức mạnh chính thức giao cho ông de Mayréna, tôi có thể thêm vào đó một lá thư do ông Lemire, Công sứ ở Quy Nhơn viết, cái thư mà trong đó người ta yêu cầu nhà thám hiểm làm gì "nếu ông có thể đi và hoạt động". Dưới bản báo cáo này thì người ta không được phép nghi ngờ gì và ông de Mayréna đã nói thật bằng cách tự hiến mình như là phái viên của chính phủ, nhưng ông ta đã đánh lừa chúng tôi về tính chất sứ mạng của ông.

Tôi đã biết rằng vương quốc An-nam, và bởi vậy mà chính phủ bảo hộ Pháp, đã nhận lấy vùng đất của người Mọi như là vùng đất thuộc về của họ cho đến biên giới thuộc sở hữu của người Xiêm. Vậy thì chính phủ Pháp không thể nghĩ đến việc để cho một nhà thám hiểm chiếm lấy vùng này. Sứ mạng của ông de Mayréna nằm trong việc thám sát con đường từ An-nam đến sông Mêkông và nằm trong việc nghiên cứu vùng đất này. Tôi đã nghe người ta đồn rằng chính phủ phái ông de Mayréna tới vùng người Mọi để xóa bỏ vùng này bởi vì ông ta đã trở thành nỗi khó chịu ở Sài Gòn, điều mà chúng tôi chưa hề nghe nói. Đến nhà tôi, nhà thám hiểm đã tự do hành động, và chính ông đã tự cho mình sứ mạng tổ chức nhiều làng khác nhau thành một vương quốc rồi sau đó vương quốc này phải được trả về cho nước Pháp.

Tôi sẽ không nói lại ở đây những gì mà tôi đã nói về những chuyến đi thám sát mà tôi có dự phần vào đó, và

những cuộc thám hiểm này đã có góp phần cho sức khỏe của tôi và những tài nguyên nhỏ mọn mà tôi phải đóng góp cho những cuộc thám hiểm đó.

Cha Irigoyen và tôi đã đi theo ông de Mayréna như là người hướng dẫn và thông ngôn, và chúng tôi đã ký như những người mục kích sự việc, cho những thỏa ước khác nhau được ký kết giữa nhà thám hiểm và các bộ tộc người man dã. Chính chúng tôi cũng đã ký kết với ông de Mayréna, khi ông đã trở thành thủ lãnh của người Sédang, một thỏa ước liên minh bảo vệ chống lại người Jarai, như chúng tôi đã từng ký thỏa ước, với người thổ dân bản địa, có sự khác biệt là trong trường hợp đầu chúng tôi đã ký trên một tờ giấy, và trong trường hợp thứ hai, chúng tôi đã đâm một con trâu theo tục lệ vùng này.

Theo thỏa ước đã ký để chống người Jarai ấy, ông de Mayréna đã muốn lập một đạo quân để chống nước Pháp bằng cách nói rằng chúng tôi phải sẵn sàng cầm vũ khí theo dấu hiệu đầu tiên do ông phát ra. Ông Lemire tin vào những lời ấy và những sự hăm dọa ấy, mà không có được tin tức đầy đủ hơn, nên đã buộc tội chúng tôi là phản nghịch chống lại tổ quốc chúng tôi để nâng đỡ một con người đã từng hăm dọa là sẽ hiến mình tôn thờ nước Anh, kể cả cho nước Phổ. Những bản báo cáo gửi đi từ Quy Nhơn trong đó những bản ký kết và những lời nói của các giáo sĩ đều bị xuyên tạc hoặc bị thông dịch sai; mà trong những bản báo cáo ấy, người ta không nói đến sự hiện diện của đại diện nước Pháp, ở Tòa công sứ Quy Nhơn, ông De Mayréna đã hăm dọa giao quyền lại cho nước Đức, và ông Công sứ đã không chống đối, về sau ông lại còn mời nhà thám hiểm đến ăn cơm. Trong trường hợp này, cũng như trong nhiều trường hợp khác còn lại ông Lemire đã không có bằng chứng gì tỏ ra phẩm chất cần thiết cho một vị

công sứ cả. Tôi đã hiểu được một cách dễ dàng rằng những sự việc được kể lại trong các báo cáo chính thức ấy đã có gây xúc động được ở chính giới thượng cấp và đã gợi nên được nhiều biện pháp mà người ta đã bàn luận ở Quy Nhơn và ở nơi khác. Những sự việc như thế đã khoắc lấy tâm quan trọng trăm trọng hơn lời nói và hành động của ông de Mayréna rất nhiều, chúng cũng mang tính cách lạ lùng hơn và có tác hại hơn rất nhiều. Con người ưa khoe khoang trên tàu chở khách ấy, đã được phong vương bởi ông giám mục Quy Nhơn, trong khi ông ta đã trách móc Đức Tổng Giám mục và trách móc các giáo sĩ Quy Nhơn đã không gọi ông bằng "sir" và majesté". Ông ta khoe rằng vương quốc của ông ta đầy vàng, và nếu người ta nhúng chân vào một con suối thì khi rút chân lên khỏi suối là được phủ một lớp trang kim. Ông ta, tức con người ấy, còn nói rằng Hội Truyền giáo đã ký một cái thư chuyển ngân 200.000 đồng (piastre) bởi vì ông ta đã để lại cho chúng tôi một két vàng bột; và do vậy mà ông ta đã lừa phỉnh được một người Trung Hoa đáng thương, ông ta đòi đặt may tại người này 10.000 bộ binh phục cho đạo quân hoàng gia của ông. Người Trung Hoa hỏi tiền, Mayréna đã trả lời người ấy là "Tôi có một hối phiếu ở các cha bên Hồng Kông"; người Trung Hoa ấy đã đi theo Mayréna sang tận Hồng Kông và không làm được một đồng nào, vì tờ hối phiếu ấy có "có thực" đâu. Vì vị linh mục Tổng quản lý Hội Truyền giáo ngã bệnh, đó là một lý do, nên người Trung Hoa ấy phải bằng lòng với lời nót ngọt và trở lui lại Hà Nội với một sự thiếu hụt, vì ông đã đưa số tiền cho nhà vua vàng rồi; tuy nhiên ông ta vẫn chưa mất lòng tin, vì ông ta vẫn còn tin tưởng vào lá hối phiếu lừng danh kia.

Đó là lá thư của tôi viết ngày 25 tháng 12 đã làm tiêu tan mọi sự hiểu lầm.

Tại sao tôi lại không phản kháng sớm hơn? Bởi vì tuyệt đối tôi không biết gì về những chuyện đó đã xảy ra ở đây (những tin tức đều đến trên vùng núi của chúng tôi chậm hơn); và có lẽ tôi vẫn còn chưa biết câu chuyện này nếu tôi không làm một chuyến đi ra Hà Nội như hôm nay.

Mặc dù ông de Mayréna có thể tạo ra câu chuyện theo sở thích của ông, nhưng không ai nói trái lại điều ấy cả.

Trong lá thư của ông vào ngày 08-11 đăng ở báo Courrier d'Haiphong (số ra ngày 21-11) ông de Mayréna cho rằng để đi đến sông Pékau, ông phải vượt qua nhiều con sông bằng cách bơi đi. Điều này là láo khoét. Cũng nói láo luôn về hình ảnh thể hiện chiến tranh do Xui đem tin. Ông cho bố trí những chiến binh cản đường, và người Phổ biết được tình hình mới này nên rút lui về mạn bờ phải sông Mê Kông. Điều này láo hoàn toàn. Ngoài ra trong cuộc nói chuyện với một phóng viên của báo China Mail ở Hồng Kông, ông Mayréna khoe khang là đã gặp những người trong phái bộ người Phổ, và đã hăm dọa sẽ bắt đầu họ (câu trả lời được in lại bởi báo Courrier d'Haiphong); ông có tham vọng tổ chức mười ngàn người chiến binh, vậy mà những làng đã ký trong hiến pháp chỉ có số dân tổng cộng khoảng mười hai ngàn người là con số tối đa - con số 10.000 chiến binh còn xa vời quá - Chuyện cổ tích của ông vua có cánh tay gãy được tạo ra trong tất cả mọi tư liệu bởi Mayréna.

Trong một lá thư ngày 04-11, ông ta dâng lên cho Tổng thống nước Cộng hòa Pháp một sự bảo đảm về niềm kính trọng cao nhất của ông đối với Tổng thống Pháp, Mayréna đã nói theo một ngôn ngữ rất mã thượng của hai nhà thám hiểm: ông Navelle và ông Metz, hai người đã để lại trong vùng chúng tôi một kỷ niệm tuyệt vời. Tôi đã trả lời cho những bóng gió ấy trong bức thư đề ngày 25-12 của tôi. Ngoài ra chính ông ta thú nhận rằng nếu không có các cha, thì ông ta

chẳng có làm gì được cả, vậy tại sao ông lại chê bai những người đi trước của ông?

Trong cùng lá thư đó, ông đã làm một đoạn miêu tả cảnh sắc vùng này và những cư dân sống vùng đó, điều có tính chất thực ở trong đó là nó đã được chép lại theo những tác phẩm của các giáo sĩ truyền giáo. Ông nói đến các cuộc khai quật, có bao giờ ông ta làm chuyện đó đâu. Những lưỡi rìu bằng đá đeo đã được cha Vialleton tặng cho ông ta đó chứ. Về phần hai hoặc ba cái ống nhỏ bằng vàng mà ông đưa ra cho thấy, là ông ta đã tập hợp tất cả đồ dự trữ của ông có, và đã nhờ chúng tôi mua cho là một phần lớn, vì Mayréna rất thích thường mang theo mình một mẩu kim loại quý.

Người ta đã hỏi tôi trên vùng cao ấy các loại mỏ đều rất phong phú như ông Mayréna đã nói về điều đó phải không? Tôi tuyệt đối không biết gì về điều này. Tôi biết tên những dãy núi rất giàu quặng, nhưng tôi không biết rằng thứ quặng ấy có chứa vàng. Những thổ dân bản địa đãi cát trong các con suối chảy dưới chân các núi ấy, và vàng thu được đóng vào trong một cái ống lông chim tu-căng (plume de toucan). Những thổ dân bản địa đã nói cho tôi biết: nhiều lần liên tiếp trong một tháng đãi cát tìm vàng chỉ đem lại cho họ ba hoặc bốn gram vàng. Thực ra thì những người này không làm việc chuyên cần như những người chuyên đi tìm vàng thực sự, và dụng cụ của họ cũng rất thô sơ; nhưng cuối cùng thì những kết quả giống nhau đều quá xa với những lời phóng đại của ông De Mayréna, ông đã sáng tạo câu chuyện một cách quá dễ dàng vì nhu cầu tạo sự nghiệp của ông. Một ví dụ trong hàng ngàn ví dụ: mọi người đều biết rằng ông này chưa bao giờ đến Hà Nội. Vậy mà, trong một cái thư ngày 03-11, ông ta viết: "Tôi đến từ Hà Nội, tại đó tôi đã gặp ông Tổng Trú sứ và ông Tướng Bégin; từ cả hai ông, tôi đã có được buổi tiếp kiến rất

mục thân tình. Ông Tướng đã giới thiệu tôi với ông Parreau, ông Tướng đã nói với ông này: "Đây chính là người vui nhộn cỡ lớn mà tôi đã quen biết từ 25 năm nay, từ đó đến nay anh ta không có thay đổi gì, nhưng anh ta có một tính quả quyết sắt đá và một năng lực mạnh như quỷ sứ".

"Ông Parreau nói với tôi: "Chúng tôi không mấy may nghĩ đến việc gây chuyện với ông, và chắc ông đã hiểu được điều này qua cái thư của ông Toàn quyền, hãy cứ làm vua đi vì ông đã được cái danh đó rồi. Ngoài ra nước Pháp có bốn phận ngăn chặn người Phổ đến đó, giùm cho ông. Ông hãy kiên nhẫn, hãy chờ đợi đoạn cuối của các sự rắc rối phức tạp, hãy cứ để cho người anh em họ Blanchy của ông cho ông mượn 46 triệu đi, tất cả mọi việc sẽ xong xuôi ngay".

Tôi đã trích dẫn đúng nguyên văn. Cái thư này chấm dứt bởi một lời hỏi mượn 250 đồng (piastre) không phải gửi cho tôi, nhưng người nhận thư đã cho tôi được quyền sử dụng lá thư ấy từng đoạn, mà tôi xét là tốt, tôi tin là phải tái tạo lại câu chuyện của cuộc tiếp xúc tưởng tượng, để làm sáng tỏ trước công luận về đạo đức của nhân vật này chỉ một nét duy nhất này cũng đủ, tôi hy vọng là thế.

Tôi đã mang lá thư ấy ra Hà Nội và tôi đã chứng minh cho Tướng Bégin và cho ông Parreau xem. Tôi cũng đã xem cái thư ấy để ông Tổng Trú sứ xem, ông đã có thể có cái giá trị đúng đắn cho họ về những chuyện kiểu ngồi lê đôi mách của ông de Mayréna. Tôi không phải vất vả để thân oan những mối ngờ vực được nêu lên để chống lại tôi qua những báo cáo gửi đó từ Quy Nhơn, ông Tổng Trú sứ đã dành cho tôi một sự tiếp đón đầy thiện cảm, và những lời giải thích đã trở thành dễ dàng đối với một con người mà tính ngay thẳng, mục đích và lòng thành thực cũng ngang với trí thông minh và tính cương nghị như ông. Tôi rất sung sướng là đã có thể nói

chuyện lâu với ông, và từ cuộc nói chuyện này tôi đã mãi có một kỷ niệm tuyệt vời. Bây giờ, ông Tổng Trú sứ đã biết, những sự sai lầm nằm ở hướng nào, và tôi cũng biết rằng những giáo sĩ truyền giáo ở vùng các dân tộc thiểu số man rợ, thì họ đều yêu nước toàn tâm toàn ý sẵn sàng phục vụ nước Pháp hết năng lực của họ. Xin ông Tổng Trú sứ công khai nhận cho ở đây sự biểu lộ tấm lòng kính trọng của tôi.

Trong vài ngày nữa, tôi lại sẽ đi trên con đường của người thiểu số, và sau những xáo trộn của mấy ngày vừa qua, tôi lại sẽ trở về với cái yên tĩnh của cuộc sống tông đồ. Mặc dù cái gì có xảy ra, thì tôi cũng không còn muốn bận tâm vào con người chạy áp-phe Mayréna này nữa, và tôi xem việc này như đã chấm dứt hoàn toàn, ít nhất là đối với những gì có liên quan đến tôi.

Để chấm dứt, xin cho tôi được phép đưa ra một lời thỉnh cầu: Những người có sứ mệnh gì ở các vùng xa và chưa ai biết đến thì nên lựa những người nghiêm túc và không phải là những nhân vật mà người ta muốn vứt bỏ đi, những nhân vật nói có nhiều người nghe nhưng lại ít có lương tâm và do đó mà ý thức đạo đức của hạng này thường bị xóa mờ. Những hạng người thám hiểm như vậy thì đã làm hại sự nghiệp mà họ lại cho là phục vụ sự nghiệp; và ước ao rằng những sứ mệnh nghiêm túc thì cần được giao phó cho những con người nghiêm túc và đáng kính hơn.

Xin ông vui lòng, thưa ông giám đốc, nhận nơi đây những tình cảm chân thực nhất của tôi dành cho ông.

J.B.GUERLACH

Lá thư của cha Guerlach đã mâu thuẫn một cách triệt để với những điều khẳng định của ông de Mayréna. Ngày nay độc giả có thể xác định bên nào là có chân lý và chính đáng.

"DE CUERS DE COGOLIN"

Những báo cáo từ Quy Nhơn gửi đi mà cha Guerlach đã nói là những báo cáo gì

Thế theo lời yêu cầu của vị Tổng Trú sứ đòi giải thích về thái độ của ông trong việc Mayréna lời thôi, ông Công sứ Bình Định Lemire đã trả lời tự biện bạch một cách rõ ràng, nhưng trước nhất là bằng cách đổ tội cho các Hội Truyền giáo Lang Sông và Kontum về những lời kêu ca.

Theo lời nói của ông Công sứ Quy Nhơn thì không những chỉ các giáo sĩ truyền giáo đã có tham vọng rõ ràng và chắc chắn là tạo ra ở vùng người Mọi một vương quốc mới kiểu Paraguay; mà họ còn tấn phong một người lên làm vua, David de Mayréna, và họ còn đem lại cho ông, ít nhất là về phần nghi lễ, những vinh dự thuộc hàng hoàng tộc.

Chúng ta đã thấy cha Guerlach đã phải về Hà Nội để giải thích ở nơi đó.

Theo sau lá thư mà trong đó ông Lemire buộc tội Hội Truyền giáo đã tổ chức tại nhà thờ Quy Nhơn cho ông Mayréna một lễ cầu chúa rất nổi bật với thảm đỏ và gối quỳ. Linh mục chủ lễ, cha Irigoyen, đã chào ông (Mayréna) với bình rượu lễ, khi đi vào và khi đi ra nhà thờ, đã ban cho ông nước phép riêng, và mang sự công thông đúng cương vị lại cho ông ta"... (Lá thư trong tháng 11 của ông Công sứ Quy Nhơn gửi ông Khâm sứ ở Huế, tài liệu số 44). Giám mục Van Camelbeke đã viết lá thư sau đây:

Ngày 01 tháng 12 năm 1888

Kính gửi ông Tổng Trú sứ

Một lá thư (số 925) mà tôi vừa nhận được từ ông Lemire, Công sứ Quy Nhơn đã vẫn đẩy tôi đến chỗ phải có vài lời giải thích bổ khuyết cho ông về vấn đề buổi lễ "Messe" danh tiếng

mà ông de Mayréna đã nghe, xem trong nhà thờ Quy Nhơn, ngày 23 tháng Chín (như vậy là đã hơn hai tháng rồi). Những điều đã xảy ra như tôi đã nói trước đây; nhưng theo những lời báo cáo lại được cung cấp đầy đủ nhất bởi chính cha chủ lễ, thì đã có 2 lễ cầu Chúa hoàn toàn giống nhau, cũng như thường lệ, lễ này được tổ chức sau lễ kia mà cái tì tay (d'accoudoir) được bọc bằng một mẫu vải bông nhỏ có màu đỏ, lớn bằng một cái khăn tay và tương đương vừa bằng 0,10cm (như ông vẫn còn thấy khăn đó, thưa ông Tổng Trú sứ, vào lúc làm lễ cho ông và bà de Vernéville). Đó là vật mà ông Lemire gọi là một tấm thảm đặc biệt. Ông de Mayréna đã không bằng lòng với một chỗ ngồi nhất định giống như chỗ ngồi dành cho ông Công sứ, khi ông ta đến nhà thờ. Ông ta xem một trong hai lễ cầu Chúa sáng đôi và chính ông (lui-même) đã đặt mình ngồi riêng rất gần bậc lên xuống của bàn thờ, thế nào để cha chủ lễ quay lại ban nước thánh và làm phép thông công, thì cha đã có ông de Mayréna hầu như ngay dưới tay mình trước tất cả mọi người khác; vả lại, ngày hôm đó, ông Lemire không đến xem lễ Mi-sa, như thế ông ta có chỗ để ngồi trên rồi.

Làm thế nào mà một chuyện tầm phào loại đó, do một hành động xác thực của ông de Mayréna mà có, đã xảy ra hơn hai tháng rồi, lại có thể đem ra để trách móc một ông cha đáng thương của người thiếu số man dã, ở xa Quy Nhơn đến bảy ngày đường, và hơn nữa ông cha này lại không có mặt ở đó để tự bào chữa? Nếu đã có một sự vô ý hoặc vì phần nào có lỗi về phần ông, thì chúng ta cũng thừa nhận rằng lỗi đó cũng không phải là lỗi đến chết hoặc lỗi đó cũng không đáng làm ồn lên.

Một việc khác trầm trọng hơn mà theo tôi cũng đáng được phản kháng. Ông Lemire đã nghe biết bao nhiêu chuyện dị

thường do cửa miệng của ông de Mayréna nói ra, nhưng ông đã chộp lấy đúng lúc một câu nào đó nhắm đến các cha ở vùng người Mọi, và ông lặp lại mãi với sự vui thích hài lòng. Ông đã hành động kết hợp công thủ chấp lại với nhau giữa hai bên. Tôi có thể xác nhận với ông, thưa ông Tổng Trú sứ, rằng đó chính là một sự vu khống thật sự, vả chăng sự vu khống này chẳng ăn nhập gì với đoạn văn cuối cùng trong lời viện dẫn của cha Guerlach... Một hành động có tầm quan trọng này thì dù cho ở bất cứ trường hợp nào cũng chỉ có thể được chấp nhận, được kết luận và được ký bởi ngài giám mục là bậc bề trên duy nhất thuộc giáo hội của toàn giáo phận mà thôi. Vậy mà chưa bao giờ tôi nghe nói đến một hành động nào đó được kết luận theo chiều hướng như vậy cả. Nói rằng ông de Mayréna đã thích, đã chối bỏ hay đã xác nhận điều đó... thì chỉ có thể và vẫn là hành động duy nhất thuộc cá nhân ông mà thôi, chính quyền có thể hỏi ông về lý do của hành động đó. Nhưng tại sao lại chuyển đổi trách nhiệm như vậy và lại tìm cách đổ trách nhiệm cho những người vô tội? Tôi xin lỗi, thưa ông Tổng Trú sứ, về sự dài dòng hầu như bất lịch sự của lá thư này, và xin ông hãy cứ tin lời tôi.

Người phụ tá tận tâm và khiêm tốn của ông.

FR.X.VAN CAMELBEKE
EVÊQUE D'HIEROCÉSARÉE

Những lời giải thích này có lẽ chưa được đầy đủ, ông giám mục còn cho thêm những lời giải thích mới trong một thư khác gửi cho ông Tổng Trú sứ (ngày 05-12-1888)

"Giám mục Van Camelbeke tự biện hộ đã chủ trương rằng ông Mayréna là người đã lừa phỉnh mọi người. Ông ta đã có một đoàn hộ vệ đi theo, đã có nhiều cu-li khuân vác, vậy ông ta là một nhân vật chính thức rồi... Nhưng cho rằng cha

Irigoyen, từ miền cao vùng người Mọi xuống với Mayréna đã đi theo ông ta về Quy Nhơn, đã tỏ dấu hiệu kính trọng đặc biệt đối với nhân vật này, thì tôi không biết gì về điều đó, nhưng dù sao đi nữa, nếu có, thì đó cũng chỉ là một hành động riêng lẻ của một cha duy nhất hoàn toàn bị ấn tượng về hành động, phong thái và lời nói của người thám hiểm bí ẩn trên vùng núi cao của người Mọi. Vả lại, khi đó cha Irigoyen còn ở trong nhà Hội Truyền giáo (nghĩa là chỉ ở cách tòa sứ có vài kilômét) cha đã thuận theo phương cách hành động thận trọng của chúng tôi... Mayréna xác nhận với tính nghiêm túc lớn nhất là giám mục địa phận Quy Nhơn đã làm lễ tấn phong vương cho ông ta! Thật là một sự láo khoét trần tráo biết bao! Và người ta lại căn cứ trên những lời nói của loại đó để viết lịch sử! V.C.

Tái bút: Nước Pháp có thể, khi nước Pháp muốn làm việc này, thừa nhận sự bảo hộ của mình trên các bộ lạc người bán khai này, bởi vì các giáo sĩ truyền giáo đã giương lá cờ Pháp trên vùng này khá lâu trước khi ông de Mayréna sáng tạo ra lá cờ màu xanh có dấu cộng màu đỏ với hình ngôi sao ở trung tâm. Về phần mình thì ông Navelle cũng đã cắm cây cờ Pháp ở đây vào năm 1884.

Tất cả chuyện này nên khá bàn luận. Nhưng đã gặp phải một thủ phạm thuộc về việc cai trị. Chính ông Lemire là người đã rớt vào sự thiêu thân, ông đã bị thuyết chuyển thôi làm Công sứ tỉnh Bình định và được đề bạt ra làm Công sứ Vinh.

Ông là người, đã ba lần, viết thư từ chối bằng cấp huy chương Sainte-Marguerite mà vua Marie đệ nhất đã có sự táo toan muốn trao tặng cho ông; khởi hành từ Quy Nhơn, lòng đầy hận thù, gán sự từ hồi nhân loại cho các giáo sĩ là những người đã không ngừng chịu đựng ông ta và trong lúc có một người trong các giáo sĩ đến Quy Nhơn để giúp đỡ ông De

Mayréna, thì các giáo sĩ ở Quy Nhơn cũng phái một cha khác đi Hà nội để bác bỏ những hoạt động và những thư từ của ông ta" (thư gửi ông Rheinart ngày 05-01).

Vẫn phớt tỉnh, mặc cho những cơn bão tố ở xa, tại Hồng Kông, S.M.Marie đệ nhất vẫn theo đuổi cái nghề làm vua của ông. Bằng sắc lệnh số 45 ngày 01 tháng 01 năm 1889, ông nâng nhiệm vụ của của người giữ chức Tổng trưởng (secrétaire d'État) lên làm thủ tướng (premier ministre), đó là ông Henri de la Rousselière, cựu quân trưởng quân Napoléon III; và bằng sắc lệnh số 46 cùng ngày, ông thưởng huy chương trăn ngực cho một vài kẻ khờ (gogos)...

Không có một nguồn tiền nào nữa, Mayréna phải ngửa tay xin để có thể trả nợ chuyến đi trên chiếc tàu sẽ chở ông đến những vườn cây ăn quả khác mà trong vườn đó chắc chắn chỉ có một số cây lê mọc... Thực vậy, ông giám đốc Ngân hàng Chatered Bank mở một cuộc quyên tiền, và hoàng thượng (S.M.) Marie đệ nhất, cuối cùng đã có thể, vào ngày 02-01-1889, lên tàu Bayern, chuyến tàu thư của Đức sẽ đưa ông tới Gênes.

Ông đã trùn cái cá tính mạnh mẽ của ông lại dưới cái tên hiệu là "Dien" (Có lẽ tiếng Mọi đọc là dieng có nghĩa là bất khả xâm phạm. Xem thư của ông gửi cho Tổng thống Cộng hoà Pháp, ngày 04-11).

Trước khi rời Hồng Kông, ông ta vẫn còn giữ chặt lấy cái thói hăm dọa nước Pháp. Mayréna từ lúc đến Paris, sẽ đề nghị tạo ra một sự xáo trộn, nhờ vào sự liên hệ của ông với các lãnh tụ của đảng theo chủ nghĩa Bônápác (parti bonapartiste).

Vừa mới nghe cái tin về cuộc khởi hành này tiết lộ ở Bắc Kỳ, thì hai "thần dân" cuối cùng của ông là Liébard và A

Kong, kết hợp cảnh cô chiếc tuyệt vọng chung của họ lại với nhau, để viết cho cha Guerlach một lá thư trong đó họ nói lên số phận buồn thảm của họ...

"Người Trung Hoa tên A Kong, người lãnh thầu các sông bạc ở Hải Phòng, không thể cầm cọ để sơn được nữa vì ông đã bị đui mắt rồi. Chính Liéberd là người, đã hơn một lần, phục vụ làm trung gian!" Vậy mong cha kính mến hiểu cho rằng: 1- A Kong đã cho Mayréna vay 200\$; 2- rằng ông cũng đã bỏ tiền ra trả cho việc cung cấp quần áo cho hoàng thượng, cung cấp ga-lông v.v... đây cộng là: 148,65\$; 3- ngoài ra ông cũng phải trả tiền tiêu khi đi du lịch và ở khách sạn cho hoàng thượng và cho chính ông; cũng trả luôn phí tổn ở khách sạn của ba người An-nam tùy tùng, đây cộng là: 180,4\$; 4- rằng ông đã cho may xong 200 bộ quần áo mang theo, tại Hà Nội; số áo quần này chưa được nhận cho ông và ông không bao giờ có thể bán lại cho ai được; với giá 6,50\$ một bộ, vị chi ở đây cộng là: 1300\$ trừ đi 5% tiền chiết khấu, vậy tiền còn phải trả là: 1235\$; 5- rằng sau hết, tại Hồng Kông A Kong đã phải đổ ra 400\$ tiền đặt cọc để mua "ra" cho những áo quần khác, tiền đặt cọc đều mất cả, đây cộng là: 400\$. Vậy số tiền tổng cộng cả mấy khoản trên là 2.163,65\$.

"Thưa cha Guerlach, ông ta nghĩ rằng những của cải và đất đai của vua Marie đệ nhất ở vùng người Sédang sẽ đủ để cho bồi hoàn cho A Kong tốt bụng tất cả những số tiền của ông đã bỏ ra để ứng trước ấy".

Sự trả lời của vị giáo sĩ có thể là khá buồn cười... và A Kong đã xét đoán rằng ông không còn một phương sách gì khác hơn là đệ đơn khiếu nại chống lại đáng quân vương của ông

Đó là những gì đã xảy ra, trong khi David de Mayréna vẫn hơn một lần đi lòe bịp, tự xưng là vua với những thành phần ngây thơ khác, dưới những góc trời khác...

Thật vậy, tờ nhật báo ở Toulon là tờ Le Petit Var đã cho chúng ta biết rằng "người ta lưu ý mới ngày hôm qua, ở quán café Riche, một ông vua có dáng dấp bề ngoài rất đẹp, cao lớn, người to bậm, có trang hoàng thêm một bộ râu chảy dòng. Đó là một vị vua ở vùng Viễn Đông. Không cần lễ lượt huy hoàng, ngài đã ngự một cái ghế dài có bọc nệm và rủ lòng chiếu cố đến các thức khai vị của châu Âu. Marie đệ nhất, vua của người Sédang, vì đó là danh hiệu mà người ta gọi ngài, đã xuất hiện rất vui thích để đi dạo trên bờ sông Seine, hoặc ở giữa hạng người chuyên sống trên các đại lộ mà ngài yêu thích biết bao v.v... và v.v..." (24-02-1889).

*
* *

Chúng tôi dừng kể một lát, câu chuyện về những hành động nông cuồng của vị vua của người Sédang, để giải thích về vùng Mọi lúc đó là thế nào và vùng đó đã trở thành cái gì sau năm 1888.

Người Mọi có lẽ là những giống người có nguồn gốc Mã Lai - Pôlinêdiêng (malayo-polynésienne), họ sinh sống trên những ngọn núi, những cao nguyên và những thung lũng của dãy núi dài mà người ta đặt tên là dãy Trường Sơn, phát xuất từ những chỏm núi cuối cùng trên vùng Tây Tạng, đã cấu tạo như cột xương sống của xứ Đông Pháp (l'Indochine Française), từ tỉnh Vân Nam của Trung Hoa đến vùng đồng bằng Nam Kỳ.

Từ xứ Nam Kỳ đến tỉnh Vân Nam, có giống người Mã Lai - pôlinêdiêng này sinh sống, họ luôn luôn bị những dân tộc láng giềng gọi bằng những từ ngữ có nghĩa xấu: tiếng An-nam gọi họ là "Mọi", tiếng Lào gọi họ là "Kha", những từ ngữ ngày đều có nghĩa là man rợ, bán khai.

Tuy nhiên, người Mọi hay người Kha lại còn mang nhiều cái tên riêng cho từng bộ lạc như: Sédang, Jiarai, Reungao,

Raddé, Halakon v.v... Hơn nữa mỗi dân tộc thiểu số lại không những chỉ nói bằng thứ ngôn ngữ riêng mà bộ lạc láng giềng không hiểu được, mà còn có những phong tục và tập quán rất khác biệt nhau.

Chính vì vậy mà, nói ví dụ, ta thấy có một số bộ lạc sống theo chế độ phụ hệ (patriarcat), trong khi một số bộ lạc khác thì sống theo chế độ mẫu hệ (matriarcat).

Người Mọi từng sống tập trung lại thành bộ lạc, bộ lạc chỉ lấy các già làng làm trưởng. Xét theo quan điểm tâm linh thì sức mạnh của hai tên phù thủy đã đề nặng lên cuộc sống của họ, đó là Saddet của Nước và Saddet của Lửa. Mỗi một trong hai người đó cho rằng sức mạnh phù thủy của họ, không có gì hơn là sự múa may thanh kiếm thiêng của họ, có thể giải thoát con người khỏi hoặc nạn lụt hoặc nạn lửa cháy. Đó chính là nguồn gốc uy quyền lớn lao của họ.

Các xóm đều được thiết lập bởi vài ba nhà sàn lợp tranh dựng trên những cây cột hoặc tập trung lại trong một vòng rào phòng thủ hoặc phân tán ra giữa cỏ tranh của một cánh rừng thưa. Một cách hiển nhiên vùng này chỉ được bao quanh với núi non và dây đó, có những đám "rầy", nương bắp, nương vùng hoặc nương thuốc lá.

Người Mọi sống chủ yếu về nghề săn thú rừng và thu nhặt những sản phẩm tự nhiên của rừng núi. Có nhiều bộ tộc (clan) chuyên làm nghề săn voi hoang; nhiều bộ tộc khác chuyên về nghề đi tìm cây quế, hoặc đi tìm gỗ quý. Gần như sống khỏa thân, người Mọi, tự do và hãnh diện, đã xuyên qua những lùm bụi cao hoặc dưới rừng già dày rậm; chỉ có một sức mạnh duy nhất có thể bắt họ dừng lại, đó là sức mạnh ở chỗ có làng, có đường mòn lối nhỏ, cánh đồng, cánh rừng đang ở tình trạng "dieng" nghĩa là tình trạng cấm kỵ (tabous).

Chúng tôi nghĩ chỉ có cách tốt hơn hết là yêu cầu độc giả nào mà phong tục, tập quán và chuyện cổ tích của người Mọi đã làm cho thích thì cần tham khảo tác phẩm *les Jungles Mois* (Những rừng già trên Mọi) của H.Maitre, có thể nói tác phẩm này viết khá chắc chắn về tất cả các vấn đề trên vùng Mọi.

Cho đến những năm mới gần đây hầu như tất cả các bộ lạc Mọi sống độc lập hoàn toàn với đế quốc (l'empire) An-nam. Việc chúng ta đặt chân lên xứ Đông Dương rồi đây sẽ làm thay đổi sự độc lập ấy.

Những người châu Âu đầu tiên đến chiếm xứ Mọi của An-nam là những giáo sĩ Pháp. Họ khai phá một cách chính đáng vào xứ Mọi bằng những vùng đất núi non trải dài cho đến phía tây tỉnh Bình Định mà tỉnh lỵ là Quy Nhơn, và phần giới hạn miền đất của người Lào là bờ sông Mêkông. Một khu duy nhất cho đến năm 1927, đã phục tùng dưới sự phúc âm hóa của họ; tức là giáo khu Kontum.

Các cha Combes và Fontaine đã đến vùng đất người Bahnars vào năm 1849. Cha Dourisboure gia nhập vào vùng họ tháng giêng 1851, cha sẽ sống ở vùng người Mọi cho đến năm 1885; sau cha là một xâu dọc bất tận các giáo sĩ đã tiếp tục công trình của các cha Combes, Fontaine.

Chính giám mục Cuenot là người vào năm 1842; có cái ý tưởng đi tìm trong vùng nội địa sâu một chỗ ẩn lánh để giấu con chiên của giám mục trước những cuộc "sát tả đạo" của người An-nam. Và, trên thực tế, vào các năm 1884, 1885, các cha đều sống đơn độc giữa thế giới văn minh vì các cuộc "sát tả đạo" quá rùng rợn đã phá hủy hầu như trọn vẹn các làng đạo ở bờ biển.

Hiện giờ (1927) Hội Truyền giáo Kontum gồm có 20 giáo xứ, 142 làng đạo và 16.790 con chiên. Hội Truyền giáo này

trực thuộc địa phận Khâm mạng Tòa Thánh (Vicariat apostolique) của miền đông Nam Kỳ mà đức giám mục của cơ quan này đóng ở Lang Sông gần Quy Nhơn.

Chúng ta đã thấy rằng vào năm 1888, vào lúc mà David de Mayréna đã vượt qua đèo Mang Yang, mà con đường đi từ Quy Nhơn dẫn lên tới Kontum qua An Khê đã đi ngang qua đèo này, đã có ba giáo sĩ hướng dẫn Hội Truyền giáo của người man rợ: đó là cha Vialleton (cha bề trên), cha Irigoyen và cha Guerlach.

Chúng ta cũng đã thấy ông chủ tỉnh Navelle, vào năm 1884, và Trung úy Metz, vào năm 1887 là hai người duy nhất, nằm ngoài đoàn giáo sĩ đã đến vùng Kontum, trước Mayréna.

Vậy tại sao có sự độc lập của người Mọi và có sự đơn độc của giáo sĩ? Trước tiên bởi vì cái tính khí thích gây gổ hiếu chiến và thích sống độc lập của người Mọi, sau đó là vì tiếng xấu về sự độc, có hại cho sức khỏe; của núi rừng xứ ấy (cho đến lúc đó hai lý do này đã đủ để đẩy xa người An-nam khỏi vùng người Mọi); và cuối cùng là vì những sử kiện đẫm máu trong năm 1885, chúng tôi cũng đã ghi nhận sử kiện này, đã khiến những giáo sĩ ở Kontum phải dựa vào những chiến binh Mọi để thoát được sự tàn sát giết đạo, sự đàn áp nặng nề mà tín đồ Thiên Chúa giáo Bình Định phải chịu đựng, sau cuộc khởi nghĩa của vua Hàm Nghi và của vị Thượng thư danh tiếng là ông Thuyết.

Sự giải vây cho Hội Truyền giáo của người Mọi do các toán quân Pháp thực hiện chỉ xảy ra vào tháng ba năm 1887, tròn một năm sau, đó chính là Mayréna hay chạy áp-phe.

Như độc giả có thể đã để ý: đồ án đầu tiên của cuộc thám hiểm này, dù muốn hay không, đã được vạch ra bởi cha J.B.Guerlach. Vị giáo sĩ này (sinh ở Metz ngày 14-7-1858) đã

đổ bộ lần đầu tiên vào Đông Dương ngày 18-5-1882. Từ khi ông đến Hội Truyền giáo Quy Nhơn (04-6), theo tập quán, ông đã nhận từ vị giám mục của ông, một cái tên hiệu gọi là Cố Cảnh, dưới cái tên này mà người An-nam và cả người Mọi cũng thế, đã biết ông rõ, đến nỗi về sau, một người lạ đi vào xứ Mọi chỉ cần nói lên hai tiếng ấy là được đón tiếp và được bảo vệ ngay.

Cha Guerlach bắt đầu lập Hội Truyền giáo cho người Mọi vào ngày 08-01-1883 ở làng Kon Jéri Krong (hay Kon Kô Xâm), và từ ngày đó cho đến khi ông mất bất thần ở Kontum vào ngày 29-01-1912, ông đã tỏ ra một sự hăng say, không biết mệt mỏi, kể về quan điểm tông đồ truyền giáo cũng như về quan điểm cai quản, quan điểm văn chương cũng như quan điểm võ biên, chỗ nào cũng hăng say thế cả. Trước tiên, ông đã tổ chức sự đối kháng khi có cuộc giết "tả đạo" trong năm 1885 - 1887, sau đó, vào tháng hai năm 1888, ông tung ra một cánh quân gồm 1200 người Bahnar chống lại bộ lạc địch thù người Jarai, mà tất cả mọi người (gồm cả ông Navelle vào năm 1888) đã phải chịu đựng sự cướp bóc.

Chúng ta phải chịu ơn ông trong nhiều bài tường thuật về các vùng Mọi: *Deux ans de captivité chez les Bahnars* (1887) (Hai năm bị cầm tù ở vùng người Bahnar); *Moeurs et superstitions des sauvefes Bahnars* (1887) (Những tập quán và những mê tín dị đoan của người Bana man dã); *La Variole chez les Sédang*; "*Chez les sauvages*" (1884) (Bệnh đậu mùa ở vùng người Sédang; "ở vùng người man dã"), là những bài đã công bố ở tập *Les missions Catholiques*; và nhiều bài báo đăng ở báo *Courrier d'Haiphong* về vấn đề vương quốc của Marie đệ nhất, và nhất là trong *l'Oeuvre néfaste* (1906), trong đó ông đã trả lời cho những lời buộc tội của F.Camille Paris (op.cit.).

Đó là một con người có vóc dáng thể thao, không hề ngừng tranh đấu hoặc bởi hoạt động, hoặc bởi ngòi bút hay lời nói, và vào lúc mà lãnh thổ người Mọi còn thuộc về người can đảm nhất; mạnh nhất, thì ông đã hơi có bộ mặt của người giáo sĩ vũ trang.

Nếu cha Guerlach đã nhận được những vận may lớn, thì hiển nhiên ông cũng đem lại cho nó nhiều cú không kém da diết. Ông cũng không hẳn là của chúng tôi, thuộc về chúng tôi, một người xem kỹ các tư liệu lưu trữ không thiên vị, để phê phán những hoạt động và những bài viết của ông. Rằng chúng ta chỉ cần ghi chép một cách trung thực là trong việc làm khinh suất của Marie đệ nhất thì ông, cũng như bao người khác (và những người khác đó là: ông công sứ Lemire, ông giám mục Van Camelbeke, người Trung Hoa A Kong, ông lãnh sự Verleye, nhiều người Pháp khác nhau ở Nam Kỳ, ở Trung kỳ và ở Bắc Kỳ, những nhà kinh tế Anh ở Hồng Kông, và những người sắp xuất hiện) đã bị lừa phỉnh bởi các tài bẻm mép, bởi những trận nói láo và sự táo tợn của Charles David...

*
* *

Phủ Toàn quyền Đông Dương ước mong chấm dứt chuyện này với câu chuyện vương quốc độc lập, nên đã ngay tức khắc giao cho ông công sứ mới nhậm chức ở Bình Định, ông Guiomar, một sứ mạng ở vùng Mọi. Ông Guiomar, và người phụ tá của ông là ông Simoni, khởi hành từ Quy Nhơn ngày 21-3-1889 và đến Kontum ngày 02-4.

Được hỗ trợ bởi các giáo sĩ truyền giáo, ông công sứ đã ngay tức khắc tập hợp các già làng của 42 làng có liên hệ với Marie đệ nhất, và trong cuộc thương nghị này, tất cả những người Mọi mà, một năm trước đây, họ đã có tuyên thệ một cách rất nhẹ nhàng là trung thành với "Agna" của họ, thì nay

họ cũng tuyên thệ, với một tính cách ngây thơ cũng như ngẫu phát, trung thành với nước Pháp...

Ai còn có bản thỏa ước ấy thì trao chúng lại cho ông Guiomar; ai còn giữ những cây cờ màu xanh thì nay đem ra đổi chúng để lấy lá cờ tam tài (trừ một lá cờ hoàng gia được dùng làm váy trong cho người vợ của một ông xếp; thư ngày 09-7), những giáo sĩ truyền giáo được dùng hơn một lần để làm người trung gian, người chứng tá, và làm thông ngôn không lấy tiền công; và lên ngôi trên những con voi, phái bộ Guiomar, mang theo những chiến lợi phẩm và những gì thu hoạch được của vương quốc phù du; khởi hành trở lại con đường đi Quy Nhơn, phái bộ đã về đến Quy Nhơn vào ngày 21-4-1889!

Tại Quy Nhơn người ta giao cho đại diện nhà nước đứng ra phát mãi toàn bộ những gì đã tịch thu được hoặc ở Kontum, hoặc ở Quy Nhơn. Con vật cỡi của nhà vua, con ngựa Ả Rập danh tiếng, được bán đấu giá công cộng với tổng số tiền ít ỏi chỉ 5 đồng bạc, giá con ngựa đã ở vào tình trạng tôi biết bao, và người ta cho lập bản kiểm kê những đồ vật thuộc về Marie đệ nhất, có lẽ để đổi lấy số bạc bán được chúng (về sau bán ở Tourane) bồi hoàn cho A Kong, Liébard và "tutti quanti"...

CỘNG HÒA PHÁP

Tòa Công sứ Quy Nhơn (Trung Kỳ)

Hôm nay, ngày hai mươi hai tháng ba năm một nghìn tám trăm tám mươi chín.

Trước mặt chúng tôi, quan Chương ấn của Tòa Công sứ Pháp ở Quy Nhơn (Trung Kỳ), có tự giới thiệu ông Guiomar, Phó Công sứ của Tòa Công sứ ấy, căn cứ vào lá thư của ông Rheinart, Tổng Trú sứ của nước Cộng hòa Pháp ở Trung và

Bắc Kỳ, đã tạm giữ trong tay chúng tôi với tư cách là nơi tạm thu giữ để được bảo quản tại dinh chưởng ấn của chúng tôi, gồm có:

1- Một thanh kiếm để duyệt binh, bao kiếm mạ vàng và có trang trí, đốc kiếm bằng ngà, lưỡi kiếm có nạm kim loại, tất cả đặt trong một cái hộp bằng gỗ có lót một lớp nhung màu xanh biển ở bên trong;

2- Một cái thúng bằng tre đựng:

1 hòm thiếc có đai hàm thiếc và dây cương,

1 cái chai đựng nước để đi săn có bọc da ở ngoài với một cái cốc bằng thiếc cột chặt trên miệng chai,

1 cái dụng cụ bóp vỏ đạn bằng "étai" và "manivelle";

1 dụng cụ nút bắm;

1 bao đạn bằng da thuộc để đựng đạn cỡ súng 12;

1 bao đạn bằng da thuộc để đựng đạn kim loại (remington);

1 cái hộp tròn bằng sắt trắng chứa những mồi lửa để làm cho đạn nổ;

1 cái hộp bằng gỗ đựng một chai dầu "vaseline" (cái nắp được vặn nút);

1 khẩu súng colt có băng súng tháo ra được có bao súng và nịt súng;

1 vòi phun bằng cao su;

1 cái nhiệt kế có hộp bằng gỗ;

1 con dao có khóa bằng vàng;

3 dây cu-roa với nhiều kích cỡ;

1 hộp bằng da có 2 cái khăn bàn;

1 hộp bằng gỗ đựng những cái mồi lửa.

3- Một cái thúng bằng tre thứ hai đựng:

1 hộp thuốc tây đã mở, được bao gói lại và được cột ràng, trong trạng thái y nguyên của nó;

1 cái hộp bằng sắt trắng đựng những các-tút remington, những cái dũa nhỏ, một cái giuộc (để đóng thuốc súng) bằng nickel dùng cho vỏ đạn remington; một cái dùi và dây chỉ của thợ đóng giày, một cái hộp đựng nitrat bạc, một cái tháo kíp nổ và cái kim của nó,

1 cái báng súng bằng nickel tháo rời ra được, dùng cho súng lục,

1 cái ống nhôm và hộp đựng;

4- Một cái kết bằng gỗ đã đóng chặt và khóa và có cột dây ràng, chứa những đạn đã nạp thuốc súng (ông de Mayréna đã giữ chìa khóa của cái kết này);

5- Hai cái nón lá: một nón kiểu Trung Kỳ; nói kia kiểu Sài Gòn.

6- Năm đồng bạc do số tiền bán con ngựa với cái vòng cổ ngựa ở tình trạng tồi, và một đoạn dây chuyền nhỏ bằng sắt, đã cho bán đấu giá công khai ngày 17 tháng hai vừa rồi, theo lệnh của ông Tổng Trú sứ (5\$).

Tất cả đều đúng với bản kiểm kê đã được lập bởi chúng tôi, và bản chính của biên bản này để ở phòng lưu trữ của dinh Chương ấn.

Những đồ vật và hạng mục của các thứ trên đều thuộc quyền của ông de Mayréna, nhà thám hiểm đang thi hành sứ mệnh đã rời bỏ xứ này bằng cách để lại tất cả những đồ đạc mà sự kiểm kê trên đã cho thấy, ở nhà các cha truyền giáo tại chỗ ở trong vùng người Mọi Bahnar bán khai và ở Hội Truyền giáo Lang Sông (tỉnh Bình Định, xứ Trung Kỳ) qua sự môi giới của các cha, sự giải quyết mỗi phiên phúc này đã được

thực hiện vào ngày bảy tháng hai năm một nghìn tám trăm tám mươi chín.

Bởi vậy, chúng tôi đã cất giữ ở một nơi chắc chắn các thúng bằng tre và cái két bằng gỗ đã nói trên, và bỏ số tiền năm đồng đồng bạc (5\$) vào một cái hộp để được giao tất cả, đồng thời và vào một nơi cho người có quyền hoặc được sử dụng như đã được xét xử, trừ sự khấu trừ các chi phí và những món chi tiêu có lý do chính đáng.

Vậy chúng thực được lập ở dinh Chương ấn và, sau khi đã đọc lại, đã ký với ông Phó công sứ ở Quy Nhơn, ngày tháng năm như trên.

Quan Chương ấn
Đã ký: WEIS

Quan Phó Công sứ
Đã ký: GUIOMAR

*
* *

Chính quyền rất muốn đặt chân vào vùng đất lạ lòng này, nhưng bằng một cách rất chậm, và qua sự môi giới của những già làng bản địa và những giáo sĩ truyền giáo.

Vào tháng chín năm 1888, cha Vialleton đã thành công trong việc tập hợp người Bahnar và người Reungao thành một liên bang, vẫn nằm trong mục đích là tạo nên một hành động tự vệ chống lại sự cướp bóc dai dẳng của người Sédang.

Ông Tổng Trú sứ đã nhìn với con mắt có thiện cảm nhóm thành lập và phòng vệ này, ông cũng đã nghe những lời giải thích của cha Guerlach; mặc dù thế, nhưng với mục đích để xác nhận cho rõ ràng hơn quan điểm của chính quyền và để làm rõ trách nhiệm của các giáo sĩ truyền giáo trong việc Mayréna, ông Rheinart đã gửi cho Hội Truyền giáo vùng người Mọi và cho ông thủ lĩnh liên bang đến ba lá thư sau đây:

Tòa Tổng Trú sứ
ở Trung Kỳ và Bắc Kỳ

Số 98

VĂN PHÒNG TỔNG TRÚ SỨ

NƯỚC CỘNG HÒA PHÁP

Huế, ngày 23, tháng hai năm 1889

Quan Tổng Trú sứ của nước Cộng hòa Pháp
tại Trung Kỳ và Bắc Kỳ gửi ông

Thủ lĩnh Liên bang Bahnar Reungao

Thưa ông thủ lĩnh,

Tôi rất cảm ơn ông về lá thư mà ông đã gửi cho tôi trong đó ông báo tin cho tôi về cảm tình tốt đẹp mà ông dành cho nước Pháp. Về phần chúng tôi, thì xin ông tin rằng chúng tôi cảm thấy một thứ tình cảm trung thực nhất đối với các dân tộc mà ông cai trị một cách khôn khéo, và đối với các bộ lạc lân bang của ông; tôi lấy làm hân hạnh là có thể chuyển đến ông ở đây sự minh giải thứ tình cảm ấy.

Tôi cũng rất tiếc là ông đã không thể gặp ông Công sứ Quy Nhơn, ông này đã báo cho ông biết những ý định hoàn toàn tốt đẹp của nước Pháp, tôi lấy làm tiếc nhất về điều mà bởi vì chính tình trạng sức khỏe của ông đã ngăn trở ông thực hiện sự tiến triển này. Tôi đã cố vũ ông Công sứ đi thăm viếng vùng đất của ông để tìm hiểu về ý nguyện và nhu cầu của dân chúng; tôi hy vọng rằng ông Công sứ sẽ có thể gặp được ông, và sẽ thấy ông trong tình trạng mạnh khỏe. Ông de Mayréna, mà ông đã có nói với tôi, là một nhà thám hiểm đã bị dân tộc Sédang về phẩm chất và về chức danh của ông ta; trong sự làm ăn của ông ta được hướng dẫn bởi lòng tin xấu xa lớn lao nhất, ông ta không có mục đích gì khác hơn là tìm lợi nhuận cho riêng cá nhân ông ta. Ông ta đã tìm cách đào ra tiền bằng tất cả mọi phương tiện; ông ta không hề do dự để bị luôn chính những giáo sĩ truyền giáo, mà quên đi công ơn phục vụ mà những người này đã dành cho ông ta. Ông ta đã bán cả đất đai của người Sédang khốn khổ đáng thương, nếu như chính phủ Pháp không kịp bóc trần những mảnh khoe của ông ta. Chính phủ Pháp không cho ông ta quyền quay trở

lại vùng đất của người Sédang nữa, ngoài ra, những thủ đoạn tại đây đã đóng cửa vĩnh viễn đối với ông ta rồi; và chính vì hạnh phúc của người Sédang mà người Sédang đã từng là người bị lừa và là nạn nhân của ông ta cũng như bao người khác rồi - Người ta đã thấy rằng rất nhiều làng của người Sédang đã phơi lộ ra trước sự tấn công của kẻ địch thù của họ, bởi vì những làng này không đủ mạnh để tự vệ, nên đành phó mặc cho chính họ; người ta đã thấy rằng sự quần tụ của nhiều làng cho phép bảo đảm được sự yên ổn trong vùng này, và không có một phương cách gì tốt hơn để đem lại an ninh cho dân chúng hơn được; cho nên chính phủ Pháp đã thấy điều này với niềm sung sướng, là những làng của người Sédang nên đoàn kết chặt chẽ với những làng đã quần tụ, để hợp thành sức mạnh của tất cả các làng, và như thế các làng có thể bảo vệ lẫn nhau một cách dễ dàng hơn. Chính phủ Pháp sẽ vui lòng thấy nhiều nhóm khác tương tự như thế sẽ thành lập; nếu có thể, chính phủ sẽ phát một con dấu cho người được dân đề cử lên làm xếp toàn nhóm, để cho người này có thể truyền mệnh lệnh cần thiết để giám sát tình trạng an ninh cho tất cả mọi làng trong nhóm.

Có thể sắp tới đây nước Pháp sẽ đưa lại nhiều dấu hiệu tỏ ra sự ân cần của mình đối với dân chúng trong toàn vùng này, bằng cách giao nhiệm vụ cho một quan chức đặc biệt hơn để quản giám các vùng đất này, để đem lại tự do hoàn toàn cho người dân về việc đi lại trên đường và buôn bán mà không bị cướp giựt. Ông lãnh tụ, tôi hy vọng rằng vị quan chức này sẽ nhờ sự cộng tác tận tâm của ông để thực hiện tốt một nhiệm vụ mà sự thịnh vượng của tất cả mọi người đều phụ thuộc vào đó.

Tôi có lời cầu mong ông được sức khỏe, và gửi đến ông sự kính trọng cao quý chắc chắn nhất của tôi.

Ký tên RHEINART

Tòa Tổng Trú sứ
ở Trung Kỳ và Bắc Kỳ

Số 31C

VĂN PHÒNG TỔNG TRÚ SỨ

NƯỚC CỘNG HÒA PHÁP

Huế, ngày 12 tháng ba năm 1889

Quan Tổng Trú sứ của nước Cộng hòa Pháp

ở Trung Kỳ và Bắc Kỳ, kính gửi ông

Linh mục Guerlach

Thưa Linh mục thân kính,

Tôi cảm ơn ông nhiều về những tình hình mà ông muốn cung cấp cho tôi, tôi đã chuyển lại cho ông cái thư của người Trung Hoa, sau khi tôi đã cho sao lại cái thư ấy. Tôi cũng đã giữ lại một cái thư khác bởi vì ông muốn cho phép tôi giữ nó lại. Cái thỏa ước 20 triệu đồng ấy, cũng như tất cả các chuyện khác nữa, là một chuyển cổ tích, một sự láo khoét mà thôi. Người ta không còn tin vào những câu chuyện như thế nữa. Thật là tai hại vì số người bị lừa ấy khá đáng gọi là nhiều, mà tôi chưa tìm được phương cách cứu chữa sự việc tồi tệ này. Ông de Mayréna không có khả năng thanh toán, theo tôi hiểu, và cũng chẳng có gì để viết thư trừ nợ nơi ông ta cả.

Trong thư của ông ta viết có phần mơ hồ, hình như ông ta đang tìm cách quấy rối ông đấy, linh mục Guerlach ạ; tìm cách làm cho ông lo sợ về sự can thiệp của chúng tôi đấy. Sự can thiệp này không có gì làm hại ông đâu, vì hoạt động của chúng tôi trong những vùng xa ấy sẽ luôn luôn cực kỳ bí mật. Chúng tôi không có dự tính thay đổi tình trạng cái gì hiện đang có. Điều mà chúng tôi mong muốn, chính là những người lạ đừng có đặt chân, mà những lối đi để tự do, tiến bước về phía sông Mêkông. Nhưng những tập quán và phong tục của mọi dân tộc vẫn phải được kính trọng. Chúng tôi sẽ vẫn để cho các dân tộc ấy tự trị, và chúng tôi không có tham vọng thay đổi những gì hiện đang có. Chúng tôi vui lòng thấy từng nhóm được thành lập dưới sự gợi ý của ông để lôi kéo những làng lân cận về với nhóm, và chúng tôi cũng vui lòng thấy được một nhóm khác tự thành lập, gồm có người Sédang còn

lại và những dân tộc thiểu số ở bên kia. Phần khác, tôi cũng đã yêu cầu linh mục Fourmont thông tri cho ông những gì tôi đã viết cho ông ấy; lời trong thư ấy có phần rối rắm, viết cóc nhảy không ra đầu ra đuôi, nhưng tôi hy vọng rằng ông sẽ thứ lỗi cho tôi, và dù sao thì tôi cũng hiểu được điều này. Tôi sẽ vắng mặt trong một tháng, tôi có nhiều điều phải làm trước khi tôi lên đường, những lá thư của tôi cảm thấy còn sung sức lắm.

Tôi kèm theo lá thư này của tôi một lá thư viết cho Krui, và một lá thư khác viết cho Xui (tên này có mặt trên các bài báo của Mayréna), tôi để cho ông hoàn toàn tự do sử dụng hai lá thư này theo cách sử dụng nào tỏ ra thích hợp với ông nhất. Xong rồi thì gửi chúng trả lại hoặc hủy chúng đi cũng được. Cả hai chúng ta đều làm việc có mục đích đem lại lợi ích cho tổ quốc; ông biết rõ những người ấy, điều mà người ta có thể nói về họ, ông có thể đánh giá tốt hơn mà tôi không thể làm điều đó được, là tạo thời cơ tốt cho việc trả lui hai cái thư ấy, hoặc chỉ trả lui một trong hai thư ấy, hoặc là hủy cả hai thư.

Hình như việc làm này sẽ thành công tốt đẹp, nếu chúng ta tăng cường được nhóm của chúng ta lên, và nếu chúng ta lập được một nhóm khác như thế thì người thủ lĩnh nhóm sẽ nhận từ chúng ta một bằng cấp (nguyên văn: "un bằng cấp"), một lá cờ bảo hộ pháp phối trong vùng nhìn được từ rất xa.

Ông de Mayréna đã đáp một chiếc tàu Đức, ngày 20 tháng giêng, đi sang châu Âu; ông ta đã đổi cái tên là "dien", tôi tin là vậy, để đi qua mà không ai biết.

Ông ta định chạy vạy ở nước Pháp, tôi nghĩ rằng ông ta sẽ nhanh chóng bị lộ mặt vào một ngày nào đó, có thể những lời phàn nàn về sự bịp bợm sẽ theo sát ông ta sẽ là một điều quá tốt, với những ý kiến đầu tiên từ nước Pháp đến với chúng ta.

Chúng ta có thể trả lời rằng người Sédang đã liên hiệp lại rồi, chỉ trừ vài làng liên kết với người Bahnar; và họ đã có một thủ lĩnh nhận một bằng cấp do chúng ta phát cho, và họ đã chịu trả một thứ thuế (khi thứ thuế này chỉ có một hoặc hai đồng). Những luật lệ mạo xưng của Mayréna đã rơi gãy tức khắc.

Để đóng góp cho cuộc triển lãm, chỉ cần một ít cà phê chế biến thật tốt, vài sản phẩm của đất đai, vài sản phẩm về công nghệ là được. Tôi không dám khuyên ông đưa đi những loại gỗ, vì gỗ có phần nặng nề, khó chuyển vận. Dĩ nhiên, ông Công sứ sẽ hoàn lại số tiền chi phí cho ông.

Không còn gì để bận trí những người ưa bịa chuyện, theo phương cách đó ông Mayréna đã muốn làm cho ông sợ sệt e dè. Ông đã tạo được sự tự vệ cho ông khá tốt đẹp và đã xác nhận được sự bảo đảm cho quyền hành của ông. Về phía người Sédang thì người ta không thể tổ chức và cai trị một cách thường xuyên ở xứ này được. Không phải như ở nước An-nam với nghĩa sát sao nhất. Nước An-nam là nơi mà người An-nam sinh sống, đã có những nhà cầm quyền, họ đã có những phương sách hành động, đã có luật lệ, những thường dân có thể và phải đòi hỏi thể dựa vào chính quyền. Nếu họ cảm thấy đang lâm nguy, thì họ có thể đòi hỏi công lý cho chính họ. Nhưng ở xứ Mọi, những điều kiện lại tuyệt đối khác hẳn, mỗi người phải tạo sự an ninh của mình. Quan niệm của ông về việc tập hợp các làng lại đã tạo cho họ một sức mạnh lớn, và cho phép chấm dứt những cuộc thôn tính nhau, nhưng ngay lúc đầu người ta phải đạt tới chỗ đó để tạo sự biết tôn trọng cuộc sống.

Dù có nói thế nào về ông Mayréna, thì cũng không ai có cái ý tưởng chế nhạo Hội Truyền giáo âm ỉ, cũng không ai bận tâm về cách thức mà Krui đã cai trị theo cách thức đó. Chắc chắn rằng ông không hành động như người ta nói về ông ở Âu

châu. Người Mọi có việc cần phải giải quyết với những người Mọi, ông ta phải áp dụng những tập quán Mọi, điều này quá đúng, quá hiển nhiên, điều mà người ta chỉ trích quá nhiều là điều muốn xáo trộn tất cả.

Kết luận của ông de Mayréna thiếu chính xác, ông ta đã lầm khi thực hiện những vay mượn ở các tác giả cổ điển mà ông đã biết quá ít, ông ta viện dẫn câu chuyện ngụ ngôn về con khỉ và con mèo, và để cảnh giác về ông, ông ta đã dành cho ông vai Bertrand, và giữ lại cho ông ta vai Raton. Tôi không tin rằng ông ta cứ mãi đưa ra cái trò lừa bịp người ta ấy được, tôi cũng không tin rằng ông lại mang bản chất phung phí những điều đó để gây thiệt hại cho ông ta.

Tôi quá bận thì giờ, tôi phải dừng câu chuyện lại ngay đó thôi, mà không thể đem lại cho ông, tôi sợ thế, tất cả mọi điều giải thích như mong muốn được.

Không có gì phải bận tâm nhiều đến những tấm bản đồ, tấm bản đồ của Garnier đã được vẽ vào một thời mà chúng ta còn chưa biết gì về xứ Trung Kỳ, cũng không biết rõ giới hạn của xứ này, và phần đất này chưa được vẽ de visu (như đã mục kích). Trên tấm bản đồ của Dutreuil thì không có một bộ lạc nào được xem như là sống độc lập. Những công trình đó không mang tính chất chính thức hoàn toàn.

Tôi xin nhắc lại với ông tất cả mọi sự cầu mong và tất cả sự biết ơn của tôi, thưa linh mục kính mến, tôi xin linh mục chấp nhận cho những cảm tình rất chân thành của tôi.

Ký tên: RHEINART

Tôi đã gửi kèm hai lá thư cho Xui, để chọn gửi cho ông ta một lá, hoặc loại bỏ luôn cả hai lá, theo hiệu quả mà cái thư có thể gây ra .

Tòa Tổng Trú sứ
Ở Trung Kỳ và Bắc Kỳ
Số 30C
VĂN PHÒNG TỔNG TRÚ SỨ

NƯỚC CỘNG HÒA PHÁP
Huế, ngày 12 tháng ba năm 1889
Quan Tổng Trú sứ của nước Cộng hòa Pháp
ở Trung Kỳ và Bắc Kỳ, gửi ông
Thủ lãnh Krui

Thưa ông Thủ lĩnh,

Phải trả lời cho một lá thư của cha Guerlach, tôi lợi dụng cơ hội này để xác nhận với ông về lá thư trước đây của tôi, và nói với ông rằng chúng tôi rất vui lòng thấy những làng Sédang đã gia nhập với ông để tạo thành sức mạnh hơn cho nhóm liên kết mà ông đã xây dựng nên, và cũng đem lại cho ông việc bảo vệ chống lại kẻ thù được tốt hơn. Chúng tôi cũng vui lòng thấy được các làng khác của người Sédang và các làng lân bang của họ đều theo gương của ông, họ cũng tự liên kết lại để đoàn kết theo nhu cầu tạo thành sức mạnh của họ trong việc che chở bảo vệ lẫn nhau. Cả hai nhóm này bao gồm những con người lương thiện, hiếu hòa, đã tạo thành một sức mạnh để bảo đảm an ninh, hiển nhiên đã có một cộng đồng thực sự có chung quyền lợi, sau đó thì họ được kết hợp bởi những sợi dây liên hệ tình hữu nghị, tình lân bang tốt đẹp mà trong trường hợp cần thiết, những dây liên kết đó sẽ tăng thêm sức mạnh cho mỗi làng trong nhóm. Bằng cách tự trị riêng rẽ dưới sự chỉ đạo của một vị thủ lãnh mà các làng đã chọn ra, thì trong trường hợp nguy hiểm các làng có thể đoàn kết hợp thành sức mạnh để tự vệ chống lại kẻ thù. Để có phương tiện nhận ra nhau, và để đánh dấu thể hiện rõ ràng những sự tương quan tốt đẹp kết hợp tất cả chúng ta lại với nhau, thiết tưởng các nhóm có thể giương cao lá cờ bảo hộ để đem lại nhiều uy tín hơn cho vị thủ lãnh được cả nhóm chọn ra, chúng tôi sẽ phát cho ông ta một bằng cấp để làm nổi rõ phẩm tước của người thủ lãnh đó lên. Chúng tôi sẽ mở cuộc thương nghị với các nhà đương quyền An-nam, để dẹp bỏ những nơi trưng thầu thuế thương mại và cho phép

tất cả các bộ lạc của vùng cao được buôn bán tự do. Nhưng để dẹp bỏ việc thu thuế này trước khi nói đến sự thua lỗ đối với chính phủ An-nam, thì các bộ lạc nên thống nhất với nhau để bồi thường cho chính phủ một số tiền đúng giá trị của số thuế thu được, sẽ là một việc làm chính đáng, công bằng. Các già làng có nhiệm vụ đi thu và đi nạp những số tiền nhỏ lại với nhau, sự đóng góp này sẽ đem lại kết quả là người dân sẽ được bù lại nhiều hơn bởi lợi nhuận mà sự tự do buôn bán sẽ bảo đảm cho họ. Kể từ khi thực hiện điều này thì ông công sứ Quy Nhơn sẽ đem lại cho ông thủ lãnh sự bảo đảm về cảm tình của chúng tôi đối với cá nhân ông, và đối với dân chúng của vùng cao, đồng thời ông sẽ hỏi thăm những nhu cầu, để biết được với biện pháp nào đó thì chúng ta có thể bỏ sung vào đó. Tôi tin rằng ông ta sẽ được đón tiếp đàng hoàng theo cách mà ông ta có quyền hưởng sự đón tiếp như thế, và tôi cảm ơn ông trước về chuyện đó.

Tôi xin nhắc lại với ông sự đoan chắc về sự kính trọng rất đặc biệt của tôi đối với ông?

Ký tên: Tổng Trú sứ RHEINART

*
* *

Vả chăng, những vùng lãnh thổ Mọi, bằng nhiều giai đoạn, sẽ lần lượt sáp nhập với dòng đời bình thường xung quanh.

Sau Hội Truyền giáo Guiomar (1889), thì chính Hội Truyền giáo Pavie (1891) đã thành công trong việc đẩy lùi sự hăm dọa của ảnh hưởng nước Siam, rồi đến cánh quân bảo an binh của Garnier (1892) mà sự liên hệ đã do người lính gác Delingette dẫn đến; sau cùng, vào năm 1898, Đại tá Tournier, Tư lệnh tối cao vùng Hạ Lào, đã đem xứ Kontum phụ thuộc vào sự cai trị của nước Lào, và giao sự hướng dẫn phái đoàn mới này cho cha Vialleton.

Tuy nhiên việc chiếm cứ các vùng đất Mọi không phải được thực hiện mà không có năm ba người Pháp đổ máu ra cho việc chiếm cứ ấy. Chính ông vệ binh trưởng Robert là người bị người Sédang giết (29-5-1901) bên bờ sông Psi; những đồng nghiệp của ông là Henry và Sicre, đều bị giết bởi người Boloven, cũng vào năm 1901; quan chủ tỉnh Odend'hal bị ám sát ngày 07-4-1904, gần vùng Ban Tour, bởi những người của Sadet Patau Pui; kiều dân C.Paris, được phép đi vào một làng "dieng" và bắn hạ một con vật ở trong làng đó, đã bị giết chết ở Kon Klott bởi người Hala Kons, ngày 25-01-1908; vẫn còn bị ám sát chết bởi người Mọi trên sông Sé Pouc vào tháng năm, 1911 là trung sĩ Perrin và người lính Mesnard, để kết thúc bản danh sách đầy máu đỏ này. Chính là người ghi chép và là người thám hiểm có quyền lực mạnh ở vùng cao nguyên Mọi, chính ông Henri Maitre, đã bị ám sát ở Méra với 40 bảo an binh của ông vào tháng tám 1914...

*
* *

Ngày 23-02, trên các đại lộ trong toàn thành phố Paris đã hoan hô Marie đệ nhất. Nhưng vẫn chưa đủ đối với vua của người Sédang. Tiếng hoan hô của hạng ăn chơi; những món ăn điểm tâm ở quán café Riche... thì David de Mayréna đã biết hết rồi, than ôi! Giá trị của tất cả là chỉ chừng ấy ư!

Ông ta phải làm gì hơn nữa kia, và cái hơi nữa ấy là: 1- sự thừa nhận vương quốc của ông bởi nước Pháp; 2- có nhiều tiền. Và ông ta chẳng có tiền, chẳng được sự thừa nhận gì cả...

Nếu đám đông những kẻ hiếu kỳ, nếu vài ba kẻ rượu chè trác táng với cái giải trí không lành mạnh, trong chốc lát, đã cho ông ta thấy cái hư vinh, ông ta vẫn không là gì ở cái xã hội chính thức tại đây cả. Trên bờ biển Trung Kỳ, ở Bắc Kỳ, hay ở Hồng Kông, tất cả đều qua đi... bởi vì, nhất là năm

1888, ở những nơi xa trung tâm ấy, đã có nhiều "hiện tượng" ("phénomènes") biết bao; sá gì thêm một nữa thì có thể cũng được chấp nhận và được vô lý lắm chưa...

Nhưng, ở Paris, Mayréna mạo hiểm không bao giờ được thừa nhận bởi những con người nghiêm túc, cho rằng đó là một cuộc mạo hiểm mới, không có gì hơn!

Chuyện đó có ngăn trở gì cho việc Marie đệ nhất chơi trò một tiểu vương, đi diễu hành trên đường phố hay là ký những sắc lệnh khoa trương.

Ông ta bắt đầu bằng việc "kết hôn", hình như thế, với một thứ phi, hoặc hơn nữa, với một bà ái phi thứ ba. Ông ta đã ly hôn với bà Maria Francisca Avron bằng một sắc lệnh của ông. ký ngày 21-8-1888 (ông có bao giờ lo lắng gì cho bà vợ chính thức của ông, cũng chẳng lo lắng gì cho hai đứa con mà ông đã có với bà này là: Albert và Marie Louise). Người "con gái" Nam Kỳ Lê Thị Biên thì đã chết ở Kontum trong một cơn đau cấp tính rồi. Ngôi vị đó còn để trống, hoàng thượng đã muốn thay vào đó, đầu tiên là phong cho Hầu tước de Héring, bà Aimée Julie Lyeuté (Sắc lệnh số 47 ngày 05-4), sau đó, ngày 05-5, là kết hôn với người đàn bà này; trong trường hợp này thì bà ta đã trở thành "demoiselle quý tộc Marie Julie Rose Lyeuté".

Vì cần phải có một triều đình thuộc vương quyền của ông ta, nên Marie đệ nhất đã phong cho một Angenard nào đó làm Công tước de Drona, mà chắc chắn ông này phải trả giá đắt cho sự thỏa mãn tính khoái lạc này của ông ta... (Sắc lệnh số 48 ngày 10-4-1889).

Cùng ngày hôm đó, ông Fernand de Jupilles được bổ nhiệm làm thư ký "Ngự tiền văn phòng", và ông Georges Mazergne là Thị vệ đại thần.

Than ôi! Đó là tất cả những gì mà Mayréna có thể làm, vì từ khi ông ta nỗ lực vượt qua phạm vi tổ chức hành chính, thì ông ta chạm phải một "ý muốn xấu xa" tuyệt đối.

Ông de Cuers de Cogolin, lúc đó đang ở Paris để viếng thăm cuộc triển lãm đã chia phần (với một sự kinh ngạc nào đó) cho báo Courrier d'Haiphong, những sự hất hủi mà ông đã chịu đựng trên bờ sông Seine do con người mà ông đã hết lòng tin tưởng trên bờ sông Cửa Cẩm đem lại...

"Những công việc của ông de Mayréna, ông nói, hình như không tiến được theo ý muốn của các ước vọng của ông. Chính phủ vẫn giữ thái độ lỗ tai điếc đối với những kêu gào lặp đi lặp lại của ông ta. Vua của người Sédang không hề ngỡ ngàng vì điều đó, và ông ta lại vừa mới gửi cho ông Spuller, Bộ trưởng bộ ngoại giao, giác thư (mémorandum) sau đây:

Thưa ông Bộ trưởng,

Tôi hân hạnh, trong một lá thư đề ngày 04-11 vừa rồi gửi cho ngài tổng thống cộng hòa, để thông tin cho ông biết rằng, do ý chí của tất cả các tù trưởng và các chiến binh trong xứ sở người Sédang, tôi đã được tấn phong làm vua vào ngày 03 tháng sáu 1888; bản hiến pháp đã được soạn thảo vào ngày tháng đó đã được tu chỉnh ngày 01-7 sau đó và trở thành quyết định vĩnh viễn.

Lại có người Hamong đến xin gia nhập với dân tộc Sédang, người Hamong đã chấp nhận bản hiến pháp và đã long trọng tuyên bố trở thành một bộ phận của vương quốc người Sédang, vào ngày 10-6 cùng năm ấy.

Trong lá thư này, tôi đã nêu lên tình hình của xứ sở Sédang có đựng chạm quyền sở hữu của người Siam ở hướng tây, vẫn còn để lại cho nước này một dải đất ở đó có các thành phố Kong, Siam Pang và Attopeu.

Trong cùng cái thư ấy, tôi cũng đã nói đến sự độc lập không thể chối cãi và không ai đặt vấn đề nghi ngờ gì của các dân tộc ấy, bởi vì họ đã được ghi tên trên những bản đồ chính thức của mọi quốc gia châu Âu: những dân tộc độc lập.

Ngày nay, thưa ông bộ trưởng, bằng giác thư này, tôi đến yêu cầu chính phủ nước cộng hòa Pháp thừa nhận chính thức tôi là vua của dân tộc Sédang, và nhân cơ hội này tôi muốn trình bày một cách toát lược với ông, theo quan điểm chính trị và thương mại, về lợi nhuận chính yếu mà nước Pháp, xứ sở sinh quán của tôi, sẽ có nhờ sự thừa nhận này.

Theo quan điểm chính trị và thương mại, thì những lãnh thổ độc lập này đang bị người Anh, người Đức và người Xiêm thèm muốn dòm ngó, và hầu như thiết yếu là nước Pháp đã có ưu thế ở Đông Dương, và tôi quan niệm là qua xứ Đông Dương, Pháp có ưu thế ở Siam, ở xứ Trung Kỳ và xứ Bắc Kỳ.

Chính ở Bangkok, kinh đô nước Siam, mà những dòng ảnh hưởng của Pháp, Anh, Đức tụ hội để đụng chạm nhau ở đó; các đại diện của ba nước mạnh ấy đang tìm cách giữ vai trò ưu thế tại vương quốc này, và nếu một trong ba nước ấy đoạt được thế ưu tiên, thì hai nước kia sẽ liên minh với nhau tức khắc để trung lập hóa những kết quả đạt được.

Tình trạng căng thẳng này, thực sự là một sự bảo đảm tốt nhất cho nền độc lập của vương quốc Xiêm; hai nước có lợi nhất là nước Pháp và nước Anh, nước Pháp có lợi là bởi có xứ Nam Kỳ thuộc địa và lập được nền bảo hộ trên các xứ Cao Mên, Trung Kỳ và Bắc Kỳ, nước Anh có lợi là bởi làm sở hữu chủ được nước Birmanie (Miến Điện) mà nó hướng được sự bành trướng của nó về phương Nam cho tới phần có thể đi thuyền được của sông Mêkong. Nước Đức cũng vậy, nó đã hiểu rất rõ ràng, để giữ thế cân bằng các ảnh hưởng ấy thì phải đặt chân lên bán đảo Đông Dương; nước này đã quyết định phái một

phái bộ chính thức do Đại úy Rauff dẫn đầu đi đến vùng các dân tộc thiểu số đang hưởng một sự độc lập trọn vẹn ấy.

Chính lúc đó mà ông Toàn quyền Đông Dương, ông Constans đã báo trước đường đi qua của phái bộ chính thức ấy; theo lời khẩn khoản lập đi lập lại của tôi để cho tôi khởi đầu chịu hoàn toàn trách nhiệm của tôi.

Nếu ông Toàn quyền cản trở con đường đi của phái bộ này thì chính phủ Đức sẽ không quên yêu cầu cho họ những lời giải thích mang tính ngoại giao, căn cứ trên sự độc lập của các vùng đất ấy. Ông Toàn quyền Đông Dương không thể sai phái những công chức đi đến các vùng đó, vì sự bành trướng mới về thuộc địa này đã bị Quốc hội và nước Pháp quan niệm sai, tốt hơn là họ muốn hy sinh một đứa con của nước Pháp, nên họ đã quyết định chấp nhận cho một mình nó chịu hết mọi trách nhiệm, và quyết định để cho nó đạt đến mục đích, kể cả sự tàn lụi của cuộc sống của nó. Cho nên sự thành công đã trọn vẹn đặt vòng hoa vương miện lên những nỗ lực của tôi.

Hôm nay, tất cả mọi phức tạp rắc rối chính trị đều được giải tỏa, không phải là nước Pháp đã có một xứ sở mới mà chính là một người Pháp, chính là một người châu Âu tự do và chịu trách nhiệm về hành động của mình; một người *modus vivendi* không thay đổi, ông ta chỉ là một thủ lãnh. Ai có thể tuyên bố điều này?

Người Sédang và người Hamong đã đặt lên trên đầu họ một vị thủ lãnh người Âu; đây chính là câu chuyện của Rajab Brooke ở Bornéo; người Anh đã in câu chuyện này lên nhiều cột trong các báo chí của họ.

Bên cạnh người Sédang và người Hamong, thì còn có nhiều nhóm dân tộc độc lập khác nữa mà tôi có thể kết nạp họ vào. Tôi đã đánh tan người Jiarai, dân tộc hiếu chiến, một

nổi khùng khiếp cho các lân bang của họ; tôi cũng đã làm như vậy đối với người Hallang và người Lào, nếu về sau này nước Pháp có chú ý để chiếm lấy những bờ sông Mêkông, thì điều mà nước Pháp không thể thực hiện, thì tôi, chính tôi có thể thực hiện điều đó, nếu nước Pháp ước muốn tôi làm điều đó.

Không phải nước Pháp sẽ hành động, mà sẽ là vua của người Sédang hành động, dưới trách nhiệm duy nhất của nước Pháp; nếu ngược lại nước Pháp không muốn tiến cho đến nước Siam, thì tôi sẽ trụ lại trong tình trạng statu quo.

Được xây dựng ở trung tâm của bán đảo, tôi cũng có thể giữ một vai trò đáng kể cho xứ sở của tôi trong chính phủ của nước Cambodge. Được thừa nhận bởi chính phủ Pháp tôi có thể ký hiệp ước liên minh với hoàng thượng Norodom, sự liên minh sẽ cho phép tôi, vào lúc vua Norodom băng hà, giữ cân bằng với ảnh hưởng của thái tử Dongthia, vị thái tử sẽ lên kế vị ngai vàng và là kẻ thù của nước Pháp; tôi cũng có thể lưu ý tới nước An-nam, trong trường hợp có khởi nghĩa, để giúp vào việc áp đảo và tránh cho nước Pháp một phần chi phí đáng kể mà một sự nổi dậy khi nào cũng kéo theo sự chi phí như thế.

Bây giờ, theo quan điểm thương mại, cũng như ở vùng của tất cả các dân tộc bán khai lạ khác, nhưng không phải là những kẻ nổi loạn ở các nơi văn minh, những sự xuất khẩu sẽ rất đáng kể bằng các vật được làm ra, bằng vải dệt tất cả các loại v.v... Tôi cho là vô ích để nhấn mạnh về điểm này, và vô ích để đi vào những sự triển khai, chỉ ghi nhận điều này cũng quá đủ rồi.

Tóm lại, thưa ông Bộ trưởng, tôi không yêu cầu chính phủ nước tôi cho một con người cũng không yêu cầu cho một đồng bạc, như ở Congo; tôi chỉ yêu cầu chính phủ cho một sự thừa nhận chính thức với một hành động long trọng, do hành động

đó mà các dân tộc độc lập ấy đều tôn phong tôi đúng phẩm tước hoàng gia, một sự thừa nhận không thể kéo theo bất cứ một sự rắc rối nào về ngoại giao đối với nước Pháp, cũng không kéo theo một sự hy sinh về người hoặc về tiền bạc; mà, ngược lại, có thể phát triển sự giao thông, tăng lên một cách đáng kể, và củng cố theo một phong cách bền vững lâu dài ảnh hưởng của Pháp trong các xứ thuộc địa của chúng ta ở Đông Dương và ở vùng Viễn đông.

Ký tên: MARIE ĐỆ NHẤT

Kết cục của những bước đi này sẽ như thế nào, tôi không biết được. Nhưng tôi phải nói rõ rằng từ lúc đặt chân tới Paris, ông de Mayréna không xoay sở được gì, chẳng nặng nhọc mà cũng chẳng tiến được bước nào, rằng, nếu như ông ta đã đụng phải nhiều ác ý thì ông cũng đã gặp được nhiều thiện cảm lớn lao. Thực ra ý kiến quần chúng thực nghiêng ngả về ông ta, đối với những người này thì ông ta là một người anh hùng, đối với những người khác thì ông ta lại là kẻ phiêu lưu. Dù thế nào đi nữa, người ta vẫn bận tâm về ông ta, và người ta chờ đợi cái kết cục của tất cả mọi điều với tính tò mò nào đó.

RENÉ DE CUERS

*
* *

Cuers đã viết và nghi ngờ một cách vô ích, vì ông Bộ trưởng đã không tin, cũng không phải là không nghi. Mayréna đã quyết ý. Ông ta muốn tổ chức một buổi diễn thuyết về các vùng của người Sedang ở Société, Académique Indochinoise (Hội Hàn lâm Đông Dương). Chính phủ chống đối, bác bỏ. Marie đệ nhất xin được yết kiến tổng thống: ông ta bị từ chối; ông ta còn xác nhận rằng trong lúc nói chuyện ông Bộ trưởng Thuộc địa đã có âm mưu chặn đường ông lại

bằng cách dâng cho hoàng thượng một ly nước có hòa thuốc độc...

Nhưng, điều này có thực không? Đây không phải là một sản phẩm mới từ màng não điên cuồng của vua người Sédang chứ? Vương quốc và con người của ông ta hiển nhiên đã bị vơ vét để làm một thời thượng, một cuốn "catalogne" của một hiệu bán đồ theo một mới lạ đã tung ra cái độn vấy (le pouff) Mayréna...

Không có một nguồn tài chính nào đến để bảo đảm một cách xác thực những khả năng tương lai của các bang của ông ta, hoàng thượng đã quyết định rời bỏ một tổ quốc quá lạnh nhạt và ngày 20 tháng bảy, đem hoàng hậu Marie Rose và triều đình đi theo, vua của người Sédang đi đến Ostende, tại đây ông ta đã đến thuê trọ ở biệt thự Littorel.

Tại sao lại di chuyển dời chỗ ở đến nước Bỉ? Có lẽ bởi vì nếp sống đường phố, thường rất chóng chán, đã muốn những kẻ làm trò vui khác; cũng có lẽ trốn thoát sự phàn nàn trong vụ lừa bịp A Kong, và tiếng vang vọng vẫn đeo đuổi ông ta... có thể thế lắm?

Mặc dù thế nào thì hoàng thượng Marie đệ nhất, vào tháng bảy 1889 này đã không lo sợ phải tái diễn cái điệu bộ mà ông đã có vào tháng chín năm 1883 với nhà ngân hàng bị phá sản Charles David nữa; hoàng thượng đã vạch giới hạn một cách thận trọng giữa con người tự phụ kiêu căng của ông với các nhà đương chức đương quyền ở xứ sở ông..

Ở Ostend, vua của người Sédang đã lại tạo được thái độ xên xang, và bởi vậy, đã tạo ra được những vụ lừa bịp.

Ông ta đến thăm viếng cuộc triển lãm thuộc xứ Congo, tại cuộc triển lãm này, ông đã hạ cố, ban những sự giải thích về các thứ vũ khí của người bán khai; ông báo một cuộc khởi

hành sắp tới đi sang nước Anh, ở đó những công việc của vương quốc ông sẽ nhắc nhở ông; ông đặt ra những viên lãnh sự, một ông cố vấn quốc gia, học trò ở hầu quốc của Hầu tước de Droua (người công dân Angenard đã thực sự trở thành một kẻ ngờ nghệch tốt), đặt hoàng hậu Marie rose coi sóc "nội cung" của hoàng thượng; ban cho bà nhiều quyền hành..., cuối cùng ông ta đã lập ra một sở bưu điện (phát hành những con tem nhỏ in tượng vẽ, những tượng nhỏ này tức khắc được báo l'écho de la Tambrologie miêu tả rõ ràng), một số có ông Camille Berleur làm Người quản lý (Sắc lệnh số 62, ngày 5 tháng chín) và nơi đóng trụ sở của sở này là số 43 đại lộ Anspach, Bỉ.

Fernand de Jupilles thư ký "ngự tiền văn phòng", sẽ thảo ra và đệ trình tất cả những sắc lệnh này lên nhà vua "châu phê"; và Jules Edouard Daveluy, lãnh sự của hoàng thượng ở Ostende, phụ trách in ấn và chạy li-tô của triều đình, sẽ lo in kỷ yếu các luật lệ, sắc lệnh và chiếu chỉ của vương quốc Sédang.

Tuy nhiên, Marie đệ nhất chẳng có một xu nào! Ông ta phải bỏ rơi bà hoàng hậu cao quý Marie Rose, bằng cách giao lại cho bà ta, để sắp đặt những khoản chi phí trong thời họ ở lại tại Ostende, một cái kết nhỏ mà những trò chơi của sự phong vương được giữ kín trong đó, và nay thì ... trống rỗng!

Vương quốc và vị quốc vương của nó đều ở bên bờ vực tiêu tan. Nhưng, bỗng nhiên hoàng thượng lại gặp được một người cả tin mới; vào ngày 29 tháng chín, người này tới cầu xin ông làm cho ông một huy hiệu danh dự để chuyển sang cho văn phòng của ông ở Bruxelles! Đó là nhà kỹ nghệ Bỉ giàu có Somy; nhà tiền bạc và ảnh hưởng của ông này, ông ta sẽ đem một hướng mới lại cho vị vua đã hết đường xoay trở này.

Chắc chắn đây là cái khát vọng ưa làm chuyện huênh hoang đáng thương hại của con người đã đẩy ông Somsy này đến chỗ đi tiên phong cho những dự vọng của Mayréna; vì Jacques Maran đã cho chúng ta biết rằng Marie đệ nhất tức khắc phong tước cho nhà hảo tâm cỡ lớn này là công tước Sédran và Sépyr... Vị hầu tước trẻ tuổi này đã nhanh chóng trở thành người thân vận với vị quốc vương của ông, và vì hoàng thượng đang cần một số tiền để trở về với các bang của ông ta, ông Sumsy đã trả đũa nợ cho hoàng gia, ứng trước một số bạc để đi vận động và tổ chức cuộc thám hiểm cho phép vua Marie đệ nhất thấy lại lãnh thổ Sédang, bằng sự dàn xếp nào mà ông Somsy sẽ có được một phần ba lợi tức trên sự khai thác của vương quốc.

Mayréna thực sự đồng ý làm cuộc thám hiểm, và ra đi trên những chiếc tàu biển, sớm thực hiện được sự chi cấp cho chuyến đi này: những hộp âm nhạc, lương thực, vũ khí, tiền bạc và cuối là người đi...

Chỉ có năm người sẽ tạo thành đám cận thần của ông ta; đó là các ông de Neef, Orban, Groetaers, Roeges, và Hubin, tất cả đều là người Bỉ. Những người khác là: ông de Jupilles, thị vệ đại thần Mazergue; thái tử de Kon Jéri; ông giám đốc bưu điện; ông cố vấn quốc gia; và ngay cả bà hoàng hậu cao quý Marie Rose... mà người ta không còn nói đến bà này nữa... thì hoàng thượng đã lưu họ lại, người thì ở Bruxelles, kẻ thì ở Ostende... và để khỏi đánh thức sự ganh ghét rất đáng sợ của nước Pháp, vua của người Sédang một lần nữa đã quyết định ẩn mặt dưới một tá danh (pseudonyme): Bá tước de Maas.

Khi tất cả mọi sự chuẩn bị đã xong xuôi, Bá tước de Maas, có năm sĩ quan trong đạo quân tương lai của bá tước thấp tùng, đã đi đường biển vào ngày 13-01-1890, tới Anvers, bằng chiếc tàu Sachsen từ địa điểm Nord-deutscher Lloyd.

Marie đệ nhất đã tin bằng sự tưởng tượng điên cuồng của ông là chuyến đi lần này cuối cùng sẽ làm cho ông thành người giàu có và người nổi tiếng, một chuyến đi đầy thắng lợi, chắc chắn cho phép bảo đảm vĩnh viễn được vương quyền đã lung lay của ông, không phải ông đã có một bộ tham mưu, đầy đủ vũ khí và có đủ tiền bạc đó rồi sao?...

Vậy mà tất cả đều dẫn tới ảo ảnh...

Than ôi! Ông vua bạc phước của người Sédang đã lên đênh theo sự tan vỡ, sự lỗ bịch và cái chết!



DUPONT

4 October 1879
MICHAEL J. J. J.

Pb.1: Marie đệ nhất mặc thường phục.



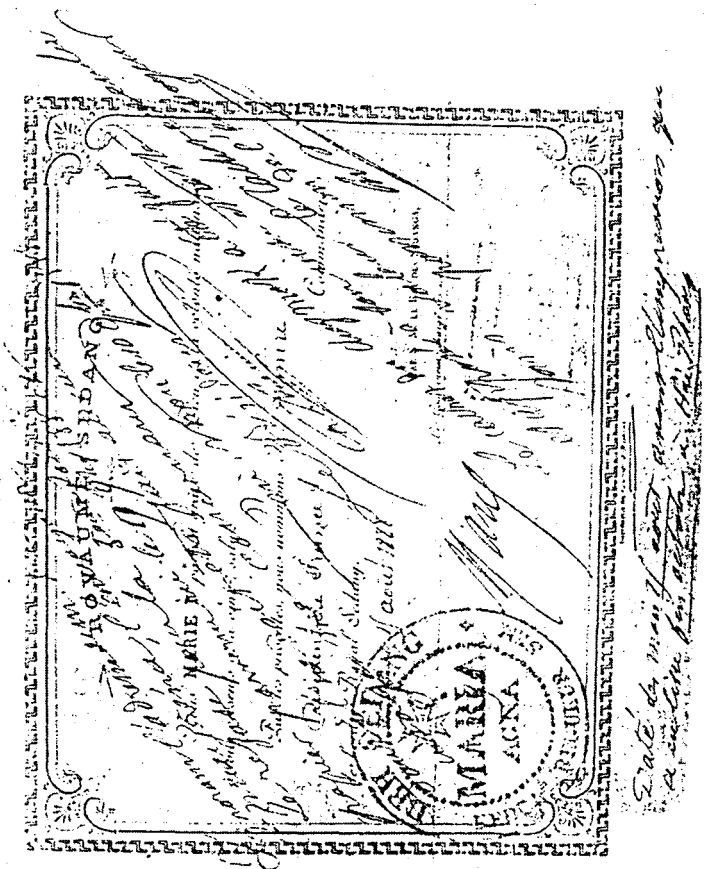
Pb.II: Marie đệ nhất mặc quân phục.

le far, les ans, et par là même
 jeunes et vieux, grands et petits
 La Géographie, l'histoire, la
 Plante, l'animal, l'homme, l'esprit, l'âme
 grand par sa bonté, son amour, son
 est indigne le Pédagogue, mais
 le P. de nomme P. de la ville
 J'ai un cœur, un esprit, un
 de la venue, tu pourrais me dire
 depuis Samedi, vers le midi

Tenille, agues

Monsieur le Gouverneur General
 J'espère de me sentir bientôt
 le plus Distingué et Digne
 Mayang

Pb.III: Chữ ký của Marie.



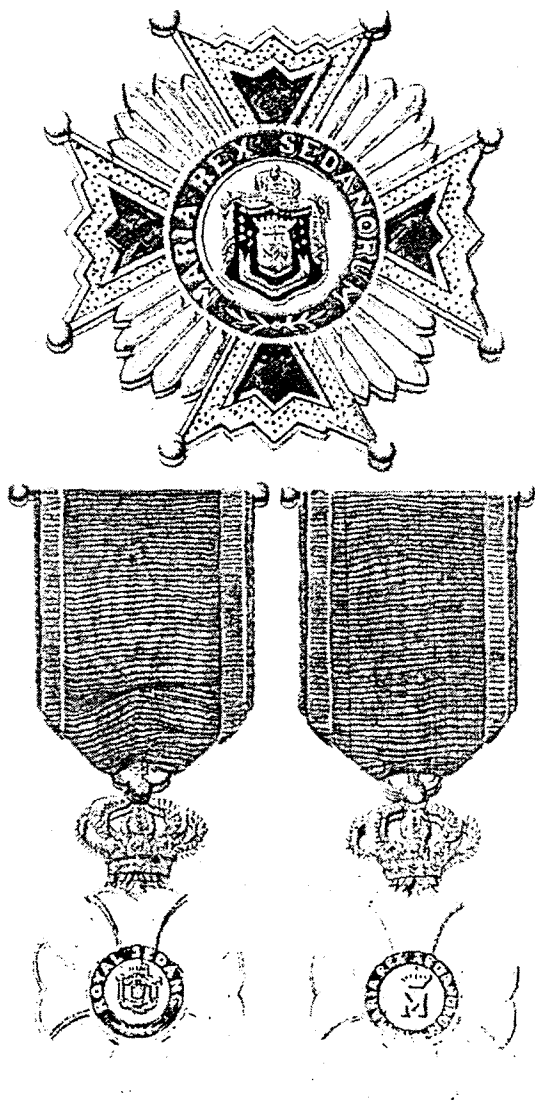
Pb IV: Huy chương hoàng gia Sédang. Chữ ký khước từ của Marie.



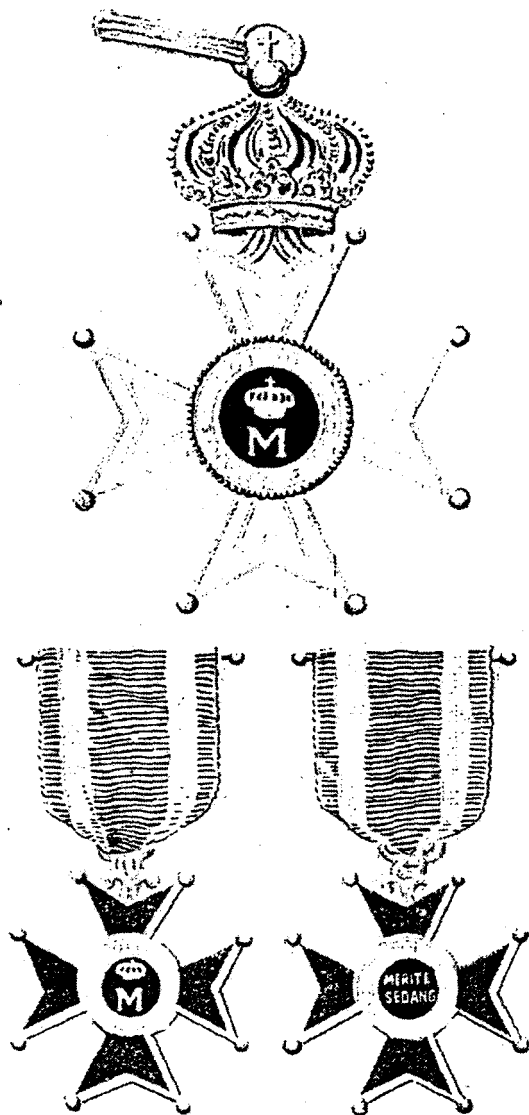
Pb.V: Một tù trưởng.



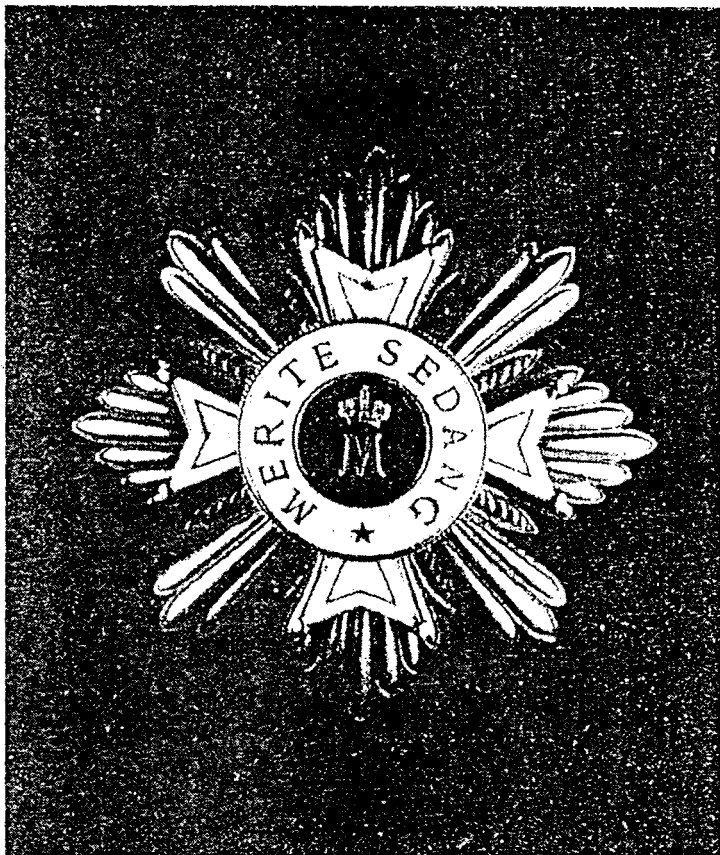
Pb.VI: Một tù trưởng.



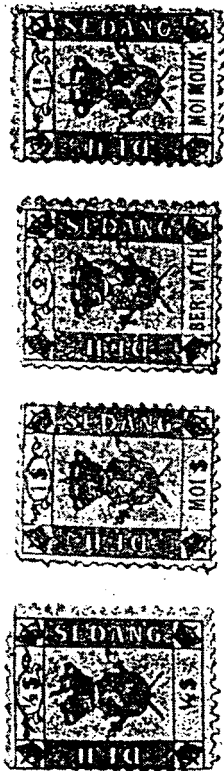
Pb.VII: Huy chương Sédang.



Pb. VIII: Huy chương Sédang.



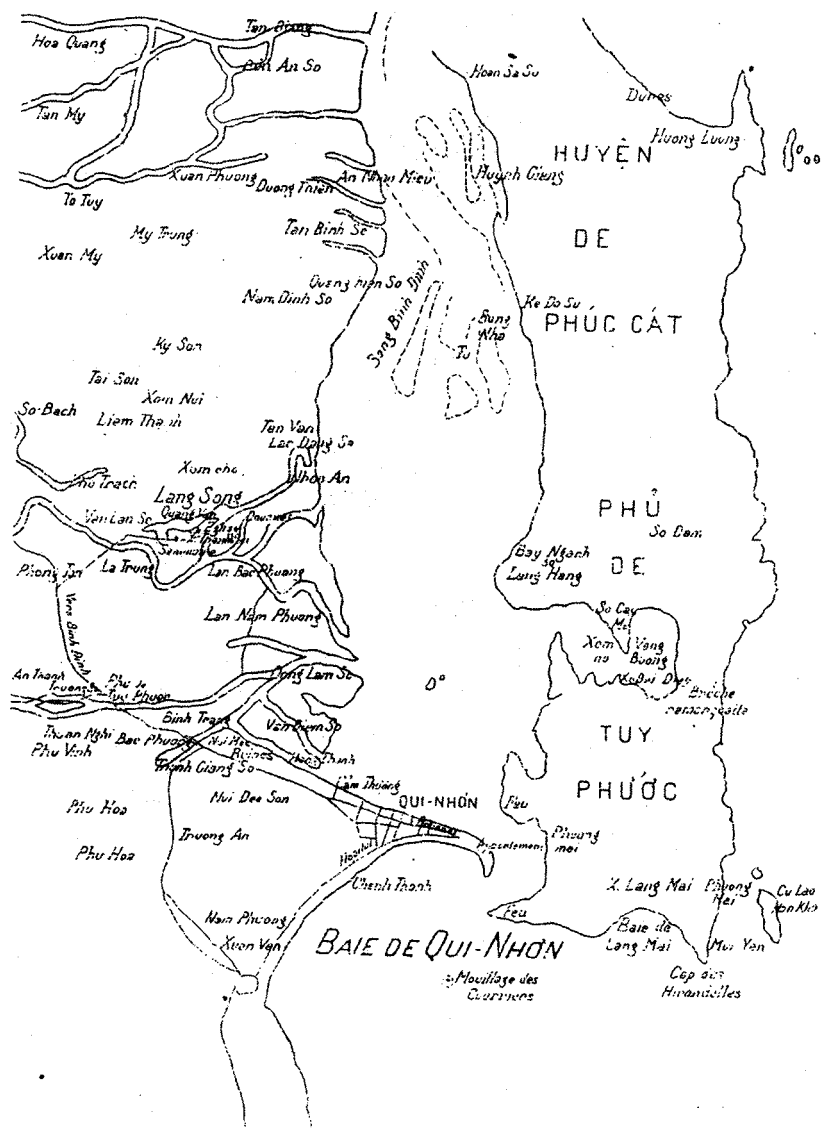
Pb.IX: Huân chương cao nhất Sédang.



Pb.X: Tem quốc vương Sédang.

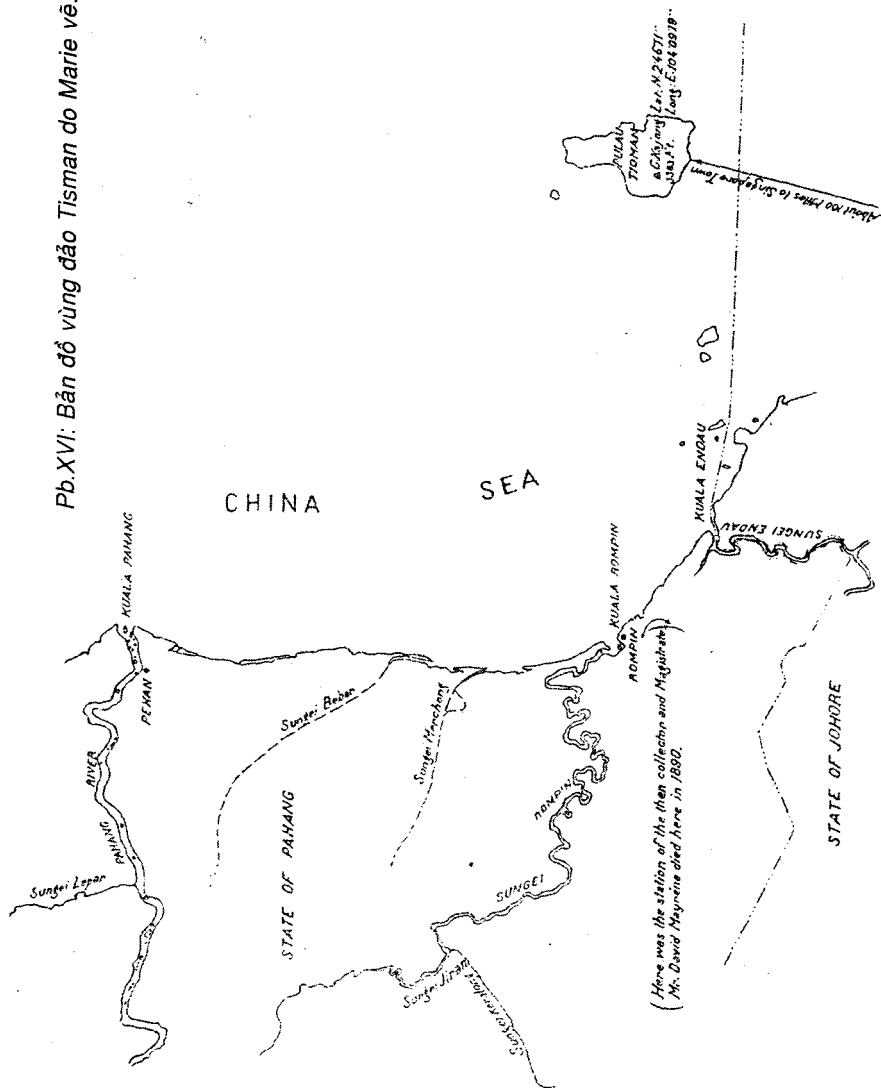


Pb.XI: Marie. Sắc phục Hồi.



Pb.XIV: Bản đồ Quy Nhon.

Pb. XVI: Bản đồ vùng đảo Tisman do Marie vẽ.



PHẦN THỨ BA

LÚC SUY TÀN

MARIE đệ nhất đã đoán chắc phải cẩn thận giữ bí mật, giấu tên suốt cuộc hành trình xuyên qua biển cả; tuy nhiên, vào ngày hôm sau lúc khởi hành; vì người ta chạm phải cây súng Southampton, nên toàn bộ chiếc tàu Sachsen đã biết rằng tàu đang chở ông vua của người Sédang trở về Đông Dương...

Ngày 21 tháng 01 năm 1890, người ta đến Gènes, rồi đến Port Said, tại đây hoàng thượng đã chiêu đãi một bữa ăn trưa có 23 khẩu phần, một bữa tiệc có lẽ do ông Ludoviec Wirth sẽ chi trả ngân khoản, ông này đã được vua Marie đệ nhất bổ nhiệm làm lãnh sự ở Ai Cập bằng sắc lệnh ngày 23 tháng sáu; tại đây, hoàng thượng tuyển dụng hai người ở da màu...

Ngày 31 tháng giêng, với ly rượu trên tay, vua Marie đệ nhất cử hành lễ sinh nhật mừng tuổi 48 của ông; ngày 09 tháng hai, chiếc tàu cập bến Colombô, và chỉ vài ngày sau, vị vua của người Sédang, với năm sĩ quan tùy tùng và hai gia nhân của ông đổ bộ xuống Singapoure.

Cần phải ghi chú: cuối cùng vì tất cả mọi hành khách và ngay cả ông thuyền trưởng người Đức coi chiếc tàu đã khá ngán ông Mayréna quấy rầy. Vì vấn đề những con chó, hoàng thượng đã cãi lộn với một người Anh: ông giám đốc kho cảng của Singapoure, từ lúc đổ bộ, đã có sự đối kháng bằng mắt rồi; Marie đệ nhất đòi hỏi rằng danh dự hoàng gia phải được bồi

thường cho cá nhân ông; ông đã làm mọi người khó chịu, và nhất là năm người Bỉ đi theo ông, họ bắt đầu tự hỏi, nếu vị vua của họ không phải là một kẻ phát điên thô lỗ vì tức giận một cách tầm thường như vậy, thì tốt hơn biết bao.

Triều đình ở trọ tại khách sạn Adelphi.

Nhưng, ông Bá tước de Drey (đó chính là một tá danh mới của hoàng thượng) vừa mới ở chưa yên thì "những bất hạnh" lại bắt đầu giáng xuống trên đầu đội vương miện của ông...

Bằng lá thư ngày 12 tháng hai, ông lãnh sự Pháp ở Singapoure đã thông tin cho ông Toàn quyền xứ Đông Dương biết việc đến nơi của Marie đệ nhất. Ngay tức khắc một công điện đánh đi và trước tiên là cho tất cả các ông công sứ ở Đông Dương biết là ông đại diện nước Cộng hòa Pháp ở Sài Gòn đã phát đi một trát đòi dẫn độ ông de Mayréna Marie tức là David, về tội lừa đảo (19 tháng hai), sau đó, lệnh được truyền xuống cho ông chỉ huy hải quân giữ lại trong vịnh Quy Nhơn một chiến hạm, chiếc Seudre, để khi cần chiếc tàu này sẽ giúp sức cho ông công sứ để ngăn chặn việc đổ bộ của Mayréna (27 tháng hai); lệnh xuống cho những chiếc xà lúp và những thuyền buồm có trang bị vũ khí của quan thuế để giám sát những vũng nhỏ dọc bờ biển Trung Kỳ. Xứ Đông Dương vừa hốt hoảng đồng thời vừa thích thú, những vấn đề về ông vua của người Sédang đã được phóng đại lên biết bao, hoặc nói một cách đơn giản là nó đã được xem là nghiêm trọng biết bao. Báo Courrier d'Haiphong ngày 30 tháng ba chẳng đã báo tin rằng Marie đệ nhất được ba vị tướng lãnh và hai đại úy tháp tùng, những người này sẽ giúp ông ta chiếm lại vương quốc của ông ta đó sao?...

Tuy nhiên, chỉ có ông trời mới biết là tình hình của vị thống chế (Marechal) của quân đội Sédang và bộ tham mưu của ông ta là chẳng có gì xuất sắc đến như thế nào!

Thực ra, ông lãnh sự Hòa Lan ở Singapoure vừa thông tin cho ông lãnh sự Pháp là ông Raffray rằng việc ghi tên David de Mayréna đã bị trục xuất khỏi Java về tội lừa đảo bịp bợm, lổi vào Indes Néerlandaises đã bị cấm hẳn đối với ông ta rồi. Hành vi phạm tội của ông ta đã được xác chứng thêm bởi ông Villeroi, Chủ tịch án ở tòa lãnh sự Pháp; vào năm 1884, ông Chủ tịch án đã quản lý tòa lãnh sự Pháp ở Batavia.

Tiếp theo sau đó, ông Donner, Lãnh sự Bỉ, muốn có sự chính xác về những vùng đất Sédang danh tiếng mà Marie đệ nhất đã muôn lời kéo năm người Bỉ đồng hương của ông vào đó. Và ông lãnh sự Pháp đã yêu cầu Hà Nội làm sáng tỏ việc này (24 tháng ba).

Ngay tức khắc các ông lãnh sự trên đã được Phủ Toàn quyền cung cấp tài liệu: vương quốc độc lập nói trên thuộc về xứ Trung Kỳ (Câblogramme ngày 28 tháng ba).

Lãnh sự Pháp cũng đã nói rõ sự hiểu biết về vùng đất này cho chính phủ Anh và cho người bạn đồng nghiệp của ông là ông lãnh sự Bỉ, họ đều rất bức mình về tình huống mà các biến cố ấy gây ra...

Ngày 05 tháng ba, các nhà cầm quyền Anh đã chẳng có ý tưởng không phải lúc là giữ lại ở kho cảng Tanjon Pager, mười một kết, mỗi kết đựng mười cây súng spencer bắn liên thanh, vừa được chuyển lên mạn tàu chạy hơi nước Glenartney đó ư? Và những kết ấy được giữ lại dưới cái tên của ông Groetaers, một trong các "tướng lãnh" của vua của người Sédang! Vì trường hợp này rơi ngay vào dưới ảnh hưởng của các điều khoản 17 và 28 của Indian Act năm 1860, nên ông Thống đốc bang Détroit đe dọa trừng phạt Groetaers và những người cùng đi với ông.

Những người Bỉ đáng thương chưa bao giờ bị đối xử như thế!

Theo lời khuyên của ông Donner, họ đến trình diện ở Tòa lãnh sự Pháp, nhưng phải đi vào ban đêm và dựa sát tường để đi, vì họ sợ hãi trận lôi đình của vị vua mới của họ biết bao!

Họ đến Tòa Lãnh sự Pháp có: ông Orban, cháu trai của ông bộ trưởng Frère Orban (ông chỉ mặc một cái quần cụt ngắn bó sát da, ông đã bị quyến rũ bởi sự lôi kéo của những mỏ vàng mà Marie đệ nhất đã nói đến nhiều ở Bruxelles). Ông de Neef, thân phụ của ông tướng Bỉ; hai cựu hạ sĩ quan là ông Groetaers và ông Hubin; và ông Roeges.

Họ đều thú nhận là chính ông Somsy là người đã cung cấp vũ khí và tiền bạc (mà ông de Neef đang còn giữ một phần tiền ấy) và họ không hay biết gì những lời đồn đại ta thán về sự lừa đảo bịp bợm, họ cũng thú nhận rằng họ rất buồn nản về cuộc phiêu lưu này..., rằng họ rất muốn rút khỏi câu chuyện này... nhưng, làm thế nào đây, với con người tàn bạo như David de Mayréna?

Marie đệ nhất, chính ông đã coi thường những sự trừng phạt của người Anh hoặc của người Pháp, coi thường những cấm đoán của vùng đất ấy, và coi thường tất cả mọi sự lần chần tránh né ấy!

Ông ta vẫn tiếp tục đi "đạo phố", đi lòe bịp và kể cả tiếp tục tổ chức sự trở lại bằng quân đội chiếm lấy vương quốc của ông. Ông lại lấy một người vợ Mã Lai, Aisa; với người đàn bà này ông cho tổ chức lễ cưới, ở nhà nguyện (mosquée), theo nghi lễ Hồi giáo, có hai người Ai Cập giúp việc của ông là Mohamed và Osman làm chứng. Vì bấy giờ ông tuyên bố cải đạo theo Hồi giáo. Khi có cuộc làm lễ của ông ở Java, và ông muốn tuyển mộ ba giáo sĩ người Mã Lai để họ truyền bá giáo thuyết của Mohamet vào vùng có người Sédang. Chuyện này sẽ khuấy rầy mạnh các nhà truyền đạo Thiên Chúa giáo, vì

những nhà truyền đạo này đã có hành động xác xược từ chối sự liên minh của họ với ông...

Mayréna cũng còn xây dựng nhiều toán quân: người Indien, người Mã Lai! Tuy nhiên, mỗi lính này là một gián điệp thuộc các tòa lãnh sự khác nhau như tòa lãnh sự Pháp, Bỉ, Hòa Lan; Chính phủ Anh cũng vừa mới tổ chức cho lần gián điệp vào sự tuyển mộ lính ấy và đòi vua của người Sédang ngừng các trò đùa cợt như thế lại.

Singapoure cũng vậy, đã chấm dứt mọi chuyện bằng cách lưu ý đến hành động lộ bịch của Marie đệ nhất, và những lời nói ít có giá trị của ông.

Bằng những lá thư từ nước Bỉ và từ xứ Đông Dương liên tục được công bố, người ta biết được rằng Hội Truyền giáo Pavie vừa dựng cây cờ Pháp vĩnh viễn trên xứ sở đất Mọi mà nước Siam, vừa từ bỏ mọi tham vọng chiếm bờ trái sông Mêkông, vừa không những chỉ xác nhận với chính phủ Đông Dương rằng Mayréna sẽ không được quyền đi xuyên qua lãnh thổ nước Siam để về chiếm Kontum, mà còn, hơn thế, có mệnh lệnh đã được truyền đạt cho một pháo hạm của Siam dùng quân đội để chống đánh sự đổ bộ của Marie đệ nhất nữa.

Ông Hardouin, Lãnh sự Pháp ở Bangkok, đã nhận được sự xác nhận chắc chắn của ông Bộ trưởng Ngoại giao nước Siam về chuyện đó, bởi thư đề ngày 22-3. Tốt hơn nữa là ông Bộ trưởng này đã thông tri cho lãnh sự Pháp chúng ta lá thư mà vua của người Sédang đã từ Singapoure gửi tới ngài Phya Dam Rong, đại sứ của nước Siam ở Luân Đôn, ông ta đã đi trên chiếc tàu Sachsen với ông đại sứ này. Ông Hardouin cũng nói thêm (01-4) rằng trong cái thư đó Mayréna đã phân định rất thông minh, với mục đích là lôi kéo được tình cảm tốt của các nhà đương quyền Siam, để gia nhập theo lời yêu cầu phạt chur

hầu của ông ta; báo Courrier d'Haiphong số ngày 13-02-1890, trong đó mặt chính trị ngoại giao của vương quốc lân bang bị phê phán gay gắt, có những lời nhận xét đánh giá làm méch lòng người Xiêm...

Cái thư này của vua của người Sédang là thế nào?...

Và, đây là bản dịch:

Singapoure, ngày 20 tháng hai 1890

Thưa ngài,

Chúng tôi chờ đợi cho đến ngày hôm nay mới viết thư gửi ngài. Chúng tôi có nhận được vài điện tín từ châu Âu gửi đến cho chúng tôi biết rằng chính phủ Pháp đã làm hết khả năng của họ để ngăn cản chúng tôi đi qua.

Ở nước Siam, chính phủ Pháp cũng đã làm hết khả năng của họ. Chúng tôi hy vọng rằng hoàng thượng quốc vương nước Xiêm không thấy cái gì trong tất cả mọi sự yêu cầu ấy ngoài cái run sợ của nước Pháp vì sợ rằng chúng tôi có thể trở về lãnh thổ của chúng tôi.

Tất cả mọi phương cách đều tốt để giữ lấy chúng tôi hoặc để ngăn cản chúng tôi đi ngang qua, vì ông Bộ trưởng Pháp biết rất rõ rằng nếu chúng tôi về được trong đất nước của chúng tôi, thì chúng tôi chỉ bị đánh hạ với rất nhiều khó khăn, và ngài biết rõ rằng nơi đó có thể có một hàng rào ngăn cản giữa nước Pháp và nước Siam. Nước Pháp muốn lấy phần đất ấy lại cho ai, cái gì đáng nói ở đây, phần đất ấy là tất cả vùng lãnh thổ trên bờ trái của sông Mêkông.

Nếu hoàng thượng không muốn cho tôi một lối đi tự do, qua Bangkok mà đi, thì tôi mong ngài tâu xin hoàng thượng cấp cho chúng tôi một giấy thông hành và ban cho chúng tôi những sự dễ dàng cần thiết cho cuộc hành trình của chúng tôi.

Như vậy chúng tôi có thể đi ngang qua nước Xiêm mà không đi đến Bangkok, chúng tôi muốn nói như thế mà không hề lôi kéo sự chú ý. Chúng tôi có một chiếc thuyền theo cách bố trí của chúng tôi, từ cách đó chúng tôi có thể đổ bộ bất cứ ở đâu mà chúng tôi muốn.

Chúng tôi mong ngài xin cho cái giấy thông hành ấy, mong ngài gửi giấy ấy cho chúng tôi, thế nào để chính phủ của ngài cho phép chúng tôi đi qua, và cho chúng tôi những phương tiện chuyển vận.

Vào lúc niêm phong thư của chúng tôi, thì một người bạn gửi cho chúng tôi tờ báo mà chúng tôi có tham gia. Chúng tôi cầu xin ngài dâng tờ báo này lên đức vua và xin ngài cho làm nổi bật lên điều mà người Pháp cũng muốn lấy tỉnh Kong, tỉnh Sianpong, tỉnh Attopeu v.v... Từ lúc chúng tôi có được những giấy tờ chính thức của chính phủ Pháp thừa nhận rằng lãnh thổ của người Sédang độc lập, ngay lúc chúng tôi khởi hành đi châu Âu, thì chúng tôi muốn ký một hiệp ước, trong hiệp ước đó chúng tôi sẽ tuyên bố là chư hầu của Xiêm và lãnh thổ nói trên sẽ được can thiệp vào lúc có lời tuyên bố này của chúng tôi.

Ngay khi cái giấy thông hành đến tay chúng tôi và có sự tuyên bố rằng hoàng thượng chuẩn y lời dâng cầu được làm chư hầu của hoàng thượng thì chúng tôi sẽ đi cứu xứ sở của ngài và xứ sở của chúng tôi, điều này nói lên sự hiện diện của chúng tôi.

Thưa ngài, chúng tôi là người trung thành của ngài.

Ghi chú của Tòa lãnh sự: Không có chữ ký, nhưng lá thư này rõ ràng là được viết bởi ông de Mayréna gửi cho nhân vật sau đây, như nó đã hiện rõ theo bì thư có dán những con tem của Singapoure: Son R.Honorable Lord Phya Damrong

Raxabholalihandh - Quan Khâm mạng Toàn quyền của hoàng thượng quốc vương nước Siam, Bangkok, Siam.

Thư được viết trên một tờ giấy để ghi chú, có một dấu ký tắt bằng màu "M" có một vương miện ở bên trên, và một lời ghi trên dải "ruban" là "jamais céder" ("không bao giờ chịu thua").

(Phần phụ trương thư gửi từ Bangkok, số 24, ngày 01-4-1890).

*
* * *

Trong lúc, nhận định tình hình không thể giữ vững của ông, và dù thế nào đi nữa thì tình hình này cũng khó khăn ở Singapoure, trong tình hình đó ông ta không thể nào dựng dậy được những toán quân, cũng không thể giữ được các loại vũ khí, Marie đệ nhất đã quyết định rời hải cảng không hiếu khách đối với các vị vua thất cơ!

Mặc cho những gì mà họ đã có thể thấy tận mắt và nghe tận tai, hai người Bỉ vẫn bằng lòng đi theo ông ta, đó là ông Roeges và ông Hubin, cũng như hai người Ai Cập ở tót cho ông ta vậy.

Người ta thuê một chiếc thuyền nhỏ chỉ có một buồm chứa được 24 thùng tô-nô của một chủ tàu buôn người Ý: chiếc Tinman, tức là chiếc Hokbie của Hòa Lan trước đây, và vào ngày 09 tháng ba, người ta lại kéo buồm

Đi về đâu?

Có lẽ không một ai trong ba người Âu châu trong chuyến đi thám hiểm lần cuối cùng này biết được chân xác là đi về đâu. Marie đệ nhất đã biết được quyền bác bỏ của Pháp rồi, ông ta cũng không nhận được một sự trả lời nào cho cái thư

của ông từ Siam gửi đi; người Indes Néerlandaises thì đã cấm ông rồi, chính phủ bang Détroit cũng đã ngờ vực ông ta. Thế thì bây giờ phải làm sao?

Các luồng gió đang mùa thổi ngược, Jacque Maran đã nói với chúng ta như vậy, chiếc thuyền của hoàng gia chỉ có một cột buồm phải mất đến mười bốn ngày để cập bờ một hòn đảo nhỏ: Siribua.

Như một hòn sạn đã thực sự quá cô đơn hẻo lánh, Marie đệ nhất đã tách ra một phần các người bạn đường cùng đi với ông để lại Singapoure để cho họ tự kiếm lấy cái ăn tại đây: Roeges, Hubin, Aisa, Mohammed. Đã chán nản vĩnh viễn cái vẻ huy hoàng của triều đình Sédang, không ai trong số họ trở lại đảo nhỏ Siribua ấy!

Đây chính là hồi kết cục của toán người Bỉ. Một mình, ông Groetuer lưu trú lại ở Singapoure để làm nghề buôn bán ở đây; còn bốn người bạn kia của ông lại tìm đường quay trở về cố hương, tại quê nhà họ sẽ ở lâu để biết về ông Somsy rằng vị công tước de Sédran và de Sépyr đã sống được là nhờ vào vài ba tấm ngân phiếu khoảng nghìn franc mà ông đã cả tin để giao cho vị vua của người Sédang... còn Mohammed thì anh ta đã trở về Ai Cập. Về phần ái phi mới (và là người thứ tư) của hoàng thượng, người đàn bà Mã Lai tên là Aisa ấy thì hình như bà ta đã trốn về Johore, bằng cách mang theo, như là vật kỷ niệm cái tráp máy hát! (J.Marant). vậy Mayréna chỉ còn một mình ở Siribua? Không phải thế. Lúc đầu tiên, không phải ông chỉ sống một mình; nhưng sau đó, ông ta đã rời hòn đảo nhỏ Siribua.

Thật vậy, một lá thư đề ngày 19 tháng ba của ông lãnh sự Pháp ở Singapoure cho chúng ta biết rằng vua của người Sédang lại đã xây dựng nên ở đảo Tioman, và đây là lần thiết lập nên một triều đình cuối cùng.

Tioman là một đảo nhỏ trong biển Trung Hoa, nằm ở phía đông của quốc gia Malai de Pahang; đảo nhỏ ấy phụ thuộc vào quốc gia này. Khoảng cách giữa đảo và Singapoure xa khoảng 100 dặm. Có một số ít người Mã Lai làm nghề đánh cá sinh sống ở ấy, trong những căn lều ẩn kín dưới các vườn dừa. Đảo có quá ít tài nguyên nên những thứ cung cấp về lương thực thực phẩm phải mua bán ở hải cảng Kuala Rompin (bang Pahang) và hải cảng Kuala Endan (bang Johore), hay từ bán đảo Mã Lai.

Hai người Bỉ đã để lại Mayréna; có hai người Pháp lại gia nhập với ông ta, những người này sẽ vĩnh viễn nối liền số phận họ với vận mệnh của Marie đệ nhất và với vương quốc của ông ta.

Hai người Pháp đó là Horace Villeroi và Harold Scott.

H.Villeroi hình như đã có cái tên là Horace Villeroi d'Augis (tên này là tên của bà mẹ ông) đã từng đến Bắc Kỳ với lon trung sĩ thủy quân lục chiến. Ông đã được giải ngũ ở đây, ông cũng đã nỗ lực để tạo số phận ở xứ này, nhưng, than ôi! Chính ông cũng vậy, sau vài năm ở xứ thuộc địa, ông không là gì hơn là một trong những người sẵn sàng tất cả cho những tổ hợp, không cần biết chúng ra sao. Chúng tôi thấy tên ông trong mục biên niên sử về tư pháp của báo Courrier d'Haiphong ra ngày 01-11-1888, về vấn đề một khoản nợ 32.000franc ký hợp đồng ngày 19-8-1884 với ông Rigole kỹ sư hóa chất. Vào năm 1890, ông Rigole này đã theo ông H.Villeroi sang Singapoure tại đây Rigole đã biết được Mayréna, nhưng ông từ chối không theo Mayréna sang đảo Tioman. H.Villeroi chắc chắn đã đến hải cảng Singapoure với hy vọng được giúp đỡ và được chỉ dẫn bởi người anh của ông, người anh này, như chúng ta đã thấy, đang giữ chức chủ trương ở Tòa lãnh sự Pháp.

H.Scott thì không bao lâu sau khi ông đến Singapoure với chiếc thuyền ba buồm kiểu Pháp Bengali do ông chỉ huy. Vì có một ý khác với những người buôn thuyền khác, ông đã đổ bộ từ chiếc thuyền buồm của ông, không lâu sau đó chiếc thuyền được bán đấu giá, vì nguyên nhân là thuyền buồm không đi được nữa.

Ông là con trai của một sĩ quan trong đạo quân của người Inde đã về hưu ở Granville. H.Scott đã chọn nước Pháp.

Chính vào ngày 10 tháng bảy mà Scott và Villeroi đã tham gia với Mayréna trong đảo Tioman. Scott đã mua một chiếc ca-nô có độ mớn nước rất nhỏ, dưới chiêu bài là đi nghiên cứu những dải ngọc trai, ông đã trưng buồm chạy; H.Villeroi thì cung cấp 10 cây súng liên thanh.

Tại sao hai người này lại đến đảo Tioman để sống cuộc sống khốn khổ với Marie đệ nhất? Có lẽ bởi vì cả hai người đều không có sở định và cũng đã sạch nguồn tiền bạc, nên họ muốn mưu toan thêm một cuộc mạo hiểm.

Nếu Marie đệ nhất, nhờ vào sự giúp đỡ của họ, có thể trở lại làm chủ vương quốc của ông ta, thì đó chẳng phải là vận may của những người, mà trong chuỗi ngày cô chiếc tuyệt vọng, đã đi săn lợn rừng với vị vua sẩy ngôi trên những núi đá cứng ở đảo Tioman ư?...

Vì, cùng với sự câu cá, mà đó gần như là tất cả tài nguyên mà đảo đã dâng hiến cho cư dân ở đảo, thì chỉ có nghề săn lợn rừng mà thôi! Và về sau, chính đảo Tioman cũng không còn con thịt để săn nữa, thì phải đi vào đất để giết cái gì còn tồn tại...

Rõ ràng đó là ngày suy tàn rồi vậy!

Ngày 28 tháng tám, một quan chức người Anh ở Rompin đã đến viếng đảo. Ngày 15 tháng chín, quan chức này nhận

được một cái thư của Mayréna báo ông Villeroi ngã bệnh. Vì Villeroi có thói quen hút đến ba mươi điếu thuốc phiện trong mỗi ngày, nên ông ta yêu cầu người ta vui lòng mua cho ông thứ thuốc độc đó, điều này được thực hiện ngay.

Ngày 20 tháng chín, H.Scott và Mayréna đến Rumpin, gặp lúc vị quan chức người Anh đi vắng, họ đã để lại cho ông hai lá thư: một lá cho vị quan chức thu thuế này và một lá để gửi cho ông lãnh sự Pháp ở Singapoure: H.Villeroi đã chết!

"Mayréna viết, người đồng hành và là bạn của tôi, ông Villeroi vừa mất, tôi đến tin cho ông để nhờ ông lãnh sự Pháp lo liệu. Không còn là dân Pháp từ ngày 03-6-1888, chiếu theo những điều khoản 17 và kế tiếp của bộ luật Dân sự Pháp, tôi không biết là tôi có thể ký chính thức vào bản khai tử cho một người Pháp không".

Ông lãnh sự Pháp ngay tức khắc đã yêu cầu người thư ký thuộc địa Singapoure lập biên bản khám nghiệm gửi cho ông công sứ ở Pahang, người thư ký này, ông J.F.Owen, là người thu thuế và giữ chức quan tòa tạm thời ở Rompin, đích thân đi đến Tioman và lập biên bản sau đây:

"Họ và tên: Horece Marius André Villeroi.

Tuổi: sinh ngày 7-8-1855 ở Lille, tỉnh phía bắc nước Pháp.

Nghề nghiệp: Vào lúc chết, vô nghề nghiệp. Ông ta đã từng được bổ nhiệm làm chương án tại nhiệm sở ở Singapoure ngày 30-6-1888.

Ngày tháng đến Pahang: ngày 10-7-1890. Ngã bệnh ngày 09-9-1890. .

Ngày tháng chết: 15-9-1890; lúc 10h40 tối.

Nguyên nhân chết: không được xác định rõ bởi bất cứ một giấy y chứng nào.

Bệnh trạng: Sốt, những cơn đau trong ngực và phổi, thở rất khó khăn, với cơn đau ở bên hông phải. Đã hút thuốc phiện từ mười năm nay. Vẫn tỉnh táo cho đến lúc chết, có một cơn mê sáng khoảng nửa tiếng đồng hồ trước khi chết, rồi lại tỉnh táo trước lúc chết.

Đã được an táng ngày 16 tháng chín, lúc 2h30 chiều. Nơi ông ta được an táng: Lalang Bay, đảo Tioman, ở bìa rừng, cách khoảng 15 yard về hướng nam của một ngôi nhà, nhà này thuộc của ông Gaggino.

Ký tên: J.F.OWEN".

Trước khi mất, H.Villeroi đã đọc di chúc của ông ta cho thuyền trưởng Scott viết. Ở dưới chữ ký của ông ta, Mayréna đã thêm câu ghi chú sau: "Tôi ký tên dưới đây, Marie, vua của người Sédang, khai rằng ông Villeroi đã ký trước mặt tôi bản di chúc này và, khi ông đã ký vào đó rồi, thì ông ta thấy sung sướng với những khả năng tình cảm của ông". Ký tên: Marie. Người chứng, ký tên: Ah Soon Fok (người Trung Hoa).

Tất cả những vật dụng gì thuộc của riêng của Horace Villeroi đều được giao lại cho Scott, ông này sẽ chuyển những thứ đó lại cho anh người quá cố, ông này đang giữ chức trưởng ấn ở tòa lãnh sự.

Những dư luận xấu đã xì xầm về cái chết này: là Villeroi đã bị Mayréna giết chết. Trong bài tường thuật viết tay của mình, ông J.Maran cũng xác nhận rằng Villeroi bị đầu độc bởi Marie đệ nhất với gan con cá mà người Mã Lai gọi là "cá buntal"... theo những điều mà, sau bi kịch ấy, ba người thoát nạn ra khỏi đảo Tioman đã kể lại ở Singapoure, ba người đó là: một trẻ trai Trung Hoa, một người da đen tên là Louis và người vợ Nhật của Villeroi...

Nhưng tôi đã nêu lên được bao nhiêu là sự thiếu chính xác trong bản viết tay của J.Maran mà tôi không nghĩ rằng ông

ta phải chậm lại trong cách giải thích này, sự giải thích này đã không được làm nổi bật cho bất kỳ sự chứng minh chính thức nào.

*
* *

Hai người Pháp còn phải lưu lại đảo Tioman là vua Marie đệ nhất và "ông bộ trưởng hải quân của ngài" là Harold Scott.

Họ vẫn tiếp tục sống ở đây với một cuộc sống rất khó khăn nặng nhọc của người câu cá và người săn bắn, chỉ có liên lạc được với nhà thầu thuế ở Rompin vào những khoảng ngắn hiếm hoi, những phương tiện giao thông là khó khăn biết bao giữa đảo và bán đảo Mã Lai.

Đột nhiên, vào tháng mười một, người ta biết được Mayréna đã chết!

Báo Daily Press ra ngày 28, xác nhận rằng ông ta chết vì bị rắn cắn.

Ông lãnh sự Pháp đã báo về cái chết này cho ông Toàn quyền Đông Dương, ông Toàn quyền đánh điện gửi tin tức này đến các ông khâm sứ (30-11): Mayréna đã chết!

Những lời đồn đại rất trái ngược nhau tức khắc tạo thành nguồn dư luận về cái chết của ông vua của người Sédang: tự tử, đấu súng tay đôi với Scott; bị rắn cắn...

Chúng ta hãy khảo cứu những gì mà tài liệu của phòng lưu trữ nói cho chúng ta biết:

Hai người châu Âu có mặt bên cạnh Mayréna vào những phút cuối đời ông ta là H.Scott và ông công sứ Anh ở Rompin: ông J.F.Owen.

Hôm sau ngày mất của Marie đệ nhất, ông Owen đã lập tờ chứng thư như sau:

"Tên khai trọn vẹn: David de Mayréna, Bá tước Eg, Marie đệ nhất, vua của người Sédang. Tuổi: khoảng 49. Lúc bắt đầu ngã bệnh: 11 tháng 11-1890. Ngày mất: 11 tháng 11 năm 1890, vào lúc 3 giờ chiều. Nguyên nhân mất: Không được nói rõ bởi bất cứ một y chứng nào; rất có thể là phát xuất từ sự nhiễm độc vào máu do vết cắn truyền độc của con rắn (loại rắn ngày người Mã Lai gọi là "Tadong liar"). Triệu chứng: đau dữ dội quanh phần bị cắn, ở cẳng chân trái, ngay trên mắt cá chân. Khó thở và thở ít trước khi mất, không có triệu chứng khác ở bên ngoài. Ngày an táng: Campong Jaiver, Kuala Rompin, nghĩa địa Mã Lai. "Khám nghiệm: người quá cố đã ra khỏi nhà vào buổi sáng, lúc 8h30 để đi săn, ông ta trở lại vào lúc 9h vừa nói rằng ông ta đã bị một con rắn màu đen cắn vào chân trái. Tôi đã xem xét khám nghiệm chân và tôi không thấy một vết cắn nào cả. Tôi đã đặt rễ cây "ipéca" và tước "ammoniaque" vào chỗ được ông chỉ, và lấy dây buộc chặt phía bên trên đầu gối. Người quá cố nằm yên, vẫn kêu đau ở chỗ bị vết cắn, ông ta có ý muốn ngủ. Vào lúc hai giờ năm mươi phút chiều, ông ta thức dậy để uống ký ninh, nói vài tiếng và lại dụi xuống; ông ta đã thở hắt ra vừa lúc ba giờ. Ký tên: J.F.Owen, acting collector and Magistrate".

Bản sao của tư liệu này được gửi cho Tòa lãnh sự Pháp ở Singapoure, tòa lãnh sự đã thông tri bản tư liệu này cho tôi.

Sau đó không lâu, H.Scott quay trở lại Singapoure và xác nhận với ông lãnh sự Pháp về cái chết của Mayréna.

Tất cả những đồ đạc gì còn lại của người quá cố đều được niêm phong kỹ trước sự hiện diện của ông J.F.Owen và được gửi về cho Tòa lãnh sự Bỉ, đúng với sở nguyện mà Marie đệ nhất đã nói rõ trong cái thư mà người ta tìm thấy trong mình ông khi ông mất và thư đã được viết như vậy:

"Gửi cho người bạn thân của tôi là H.Scott. Chỉ mở thư trong trường hợp tôi chết.

"Vậy tôi yêu cầu bạn, là người bạn thân thiết của tôi (theo sau là những chi tiết liên quan đến tang lễ và một danh sách kê các đồ đạc riêng của ông ta), hãy đóng khóa kỹ và đóng niêm với một con dấu, rồi gửi cho ông Léon Songié, nghị sĩ quốc hội, Bruxelles, qua ông lãnh sự Bỉ ở Singapoure, ở Hồng Kông, hay ở nơi nào khác gần nhất. Hãy gửi cái "porte-feuilles" (sic) mà trong đó có đựng giấy tờ của tôi đến cho ông Léon Songié qua cùng một con đường như đã nói trên... Cảm ơn nhiều bằng cái bắt tay bạn. Hết sức trung thành với bạn. Ký tên: Marie đệ nhất".

Một bản trích của cái thư ấy được các nhà đương quyền nước Anh chuyển lại cho ông lãnh sự Pháp.

Sở lưu trữ của nước Anh còn giữ được một tài liệu do chính Mayréna viết tay, và để gửi cho ông Owen. Esg, Phó công sứ ở Rompin và thư có chứa đựng lời tuyên bố này: "21 tháng chín 1890. Chúng tôi, de Mayréna, Bá tước de Drey, (Marie, vua của người Sédang) đã tặng cho ông Owen, Phó công sứ ở Rompin, ngôi nhà của chúng tôi ở Tioman, và những gì ở trong ngôi nhà ấy, để cho ông hưởng chúng hợp thức cho ông, và để cho ông sử dụng ngôi nhà theo nhu cầu nào đó mà ông xét thấy thích hợp. Ký: Marie, Bá tước Drey".

Cuối cùng, người ta đọc được trong bản báo cáo hằng năm của ông công sứ ở Pahang về năm 1890 như sau (nguyên bản in tiếng Anh):

"Một nhà quý tộc người Pháp, có dựng ngôi nhà ở Pulau Tioman, đã chết do hậu quả của vết độc răn cắn vào tháng mười một vừa qua. Tôi cho rằng đây là trường hợp duy nhất gây nên cái chết của một người châu Âu từ nguyên nhân răn cắn,

trường hợp đã được ghi nhận ở bán đảo Mã Lai ("a Frenche gentleman, who had taken up his residence on Pulau Tioman, died from the effects of a snake-bite in november last. This is, I believe, the only case of the death of an European from this cause, which had been recorded in Malay peninsula").

Ngôi mộ của Mayréna vẫn còn ở nghĩa trang Rompin. Nó vừa được tu sửa bởi ông quận trưởng quận Pékan, vào tháng năm 1924.

*
* *

Đó là cách diễn dịch đầu tiên về cái chết của Marie đệ nhất: đây là cách diễn dịch chính thức. Bây giờ chúng tôi đi sang cách thứ hai: cuộc đấu súng tay đôi giữa Scott - Mayréna.

Harold Scott, như chúng ta đã biết, không hề đi theo Mayréna trong chuyến đi săn lợn rừng của ông này ở rừng Rompin, nhưng ông lại có dự, cùng với Owen, vào việc chứng kiến những giây phút cuối cùng của vị vua của người Sédang, và khi đám tang xong, ông đã trở về Singapoure là nơi ông đã đến khai báo tại tòa Tổng lãnh sự Pháp về những gì đã xảy ra tại Kuala Rompin và ngày 11-11-1890.

Vĩnh viễn rời khỏi bán đảo Mã Lai, ông "Thuyền trưởng" H.Scott đã đến xứ Bắc Kỳ, sau đó ông mất tại đây vào ngày 21 tháng bảy 1912, sau khi sống một cuộc sống đáng kính và yên hàn vô sự với tư cách là người hoa tiêu ở hải cảng Hải Phòng.

Và bởi vậy, chúng ta có quyền tự hỏi: những lý do nào thúc đẩy H.Scott cứ yên lặng để cho người ta tạo nên luồng dư luận về việc ông đấu súng với Mayréna?

H.Scott không bao giờ cải chính sự diễn dịch về cái chết của nhà vua của người Sédang; tệ hơn, ông lại cho dựng nên,

nhờ một người thợ vẽ Trung Hoa ở Hồng Kông, cái cảnh đấu súng tay đôi đó... và ông đã giữ tranh ấy trong nhà ông ở Hải Phòng, treo tại phòng khác, phóng đại ảnh chụp của bản vẽ cảnh ấy, như là, vào tháng tám 1925, bà quả phụ Scott đã thông tri cho tôi.

Tại sao lại có sự nói láo quá rõ ràng như vậy? Vì ở đây, người ta không có sự nghi ngờ gì về tính xác thực của tờ khai được lập ra bởi ông J.F.Owen là người, chúng ta nên để ý điều này, đã tuyên bố rõ ràng dứt khoát:

"The deceased left in the morning at 8.30a.m. to go shooting, returned at 9a.m. Stating that he had been bitten by a black snake in the left leg. In examined the part and found no mark. Applied ipeca and ammoniac to part indicated and tourinquet above the knee" (Người quá cố đã rời nhà vào buổi sáng lúc 8h30 sáng để đi săn, ông ta đã trở về lúc 9h sáng vừa nói rằng ông ta đã bị một con rắn màu đen cắn vào chân trái. Tôi đã xem xét khám nghiệm phần chân này và không tìm thấy dấu vết gì. Tôi đã đặt rễ cây "ipeca" và rưới ammoniac vào chỗ được ông chỉ, và buộc dây vào phần bên trên đầu gối").

Vậy thì rõ ràng là: nếu Mayréna đã có mang, trên một phần thân thể những vết máu, thì ông Owen, người đã săn sóc người đồng hương của chúng ta (Pháp) từ 9h sáng đến 3h chiều, hẳn đã thấy những vết đó rồi.

Sự xác chứng không thể làm láo trước sự hiện diện của ông Scott được.

Phần khác, không hề có một quan chức nào của người Anh trong quận hạt ấy đã nói đến một của những tờ báo cáo của họ là cái chết của Mayréna đã do hoặc là đấu súng tay đôi, hoặc là do tự vẫn gây ra. Tất cả đều nhất trí kể lại là do vết cắn của "black snake" (con rắn màu đen).

Cuối cùng, Scott khi vừa đến nơi không bao lâu thì chính ông đã đích thân tới khai báo về cái chết của người bạn của ông, đã không hề khai báo thêm với ông lãnh sự Pháp về một cái chết dữ nào nữa?. Không, chỉ sau khi rời Singapoure đến Hồng Kông, và đến Hải Phòng thì ông mới tưởng tượng ra cái cảnh đầu súng tay đôi và minh họa hình ảnh đó ra...

Thế rồi sao nữa?

Thế thì chúng tôi phải đi đến những kết luận này cho việc đó:

1- Sự diễn dịch câu chuyện đầu súng tay đôi Scott - Mayréna là sai.

2- Cái chết của Marie đệ nhất là một sự ngầm độc liên tục.

3- Mayréna đã khai bị rắn cắn ở chân trái và ông Owen đã không tìm ra được một vết cắn nào, cũng không có vết bị thương tích ở chỗ được chỉ, vậy sự diễn dịch câu chuyện về vết cắn của con rắn cũng phải được xem là sai.

4- Marie đệ nhất chết vì bị đầu độc, ai đã bỏ thuốc độc cho vua của người Sédang?

Thực sự, trước tiên phải lưu ý rằng Mayréna đã hết sạch cả tiền bạc lẫn mưu mẹo xoay xở rồi: 25.000franc mà ông có vào lúc đổ bộ lên đất Singapoure thì đã tiêu pha hết từ lâu rồi, tất cả các nước trong vùng đều ra lệnh cấm ông nhập cư; ông không thể trốn tránh được sự theo dõi, của những lời phàn nàn than vãn sự lừa bịp đã được, tung ra để chống lại ông, bởi vì ông đã ở trong một vùng lãnh thổ mà tại đó những hiệp ước Pháp - Anh, về sự dẫn độ đã không thể được viện dẫn để tránh né được.

Tiếp theo chúng ta cũng nên ghi nhận là Marie đệ nhất lúc nào cũng bị ám ảnh về thuốc độc: ông Lafond, chủ thầu

thuế quan ở Quy Nhơn, đã nói với chúng tôi vào năm 1888, Mayréna có thói quen uống trong một cái sừng tê giác, vì những kẻ thù của ông (Mercurol, các cha?) đều có mưu toan đầu độc ông; về sau, ông ta lại sáng tạo ra một mưu toan giống như thế, nhưng lần này, lại là chính bản thân ông Bộ trưởng Bộ Thuộc địa; và J.Maran cũng đã kể rằng Mayréna đã khử Villeroi d'Augis bằng cách dùng gan con cá "bountal"...?

Harold Scott đã thú nhận với bạn bè thân thuộc của ông, với bà con họ hàng của ông về cảnh đấu súng tay đôi với Mayréna, hoặc về sự đầu độc Mayréna? Không bao giờ. Ông chỉ bằng lòng để cho vẽ nên cái cảnh đấu súng giả, và bằng lòng để cho dư luận đồn đãi về một cuộc đấu súng lục tay đôi, thế thôi. Vì H.Scott không thích đôi co về đoạn đời đầy bão tố này của ông, ngay cả với những người bạn thân thân thiết nhất của ông cũng vậy; vào một hôm, ông đã ân cần vồn vã trả lời cho M.P., một hoa tiêu về hưu, là người đã hỏi ông về vết cắn đã quyết định cái chết của Mayréna: "Một vết cắn lạ lùng!" Chỉ chừng ấy.

.....

Bây giờ không còn gì lưu lại hơn là mấy mảnh bụi của đời người ở Tioman và ở Rompin. Cái kỷ niệm về việc làm liều của vua của người Sédang còn lưu lại trong ký ức của người Đông Dương, họ đã vui đùa về chuyện này vào năm 1888, và trong tục truyền của cư dân ở đảo Tioman. Những người đánh cá Mã Lai đều xác nhận, vào tháng năm 1924; với quận trưởng Pehang rằng; họ nhớ rất rõ một French Gentleman đã du nhập vào đảo họ loài "chó Pháp" và ông này, sau khi cải đạo theo Hồi giáo, đã lấy danh hiệu là "Tong Kong". Ông quan chức này đã nói thêm, trong bản báo cáo của ông vào ngày 06-8-1924, rằng "Mayréna đã chết ở Kampong Pulau Java, địa

vực này nằm trên bờ bắc của con sông Rompin, cách khoảng một dặm về hướng bắc. Ông ta đã bị một con rắn cắn chết trong lúc ông đi săn lợn lòi với ông Owen. Ông được chôn cất ngay ở chỗ mà ông chết. Ông Owen đã làm dấu vị trí ngôi mộ của Mayréna bằng một mẫu gỗ Chengai".

.....

Những hàng dừa mọc bên bờ một vũng nước, một hòn đảo mà gió mùa đã không ngừng chia tách nó với bán đảo, có hai ngôi mộ: mộ của Villeroi và mộ của Mayréna...

Một vài kỷ niệm đùa vui, rất nhiều chuyện kể sai lạc, rất ít sự thực, và nhất là một chuỗi biến cố đau buồn mà những mảnh mún của các nơi lưu trữ đã thoát khỏi hàm nghiền của loài mối và những tàn phá của hai mươi cơn bão đã phát hiện được một cách khó khăn...

Đó là tất cả những gì còn tồn tại về một vương triều phù du và kỳ cục nực cười của Marie đệ nhất, vua của người Sédang...

*
* *

Khởi thảo vào tháng bảy, 1923 ở Huế (Trung - Trung Kỳ); tiếp tục viết vào tháng mười 1925 ở Quy Nhơn (Nam - Trung Kỳ). Viết xong vào tháng mười một 1926 ở Bến Thủy (Bắc - Trung Kỳ).

J.M.

PHÂN TƯ LIỆU

I - VAI TRÒ QUÂN SỰ CỦA DAVID TRONG CUỘC CHIẾN 1870 - 1871

Toulon, tháng sáu 1926.

Gửi Ông Marquet, v.v...

Thưa ông,

Ông rất muốn đòi hỏi tôi nói rõ trong vài hàng về những điều chỉ dẫn mà tôi có thể có về David de Mayréna à? Chuyện đó không quan trọng mấy; nhưng dù thế nào đi nữa thì tôi cũng nói chúng ra đây.

Từ lúc có sự tuyên chiến năm 1870, thì đạo dân quân là đạo quân trừ bị cho đạo quân chính quy, được gọi nhập ngũ; tôi đã được sắp vào Tiểu đoàn Var số 2 với cấp bậc thượng sĩ. Trong đại đội của tôi... tôi thấy có David de Mayréna lòng danh, đeo lon trung úy. Tôi biết rõ tính khí kiêu căng và ưa khoe khoang của nhân vật này. Mặc dầu sự giao thiệp của chúng tôi là quá lạnh nhạt, và nếu không có sự can thiệp hết mình của ông đại úy là người luôn luôn bênh vực nâng đỡ tôi trong những cuộc đụng chạm nhỏ của chúng tôi, thì có thể tôi đã chịu trả ga-lông lại còn hơn là chịu nằm dưới sự chỉ huy người sĩ quan có tài ứng biến và kiêu kỳ ấy. Chính cái tính khí này đã làm cho anh ta dần dần trở thành hồ hững với đại đội và với các chức vụ của anh ta. Người ta cũng không thêm bận tâm đến anh ta nữa. Vả chăng, anh ta đã trở thành cái

không thể chịu nổi đối với tất cả mọi người, sĩ quan, hạ sĩ quan và binh lính, toàn cả xứ sở, ai ai cũng biết đến nhân vật này.

Có lẽ chính sự đơn độc này đã đẩy anh ta tới chỗ rời bỏ tiểu đoàn. Thực vậy, vào khoảng đầu mùa đông, người ta đã phải kết thúc sự bỏ lơ bằng sự nhận thấy, trong một buổi đi diễn binh của chúng tôi, chàng trung úy David de Mayréna đã biến đi đâu mất tăm không để lại dấu vết gì. Ông thiếu tá chỉ huy đã phải làm báo cáo về anh ta.

Vậy mà, vào hai hoặc ba tháng sau, trong một sự bàng hoàng kinh ngạc chung, mọi người đã biết ra rằng cái người biến đi mất tăm của chúng tôi vừa được phong là Người được thưởng Bắc đẩu bội tinh hạng năm (Chevalier de la Légion d'honneur!) Người ta tìm kiếm, người ta điều tra, và người ta biết được rằng David, khi biết là đô đốc Martin, một trong những người bà con của anh ta ở Toulon, là người đang chỉ huy một lữ đoàn với cấp bậc đại tướng, đã đi tìm ông tướng đó, và hẳn thế, sau khi đã kể cho ông tướng nghe một câu chuyện để làm lý do cho sự quyết định của anh ta, anh ta đã kiên quyết đến đây để cống hiến sức phục vụ của anh ta cho ông tướng và đòi ông tướng đưa anh ta vào làm việc ở Bộ Tổng tham mưu của ông tướng. Một khi được chấp nhận rồi thì nhà phiêu lưu mạo hiểm của chúng tôi phải nghĩ ra một cuộc chạm súng rừng rợn, mà trong đó anh ta đã đạt được vai trò vinh quang, và anh ta chiếm được lòng tin, nếu không phải vì sự yếu đuối của Đô đốc đại tướng, và chiếm được huy chương Bắc đẩu bội tinh.

Khi bị đánh bại bởi những sự kiện đó, tất cả các sĩ quan của tiểu đoàn Dân quân ở Var đã thảo một kháng thư, trong đó, sau khi đã tố cáo sự bỏ nhiệm một vị sĩ quan thiếu phẩm cách, và vị sĩ quan đó đáng được hưởng một sự trừng phạt hơn

là một sự tưởng thưởng, họ đã đòi xóa bỏ huy chương Bắc đẩu bội tinh ấy đi.

.....

Chiến tranh chấm dứt, trung úy của Tiểu đoàn Var số 2, David de Mayréna, hình như đã được thăng cấp bậc đại úy, không trở về Toulon là nơi mà bạn bè cũ của anh ta, đã giải ngũ và trở lại dân sự, chuẩn bị đón tiếp anh ta với những kỳ công của anh ta.

.....

Ký tên: M...

*
* *

II - VỀ CÁI TÊN DE MAYRÉNA

Remiremont, ngày 29 tháng tư, 1926

Thị trưởng thành phố Remiremont
gửi ông Marquet, Thanh tra ngành thuế quan ở Toulon

Thưa ông,

Để trả lời cho cái thư của ông đề ngày 26 tháng tư này, tôi lấy làm tiếc để tin ông biết rằng không có một mảnh đất nào của Remiremont hay của vùng phụ cận có tên gọi địa dư là de Mayréna cả.

Phần khác và để trả lời cho đoạn thứ hai trong thư ông, theo sự hiểu biết của riêng tôi thì không có một người dân nào trong thành phố của chúng tôi hợp với tên họ (nom patronymique) de Mayréna. Vả lại, những sự tìm lục đã được thực hiện trên các sổ hộ tịch của thành phố Remiremont năm 1803 cho tới nay (1926) thì cũng không tìm ra được một cái tên nào tương ứng hoặc gần gần với cái tên ấy.

Xin ông vui lòng nhận cho, thưa ông, sự bày tỏ cảm tình chân thành nhất của tôi.

Thị trưởng thành phố Remiremont.

Ký tên: Không rõ.

*
* *

III - VỀ ĐẤT CÔNG TƯỚNG DE BERG

Đất công tước de Berg - thuộc về nước Phổ rhéane (tỉnh Dusseldorf và tỉnh Cologne). Nó được nhượng lại cho nước Pháp vào năm 1806, vì lợi ích của người anh em rể của mình là Joachim Murat, Napoléon đã thiết lập phần đất này thành đất đai công tước de Berg (17.350km² và 878.157 người dân), chia thành bốn phường (Rhin, Sieg, Ruhr và Ems). Thủ phủ dusseldorf. Năm 1808, Murat trở thành Roi de Naples, nhượng đất đai công tước cho người con trai trưởng của vua Louis de Hollande. Vua Napoléon đã dành quyền cai trị vùng đất công tước de Berg này. Những vùng đất này lại phụ thuộc vào nước Phổ (la Prusse) bởi hiệp ước năm 1815 [...]

*
* *

IV - PHƯƠNG NGỮ MỌI

Theo ông Cabaton (Mười thứ ngôn ngữ địa phương ở Đông Dương, sưu tập bởi Prosper Odend'hal, J.A. tháng 3-4-1905) những bộ lạc Mọi ở miền cao nguyên Nam Đông Dương được sắp thành nhóm theo cách sau đây:

Ngữ hệ thứ nhất: Những phương ngữ mà tiếng nói trong các phương ngữ đó có dùng từ Mã Lai - Pôlynêdiêng rộng rãi nhất là: Cham, Raglai, Redé, Jarai, Bih, v.v...

Ngữ hệ thứ hai:

a) Những phương ngữ ở phía tây, trong những phương ngữ này người ta chứng minh được một số từ lớn nhất có họ hàng với tiếng Khmer như: Stiêng, chrau, Kouy, Pnong, Por, Prau, Samé v.v...

b) Những phương ngữ ở phía đông, trong đó thành tố Khmer ít đáng kể như: Bahnar, Boloven, Kontu, Sédang, Alang, Alak, Sué, v.v...

c) Những phương ngữ của các bộ lạc ở rải rác về phía bắc của nếp gãy (la fracture) Quảng Trị như: Sé-bang-hien.

*
* *

V - THÁI TỬ DONG THIA

Thái tử Dong Thia. "Vào khoảng giữa tháng sáu, Si Watha - cũng gọi là Votha - anh em của Norodom, sau khi trốn khỏi Bangkok, đã tập hợp những toán người đi theo vào rừng Melouprey và rừng Kompong Soai. Tuy nhiên, vào khoảng giữa tháng mười một, ông sa vào tình cảnh buộc phải rút về Tchrey Méang, trong làng người Stiêng đã được bố phòng bởi Pucombo và những viên phó của ông này ngày 05-2-1877, ông rời bỏ những cánh rừng và xâm nhập vào tỉnh Ba Phnom, sau cuộc bại trận, mà ông đã chịu ở Vát Pachi, ông lại một lần nữa chạy về vùng người Stiêng, hầu như chỉ có một mình, với năm con voi (23 tháng hai).

"Vào tháng năm, những người đi theo ông lại xuất hiện và tổ chức những cuộc đột nhập có trang bị vũ khí cầm tay, vào lãnh thổ của Cambodge; chính phủ bị buộc phải điều động 400 người, trấn giữ đường biên giới để chống đánh những toán người ấy rút vào rừng của người Stiêng.

"Ngày 12 tháng sáu, chính Si Watha rời khỏi Tchrey Méang và xâm nhập vào rừng Thbong Khmum, nhưng ông bị buộc phải lùi bước trước những toán quân được điều động từ Phnompên đến, và một lần nữa, ông lại lặn sâu vào rừng núi vùng cao nguyên.

"Trong những ngày cuối tháng bảy, thái tử, đã mệt mỏi lắm rồi, đột nhiên rời bỏ núi rừng, vượt sông Mèkông ở đoạn trên Sambo, và thâm nhập vào vùng Kompong Soai, tại đây ông đã xuất gia làm sãi vào năm sau.

"Những băng nhóm của ông không hề xuất hiện trở lại kể từ đó cho đến tháng giêng năm 1885, và vào tháng mười những băng nhóm ấy tiến tới cho đến Sré Ki, trên sông P.Kriêng; sau cuộc bại trận của họ, thì vẫn là vùng của người Stiêng mà các tay cầm đầu của họ chạy vào trốn ở đó (tháng hai 1896) bằng cách mượn con đường đi P.Tchlong. Thái tử Votha, bị bỏ rơi và chạy trốn, đã chấm dứt cuộc đời, ngày 31-12-1892, trong vùng nội địa Siemboc" (Maitre: Les Jungles Moi).

*
* *

VI - ẤN TRIỆN CỦA MARIE ĐỆ NHẤT

Những ấn triện được khắc bởi ông Lafond, lúc đó đang làm nhân viên thu thuế quan ở Quy Nhơn. Marie đệ nhất, để thưởng cho ông, đã ban cho ông đất ở bờ trái sông Dak Euram, và phong cho đất ấy là đất bá tước. Nhưng ông Lafond đã từ chối phẩm tước quý tộc đó; chính người con trai trưởng của ông đã được đất Bá tước d'Euram ấy.

(Thư của ông Lafon đề ngày 22-3-1925)

Dịch thuật: Kedra, thay cho Kodra: chủ nhân - Dèk (trong dấu ấn là Dèh): quốc gia, dân tộc. Begueur, thay cho Pogor:

người cai trị. Sem: thứ nhất. Agna, thay cho Anga: tên chỉ một phẩm tước của người Lào. Gung dèh Sédang: quốc gia của dân tộc Sédang. Ek: vị tỉnh trưởng (tiếng Lào).

*
* *

VII - LIÊN BANG MỚI CỦA CÁC DÂN TỘC BAHNAR - RONGAO - SÉDANG

Từ khi có các hòa ước ký với nước An-nam, thì bộ lạc Mọi luôn luôn vẫn được xem là phụ thuộc vào nước An-nam, và sau đó là phụ thuộc vào chính phủ bảo hộ. Nguyên tắc ấy thường được nhắc lại vào năm 1887. Bởi ông công sứ Bình Định. Vào tháng tư 1888, ông công sứ đã thông báo cho ông de Mayréna là người đã không kể đến tình hình này, không kể cả, trước ông ta, thì đã có những đoàn giáo sĩ truyền giáo đến đó. Tuy nhiên liên bang những dân tộc Bahnar - Rongao vẫn được thành lập và một hiệp pháp được soạn thảo cho liên bang vào tháng 6 năm 1888. Bản hiến pháp này đã được soạn thảo từ tháng 11 năm 1885 bởi linh mục Vialleton, cha bề trên của Hội Truyền giáo cho người Bahnar.

"Điều cần phải tìm hiểu, ông Lemire đã viết vào đầu năm 1888, là sự liên minh hữu nghị giữa các bộ lạc. Cái mưu toan thành lập liên bang này; đã được thấy trước và ước muốn thực hiện bởi ông Navelle, bởi các giáo sĩ truyền đạo; có thể phục vụ cho sự nghiệp của chúng ta (Pháp) và sẽ thúc đẩy sự tiến nhanh của ảnh hưởng Pháp vào các vùng lân cận ấy. Liên bang này sẽ đóng góp vào việc dập tắt sự chống đối nổi tiếng của người Jiarai, chướng ngại chính cho bước tiến tới trước của Pháp".

Nói tóm lại, ta phải tôn trọng chế độ tự trị của các bộ lạc ấy thôi, và; vì là nền độc lập của họ chỉ có trên giấy tờ và

trong ảo tưởng hơn là nền độc lập có thực của nước An-nam; ta phải tỏ ra là chính phủ bảo hộ quan tâm đến họ, với mục đích là để ổn định tình trạng của họ, và tránh những rắc rối về sau. Sự hợp tác của các giáo sĩ Thiên Chúa giáo phải là rất hữu ích cho chúng ta về kết quả này. Người ta phải thông báo sự tình này cho Siam. Ông Công sứ Quy Nhơn sẽ là một nhân tố trực tiếp của chính phủ bảo hộ trên các bộ lạc này, là nhân vật trung gian về chính trị và thương mại giữa người Mọi và người An-nam. Giải pháp ấy là có thể chấp nhận được cho mọi người và bởi mọi người: cho nước Pháp, cho nước An-nam, cho người Mọi, cho Hội Truyền giáo Thiên Chúa giáo. Ông Richaud, không có ý định làm nhà ngoại giao, đã từ chối nhiệm vụ lo chuyện này, không muốn nghe cũng không muốn biết. Ông Rheinart để cho người ta lậm dụng.

Những tham vọng hư ảo của ông de Mayréna chỉ có thể có sự kéo dài của một tấn hài kịch trong vài màn: vì kếp diễn đã biến mất luôn vào lúc màn hạ. Nhưng, những biến cố lại liên kết với nhau và đòi phải có giải pháp hợp lý, chắc chắn cho chúng.

Ông này, mới từ hai năm nay (kể từ 1928), đã chuẩn bị những con đường, và vừa mới chiếm được vùng này mà những người kế tục ông ta sẽ được phái tới vùng người Mọi để xác định một cách hòa bình quyền của chính phủ bảo hộ ở vùng đó. Người Sédang và người Hamong được mời gia nhập liên bang của người Bahnar - Rongao, và vào tháng 4-1889 họ đã đồng ý để ký vào hiến pháp của Vialleton, ngay ở Kontrang, một làng Sédang mà cha Irigoyen, cựu đại tuyên ý của vua của người Mọi, Marie đệ nhất và chính ông vua này, đã ở làng đó. Cha Guerlach đã gửi trả lại những lá cờ và những cờ hiệu mà dưới những thứ này thì trước tiên là ông đã tỏ dấu xin gia nhập và cũng dưới những thứ này là dấu hiệu ông chiến đấu

cho một sự nghiệp có tính cách vương triều cũng như có tính cách phù du ấy.

Vậy nên, từ tháng 6-1888 người ta đã thu lượm được những tiến bộ lớn lao: người Jiarai xin gia nhập liên bang và không phát động chiến tranh với các bộ lạc lân bang nữa; xin để cho những nhà buôn và những nhà du lịch thám hiểm đi ngang qua phần đất của họ; như vậy, liên bang Bahnar - Rongao được thành lập. Giờ đây, những bộ lạc lớn của người Sédang và của người Hamong gia nhập vào liên bang này dưới sự hướng dẫn của các linh mục người Pháp. Vương quốc giả của người Sédang đã trở thành một liên bang cộng hòa thực sự. Nhưng chưa phải tất cả là thế: vị "Président" của cộng hòa Mọi này là Krui, học trò của cha Vialleton, cha này đã nuôi Krui, Krui đã học đọc và học viết bằng tự mẫu châu Âu ở cha này. Chính Krui sẽ hướng dẫn người Sédang, vì Mayréna đã không thể làm cho người ta thừa nhận; trong khi Krui đã được thừa nhận một cách chính thức bởi chính phủ Pháp. Đây, vậy là chính phủ bảo hộ cũng đã thừa nhận cho liên bang này.

Người ta thấy rằng giải pháp này là giải pháp có lợi cho quyền lợi của Pháp, có lợi cho chính phủ bảo hộ, cho Hội Truyền giáo, và cho người Mọi mà giải pháp đã cứu được quyền tự trị của họ chính lá cờ tam tài đã chiến thắng, nhưng công trình vẫn còn chưa trọn vẹn: bây giờ người ta còn phải tiến xuống thung lũng sông Bla, từ vùng của người Sédang cho tới sông Mêkông, như vậy là đã nối được với Quy Nhơn ở Trung Kỳ bằng tuyến đường tàu hơi nước mà xứ thuộc địa Nam Kỳ vừa kéo dài cho đến Stungtreng trên sông Mêkông. Lúc đó thì xứ Nam Kỳ sẽ được nối liền với xứ Trung Kỳ. Phần đất ở bờ trái sông Mêkông này sẽ được bảo vệ, và chắc chắn là sẽ nằm dưới ảnh hưởng của chúng ta (Pháp): chúng ta có thể cảm ơn sự cai trị của chính phủ bảo hộ bằng cách nói với

chính phủ này: "all is well that ends well" ("tất cả cái gì tốt thì có kết quả tốt").

(Báo Courrier d'Haiphong, số 293 ra ngày 08-8-1889)

*
* *

VIII - BẢN DỊCH CỦA BẢN HIẾN PHÁP

Quy Nhơn, ngày 20 tháng chín năm 1888

BẢN DỊCH HIẾN PHÁP CỦA LIÊN HIỆP BAHNAR - RONGAO

Điều I: Sự liên kết các làng lấy tên là Liên hiệp Bahnar - Rongao.

Điều II: Tonul Tom (đại thủ lĩnh) được đề bạt khi còn sống. Ông có thể chỉ định người kế tục với sự đồng ý của Hội đồng cơ mật.

Điều III: Trong trường hợp người kế vị không được chỉ định, hoặc không có sự đồng ý của Hội đồng cơ mật, thì người đó sẽ được chỉ định, bởi Đại hội đồng với đa số phiếu.

Điều IV: Tonul Tom là tư lệnh quân đội, ông bổ nhiệm tất cả mọi ngạch sĩ quan.

Điều V: Tonul là người duy nhất có quyền quyết định hòa bình và chiến tranh. Chỉ có một mình ông mới có thể ký các hiệp ước và các liên minh với những thế lực khác, nhưng trong tất cả mọi trường hợp có quan hệ đến sự sinh tồn của liên hiệp, thì ông phải lấy ý kiến của Đại hội đồng.

Điều VI: Các vị trưởng làng phải được chỉ định bởi toàn làng, và phải được xác nhận bởi vị Tonul Tom.

Điều VII: Tonul Tom ủy cho các trưởng làng để nắm quyền xét xử ở tòa án.

Điều VIII: Những vụ kiện cáo về dân sự giữa các cá thể phải được đưa ra hòa giải. Trong trường hợp không đồng ý thì các trưởng làng phải xét xử.

Điều IX: Những vụ kiện về tội phạm đều được xét xử bởi trưởng làng.

Điều X: Những sự tranh chấp giữa các làng đều được đưa tới trước Tonul Tom.

Điều XI: Không một quyết định nào về tội tử hình hoặc tội lưu đầy được thi hành trước khi có sự phê chuẩn của Tonul Tom.

Điều XII: Đất đai của Liên hiệp không thể được chuyển nhượng cho một người ngoài nào mà không có sự chuẩn y của Tonul Tom.

Điều XIII: Những đất đai thuộc về cá nhân thì chính sở hữu chủ có thể đem bán cho những thành viên trong Liên hiệp không cần thông qua bất cứ điều luật nào.

Điều XIV: Giá bán những đám đất của Liên hiệp bỏ hoang trống sẽ được chia cho Tonul Tom, các trưởng làng và cư dân của làng có vùng đất đó mà dân không ở hay canh tác trên đó.

Điều XV: Đại hội đồng của Liên hiệp được chủ tọa bởi Tonul Tom. Đại hội đồng gồm có số thành viên bằng số làng có trong Liên hiệp. Mỗi làng được đại diện bởi trưởng làng chính.

Điều XVI: Đại hội đồng phải được triệu tập tất cả mọi lần cần sửa đổi, tu chính hiến pháp.

Điều XVII: Tonul Tom được phụ tá bởi một Hội đồng cơ mật, mà những thành viên của Hội đồng này đều do ông chỉ định bổ nhiệm.

Điều XVIII: Tonul Tom có thể chỉ định các bộ trưởng.

Điều XIX: Tonul Tom, sau khi ý kiến đã phù hợp với Hội đồng cơ mật của ông, có thể lập mọi quy tắc, mọi điều luật cần thiết để bảo đảm hòa bình và công lý giữa các thành viên trong Liên hiệp.

Điều XX: Tín ngưỡng Cơ đốc giáo là tôn giáo chính thức; nhưng không ai có thể phải lo âu vì nguyên nhân tôn giáo.

Điều XXI: Quốc kỳ có màu đỏ, rập nổi năm ngôi sao trắng, mỗi sao ở một góc và một sao ở chính giữa.

Điều XXII: Tonul Tom và Đại hội đồng của ông có thể thừa nhận sự giúp đỡ Liên hiệp bởi các giáo sĩ bằng cách chuyển nhượng cho Liên hiệp tất cả và ngay cả các thứ thuế cũng như đối với các thành viên trong Liên hiệp vậy.

Điều XXIII: Tonul Tom cho phép những giáo sĩ treo lá cờ của quốc gia họ, với điều kiện là việc treo cờ đó không được xem như là đất sở hữu của họ, và lá quốc kỳ Liên hiệp sẽ được treo bên cạnh cờ nước họ.

Điều XXIV: Tất cả mọi làng muốn trở nên thành phần của Liên hiệp thì phải tán thành bản hiến pháp hiện tại này.

P.C.C

Người dịch

Đã ký: J.VIALLETON

*
* *

IX - KỶ YẾU VỀ CÁC ĐIỀU LUẬT V/V CỦA VƯƠNG QUỐC SÉDANG

Kỷ yếu các điều luật, các sắc lệnh và các nghị định (1888-9), in ở Ostendre, nhà Jules Davebuy, người phụ trách in ấn và chạy litho... của triều đình, 105 đường Chapelle.

A. *Ghi chú tóm tắt*: Hoàn cảnh địa lý của vương quốc Sédang - Dân số, tổ chức hành chính, cai trị, những tài nguyên canh nông và hầm mỏ của vương quốc - Tương lai của xứ sở. Bản đồ địa dư Đông Dương, theo E.Stanford (Luân Đôn). Đã ký tên: De Jupilles - Thư ký riêng của hoàng thượng Marie đệ nhất - Ostende. 28 tháng tám năm 1889.

B. *Những Nghị định và Sắc lệnh* - tập I

Số 1. Thỏa ước giữa các làng Teban và Kon Trang Mené (26-5-1888);

Số 2. Thỏa ước với các làng Kon Gung Jé và Kon Gung Xui (29-5-1888);

Số 3. Hiến pháp, 03 tháng 6 năm 1888;

Số 4. Thỏa ước liên minh giữa hoàng thượng và quan chức người Xiêm Hallang và Brao (03 tháng 6 năm 1888);

Số 5. Nhượng địa có vàng chuyển nhượng cho Mercurol Alphonse (04-6-1888);

Số 6. Sắc lệnh bổ nhiệm các thủ lĩnh dân sự và quân sự; (làm tại Pelei Theban, ngày 06 tháng thứ sáu năm đầu tiên triều đại của Marie đệ nhất);

Số 7. Thỏa ước với người Hamong (10-6-1888);

Số 8. Thỏa ước liên minh với các giáo sĩ truyền giáo (10-6-1888) (ký: Vialleton);

Số 9. Sắc lệnh gửi thư phong tước quý tộc cho ông Mercurol (12-6-1888), nguyên quán Lorise (Drôme): Hầu tước de Henoui;

Số 10. Khắc quốc ấn và dấu triện cho nhiều vị thủ lĩnh của vương quốc khẩu hiệu: "không bao giờ chịu thua";

Số 11. Sắc lệnh quy định những huy hiệu dân sự và quân sự (đức vua: 8 ga-lông bằng vàng, các huy hiệu cho cấp nguyên soái/Maréchalat);

Số 12. Sắc lệnh chia vương quốc thành năm tỉnh đặt dưới quyền cai trị của năm tỉnh trưởng (21-6-1888);

Số 13. Sắc lệnh bổ nhiệm một phó tỉnh trưởng;

Số 14. Nghị định liên quan đến người ngoại bang (02 tháng 6);

Số 15. Nghị định về việc săn bắn loài voi;

Số 16. Sắc lệnh liên quan đến quân đội (30-6-1888);

Số 17. Bổ nhiệm một vị phó tỉnh trưởng;

Số 18. Bổ nhiệm một vị phó tỉnh trưởng;

Số 19. Bản hiến pháp của vương quốc (01-7-1888);

Số 20. Hiệp ước liên minh với cộng hòa Bahnar - Reungao (04-7-1888);

Số 21. Sắc lệnh: Tước hiệu và đặc quyền của hoàng gia;

Số 22. Sắc lệnh liên quan đến đồng phục của quân đội (áo vét đỏ quần trắng) (15-7);

Số 23. Sắc lệnh thành lập bưu chính trong vương quốc (9-7);

Số 24. Sắc lệnh liên quan đến nhượng địa;

Số 25. Công ước đặc biệt với làng Dak Drey (20-7-1888);

Số 26. Sắc lệnh thiết lập huân chương hoàng gia Sédang (30-6): Maria Rex Sedanorum;

Số 27. Sắc lệnh: sự tuyên thệ của nhà vua (30-7);

Số 28. Sắc lệnh: thiết lập huy chương Sainte Marguerite; huân chương quân sự (05-8);

Số 29. Sắc lệnh: thiết lập huân chương Mérite Sédang: 05-8 (để tưởng thưởng cho các ngành văn học, nghệ thuật, khoa học, kỹ nghệ và người tận tâm phục vụ hoàng gia);

Số 30. Sắc lệnh: Tuyên chiến với người Jiarai (05-8);

Số 31. Tuyên bố với các vị Tenoul và các chiến binh. Tấn công vừa hô to: Thượng đế! Nước Pháp! Sédang!

Số 32. Sắc lệnh: Danh sách đề nghị thưởng huân chương hoàng gia Sédang (15-8);

Số 33. Thỏa ước liên minh với người Bahnar (19-8);

Số 34. Sắc lệnh: công việc ở bưu chính;

Số 35. Sắc lệnh: Chuyển nhượng và độc quyền (21-8);

Số 36. Sắc lệnh: Ly dị và điều luật giữa vợ chồng và con cái (31-8);

Số 37. Sắc lệnh: Về sự ly hôn giữa hoàng thượng Marie và bà Maria Francesca Avron, kết hôn ngày 03-3-1869, vì bà không thể rời đất Pháp được, vậy nên hạnh kiểm bà đã không thể là điều mà bà phải sống đúng theo cuộc hôn nhân ấy (21-8);

Số 38. Sắc lệnh: về chuyện Albert và Marie Louise, con nhà vua, không còn nằm dưới quyền người mẹ của chúng nữa (21-8);

Số 39. Sắc lệnh: Sự ban tặng đất đai và quyền ưu tiên đặc biệt cho các giáo sĩ truyền đạo Thiên Chúa. Làm tại Kong Jéri (26-8);

Số 40. Sắc lệnh: về việc xét xử và của cải các cặp vợ chồng (26-8);

Số 41. Sắc lệnh: Định quyền hạn của các thủ lãnh (26-8);

Số 42. Sắc lệnh: về việc lập sở thuế quan ở vương quốc (thuế suất: một phần tư hàng nhập và hàng xuất);

Số 43. Hòa ước ký với người Jiarai (31-8);

Số 44. Sắc lệnh: Chuyển nhượng vùng có vàng cho ông Edouard Philipe (11-11) (trong thời hạn 75 năm);

Số 45. Sắc lệnh: Bổ nhiệm ông thứ trưởng làm thủ tướng: ông Henri de la Rousselière; nguyên phó quận trưởng dưới thời Napoléon III. Làm tại Hồng Kông: ngày 01-01-1889;

Số 46. Sắc lệnh: Danh sách đề nghị thưởng huân chương Sédang. Làm tại Hồng Kông (ngày mồng một tháng giêng);

Số 47. Lập vùng đất của Henring thành đất hầu tước, ban tặng cho bà Lyeuté Aimée Julie. Làm tại Paris (05-4);

Số 48. Sắc lệnh: Thư của nhà quý tộc gửi cho ông Angenard. Paris, ngày 10 tháng tư, 1889 (công tước de Droua);

Số 49. Bổ nhiệm ông Fernand de Jupilles, Thư ký biệt điện nhà vua (10-4);

Số 50. Bổ nhiệm ông Georges Mazesgne, Thị vệ đại thần;

Số 51. Hôn lễ của nhà vua với "demoiselle" quý tộc Marie Julie Rose Lyeuté (05-5);

Số 52. Sắc lệnh: Bổ nhiệm Đại tá Bertrand Payen Payen, làm Tổng lãnh sự của vương quốc Sédang ở Luân Đôn (23-6);

Số 53. Sắc lệnh: Bổ nhiệm Hầu tước de Villarica (Joachim Rosé de Mendoza) làm lãnh sự ở Marseille (23-6);

Số 54. Sắc lệnh: bổ nhiệm Ludovic Wirth, làm lãnh sự ở Alexandrie (23-6);

Số 55. Sắc lệnh: bổ nhiệm ông Simon de Schcryver làm lãnh sự ở Bruxelles (02-7);

Số 56. Sắc lệnh: bổ nhiệm một vị cố vấn quốc gia ở Bỉ: Émile Catteaux (17-7);

Số 57. Sắc lệnh: Đề bạt ông Jules Edouard Daveluy, làm lãnh sự ở Ostende (26-7);

Số 58. Ghi tên thưởng huân chương hoàng gia Sédang và Mérite Sédang (01-8);

Số 59. Sắc lệnh: Những đặc quyền và tước hiệu của công tước de Droua (23-8) (Thái tử Kon Jéri);

Số 60. Sắc lệnh: Quy chế về nội cung của hoàng hậu (S.M. la Reine) Marie Rose (25-8);

Số 61. Quyền hạn dành cho Sa Majesté la Reine (hoàng hậu);

Số 62. Sắc lệnh: Bổ nhiệm ông Camille Berleur, làm giám đốc quản lý Sở bưu chính (05-9);

Số 63. Sắc lệnh: Việc hủy bỏ nhượng địa của ông Edouard Phipippe (10-9) (không trả một số tiền nào, không làm một công việc gì);

Số 64. Sắc lệnh: Nói về công việc bưu chính (10-9-1889) (làm tại Ostende).

Thêm một bản tường thuật viết tay được 125 trang, ký tên Jacques Maran, Anvers, tháng ba 1892; trong đó chứa vô số sai lầm (kỷ yếu E.F.E.O., Hà Nội, số 1049).

Trong bản thảo viết tay này có: 1- một lá thư thủ bút của Mayréna gửi ông Frappier de Montbenoit, luật sư ở Hà Nội; 2- một bằng cấp số 134, cấp cho ông Frappier de Montbenoit, người được thưởng huân chương hoàng gia Sédang, Pelei Agna, ngày 04-1-1889; 3- một ảnh chụp bốn con tem của vương quốc; 4- hình huy hiệu của Marie đệ nhất; những ấn tín và dấu đóng nổi timbre sect; 5- ảnh khắc trích từ một tờ báo: hình Marie đệ nhất trong quân phục; 6- một ảnh chụp của cùng người đó, trong y phục dân thường, do Dupont chụp, 75

đường Neuve, Bruxelles và có ký tên: Marie, 04-10-1889; 7- một ảnh vẽ bằng ngòi bút: Aisa; 8- một ảnh vẽ bằng ngòi bút, ký tên J.Maran: H.Villeroi; 9- một ảnh vẽ bằng ngòi bút, ký tên J.Maran: hình ông W.Scott; 10- một ảnh chụp các đường bờ sông Port Said, sau lưng có ghi chú: "Đại khách sạn Pháp - một bữa ăn cho 23 người - Writh, Tổng lãnh sự ở Caire - Hoàng thượng triệu ông đến ngay ở Port Said (B.de M.).

*
* *

X - VƯƠNG QUỐC HỒI PAHANG

Chỉ vào năm 1888 thì vương quốc Hồi Pahang mới chấp nhận cho một vị trú sứ Anh ở bên cạnh vương quốc, vậy là có sự thừa nhận chế độ bảo hộ của Anh. Vào năm 1895, các bang Pahang, Selangor, Perak và Negri Sembilan đã liên hiệp để tạo thành *Fédération Malay States*.

Có nên để ý rằng hiệp ước Pháp - Anh về sự dẫn độ chỉ trở nên có hiệu lực ở các bang này vào năm 1919.

*
* *

XI - BỘ DÂN LUẬT - ĐIỀU 17

(Luật ngày 26 tháng sáu, 1889)

Sẽ mất tư cách người công dân Pháp, có những hạng sau đây:

1- Người Pháp đã nhập quốc tịch ở nước ngoài, hoặc người đã có, theo sự yêu cầu của người đó, quốc tịch ngoại quốc, bởi hiệu quả của luật lệ cho phép;

2- Người Pháp đã từ khước quốc tịch Pháp trong trường hợp đã tính trước ở đoạn 4 của điều 8 và ở các điều 12, 18;

3- Người Pháp đã chấp nhận giữ chức vụ công do một chính phủ ngoại quốc trao cho mặc dầu có lệnh của chính phủ Pháp bắt phải từ bỏ những chức vụ này trong một thời hạn xác định; nhưng vẫn bo bo giữ lấy những chức vụ đó;

4- Người Pháp, không có giấy cho phép của chính phủ vẫn phục vụ trong quân đội ở nước ngoài, không kể đến những điều hình luật chống lại người Pháp đang đặt mình dưới sự bắt buộc của quân luật.

*
* *

XII - THƯ CỦA CHA GUERLACH (29-6-1889)

LÁ THƯ TỪ TRUNG KỲ

Kon Djéri Kong, ngày 29-6-1889

Thưa ông chủ bút,

Do hiểu lầm tôi chỉ nhận được vào ngày 23-6, số tạp chí Bắc Kỳ (la Revue Tonkinoise) ra ngày 10-4, trong đó có công bố lá thư của ông T. Điều này biện giải cho việc chậm trễ về việc tôi giữ những thông tin đã được yêu cầu cho ông. Tôi sẽ nói ngắn gọn, vì tôi quá bận, và sức khỏe của tôi không được tốt cho lắm.

Số cây cà phê mà tôi canh tác, thì đã được trồng ở xứ Trung Kỳ hơn mười hai năm nay rồi. Những cây đầu tiên đã có phần chịu đựng được công việc thuần hóa, và đã cho sản lượng của những năm đầu tiên. Hạt của những cây này đã sản sinh ra được những cây giống cứng cáp, mà những quả mọng của lúa cây giống này cũng đã có mùi thơm hơn; một thế hệ cây cà phê thứ ba đã cho thứ ba đã cho cà phê rất ngon (mà tôi đã gửi cho ông một ít cà phê mẫu). Và ông T. cũng đã nhận được cùng một thứ cà phê mẫu đó.

Tôi chỉ trồng có mười gốc cây cà phê, tuy nhiên, năm này tôi đã thu được hơn 50 kilô hạt. Việc trồng trọt cây cà phê này không đòi hỏi một sự săn sóc nào quá đặc biệt trừ ra trong ba tuần lễ đầu tiên, khi cây đang còn quá non. Đất đai thích hợp nhất cho loại cây cà phê là một loại đất tơi xốp mà người ta chỉ bón phân một cách nhẹ nhàng khi người ta bắt đầu mùa gieo trồng; nếu thiếu đất tơi xốp, thì loại đất cứng có lẫn sỏi sẽ thích hợp hơn loại đất sét.

Khi gốc cây đang còn rất non, thì cây rất sợ ánh nắng chói chang, do vậy người ta phải có sự chăm sóc để bảo dưỡng số cây con đó. Vả chăng, tất cả những cây trồng trong bóng hơi râm sẽ phát triển tốt hơn và cho mùa thu hoạch tốt hơn những cây khác phơi mình suốt ngày dưới ánh nắng mặt trời chói chang. Một khoảnh đất có trồng những cây lớn thưa thớt sẽ là nơi thích hợp nhất; cũng vậy, một khoảnh đất bằng phẳng sẽ thích hợp cho cây cà phê hơn là một sườn đồi quá dốc đứng.

Nếu cây cà phê mà chúng tôi trồng, rất sợ nắng lớn, thì nó lại không sợ nước nhiều. Những cây non, mới xuống giống, chỉ mới cao độ 10cm, thì nên để đầm hút vào nước trong ba ngày, nếu vào mùa lụt, chúng chịu đựng cũng khá.

Hai tháng sau khi xuống giống, thì không cần một sự săn sóc quá mức nào đối với những cây non. Nếu những con rệp cây tấn công dưới chân cây non, thì chỉ cần tưới một ít nước bồ hóng hay nước tro bếp cũng đủ để chặn đứng sự phá hoại. Tôi có nhiều cây cho một mùa thu hái quả tạm được vào mười lăm tháng sau khi xuống giống; nhưng nhất là thời gian giữa ba năm rưỡi đến bảy năm thì những bụi cây cà phê sẽ cho nhiều quả mọng hơn. Đôi khi, sau một mùa cho sản lượng quá mức, cây tỏ ra bị bệnh, lá rụng, cành úa vàng; thuốc chữa bệnh cho cây khá đơn giản. Người ta dùng kéo cắt cây, và

người ta cắt tỉa cành một cách mạnh tay, không sợ làm hại đến cây, người ta cắt hết cành cứng đi. Kết quả lại càng vừa ý. Trong một số trường hợp, thì cũng phải cạo gốc, chỉ để cho nó năm hoặc sáu centimét gỗ thân cây trên chỗ mà từ đó các cành sẽ tỏa ra. Những gốc cây được chữa như vậy đã cho tôi đến 4kilô cà phê hột vào năm sau đó.

Người ta có thể, không khó khăn gì, chuyển những gốc đã già đi trồng vào một vùng đất tỏ ra tốt hơn, và điều này không có những sự thận trọng gì lắm. Tôi đã thấy những cây cà phê mà rễ của nó đã bị cời khỏi đất hoàn toàn, được chuyển đến trồng cách một kilômét chỗ cũ, giữa một nơi có nắng nóng. Một khi được trồng lại, thì các gốc cây bị lung lay hoàn toàn; năm sau, chúng phát triển rất đẹp/ tôi đã thực hiện thí nghiệm này trong năm năm, những gốc cây vẫn đang còn rất vững chắc, một trong các gốc đó đã cho 6kilô hạt cà phê trong năm này (1889). Dường như cây phải chịu đựng, tôi đã cho nó vài nhát dao quăm, và chỉ để lại cho cây một cành chính ở giữa, cành này to lớn nhanh và trở thành tốt.

Như ông đã thấy đấy, việc trồng trọt này không đòi hỏi một sự săn sóc quá đặc biệt nào suốt trong hai tháng đầu tiên là thời gian người ta phải chăm sóc giữ cho cây mát mẻ và năng tưới tắm. Tôi tin rằng cây cà phê sẽ trở thành rất tốt ngay cả ở Hải Phòng, trong vùng quanh nhà ông. Việc trồng thử sẽ không làm cho ông tốn kém gì. Mảnh vườn nhỏ ở gần nhà ông H. cũng có thể thích hợp cho việc trồng trọt loại cây này, tại sao ông H. lại không có ý trồng thử nhỉ? Cây cà phê là một loại cây sống dai, ít nhất là giống cà phê mà chúng tôi đang trồng ở vùng những dân tộc thiểu số, và giống này từ xứ Trung Kỳ đem lên.

Từ cây cà phê, cho phép tôi được chuyển qua nói chuyện một loại cây nhập cảng, loại cây này không bắt rễ ở vùng dân tộc thiểu số được, tôi muốn nói đến de Mayréna.

Người ta báo với tôi rằng nhiều tờ báo đã đăng những câu chuyện rất huyền hoặc mà người ta lại được phép ký tên tôi; thậm chí một vài bài lại viết như là bài tóm tắt chính thống những lá thư của tôi. Tôi không muốn né tránh tất cả những chuyện láo khoét tạo nên dư luận ấy, mà tôi lại có mỗi bận trí nghiêm túc hơn. Vả chẳng những lá thư được công bố trong báo "Courrier" và in lại bởi "tạp chí" cũng đủ để làm sáng tỏ dư luận rồi.

Hôm nay tôi muốn nói đến cuộc kinh lý mà ông Tổng Trú sứ vừa mới chính thức phái ông công sứ Quy Nhơn đi vào tháng ba - tư (Mars - Avril) năm này (1889), để tỏ ra quyền uy nhân danh chính phủ Pháp. Ông Guiomard đã đem ông Siomi, thư lại ở Tòa sứ; và năm sáu người "lính" (nguyên văn viết tiếng Việt) để đi theo ông. Cuộc đi thám hiểm không có tham vọng buộc phải kính nể bởi sức mạnh, nó ít ỏi nhẹ nhàng hơn chuyến thám hiểm của ông de Mayréna nhiều, đem theo ít hành lý, và nhất là ông trưởng đoàn, người rất dễ có thiện cảm, đã tỏ ra là con người giản dị, không làm ồn ào. Đến vùng của các giáo sĩ ở, ông công sứ có ý muốn đi tuần thú xứ sở Sédang cùng với tôi; nhưng một cơn sốt nặng vì bệnh đau dạ dày đã bắt buộc tôi phải ở nhà. Vậy là ông Guomard cho gọi những vị "sếp" người Hamong và người Sédang đã ký vào bản hiến pháp Mayréna tới nhà vị đại "pedap" (cố vấn), ông này ở tại làng Kontrang. Tất cả những vị sếp ấy đều tụ họp tại nhà đó và ông công sứ giải thích rằng Mayréna đã lừa bịp các giáo sĩ truyền đạo và dân chúng bản địa, ông ta đã không được nước Pháp thừa nhận. Vậy, các thủ lĩnh được mời tới đây để đem nạp lại cho người đại diện chính phủ của nước Pháp: những cây cờ, những huy hiệu, những bản tuyên bố mà Mayréna đã phát cho họ. Ngoài ra các thủ lĩnh cũng được khuyến khích bầu chọn ra một tù trưởng bản địa còn sống tự

do, và nếu như họ thích người này hơn thì liên hiệp với liên bang Bahnar - Rongao mà người lãnh đạo tên là Krui đã được chính thức thừa nhận bởi chính phủ Pháp, người bảo hộ cho xứ này. Người Sédang và người Hamong đã chọn quyết định sau như là một quyết định đơn giản nhất, và họ đã ký vào hiến pháp liên bang. Vài ngày sau, những già làng của tất cả các làng từ Dakly cho đến Kon kélo đều gửi nạp những lá cờ, những dấu hiệu và những bản tuyên bố của họ. Duy nhất, chỉ có vài làng nằm trong vùng của tôi là chưa gửi nạp những thứ đó, vì làng họ đang ở vào tình trạng "dieng", và vì nhiều người dân làng họ đang đau ốm.

Vì họ để chậm trễ quá lâu, tôi phải sai một trong những người của tôi đi tìm các lá cờ còn sót lại. Hôm qua tôi đã tiếp số cờ đem nạp trễ này. Một lá cờ trong đó đã lôi kéo sự chú ý của tôi vì tình trạng đáng thương của nó. Tôi đã đưa lá cờ này cho người ở của tôi quan sát và tôi nói với anh ta: Làm sao mà mày để lá cờ hiệu này bẩn thế? Ta sẽ không dám nạp lá cờ này cho ông công sứ đây. Mày phải bảo những người trong làng giặt tẩy nó cho sạch đi nhé?

- Nhưng, thưa cha, lá cờ đã được giặt rồi đó.

- Người ta sẽ không cho như thế đâu. Nhưng tại sao nó lại quá bẩn đến thế này chứ?

- Thưa cha, những người trong làng Kon-braih nghe nói rằng người Pháp không thích de Mayréna, cũng không thích lá cờ của ông ta. Thế là "xếp làng" đã lấy lá cờ để dùng nó làm cái khăn bịt đầu; và người con gái của ông lại thường dùng cây cờ để vắn làm cái váy trong (jupon), bởi vậy mà nó bẩn đến như thế ạ".

Tôi xác nhận rằng lá quốc kỳ Sédang này (ce drapeau national Sédang) đã biến thành cái khăn vắn đầu, rồi biến

thành "jupon", rồi sẽ biến thành cái khăn lau mọi vật, chuyện đã làm tôi bật cười. Để giữ cái màu sắc địa phương này, tôi quyết định gửi nguyên lá cờ như thế cho ông công sứ.

Nét đặc biệt cuối cùng và những thành quả của cuộc kinh lý rất hòa bình của ông Guiomard, đã chứng tỏ cho ông thấy trong trường hợp nào thì phải đánh giá cho đúng sự nói láo của Mayréna, bằng cách xác nhận rằng ông ta đã có một uy tín và một ảnh hưởng cá nhân rất đáng kể ở trong vùng dân tộc thiểu số của chúng ta. Nhưng rồi uy tín của ông ta đã rút lại thành một con số không. Suốt trong những ngày ông ta lưu trú tại đây thì ông ta suýt bị đâm chết hai lần bởi những người dân tộc thiểu số mà tính hung ác của họ đã nổi dậy chống ông ta. Cái điều đã ngừng tay những người dân tộc thiểu số này lại thì không phải là uy tín của de Mayréna, mà là sự kính trọng và sự triu mến mà dân bản địa dành cho vị giáo sĩ mà Mayréna là tân khách của giáo sĩ đôi khi lại rất quấy rầy. Con người phiêu lưu mạo hiểm ấy sẽ làm gì? Hành động hung bạo và sự láo khoét của ông ta không có gì ích lợi cho ông ta hơn là cái hợp đồng giả 200.000 franc và 20 triệu mà ông ta khoe khoang là mình đang có. Nếu ông ta muốn khôi phục lại một tí danh dự của ông ta trong dư luận của những người lương thiện, thì ông chỉ phải trả đủ những món nợ của ông cũng đủ là điều rất đáng kể rồi. Đó là lời nói cuối thư về công việc này.

Xin ông vui lòng, v.v...

Cha J.B.GUERLACH

Giáo sĩ truyền giáo

(Báo Courrier d'Haiphong số 289 ngày 27-7-1889)

XIII - THƯ CỦA CHA GUERLACH (07-10-1889)

HỘP THƯ

Chúng tôi nhận được lá thư sau đây mà chúng tôi vẫn công bố mặc dầu giọng văn gay gắt của lá thư. Ông đã có cái đầu khá gần với cái mũ linh mục màu đen, ông giáo sĩ của chúng tôi, và tính khí khá hiếu chiến!

HỘI TRUYỀN GIÁO CƠ ĐỐC PHÁP CỦA NGƯỜI BAHNAR - REUNGO

Kon-dijon-kroup, ngày 7-10-1889

Kính gửi ông chủ bút

Hôm nay tôi đã nhận được Tạp chí Bắc Kỳ (Revue Tonkinoise) số ra ngày 10-8 trong số tạp chí này tôi bị đặt thành vấn đề trong một lá thư không ký tên. Tôi tránh không phát biểu ý kiến để nói về phương cách của cái tên M... này, người ký tên này đã ẩn mặt để đả kích tôi, nhưng tôi hy vọng rằng ông sẽ cho đăng bài cải chính của tôi dù rằng bài này đã quá chậm. Người cộng tác đáng kính của ông đã viết: "Cha Guerlach đã gửi trả những lá cờ và những khẩu hiệu mà dưới những thứ này, trước tiên ông đã tỏ dấu xin gia nhập, và cũng dưới những thứ này, ông tỏ dấu chiến đấu vì sự nghiệp mang tính cách vương triều cũng như tính cách phù du ấy".

Nếu ông M... này là một người biết trọng danh dự, thì ông ta sẽ cho công bố cái tên mình như ông ta đã cho công bố lá thư, và lúc đó tôi có thể tin rằng ông ta bị lừa đảo. Hiện nay, đối mặt với một kẻ thù giấu mặt giấu tên thì tôi có quyền nói rằng: người giấu tên đó đã nói láo. Không! Tôi không bao giờ tỏ dấu xin gia nhập dưới cờ của Mayréna! Không! Tôi không bao giờ chống lại cũng dưới những cây cờ đó vì một nguyên nhân thuộc vương triều cũng như nó có tính cách phù du. Tôi

đã tiếp đãi tại nhà tôi vị sứ giả của ông Toàn quyền Constans, tôi đã giúp vị sứ giả này làm tròn những điều mà ông trình bày theo ủy nhiệm thư của ông (và đây là điều mà tôi có quyền tin vào ủy nhiệm thư của ông, bởi vì ông đã gửi đi những báo cáo dài về hành động mọi mặt của ông, và chưa hề có một sự cam kết tối thiểu cũng được nêu lên nhiều như khi Mayréna lưu trú tại vùng người Mọi).

Tôi đã cho công bố trong báo Courrier d'Haiphong nhiều bức thư mà trong đó tôi đã giải thích về tư cách hạnh kiểm của tôi, vì tôi không phải là một người hèn nhát, và tôi biết chịu trách nhiệm về những hành động và lời nói của tôi.

Có một lần đi xuống Trung Kỳ, Mayréna đã có chuyện xích mích với chính quyền, ông ta đã phạm những hành vi không đáng có của một con người biết trọng danh dự, tôi không bận tâm đến việc này, chỉ biết rằng tôi ít để tâm lo lắng đến các công việc đặc thù của Mayréna. Tôi đã sẵn sàng cộng tác với sứ giả của chính phủ, tôi không hề có một quan hệ lui tới xấu xa nào với con người bất lương đó (le Flibustier).

Tôi đã giải thích tại sao Mayréna đã đem những cờ hiệu riêng biệt để ban cho người Sédang đã tập hợp dưới uy quyền của ông ta; ông ta đã xác nhận rằng ông Toàn quyền đã cho ông những lời khuyến cáo chân xác, và ông ta cũng xác nhận rằng không phải giương lá quốc kỳ (le drapeau national) lên, có mục đích để tránh tất cả mọi rắc rối lúng túng về ngoại giao. Trong chuyến đi khám phá đầu tiên, tôi đã mang theo một cây cờ tam tài (un drapeau tricolore), quốc kỳ Pháp, và tôi muốn giao cây cờ này cho dân làng Kon Trang Mené. Phái viên sứ giả của ông Toàn quyền nói với tôi: "Cha à, những lời khuyến cáo của tôi đều chính xác. Nếu cha không muốn đứng vững chắc ở vùng này, thì tôi thấy buộc lòng tôi trở lui đằng sau thôi, và cha phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về chuyện này". Để cho

đúng với những lời khuyến cáo mà Mayréna nói ra đã được tôi nhận thức, tôi đã xếp lá cờ ba màu này lại, và nhà khám phá vẫn giữ tôi lại làm người hướng dẫn riêng của ông ta.

Điều này có cho phép người cộng tác viên danh dự giấu tên nói được rằng tôi đã tỏ dấu xin gia nhập dưới cờ của Mayréna và nói rằng tôi đã tỏ dấu chiến đấu vì sự nghiệp của ông này chăng? Vậy ai đó đã cung cấp tin tức chính xác cho ông cộng tác viên này như vậy?

Khi ông Guiomard được đưa lên vùng chúng tôi, ông đã có thể thấy được rằng những dân tộc thiểu số yêu nước Pháp, vì người Sédang và người Hamong không tạo một sự khó khăn nào để nghe theo lời khuyến cáo của ông công sứ. Những lá cờ mà tôi đã gửi trả lại thì không phải chứa trong nhà tôi, cũng không phải ở trong các làng thuộc phạm vi "xét xử về phần hồn" của tôi; nhưng vì tôi đã phục vụ làm trung gian cho ông Mayréna để phân phát những lá cờ; phục vụ làm trung gian cho người đại diện nước Pháp để thu hồi cùng những lá cờ ấy lại. Đó, sự thật chính xác là vậy. Những giải thích này đã đủ cho ông M... đáng kính nào đó rồi. Nếu ông còn muốn gì thêm nữa, thì chỉ có cách là phải cho biết tên thật của ông để tôi có thể hiểu là tôi có vấn đề cần giải quyết với ông.

Xin ông vui lòng, thưa ông chủ bút, cho in tên tôi dưới bức thư này mà tôi yêu cầu ông cho đăng vào số báo sắp tới của ông.

Xin ông nhận cho tấm lòng thành thực của tôi.

R.P.J.B GUERLACH

Giáo sĩ tông đồ

Báo Courrier d'Haiphong số 319, 9-11-1889.

XIV - TRÍCH TỪ NHẬT BÁO "L'ÉCHO D'OSTENDE", RA NGÀY 11-7-1889

VUA CỦA NGƯỜI SÉDANG

Cuộc phiêu lưu mạo hiểm của Marie de Mayréna là một câu chuyện cổ tích huyền hoặc. Bạn cứ nghĩ tưởng ra một nhà làm báo ngày trước, một người chuyên đi dạo phố nổi tiếng; mà ngày nay vương quyền của người này trải rộng trên một dân số 250.000 người, chiếm cả một lãnh thổ rộng mênh mông! Một cách hiển nhiên, chuyện này là điều khó lòng tin được, tuy nhiên chuyện này lại không có gì là không thực.

Vị vua mới của người Sédang vừa mới tới Paris để vận động chính phủ Pháp thừa nhận vương quốc của ông ta.

Ông de Mayréna đã trị vì dưới vương hiệu là Marie đệ nhất, sinh tại Vosges. Ông đã quá tuổi bốn mươi. Ông ta khởi hành đi xâm lược xứ Nam Kỳ vào năm 1861 với một đại đội kỵ binh Sénégal. Giữa thời các chiến dịch ông ta lại sống một cuộc sống của kẻ ăn chơi tiêu xài rộng rãi ở Paris. Vào thời có chiến tranh, ông ta phục vụ trong quân ngũ với cấp bậc đại úy ở bộ tham mưu, quân đoàn "la Loire", và sau chiến tranh, ông ta đi đến xứ Ấn thuộc Hòa Lan, Java, Sumatra. Sau đó ông lại trở về Paris. Năm 1885, ông trở lại Sài Gòn dự trận đánh chiếm toàn xứ Nam Kỳ, và lên lập đồn điền trên biên giới Trung Kỳ.

Tại đây, vào một buổi mai đẹp trời, ông ta ân cần tiếp đón một giáo sĩ truyền đạo: cha Auger. Ông cha này đã nói với ông ta: "Này ông de Mayréna, ông có biết trong những vùng quanh đây có nhiều xứ độc lập không?". "Nếu ta được đến viếng một chút các xứ đó nhỉ!". Marie đã tự nói với mình như vậy; và ông ta sẽ nói chuyện này với ông Constans, ông

Constans đã do dự trước khi phát biểu ý kiến của mình; trong khi đó thì người ta cho biết rằng một phái bộ người Đức vừa đổ bộ và hỏi những người chỉ đường để đi tới xứ Sédang. Ông Constans không do dự gì nữa: "Ông Marie, ông Constans nói, nếu ông muốn liều mạng thám hiểm một chuyến không kể gì đến sống chết, thì hãy đi trước bọn họ đi. Tôi sẽ cung cấp cho ông những cái cơ bản cần thiết, và một giấy ủy nhiệm chính thức để đi thám hiểm mở một con đường đi từ Bình Định tới sông Mêkông" - "Quá tốt cho tôi!" Marie tỏ vẻ mừng. Ông ta mộ hai mươi người tình nguyện, khởi hành từ Sài Gòn vào tháng ba 1888, đi một mạch không bị trở ngại gì quá đáng cho đến Hội Truyền giáo Cơ đốc, và ngay tức khắc ông ta trở thành người bạn thân của ông hội trưởng, đó là cha Guerlach. Người ta đang bị bệnh dịch tràn lan. Marie liền tham gia với các giáo sĩ để săn sóc cho bệnh nhân và chữa lành rất nhiều người; một trong những già làng mà ông vừa bước chân đến làng này, đã đến dâng làng cho ông ta, ông ta đã chấp nhận ngay. Điều này đã tạo nên dư luận trong toàn xứ người ta kể chuyện về ông ta rằng có "một thầy mo da trắng to lớn đã cứu được người và làm cho người chết tùy ý ông ta - Marie đã dùng khá thành thạo những quả đạn nổ - ông thầy mo da trắng ấy vừa ghé vào xứ nào! Những già làng lần lượt đem đến cho ông sự tôn kính của họ. Một người duy nhất đã tỏ ra ương ngạnh ngoan cố: Marie sẽ mang lại cho ông ta vài lời thuyết phục và con người ương ngạnh này đã nghe theo lời ông giao hẹn. Ông cũng đã uốn cong xương sống như mọi người khác. Các bộ lạc được liên kết với nhau, và người ta lấy ý kiến những người già trong bộ lạc, có sự đồng ý với những thủ lĩnh đồng tuyên phong Marie là vua của người Sédang, vào ngày mồng một tháng sáu; với sự hỗ trợ của cha

Guerlach, Marie đã soạn thảo một bản hiến pháp, được chấp nhận vào ngày 03 cùng tháng.

Vương quốc Sédang, như chúng tôi vừa nói đến lúc này, gồm khoảng 250 nghìn dân; những chủ gia đình đều là những người chuyên nghề săn bắn và đi chiến trận, những người khác thì lo trước nhất là việc đồng áng, và trồng tría lúa, bắp, cà phê, thuốc là và bông vải sản phẩm tự nhiên trong vùng là cây hồi, cánh kiến trắng (cũng gọi là an tức hương - benjoin) và sáp ong, cuối cùng là ngọc mắt mèo, vàng nằm trong các mỏ khá nhiều.

Mayréna đã nhượng sản phẩm của hầm mỏ này lại cho một tập đoàn người Anh khai thác trong 25 năm, tập đoàn này sẽ cung cấp cho ông ta danh sách dân sự của họ và sẽ giao cho ông ta một phần tư quặng thô của lượng khai thác. Hợp đồng này, thuần túy về thương mại, không đưa lại một quyền lợi nào về chính trị cho người Anh, và người Sédang cũng không giữ được chút nào về nền độc lập tuyệt đối của họ trong vấn đề này nữa.

Vua của người Sédang vừa cho phát hành một bộ tem mà báo L'Écho de la Timbrologie đã cho chúng ta sự miêu tả như sau: ở trung tâm một cái khiên với những phù hiệu của nhà vua, một con cọp vàng trên cánh đồng màu da trời; trên một góc có chữ khắc "Deh Sedang" (vương quốc Sédang); và ở dưới là giá của con tem. Sự phát hành gồm bảy con tem có giá trị khác nhau mà màu sắc của chúng là: màu nâu xám, màu tím, màu lục, màu đỏ son, màu xanh, màu vàng, và màu son.

Trong cùng nhật báo ấy, số ngày 21-7-1889

Đề mục: Tin vật và tin tức

Hoàng thượng Marie đệ nhất của người Sédang, hôm qua vừa đến Ostende, vị vua này, mà mới đây chúng tôi đã nói đến, đã đến thăm Kursaal ngày hôm qua và đã dừng lại khá lâu ở cuộc triển lãm của xứ Congo, đã nói nhiều lời giải thích mà người ta không yêu cầu ông ta làm việc đó, đã chỉ cho vài ba người đến xem rằng ông ta rất quen thuộc với việc sử dụng những thứ vũ khí mà đại úy de Morcar đã mang từ châu Phi về.

Hoàng thượng có vẻ oai vệ, rất đẹp, và tính tình phong nhã.

Ostende hình như là nơi rất đẹp đối với ông, và hoàng thượng đã báo ý muốn của ông sẽ trở lại đây lúc ông đi sang Anh trở về, và sẽ ở lại lâu hơn.

*
* *

Cùng trong một nhật báo, số ngày 25-7, có một bài báo khá dài cung cấp nhiều chi tiết về vương quốc Sédang (phần lớn của bài báo này hình như được in lại trong một nhật báo khác).

*
* *

Nhật báo "l'Écho d'Ostende" số ngày 29-7-1889

Đề mục: Tin vật và tin tức.

Như chúng tôi đã đưa tin vào ngày thứ năm, hoàng thượng, vua của người Sédang, Marie đệ nhất đã tới Ostende. Ông đã ở trọ tại biệt thự Littoral với người vợ non trẻ của ông là hoàng hậu Marie Rose, mà ông vừa kết hôn ngày 05-5 vừa rồi.

Vua của người Sédang, vẫn là một người Pháp trung kiên, và vẫn yêu tổ quốc nơi sinh ra, không yêu sách một chút nào về sự độc lập của ông. "Không phải tôi là người đã làm ra Luật Napoléon, ông đã nói với chúng tôi vào ngày hôm qua; do ba điều khoản 17, 21, và 23 trong luật ấy mà tôi không còn là công dân Pháp nữa, nhưng không phải do đó mà tôi không yêu nước Pháp nữa".

Từ Ostende, hoàng thượng đã đi Luân Đôn, ở đây những lợi thú đã yêu cầu ông, cho nên ông sẽ chỉ ở lại đây trong vài ngày, ông muốn chính mắt mình thấy được những chiếc tàu sẽ chở ông, người và của, quay trở về các Bang của ông.

*
* * *

XV - BẢN HIẾN PHÁP THỨ HAI CỦA VƯƠNG QUỐC SÉDANG

(*Mùng một tháng bảy 1889*)

VƯƠNG QUỐC SÉDANG

Hiến pháp

Hôm nay, 01 tháng bảy của năm 1888, tất cả mọi trưởng làng đều tập họp lại với nhau, để nghe sự giải thích về bản hiến pháp ngày 03-6 vừa qua, và đưa thêm vào đó một vài sửa đổi.

Sau khi sự dịch thuật cần thiết đã xong, bản hiến pháp được sửa đổi như sau:

Điều 1: Đất đai lãnh thổ của các bộ lạc đã liên minh thì hiện nay không gì hơn là chỉ gồm vào một vương quốc duy nhất;

Điều 2: Lãnh thổ của người Sédang là lãnh thổ đáng kể nhất, cho nên xứ sở sẽ lấy tên là Vương quốc Sédang;

Điều 3: Ông de Mayréna, đã được tuyển cử làm vua của người Sédang sẽ mang tước hiệu là Quốc vương thủ lĩnh tối cao;

Điều 4: Vương quyền được truyền thừa cha truyền con nối, nhưng nếu không có người kế vị trực tiếp, thì nhà vua có thể chỉ định một người kế vị trong số các thành viên trong gia đình của vua. Người con trai trưởng của vua sẽ lấy tước hiệu là thái tử (Xodang); những thành viên khác trong gia đình sẽ là những hoàng tử theo phong tục tập quán của các quốc gia khác;

Điều 5: Cây cờ sẽ chỉ có màu xanh duy nhất, với một cái dấu cộng màu trắng, có ngôi sao màu đỏ ở trung tâm dấu này;

Điều 6: Vua có uy quyền tuyệt đối. Nhà vua tổng chỉ huy tất cả những "xếp" dân sự và quân sự của vương quốc, và xét xử tất cả mọi sự tranh chấp khi những thủ lĩnh không thể giải quyết được các vụ này;

Điều 7: Nhà vua được tham dự hội đồng cố vấn của ông, ông quyết định vấn đề chiến tranh và hòa bình;

Điều 8: Vua chỉ huy quân dân của ông ra trận, hoặc chỉ định người có thể thay ông để chỉ huy được khi ông vắng mặt;

Điều 9: Tất cả đất đai không được cư ngụ, canh tác bởi các làng, đều thuộc về nhà vua, nhà vua có thể chuyển nhượng số đất đai này theo ý mình.

Đất đai của các làng không thể đem cho hoặc bán mà không có sự chuẩn y của nhà vua.

Tất cả những sự mua bán hoặc cho tặng đều không có hiệu quả nếu nhà vua không cho phép.

Dân cư các làng có thể sử dụng theo nhu cầu canh tác của họ tất cả đất đai cần thiết; nhưng tất cả đất đai bỏ hoang sẽ trả lại cho nhà vua.

Nếu nhà vua muốn chuyển nhượng đất đai thuộc các làng, thì vua phải báo trước với các thủ lĩnh, và sẽ bồi thường cho dân một số bồi thường công bằng xứng với đất đai đã thuộc chủ khác.

Điều 10: Dân chúng ở các làng sẽ đề bạt người thủ lĩnh dân sự có nhiệm vụ cai trị và coi việc trị an trong làng. Tên các thủ lĩnh sẽ trình nhà vua duyệt, vua sẽ ban phát cho những người này những dấu hiệu về phẩm tước của họ với mọi phẩm tước khác về dân sự hoặc về quân sự, chỉ có nhà vua là chủ để phong tước cho họ.

Điều 11: Trong tương lai, sự hiến tế con người sẽ bị cấm chỉ trong toàn nội địa vương quốc. Những gì có liên quan đến chế độ nô lệ thì không một người Sédang nào bị bán sang bất cứ một bang nào khác. Người bán một nô lệ Sédang thì chính nó sẽ bị bắt giao nộp cho nhà vua, nhà vua sẽ xử phạt bắt người này đi làm công trình công cộng trong vương quốc,

Điều 12: Tất cả mọi tôn giáo tín ngưỡng đều được tự do trong vương quốc Sédang; nhưng tín ngưỡng Cơ đốc giáo là tôn giáo chính thức.

Những gì có liên quan tới phong tục tập quán "diêng" (sự cấm vào làng), thì không một người dân nào trong làng có thể được phép "diêng" đối với nhà vua, hoặc những phái viên sứ thần của nhà vua; dù cho nguyên cớ gì của "dieng" đi nữa, thì cũng phải ngưng "dieng" lại theo lệnh của nhà vua.

Điều 13: Ngoài Tổng hội đồng gồm tất cả các thủ lĩnh dân sự và quân sự, nhà vua sẽ có một Hội đồng cơ mật có nhiệm vụ biết rõ tất cả mọi công việc.

Điều 14: Tất cả những người đàn ông có khả năng mang vũ khí đều là quân nhân; và mỗi khi có tuyên chiến, nhà vua

có thể trưng tập một số người mà vua xét thấy cần thiết. Ngoài đạo quân chung cả vương quốc ấy, thì mỗi làng hằng năm phải cung cấp bốn người trai tráng, sẽ đưa về thủ phủ vương quốc để làm tạp dịch trong việc canh gác hoàng cung.

Điều 15: Tất cả những sự thay đổi mới này đối với bản hiến pháp hiện tại sẽ phải được quyết định, có sự hiện diện của nhà vua, bởi Đại hội đồng, nếu không thì sẽ bị vô hiệu hóa.

Làm tại Kon Géri, ngày 01-7 năm 1888

Sau khi đọc lại bản hiến pháp hiện tại bằng ngôn ngữ Sédang, nhà vua, tức là tác giả bản hiến pháp, đã chấp nhận bản hiến pháp này và đã ký với 42 làng, gồm 25.000 người dân dân ông.

Bên dưới, đang còn ghi chú: Tôi, ký tên dưới đây, cha Irigoyen, giáo sĩ tông đồ, khai rằng tất cả những vị thủ lĩnh mà người ta đã đọc bằng tiếng Sédang của bản hiến pháp đính trên cho họ nghe, thì tất cả chính họ đã điểm chỉ dưới cái tên của họ nếu người nào không biết ký. Trước khi điểm chỉ, tôi đã giải thích cho họ nghe theo ngôn ngữ của họ rằng: như vậy đây là một sự cam kết dứt khoát mà họ đã tự nguyện làm đối với hoàng thượng, vua của người Sédang.

Kon Herung, 20-7-1888

Ký tên: IRIGOYEN

Tôi ký tên dưới đây, giáo sĩ tông đồ J.B.Guerlach, chứng nhận rằng bản đính kèm trên đây là bản sao trung thực của bản hiến pháp Sédang và của bản thỏa ước đã được thông qua với các xếp của Drah Key.

Nguyên bản của bản hiến pháp và bản thỏa ước nói đây đều lưu tại trong tay của hoàng thượng Marie, vua của người Sédang.

Kon Jeri Krong, 04-8-1888

Ký tên: J.B.GUERLACH

(Báo Courrier d'Haiphong, số 211, ra ngày 21-10-1888)

*
* *

XVI - THỎA ƯỚC ĐẶC BIỆT ĐƯỢC THÔNG QUA VỚI LÀNG DAK DREY

Blak, thủ lĩnh thứ nhất của làng Drey, đã viết những lời tự nguyện cam kết sau đây với hoàng thượng Marie, vị vua thủ lĩnh tối cao của toàn vương quốc Sédang.

Tôi, Blak, thủ lĩnh thứ nhất của làng Dry hoặc Drey, khai rằng làng tôi với dân làng, đất đai, sông suối của làng là một làng thuộc vương quốc Sédang; ngoài ra tôi xin khai để gọi và chấp nhận hoàng thượng Marie, vua của toàn vương quốc Sédang và gọi là vua của tôi; hơn nữa, tôi lại khai rằng từ thời xa xưa vô tận cho đến ngày hôm nay, tôi chưa bao giờ gọi và chấp nhận một vị vua thủ lĩnh của một nước nào khác; chỉ có ngày hôm nay, tôi, thủ lĩnh thứ nhất của làng Dry, tôi mới gọi và mới chấp nhận hoàng thượng Marie là vua của toàn vương quốc Sédang, và cũng là vua của làng Dry, và của dân làng Drey; tôi lại còn khai rằng; đã được nghe và hiểu tất cả nhiều điều mà vua của vương quốc Sédang đã ban lệnh cho mỗi làng của vương quốc Sédang phải tuân thủ; cuối cùng tôi khai rằng sau khi đã sáp nhập tất cả mọi vật với tất cả ý chí của tôi, thì đoán chắc không có một người nào có thể quyến rũ tôi hoặc tạo nên sự hỗn loạn được.

Sau những lời khai trên, tôi tự nguyện hứa rằng, từ ngày hôm nay, và đối với tương lai, không viết tên tôi hoặc một dấu ký ở chỗ tên tôi trong tất cả các văn bản khác yêu cầu tôi, hoặc ra lệnh cho tôi phải ở vào một vương quốc khác, hoặc ra

lệnh cho tôi phải tuân phục một ông vua của một nước nào khác; cuối cùng tôi xin tự hứa: từ ngày hôm nay và mãi mãi, tôi và tất cả dân làng của tôi, hoặc là không bỏ rơi chỗ ở nhất định, hoặc là không bỏ hoang hay bán đất đai và sông suối của làng Dry mà ngày nay tôi đang chiếm cứ để cư ngụ; nếu tôi muốn cho, bán hoặc rời bỏ đất đai và sông suối mà tôi hiện chiếm ngụ, và những thứ đó thuộc về làng Dry, thì trước hết, tôi phải xin phép hoàng thượng Marie, vua của toàn xứ Sédang, và tôi phải tuân phục những điều mà nhà vua muốn.

Chữ ký của Blak được ký ở chỗ này.

Tôi ký tên dưới đây, cha Irigoyen, giáo sĩ tông đồ, khai rằng bản dịch tiếng Pháp đính trên đây là đúng nguyên văn của bản thỏa ước Sédang đã được ký bởi làng Dak Dry, trước mắt tôi chứng kiến.

Ký tên: CHA IRIGOYEN

Giáo sĩ tông đồ

Sự cam kết trên đây đã được ký trước mắt chúng tôi:

Lieu, thủ lĩnh thứ nhất của làng Kon Hering,
Thiam, thủ lĩnh thứ nhất của làng Kon Kéton,
Blak, thủ lĩnh dân sự làng Dak Dry,
Brun, thủ lĩnh quân sự làng Pelu Tebau,
Upico, thủ lĩnh quân sự làng Kon Trang.

Chúng tôi thừa nhận rằng người có tên Blak là thủ lĩnh thứ nhất của làng Dak Dry, thuộc lãnh thổ Sédang.

Tôi ký tên dưới đây, cha Irigoyen, giáo sĩ tông đồ, khai rằng tất cả những vị thủ lĩnh mà người ta đã đọc cho họ nghe bằng tiếng Sédang của bản thỏa ước đính trên, đều chính họ đã đặt một dấu hiệu ký tên phía trên tên của họ. Vì họ không biết ký hản chữ ký. Trước khi áp dấu chỉ tay này, tôi đã giải thích cho họ nghe bằng ngôn ngữ của họ đây là một sự cam

kết dứt khoát mà họ đã thực hiện đối với vua của người Sédang.

Kon Hering, 20 tháng bảy năm một nghìn tám trăm tám mươi tám.

Ký tên: CHA IRIGOYEN,

Giáo sĩ tông đồ

(Báo Courrier d'Haiphong số 211, ra ngày 21-8-1888) .

ÂM NHẠC AN-NAM:
NHỮNG NHẠC CÔNG MÙ Ở HUẾ;
BÀI TƯ ĐẠI CẢNH

E.LE BRIS

Giáo sư trường Quốc Học

I - NHỮNG NHẠC CÔNG MÙ Ở HUẾ

Ai đã từng sống ở Huế trước đây (1927) mấy năm, đều nhớ đến những người ăn xin; những người bán hàng rong; kể cả người cu li xe, mà những mẩu lạ lùng của họ chắc chắn sẽ lôi kéo được sự chú ý của mọi người xung quanh.

Đó chính là: một người "Mọi" già, gần như khỏa thân một nửa suốt cả bốn mùa, thường lang thang quanh nhà hàng Morin, ngửa tay xin chỗ này một tiền, chỗ kia mười xu, rồi vội vã đi đến quán rượu dốc hết số tiền đổi lấy vài ngụm rượu; một người tàn tật mà chỉ cái chức vị của ông ta thôi cũng đủ gợi lòng thương của khách qua đường, là ông ta đã bị cụt mất một chân bởi phát đạn trái phá của tàu "Vipère", trong khi ông ta thừa hành công vụ tốt hơn để xứng đáng với lệnh trên của chủ ông là Tôn Thất Thuyết - những người bán hàng kỳ lạ mà đồng bạc trên cao thường ném vào sự gầy dẹt của họ, - ông già "Loum Loum" khốn khổ đã chết trong sự khốn cùng vào mùa đông năm trước; người đàn bà bán rau sống, một kẻ ma cô móm răng góm ghềnh, thường lợi dụng lúc vợ bạn mở ví lấy tiền để nói thì thào với bạn những lời đề nghị ô nhục; người

cu li xe được người Pháp mệnh danh là "ông đại úy" là một tên lưu manh cỡ bự rất dễ gây cảm tình, có lẽ người này vốn là tên cầm đầu một băng; từ khi người Pháp đến An-nam; chuyên làm nghề ăn cướp chưa tiêu diệt hẳn.

Nhưng lý thú hơn là hai người nhạc công mù nổi tiếng trên toàn xứ Huế, hai anh em nhạc công đã được Jacques Callot vẽ vào tập tranh những kẻ lang thang.

Cả hai anh em này từ Quảng Nam ra đã mười lăm năm nay rồi (1912) và trong thời gian dài như thế thì họ đã cạnh tranh với nhau, nhưng sự khó khăn trong cuộc sống còn của họ bắt buộc họ phải ăn ý với nhau, và bây giờ (1927) họ chung sống với nhau trong một mái nhà tranh khổ ở chốn kinh thành, buổi tối họ tìm về sống với nhau ở đây sau khi mỗi người đã đi kiếm sống ở một góc nhất định của thành phố suốt ngày. "Sáu" chiếm bờ hữu ngạn Hương giang, "Bốn", người to bậm hơn, cứ lang thang đi đi lại lại trong các phường Đông Ba và Bao Vinh có dân cư đông đúc.

Cả hai người đều không phải là bị mù bẩm sinh. Bệnh mất hột đã làm mù mắt họ vào lúc tuổi mới lên mười, vào lúc họ khởi sự đi đến trường học chữ Nho. Những người mù ít may mắn này đã trở thành như thế nào ở xứ Trung Kỳ? Chọn nghề không thay đổi; làm thầy bói, làm ăn may hay làm nhạc công? Ông thân của Sáu cũng là người có "chữ nghĩa". Ông đã dạy cho đứa con trai của ông học một nghệ thuật cao quý đồng thời học những kỹ thuật sử dụng những nhạc cụ cổ điển: đàn cầm, đàn nguyệt, đàn nhị, đàn tranh và đàn sáo. Người con học hành mau chóng và biết ngay tất cả mọi chuyện cổ tích rất hay của An-nam, trong chuyện kể những công chúa bất hạnh, luống công chờ đợi người yêu đang đi chinh chiến bên kia những ngọn núi. Ngoài ra người cha đã dạy cho các con ông học thơ, có mục đích lấy vẻ đẹp của những câu thơ bồi bổ

cho tính cao thượng của tình cảm, và khi Sáu, mà gia đình đã cưới vợ cho anh ta, đi ra thành phố lớn mà tại đó các ông quan người An-nam và người Pháp đều giàu có và quảng đại, thì anh ta có thể tin là kiếm ăn dễ dàng với cuộc sống lương thiện của anh ta. Nhưng bao nhiêu khó khăn đã nổi lên nhanh chóng; anh không tìm ra được học trò để dạy đờn, và ngay tức khắc trong sự bắt buộc anh phải bỏ cây đờn tranh để sử dụng cây đờn tiêu và cây đờn bầu, những cây đờn này không phải sợ bị đục chạm hoặc bị mưa ướt.

Đi theo đứa con gái của anh dắt anh nhờ một cây gậy, anh rà chân sát đi bên trên các lề đường, có hơi sợ sệt tiếng gầm và tiếng thở phì phò của xe hơi chạy nhanh và những kỷ niệm thời thơ ấu của anh đã không cho anh thấy được loại xe này. Lựa một nơi yên tĩnh, có nhiều người khách bộ hành đi qua đi lại, hai cha con anh ngồi xuống. Nhanh chóng, anh đã thổi lên một câu thông của cây sáo để lôi kéo sự chú ý của mọi người!...



Rall

Đứa con gái nhỏ bắt đầu đánh cặp sanh gõ kiên kiên để cầm nhịp cho những câu nó hát lên, anh ta thổi sáo đệm cho con hát. Không quá hoa mỹ, bằng cách nhắc nhở cho con gái anh ta những câu thơ mà nó đã quên đi. Điệu hát không phải quá êm ái, đứa nhỏ đã lên cao với một giọng bị giật ra. Khi thì giọng đều. Thật vậy, đứa bé gái không bao giờ nhận được một nguyên tắc nào của nghệ thuật diễn đạt, nhưng người nghe cũng không khó tính lắm; họ đã chú ý lắng nghe những câu thơ rất quen thuộc với mọi người, mà luôn luôn vẫn do tình yêu gợi hứng:

*Núi cao chi lắm i núi ơi!
Núi che mặt trời ơ không thấy người thương*

*
* *

*Linh đình một chiếc thuyền tình
Mười hai bến nước, gửi mình vào đâu?*

*
* *

*Thân em như tấm lụa đào
Đem ra giữa chợ, biết vào tay ai?*

*
* *

*Nói lời phải giữ lấy lời
Chớ như con bướm đậu rồi lại bay*

*
* *

*Lạ gì bỉ sắc tư phong
Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen.*

... Những người nghe thường cũng là hạng đói rách như những nhạc công, nhưng trong lúc đó thì một vài đồng tiền và

ngay cả vài ba xu cũng đã ném vào trong cái mũ đặt có chủ tâm bên cạnh cha con họ.

Sáu cũng có cái hãnh diện của anh ta. Anh ta không muốn có dáng dấp của một kẻ ăn mày; anh ta đội một cái khăn, dấu hiệu của tính phong nhã, và luôn ăn mặc một cách tề chỉnh với cái áo dài đen. Trong lúc đó anh ta lại không có thói quen tỏ ra là một kẻ đau khổ. Anh ta kéo lê cái dáng dấp ốm yếu đi dọc theo các con đường, anh không bao giờ cười, mà cũng chẳng thích kêu ca cái số phận đáng buồn thương của anh. Niềm an ủi lớn nhất của anh ta là âm nhạc. Đôi khi, anh ca chỉ cho một mình tôi nghe, anh đã nói với tôi như vậy, với những dáng dấp thích thú biết bao: điệu đờn nam lữ dừ run rẩy nổi buồn nhớ quê hương nào nùng, lúc đó giọng ngân đầu của anh mang sắc thái của âm sắc dịu dàng, dáng dấp không có nhịp điệu gì đáng để ý, chỉ là những khúc ca kể chuyện tình yêu trong đó tâm hồn tàn tật đáng thương của anh ta đã tìm được vang âm của những chịu đựng khổ đau riêng của anh ta. Một nụ cười buồn lướt qua đôi môi của anh, khi tôi khen ngợi tài năng của anh ta, nhưng anh ta lại trấn tĩnh ngay lại một cách nhanh chóng để hỏi đứa con gái nhỏ của anh: "Ông quan lớn ấy đã cho mày bao nhiêu?...". Tôi không quên được những đồng xu hào nhỏ trắng xóa mà nhờ chúng, anh ta sẽ đi ngay đến ngồi vào bàn ăn ở chợ Bến Ngự, trước những cái bát vẽ hoa đựng đầy cơm trắng, một chút thịt heo kho rím với nước mắm Cao Hai.

Chú Bốn thì lại khác hẳn. Cái mặt rỗ xít bởi đậu mùa, hai mắt chú mở lim dim biểu thị bằng hai vệt đỏ luôn luôn nhấp nhem, miệng nhai cau trầu và điếu thuốc ngậm lệch bên góc miệng có những vết giầy đỏ như máu, đã tạo cho chú này một mẫu người xấu xí hiếm có. Con người của chú Bốn chắc chắn không lôi kéo được cảm tình của khách qua lại trên đường.

Nhưng chú thực là một người con trai vui tính biết bao khi chú ca cho người khách qua đường đứng lại nghe!

Những bài ca nhả nhót đi theo cái điệu bộ vô lại; những khám phá về nhịp điệu mới của cái trống con mà chú mang ở dây lưng; những lúc đột nhiên nhại giọng đàn bà; đã lôi cuốn rất nhanh hăng người hiếu kỳ thích đứng lại xem. Lúc đó Bốn trở thành hăng say trong sự cao hứng. Chú rất thích pha trò, nhất là khi những lời ca dịu dàng hoặc say đắm:

Cho đến canh năm tôi vẫn thức để chờ em

*Nhưng than ôi! Người yêu của tôi chẳng đoái hoài đến tôi
nữa?*

Những câu ca đầy hề tính đã làm nổ ra những tràng cười, bởi vì đồng thời với lời ca, chú vừa ngẩng đầu lên vừa chỉ vào cái mặt góm ghieác của chú, mà cái miệng đã bị vôi ăn lỗ, còn làm bộ nhăn nhó hướng về những nụ hôn tưởng tượng.

Chú Bốn không thích những bài ca đơn nam, vì theo ý chú, những bài ca ấy quá chậm, và quá buồn đối với tính khí ưa làm hề của chú. Những điệu ca mà chú thích hơn là những điệu ca hát Bắc Kỳ, có nhịp điệu tiết tấu, linh động, đầy vẻ hoa mỹ phóng khoáng và nhiều cái nhấn lệch của tiếng trống.

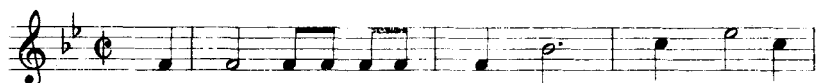
Buổi tối, khi không thể đi hát rong nữa, thay vì hát, chú đã hét lên với cái giọng kim the the đến rợn mình, và chú vẫn còn tìm ra phương cách để gây cười. Số tiền thu được của chú Bốn thì một cách chắc chắn là có hiệu quả hơn số tiền thu được của anh Sáu nhu nhược; nhưng ở nhà, số tiền thu chi đều chung chạ, và không bao giờ có một sự tranh cãi nào nổi lên giữa hai người bạn ấy.

Cách đây (1927) vài năm, Bốn có lẽ được thuê tiền bởi thành phần bất mãn, đã làm tăng thêm danh mục của chú với một số bài ca chống Pháp mà chú đã đi hát rong từ góc này

đến góc khác của thành phố. Chính tôi cũng đã được nghe chú hát những bài hát thiếu kính trọng (với khách) nhắc lại những bài hát mà J.Ajalbert, trong tập "Số phận xứ Đông Dương" cho là đã ghi được của một người chèo đò trên phá Thuận An. Nhưng sự tuyên truyền cách mạng này bị dập tắt rất nhanh bởi sự hăm dọa của Sở Mật thám đòi trả chú về nguyên quán, trong vùng cát biển tỉnh Quảng Nam, và chú Bốn của tôi chẳng thêm van xin nài nỉ.

Chú nhanh chóng trở lại với những bài ca loại tình cảm - có hài tính bảo đảm cho số tiền thu đều đặn hơn.

Và đây là một bài dân ca trong vô số bài thuộc danh mục của Bốn:



Vú em chua chua trái chanh Đừng để lu



la Ai bóp nó hỡi Để để dành anh a hỡi cho



anh Để để dành anh a hỡi cho anh

Vú em chua chua trái chanh,

Đừng để

Lu la

Ai bóp

Nó hỡi

Để để dành

Anh a hỡi

Cho anh

*
* *

Xăm xăm bước tới cây chanh

Lam lê

Lu la

Muốn bẽ

Nó hỡi

sợ sợ nhàn

Anh a hỡi

Chông gai.

Nào khi tôm lột ướp bào Chàng ơi! Vùng rẫy sao đành

Anh ăn

Dưới ao

Lu la

Lu la

Anh phụ

Cá lội

Nó hỡi

Nó hỡi

Trời trời nào

Trên trên nhàn

Anh a hỡi

Anh a hỡi

Để anh

Chim kêu

II - BÀI CA "TỬ ĐẠI CẢNH"

Trong bài nghiên cứu về các điệu hát truyền thống của xứ Trung Kỳ, công bố trong B.A.V.H., số 3 năm 1922, tôi đã có ghi lại vài bài đờn khách rất được phổ biến ở Đông Dương. Đây là những bài hát cao quý mà ta cần phải biết đến khi người ta nghiên cứu, dù ít đi nữa, đến đờn nguyệt và đờn thập lục, nhưng một số bài trong đó như mười bản tàu chẳng hạn, đều được xem như là rất khó, và chỉ có những nhạc công mới đờn hoặc hát được chúng.

Ở Huế, có một điệu đồn hát mà tất cả mọi người An-nam đều biết, kể từ người cu li cực khổ cho đến ông quan lớn nhất triều đình đó là bài "Tứ đại cảnh".

Thật khó lòng tìm hiểu cho được lịch sử của bài ca nhạc dân gian này. Những quy tắc âm nhạc An-nam đều uyển chuyển đủ để cho phép giảng giải một nhạc tố được ghi thành vô số chuyển bản, mà những chuyển bản này chỉ phảng phất, gợi lại được chủ đề gốc. Mỗi người tự thêm vào hay bỏ đi vài "mốt", và không bao giờ hai nhạc công lại chơi đồn hay hát trùng in nhau. Bởi vậy mà khúc ca chúng ta nghe hiện nay thì chắc gì đã đúng chính xác với bài ca mà tác giả đã soạn ra từ lúc đầu?

Bài ca nhạc này bắt đầu có từ thời đại nào? Không ai biết chắc chắn nó có vào thời đại nào. Chuyện cổ tích thì cho rằng đã qua nhiều đời rồi, một vị vua hiếu chiến ở phía tây, một ngày nọ đã thấy được một ngọn tháp cổ đã bốn trăm năm rồi, tháp xây trên một ngọn đồi, mà từ đó người ta nhìn được bao quát cả một toàn cảnh rất huy hoàng. Cảm động trước phong cảnh đầy thơ nhạc ấy, nhà vua muốn ca ngợi con người đã biết xây lên ở đây, tại một nơi cũng rất thuận lợi, một di tích lịch sử đã kéo dài được trong bốn thế kỷ, nhà vua đã viết nên tám khuôn nhạc sau đây với bốn âm: liu, cống, xê, xàng v.v...



liu liu xê liu liu cống liu liu cống liu công xê xàng

Để hiểu cho được đề tài này hẳn cần phải nhắc lại lý thuyết về thang âm của Trung Hoa, trong đó những nốt nhạc đều được nhận thức bởi chính nó, hơn là nhận thức ở sự liên hệ của chúng với phần còn lại của sự hòa âm. Những nốt ấy là những ký hiệu hợp với sự xếp đặt một cách thích hợp.

Vậy nên âm *kông*, đã trở thành âm *lou* (lục) trong âm nhạc hiện đại mà người An-nam đọc là *liu* có một sự chuyển giọng mạnh oai nghiêm, bởi vì nó biểu thị hoàng đế, biểu thị vẻ uy nghi, cung điện, vẻ long trọng và học lý của vị hoàng đế; âm *tchèu* hay *xê* gợi nên sự mau chóng mà mọi công việc của đế quốc đều phải được giải quyết theo cách mau chóng đó; âm *yù* mà ngày nay người ta gọi là *kông* hay *công*, nhắc lại những mối tương quan hòa hài mà mọi vật phải có giữa chúng để đi đến cùng một cứu cánh; âm *kio*, ở nhiều tác giả soạn nhạc Trung Hoa, đã biến đổi thành *piên tché*, và nó trở thành âm *xàng* của người An-nam rất dịu dàng và thư thái, vì âm này biểu tượng của sự phục tùng luật pháp và an cư lạc nghiệp lâu dài của nhân dân.

Được biểu thị như vậy, nên sự hòa âm:

liu liu xè, liu liu cống ... v.v...

đã cho phép chúng ta lãnh hội được từng phần cái thiên tài của âm nhạc Trung Hoa, trong đó, cái quan trọng, chính là tư tưởng chứ không phải là cảm quan.

Sau phần dẫn nhập này thì đến phần nói về sáu khung nhạc, mặc dầu trong sáu khung nhạc thì nhạc khí đánh lên tiếng từ những loại nhạc khí dây đến khoảng lặng trống, dường như tư tưởng vẫn còn lơ lửng chưa dám tự xác định:



Và cuối cùng bài hát tự nhận thức vươn lên cao bốn lần, khá giống với hai phần trở lại vào lúc đầu:



Vẫn còn 6 khung nhạc chờ đợi rồi đến lần thứ ba và lần thứ tư, một sự phát triển du dương hài hòa hơn, cao cả hơn; trong sự phát triển này những "nốt" xa lạ với chủ đề đầu tiên, và vài ba nốt dựa gọi cảm được thêm vào, càng có biến loại, thì càng có sự say mê với nhạc tố chính:



và khúc nhạc chấm dứt lặng lẽ hơn, bởi một vang âm lặp lại trường bát độ thấp của một đoạn kết chưa hoàn hảo, mà cảm xúc sâu lắng của đoạn kết chưa hoàn hảo này vẫn còn không xác định, khó tả nên lời một cách cố ý:



Sự soạn lại bản nhạc cho bài Tứ đại cảnh này là rất đơn giản, trong bài này tôi đã tự ý được bớt tất cả những nốt biến loại, và đây là toàn bài nhạc đó:





Đề tài ban đầu đã chấp nhận một số biến loại, mà người ta khá kinh ngạc để thấy trong những biến loại đó có sự áp dụng rất đúng những "nốt dựa" và những "nốt thêu" đơn như trong một trang âm nhạc hay của châu Âu. Vài ba nhạc công chỉ đánh cho nghe mười khung nhạc có những nốt kiểu này khi điệu nhạc chậm:



Trong bài nghiên cứu đã viện dẫn ở trước bài này, tôi đã có viết "Những quy luật tiến hóa khó bề lay chuyển sẽ biến đổi âm nhạc An-nam và sẽ làm gãy đổ những quy tắc làm cho nó nghệt thở trong các quy tắc đó".

Tôi đã được nghe vài khúc ca biến loại, xác minh được điều mà tôi đã nói cách đây vài ba năm, nhưng đối với tôi thì không có gì thú vị cho bằng sự giải thích mà một cựu nhạc công, trong ban hợp xướng của bà Hoàng thái hậu, mẹ vua Duy Tân; đã nói với tôi; ông này đã chuyển âm thứ (moduler en mineur) một cách táo bạo vào lúc bắt đầu khúc trở lại lần

thứ hai. Dấu biến âm (altération) của cung thành "cung bémol" (cung giáng) đã có một hiệu quả tuyệt tác ở đây, mặc dầu những người theo chủ nghĩa thuần An-nam đã nói điều này.

Vả chăng đây là bài soạn lại bài ca nhạc biến loạn đó:





Như vậy, tất cả những điệu đàn hát của An-nam; nếu bài Tứ đại cảnh được đàn lên khi có cây đờn bầu hay cây đàn ghita biểu diễn bài nhạc đã viện dẫn lúc đầu, thì mỗi người đều lầm rầm hát lời theo" "*Thương nhau hoài, nhớ nhau mãi...*". Ở Huế, tất cả mọi người đều thuộc lời của bài này, và hầu như tất cả mọi đứa trẻ mà tôi đã hỏi chúng, thì chúng đều biết ít nhất là mấy nhạc tổ đầu tiên. Hiện đang có nhiều lời ca khác mang tính cách văn chương hơn, ký tên những văn nhân nổi tiếng; nhưng những lời ca này ít phổ biến hơn.

Những bà mẹ ru con ngủ, những người cu li trên đường phố, những người chèo thuyền để cho chiếc thuyền nhẹ trôi bởi ngọn gió êm đáng mến đầy đi, tất cả họ đều hát bài Tứ đại cảnh sau đây:



Thương nhau hoài tin nhớ nhau mãi Mấy lời son-



hải quyết trái gan vàng tơ bao đoạn đòi đoạn lan tư



lan Thiếp băng ngàn lời thệ hải minh sơn

TỨ ĐẠI CẢNH

Thương nhau hoài, nhớ nhau mãi.

Mấy lời son hải, quyết trái gan vàng.

Tơ bao đoạn, đòi đoạn lan tư lan.

Thiếp băng ngàn, lời thệ hải minh sơn, xin đá tạc niềm đơn.

Khi ăn ở, khi than thở, với bạn hơn thiệt hơn.

Giấc mơ nàng, mừng tượng loan bóng loan.

Bóng trăng tàn, hột lựu nhỏ chứa chan, sầu tình tự
đa đoạn.

Năm canh chạnh, em ôm gối lạnh, cảm cảnh thương
người thương.

Thương (thương) vì bạn dày nắng sương tuyết sương.

Một mai rồi, dầu lạc phấn, phai hương, xin thủy trợn
cùng gương.

*Đôi mình đây, như ngày trước Kim lang, Kiều nương, lúc
đoạn trường gánh nặng oan ương.*

Sầu tình tự đa đoan, thở thở than.

Chim nhận, đến gửi lời thăm, tri âm chút tình.

*Đêm thanh, vắng tin người ngọc, trần trọc, lụy nhỏ canh
năm canh.*

Đêm khuya, nghe tiếng oanh kêu sầu.

Đưa tin nhận cạn mấy lời trước sau.

Đưa tin nhận cạn mấy lời trước sau.

GHI CHÚ VỀ NGHỀ GỐM Ở TỈNH BÌNH ĐỊNH

ROLAND BULTEAU

I - CÁI NHÌN TỔNG THỂ

Hiện nay (1927), có mười bảy trong 688 làng của tỉnh Bình Định là đặc biệt chuyên về nghề làm đồ gốm. Tỷ lệ quá yếu, như người ta thấy đây, chỉ kể đến số liệu này của nghề gốm thôi, thì cũng đủ làm cho nản lòng tất cả mọi ý tưởng muốn nghiên cứu; dù cho chỉ nói ngắn gọn; về nghệ thuật gốm trong tỉnh này; mặt khác, nếu một số hình thù nào đó của các đồ vật đã được làm ra, một số mô-típ trang trí nào đó, và sau cùng là sự ít chú ý hỗ trợ cho nghề làm đồ gốm ở Đông Dương cho đến tận ngày hôm nay (1927) cũng chưa phải là những lý do đầy đủ để cho người ta có một nỗ lực trong chiều hướng nghiên cứu này.

Chúng tôi sẽ cung cấp một danh sách các làng làm nghề gốm ấy ở đoạn sau, bằng cách nói đến thời đại mà từ đó mỗi làng trong số họ vẫn miệt mài theo đuổi cái nghề thủ công xa xưa này, mà ở đây họ vẫn giữ tính cách là nghề truyền thống của gia đình. Chúng tôi chỉ cần nói từ bây giờ (1927) thì chính hai làng Phụng Càng và Tấn Trạch mà cái vinh dự của kẻ đàn anh lớn tuổi sẽ được tặng cho họ. Thật vậy, theo truyền thống, thì hai làng này đã làm nghề gốm từ năm Gia Long thứ 12, tức là từ năm 1813. Nếu không muốn nói là cái vinh dự ấy phải dành cho làng Vĩnh Tường ở huyện Phù Cát, thời

đại bắt đầu làm nghề gốm của làng này là không biết được, điều này cho phép người ta giả dụ rằng việc làm nghề gốm của làng này là rất xa xưa.

Chắc chắn rằng nghệ thuật đồ gốm đã được thực hành ở tỉnh Bình Định rất lâu trước thời Gia Long, nhưng nhiều làng đã phó mặc cho nghề, hoặc đã để thất truyền, hoặc đã ngưng lại không tiếp tục nỗ lực của họ; bằng chứng là làng Trà Lương, huyện Phù Mỹ, làng này từ xưa đã làm nghề gốm, và đột nhiên họ bỏ nghề vào dưới triều Thành Thái.

Mặc dù câu chuyện có tính cách lịch sử của nghề làm đồ gốm ở tỉnh Bình Định là thế nào đi nữa, và dù cho lợi nhuận của nghề gốm là thế nào, thì chúng tôi vẫn sẽ giới hạn nỗ lực của chúng tôi vào việc tường thuật lại những gì hiện nay (1927) đang tìm thấy được ở tỉnh ấy. Tham vọng của chúng tôi không phải là xây dựng một thiên nghiên cứu về những sưu khảo lịch sử và tư liệu; mà chỉ là đi sâu vào bên trong làng gốm, đi vào nhà của người thợ, và tìm xem cái gì đã được thực hiện ở đây, cái gì đã có ở đây, những dụng cụ làm nghề mà làng nghề đã chuẩn bị, và nguyên vật liệu mà làng nghề đã dùng.

Người thợ, thông thường nhất là thợ đàn bà - vì đa số trong mười bảy làng gốm của tỉnh, thì chính người đàn bà đã nhào nặn đất và nặn đất thành đồ gốm - đã làm việc theo một công thức do người cha của họ truyền lại, bằng cách sao chép lại những hình thù cổ xưa đã nổi tiếng và được đánh giá; không hề có một nỗ lực nào của cá nhân để tìm tòi ra cái mới, ra cái tốt đẹp hơn vị tất đã xảy ra.

Thủ công nghệ gia đình, và chẳng cũng như tất cả mọi thủ công nghệ ở nước này, nghề gốm cũng đã bảo thủ những đề tài cổ được cha truyền con nối, và tác phẩm của ngày nay, vẫn chắc chắn sẽ là tác phẩm của ngày mai, và hẳn cũng không mấy may nghĩ ngờ đó là tác phẩm của một thời quá khứ xa xưa.

Những dụng cụ làm nghề luôn luôn vẫn rất đơn giản, chỉ cần có bàn xoay, khuôn nắn, và một loạt các khí cụ nhỏ thứ yếu. Những cái cạo, những cái bàn mài nhẵn, những cái dùi để vạch đường lặn, những cái dùi, vẫn là những thanh tre cắt vót rất mỏng theo cách sử dụng mà các dụng cụ này cần phải có cho sự sử dụng đó.

Kết quả là những phương cách làm đồ gốm đều giản dị theo những phương pháp của người thợ gốm làm ra đồ gốm, và theo nhu cầu của dân gian sử dụng đồ gốm ấy.

Người dân nông thôn, sinh sống trong sự tranh tối tranh sáng của căn nhà tranh đầy khói thì họ đã cần cái gì? - Nói thực, họ cần rất ít đồ dùng! Một cái nồi để nấu cơm, một cái vại để chứa nước lấy từ con suối hay từ ngoài sông về, một cái bát để uống nước ấy, và đôi khi, những điều này đã xem như là xa xỉ, một cái bình chè để pha chế nước chè. Tuy nhiên, khi con người vươn lên trên nấc thang của điều kiện xã hội, thì nhu cầu của nó tăng lên bằng trường độ, bằng cường độ và bằng phẩm chất. Những nhu cầu đầu tiên đã thỏa mãn rồi, thì con người còn phải vượt qua những nhu cầu đó để vươn lên trên mức sống chung: nó cần có sự sang trọng và rồi thì những biến cố trong cuộc sống của một kẻ giàu sang, hay nói đơn giản hơn, của một gia đình sung túc đáng mức kha khá, đã tập hợp quanh mình nhiều vẻ khoa trương hơn những biến cố nhu cầu của một người nghèo khổ, bị câu thúc của những dấu hiệu nghèo nàn biểu lộ ra bên ngoài. Do vậy, người thợ gốm phải đi đến chỗ tinh luyện, nghệ thuật làm đồ gốm của anh ta để đáp ứng những nhu cầu mới. Cái chum của người có của giàu sang là chum bằng gốm có tráng men. Nhà giàu đã tăng thêm những đồ gia dụng của nhu cầu đầu tiên, những cái đĩa có trang trí, những cái chén mịn hơn và có trang hoàng hơn, cái bình chè lịch sự hơn. Nhà giàu đã trang trí các phòng trong nhà của ông ta, và bức tường ngoài vườn của ông với

những cái thố có nhiều màu. Nhà giàu tổ chức lễ vu quy cho con gái ông ta với nhiều tiêu pha rộng rãi hơn và rót rượu chia vui một cách đầy đủ hơn, chứa trong những cái hũ lớn có tráng men láng. Khi người cha của nhà giàu mất đi, ông ta đặt lên trên bàn thờ những cái bát nhang và những cây đèn bằng đất nung có trang trí khéo léo hơn.

Vậy nên đã đến lúc cho chúng tôi nói đến nghề làm gốm ở Bình Định với sự hiện diện hai phạm trù đồ gốm: một phạm trù là đồ gốm không tráng men; và phạm trù kia là đồ gốm có tráng men; vả lại dù ở phạm trù này hay ở phạm trù kia, thì trong đa số các trường hợp người ta đều vận dụng những phương cách chế tác như nhau, xét về phần công việc làm đồ gốm trong chính tự thân nó.

Nói một cách hẫu như đại loại, thì làng nào đã làm đồ gốm không tráng men, làng đó không làm đồ gốm có tráng men; và ngược lại. Trong mười bảy làng gốm mà chúng tôi đã nói ở trên kia, có mười hai làng làm đồ gốm không tráng men; năm làng làm đồ gốm có tráng men; đó là:

1. Các làng làm đồ gốm không tráng men:

- 1- Hữu Giang ở huyện Bình Khê
- 2- Mỹ Thuận ở huyện Bình Khê
- 3- Mỹ An ở huyện Bình Khê
- 4- Diêm Tiêu ở huyện Phù Mỹ
- 5- Vĩnh Lý ở huyện Phù Mỹ
- 6- Trà Quang ở huyện Phù Mỹ
- 7- Nhạn Tháp ở phủ An Nhơn
- 8- Nghĩa Chánh ở phủ An Nhơn
- 9- Thăng Công ở phủ An Nhơn
- 10- Vĩnh Trường ở huyện Phù Cát
- 11- Hữu Thành ở phủ Tuy Phước

12- Cẩm Hậu ở huyện Hoài Ân

2. Các làng làm đồ gốm có tráng men:

- 1- Thượng Giang ở huyện Bình Khê
- 2- Trung Thứ ở huyện Phù Mỹ
- 3- An Quang ở huyện Phù Cát
- 4- Tân Thạnh ở phủ Hoài Nhơn
- 5- Phụng Càng ở phủ Hoài Nhơn

Mỗi làng gốm có những nét đặc thù riêng của họ, hoặc vấn đề là ở chỗ đất được dùng; bàn xoay hoặc các khuôn nắn đúc thông dụng; lò nung và cách nung; hoặc vấn đề là ở các đồ vật đã được làm ra.

Bây giờ chúng tôi đi qua phần xem xét từng làng một cách thoáng nhanh và ngắn gọn, bằng cách sắp các làng vào từng phủ hoặc huyện theo thứ tự quan trọng, chính tự thân mỗi phủ hay huyện cũng được sắp xếp theo thứ tự số làng làm đồ gốm mà phủ hay huyện ấy có nhiều hoặc ít.

1. Huyện Bình Khê

Thượng Giang: Có 27 thợ đàn ông và đàn bà (1927) hiện đang làm nghề, sản phẩm hàng tháng gần được 1.400 đồ gốm khác nhau mà 700 đồ gốm trong số đó có tráng men. Làng có hai loại bàn xoay: bàn xoay dùng tay và bàn xoay dùng chân; có hai loại lò: lò ngửa và lò sắp. Khuôn đúc nắn thường được dùng cho những hoa văn trang trí. Người ta làm chủ yếu là: các loại bình cắm hoa; thân tròn hoặc có 6 mặt; các loại đĩa; các loại đĩa; các loại ống nhỏ; các loại thau rửa mặt; các loại hũ có quai; các loại ấm; các loại nồi nấu cơm; các loại trách, chảo, trã; các loại vựa; các loại chén bát; các loại ống bình vôi; các loại thùng, chậu; các loại bông làm lỗ lù... Tất cả những đồ vật này đều tuôn về bán trên các chợ quan trọng như chợ An Khê (tỉnh Kontum); chợ An Thái, chợ Kiên Mỹ (Bình Định).

Mỹ An: (1927) gồm 51 thợ gốm và 35 lò nung, có thể làm được từ 1.000 đến 15.000 đồ gốm mỗi tháng. Tại làng này người ta chỉ làm đồ gốm không tráng men, bàn xoay dùng tay và dùng cho một người duy nhất. Lò nung cấu tạo theo kiểu lò ngựa. Những đồ vật chính được làm ra là: các loại chậu đựng nước; các loại liễn; các loại bình; các loại cái lọc đường, các loại nồi nấu cơm; các loại hỏa lò; các loại nồi đốt giấy vàng bạc hàng mã; các loại bông làm lỗ lù... Dem bán trên các chợ ở huyện Tân An (tỉnh Kontum); chợ Bình Khê, chợ Phù Cát (Bình Định).

Hữu Giang: Chỉ có hai thợ gốm có thể làm được 500 đồ gốm mỗi tháng. Họ làm việc với bàn xoay dùng tay, và chỉ làm những đồ gốm không tráng men, chủ yếu là: ống bi để xây giếng; nhiều loại hũ có quai, nồi nấu cơm, thau rửa mặt; nồi để đốt giấy vàng mã, hỏa lò... Lò nung của họ theo kiểu lò ngựa. Nguồn tiêu thụ các sản phẩm được làm ra là ở trên cùng các chợ đã nói ở trên.

Mỹ Thuận: Có 3 người thợ và 2 lò nung kiểu lò ngựa, làm được 200 đồ gốm mỗi tháng. Những người thợ làm việc với bàn xoay dùng tay và làm đồ gốm thô không tráng men: chậu đựng nước, ống xây giếng; cái liễn đựng cơm, hỏa lò... bán trên các chợ đã nói trước.

2. Huyện Phù Mỹ

Trung Thứ: Một thợ độc nhất làm những đồ gốm trong làng, với việc sử dụng chuyên nhất các khuôn đúc. Mỗi tháng người thợ độc nhất này sản xuất khoảng 70 đồ gốm khác nhau, tất cả đều tráng men: bình cắm hoa thân tròn, hoặc có 4, 6, 8 mặt; bình, lọ thường; các con vật dùng để trang trí như: sư tử, rùa, cóc, vịt, cò bạch, cá... nung chín ở lò ngựa. Tất cả những vật này đều được đem bán trên các chợ tỉnh, chủ yếu là ở Quy Nhơn và Bình Định; và trên các chợ ở Kontum (An Khê).

Trà Quang: Ở Trà Quang có 8 người thợ gốm có thể làm 4.500 đến 4.700 đồ gốm mỗi tháng, tất cả đều không tráng men. Ở đây người ta làm chủ yếu là những đồ gốm nhỏ như: nồi niêu, bình hoa, liễn đựng đồ ăn, cái thau, các loại ấm... tất cả đều đem bán ở các chợ địa phương.

Điêm Tiêu: Có 4 người thợ, mỗi người có thể sản xuất được 600 đồ gốm thô mỗi tháng, tất cả đều không tráng men. Bàn xoay dùng chân và dùng cho hai người thợ. Lò nung theo kiểu lò sập. Người ta làm trước nhất là những hũ có quai cỡ lớn; những chum vại; những nồi, niêu, om, nồi rang; những thứ bình hoa; các loại ống nhỏ... tiêu thụ trên các chợ địa phương và trên tỉnh Kontum (nhất là loại hũ lớn có quai và loại chum vại).

Vĩnh Lý: có 4 người thợ gốm, có thể sản xuất mỗi thợ được 600 đồ gốm thô mỗi tháng hoặc 900 đồ gốm cỡ nhỏ. Bàn xoay dùng tay và dùng cho một thợ duy nhất. Lò nung theo kiểu lò ngửa; tất cả những đồ gốm này: nồi niêu; cái liễn đựng đồ ăn; bình chậu hình ống; hũ có quai; ống tròn để làm giếng... đều không tráng men, và được đem bán ở các chợ địa phương.

3. Phủ An Nhơn

Nhạn Tháp: Gồm có 10 thợ và 5 lò nung, có thể sản xuất được 4000 đồ gốm mỗi tháng. Bàn xoay dùng chân và dùng cho hai người thợ. Lò nung theo kiểu lò ngửa. Tất cả đồ gốm đã làm được đều không tráng men. Chủ yếu ở đây người ta làm loại hũ có quai; loại liễn đựng đồ ăn; loại nồi, niêu, om; loại trạch, trã, chảo; loại bình vôi; loại cối giã tiêu... đem tiêu thụ trên các chợ chính trong tỉnh.

Nghĩa Chánh: Có 4 người thợ, có thể cung cấp hàng tháng một tổng sản phẩm từ 800 đến 1000 đồ gốm, tất cả đều không tráng men. Bàn xoay dùng chân và dùng cho hai người thợ. Lò nung kiểu lò ngửa. Ở đây người ta làm những đồ gốm gần cùng loại với các đồ gốm ở các làng Nhạn Tháp.

Tăng Công: Chỉ có một người thợ gốm duy nhất, có thể sản xuất hàng tháng khoảng 400 đồ gốm, tất cả đều không tráng men. Bàn xoay dùng chân và dùng cho hai người thợ. Lò theo kiểu lò sập. Người thợ này chỉ làm loại gốm thô: chậu đựng nước; hũ có quai lớn; cái ché; cái ăng... tất cả đều đem bán ở các chợ quan trọng như chợ An Thái, chợ An Vinh, chợ Quy Nhơn.

4. Phú Hoà Nhơn

Tấn Thanh: có 5 thợ gốm, có thể làm gần 1000 đồ gốm mỗi tháng, tất cả đều tráng men. Người ta vừa dùng bàn xoay dùng tay, vừa dùng khuôn đúc đối với những đồ vật không thể làm bằng bàn xoay được. Ở đây, người ta làm các loại bát nhang; các loại bình cắm hoa; các loại chân đèn; các loại đế đài; những động vật trang trí là: con hạc, con cò trắng... các sản phẩm gốm được đem bán trên các chợ ở Bình Định và Quảng Ngãi.

Phụng Cang: Có 6 người thợ gốm, mỗi người có thể làm 72 đồ gốm mỗi tháng, một số trong đó được tráng men.

Những đồ gốm đều được nắn bằng bàn xoay dùng chân và dùng cho 2 người thợ, trừ những loại bình cắm hoa, thân có 4 mặt thì được làm bằng khuôn đúc. Người ta làm trước nhất là loại liễn đựng đồ ăn; loại hũ có quai; các loại ống nhỏ, các loại bình vôi và các loại bình hoa thân có bốn mặt, được đem bán trên các chợ địa phương và đem tiêu thụ ở tỉnh Quảng Ngãi.

5. Huyện Phù Cát

An Quang: Không sản xuất được hơn 100 đồ gốm mỗi tháng. Có ba thợ làm việc với khuôn đúc chuyên ngành. Lò nung làm theo kiểu lò ngửa. Nét đặc trưng của làng gốm này nằm ở chỗ làm ra những bình bằng đất, được gọi là "carafes

du Bình Định" ("Bình nước của Bình Định") và những bình đựng nước uống theo hình dáng con vịt, cả hai loại đồ gốm này đều có hiệu quả trang trí rất đẹp, mặc dầu không tráng men. Người ta cũng làm những cái chậu trồng cây cảnh hình tám cạnh; và một số con vật trang trí được phủ một lớp men. Rất nhiều thứ trong các sản phẩm gốm này được gửi đi xa bằng thuyền mảnh đến tận Faifo (Hội An), Tourane (Đà Nẵng), Huế và Sài Gòn.

Vinh Trường: Sản xuất khoảng 1000 đồ gốm mỗi tháng, với 20 người thợ. Bàn xoay dùng tay. Lò nung theo kiểu lò ngửa. Các loại đồ gốm đã làm gồm có: loại hũ có quai; loại liên đựng đồ ăn; cối giã tiêu; cái ấm; các loại ống nhỏ; các loại hỏa lò... tất cả đều không tráng men và được đem bán trên các chợ địa phương.

6. Phủ Tuy Phước

Hữu Thành: Làng gốm duy nhất trong phủ, có 17 người thợ. Sản phẩm hàng tháng được từ 5 đến 600 đồ gốm, tất cả đều không tráng men, và được làm ở bàn xoay dùng chân dùng cho hai người thợ. Lò nung theo kiểu lò ngửa. Người ta làm những loại đồ gốm như: những cái ấm; các loại ống nhỏ, các loại nồi, niêu, om; các loại: trà, trách, chảo; những cái vìm; những bình sưởi dùng than... được đem bán trên các chợ địa phương hoặc gửi đi bán ở Sông Cầu.

7. Huyện Hoài An

Cần Hậu: Làng duy nhất trong huyện làm nghề gốm, sản phẩm hàng tháng từ 80 đến 100 đồ gốm, được làm bởi một người thợ duy nhất, với bàn xoay dùng tay và không tráng men. Lò nung theo kiểu lò ngửa. Người thợ chuyên ngành làm ống để xây giếng và những cái lọc đường được đem bán ở trong vùng, chủ yếu là ở Bồng Sơn.

**BẢNG TỔNG HỢP NHỮNG ĐỊA PHƯƠNG KHÁC NHAU
TRONG TỈNH BÌNH ĐỊNH, TẠI ĐÓ NGƯỜI TA LÀM ĐỒ
GỐM, CÓ LỜI CHỈ DẪN NGẮN GỌN**

Làng	Phủ hoặc huyện	Thời đại mà từ đó người ta làm đồ gốm	Vật được làm
1	2	3	4
Thượng Giang	Bình Khê	Minh Mạng năm đầu	Bình hoa thân tròn, thân có 6 hoặc 8 mặt; các loại đĩa; đồ thờ; hũ có quai; ấm; nồi, niêu, om.
Mỹ An		Triều Minh Mạng	Ắng đựng nước; cái liễn (vua) đựng đồ ăn; cái lọc đường; nồi, niêu, om; hỏa lò; cái bông làm lù.
Hữu Giang		Thành Thái năm thứ hai	Ống làm giếng; hũ có quai; nồi, niêu, om; cái thau.
Mỹ Thuận		Thành Thái năm thứ 18	Chậu đựng nước; ống làm giếng; cái bông làm lù; cái liễn đựng đồ ăn; cái hỏa lò.
Trung Thứ	Phù Mỹ	Duy Tân năm thứ 5	Bình cắm hoa và các động vật trang trí.
Trà Quang		Triều Minh Mạng	Nồi, niêu, om; bình; liễn đựng đồ ăn; cái thau; cái ấm.
Điền Tiêu		Khải Định năm thứ 5	Lu, vại, chum; bình; cái ống nhổ, nồi, niêu, om.
Vĩnh Lý		Minh Mạng năm thứ 2	Chậu hình ống; ống để làm giếng; hũ có quai.
Nhạn Tháp	An Nhơn	Minh Mạng thứ 17	Bình vôi; cối giã tiêu; cái ấm.
Nghĩa Chánh		Tự Đức năm thứ 36	Bình vôi, cối giã tiêu.
Thắng Công	An Nhơn	Minh Mạng thứ 7	Chậu đựng nước; hũ lớn có quai; cái ché; cái Ắng...
Tân Thạnh	Hoài Nhơn	Gia Long năm thứ 12	Cái lư hương; bình cắm hoa; động vật trang trí.

Thứ đất được dùng	Bàn xoay	Khuôn đúc	Màu men
5	6	7	8
Đất sét đỏ	Bàn xoay dùng chân cho hai người thợ và bàn xoay dùng tay cho một người thợ.	Sử dụng khuôn đúc hầu như giới hạn chuyên về các mô típ trang trí.	Đỏ gạch, lục, vàng cam.
Đất sét xám	Bàn xoay dùng tay cho một người thợ độc nhất.	Không dùng khuôn đúc.	Không tráng men.
Đất sét vàng	Bàn xoay dùng tay cho một người thợ độc nhất.	Không dùng khuôn đúc.	Không tráng men.
Đất sét xám	Bàn xoay dùng tay cho một người thợ độc nhất.	Không dùng khuôn đúc.	Không tráng men.
Đất sét xám và đất sét vàng	Không dùng bàn xoay.	Sử dụng khuôn đúc chuyên ngành.	Màu đỏ gạch, màu lục, màu vàng cam.
Đất sét xám	Bàn xoay dùng tay cho một thợ độc nhất.	Không dùng khuôn đúc.	Không tráng men.
Đất sét xám và đất sét vàng	Bàn xoay dùng chân cho hai người thợ.	Không dùng khuôn đúc.	Không tráng men.
Đất sét vàng	Bàn xoay dùng tay cho một người thợ độc nhất.	Không dùng khuôn đúc.	Không tráng men.
Đất sét vàng	Bàn xoay dùng chân cho hai người thợ.	Không dùng khuôn đúc.	Không tráng men.
Đất sét vàng	Bàn xoay dùng chân cho hai người thợ.	Không dùng khuôn đúc.	Không tráng men.
Đất sét vàng	Bàn xoay dùng chân cho hai người thợ...	Không dùng khuôn đúc.	Không tráng men.
Đất sét xám	Bàn xoay dùng tay cho một người thợ độc nhất.	Khuôn đúc động vật và đúc bình bông.	Đỏ - gạch, lục, vàng cam.

Làng	Phủ hoặc huyện	Thời đại mà từ đó người ta làm đồ gốm	Vật được làm
1	2	3	4
Phụng Càng	-	Gia Long năm thứ 12	Cái liễn đựng đồ ăn; hũ có quai; cái ống nhỏ; bình vôi.
An Quang	Phù Cát	Khải Định năm thứ 5	Carafe; bình đựng nước có hình con vịt; chậu...
Vinh Trường	-	Thời đại không rõ	Cái hũ có quai, cái liễn đựng đồ ăn; cái cối giã tiêu; cái ấm; cái hỏa lò.
Hữu Thành	Tuy Phước	Triều Gia Long	Cái ấm; cái nồi, niêu, om; cái trách, trà, chảo; cái hỏa lò; cái vìm...
Cần Hậu	Hoài Ân	Gia Long năm thứ 4	Ống tròn để làm giếng và cái muống đường.

II - ĐỒ GỐM KHÔNG TRẮNG MEN

Đồ gốm không tráng men đáp ứng được một nhu cầu thường dùng trong nhà của người bản xứ. Vì thiếu kim loại, nhất là đồng và có thể là vì thích hơn, nên họ đã dùng đất nung, công việc làm đã dễ mà giá cả lại rẻ. Với chất đất họ đã làm ra, ở Bình Định, loại nồi niêu, om để nấu cơm; những cái an, cái vò, cái thổng, cái mai, cái chum, cái vại, cái ghè, cái lu (người Pháp chỉ dịch là "Jarres"), và những cái vại hình ống để đựng nước; những chén bát; những cái hông, hũ, âu, vìm nhiều loại và kích cỡ, đường kính khác nhau; những cái bình chè; những bình vôi để nhai trầu; hoặc những đồ thờ trên bàn thờ tổ tiên; những cái hũ thấp đèn hay còn gọi là thiếp đèn; những chân cây đèn để thấp nển; những cái ống nhỏ v.v... Tất cả những đồ vật ấy, công việc làm ra chúng đã nhanh lại rất sơ đẳng, đem đi bán, rất dễ dàng trên các chợ lớn ở trong tỉnh, với giá vài hào mỗi cái.

Thủ đất được dùng	Bàn xoay	Khuôn đúc	Màu men
5	6	7	8
Đất sét xám và đất sét vàng	Bàn xoay dùng chân cho hai người thợ.	Một khuôn đúc duy nhất (cho bình bông thân có 4 mặt)	Lục, vàng cam.
Đất sét xám	Không có bàn xoay	Khuôn đúc động vật và đúc bình bông.	Đỏ gạch, lục, vàng cam.
Đất sét vàng	Bàn xoay dùng tay cho một thợ độc nhất	Không dùng khuôn đúc.	Không tráng men
Đất sét vàng và đất sét xám	Bàn xoay dùng chân cho 2 người thợ	Không dùng khuôn đúc.	Không tráng men.
Đất sét xám	Bàn xoay dùng tay cho một thợ độc nhất	Không dùng khuôn đúc.	Không tráng men.

Phương cách làm đồ gốm rất đơn giản, chúng tôi đã nói ở trên rồi, và không cần phải thay đổi kiểu mẫu qua các thời đại. Những phương cách ấy là dùng cái bàn xoay hoặc cái khuôn đúc. Hơn nữa, đất được dùng, những dụng cụ thứ cấp trong công việc, cách thức nung lò thì hầu như khắp nơi đều giống nhau.

1. Chất đất, cách làm đất:

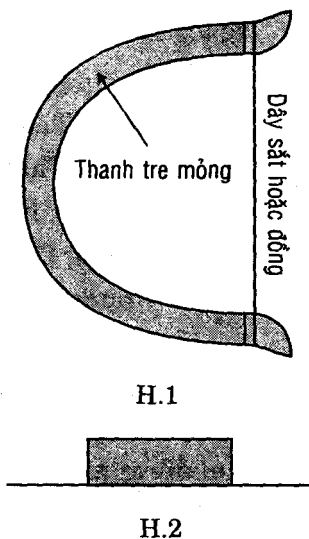
Người ta tìm thấy chất đất này ở trong vùng bên cạnh làng làm nghề gốm, đôi khi ngay ở những vùng đất trực tiếp trong làng; điều này đã để cho người ta giả dụ được rằng chính chất đất, ngay nơi vị trí của nó, đã điều kiện hóa tình trạng làng nghề làm đồ gốm. Chất đất thuộc về loại đá trầm tích này được chỉ dưới cái tên là đất sét. Những loại đất sét được biết đến ở Bình Định đều là những loại đất sét không thuần túy, không một loại nào có khả năng nguyên chất sẵn sàng cho việc làm đồ sành sứ. Theo từng địa vực, người ta dùng đất sét đỏ, đất sét vàng hoặc đất sét xám.

Chất đất sét lấy từ đất ra, người thợ nhào trộn rất lâu với nước lạnh. Ở làng Thượng Giang, đất sét được nhào trộn tới ba hoặc bốn lần khác nhau. Ở làng Mỹ Yên, người ta thực hiện sự nhào trộn một lần thứ nhất: 24 giờ sau, người ta lại làm lại và người ta nhào trộn nhờ vào hai chân đạp và nhờ vào những thanh sắt để xới lên đạp xuống. Ở làng Trà Quang, thì đất sét được phơi cho khô, rồi được đập vụn thành bột đất, sau đó được nhào trộn với nước, và được đập cho dẻo nhờ hai bàn chân. Ở làng Diêm Tiêu, người thợ gốm trộn lộn đất sét vàng và đất sét xám với nhau bằng hai phần bằng nhau, đập tất cả ra cho vụn thành bột, rồi thực hiện việc nhào trộn và thực hiện việc nhào nặn cho dẻo nhờ hai bàn chân đạp trộn; sự trộn lộn hai loại đất sét ấy phải thực hành thật hoàn thiện, để tránh cho các đồ vật bị nứt khi đem nung. Ở làng Trung Thứ đất sét được đem phơi khô dưới ánh nắng; được nghiền thành bột rồi trộn với nước lạnh; để làm đồ gốm thô, thì đất sét sẽ được dùng như thế mà không cần một sự chuẩn bị nào khác thêm; đối với đồ gốm mịn hơn, thì người ta nhào trộn cho đến lúc đất sét trở thành một thứ bùn lỏng, rồi người ta đem lọc rồi gạn sạch.

Tất cả những việc làm ấy đều có mục đích là đem lại cho đất sự chắc nịch và không thể thấm nước được, về sau nhờ đem nung, đồ vật làm bằng chất đất này sẽ rắn chắc lại. Sự không thấm nước và độ rắn chắc là hai điều kiện căn bản của một đồ gốm tốt.

Chất đất được chuẩn bị như vậy sẽ được làm thành những ụ đất lớn mà người thợ sẽ cắt dần dần để sử dụng theo nhu cầu. Chúng ta nên lưu ý từ lúc này rằng: người thợ gốm sẽ cắt ụ đất sét đã được sửa soạn kỹ càng ấy bằng cách dùng một loại dây cung, gồm có một thanh tre cực mỏng uốn cong thành nửa vòng tròn, hai đầu mút được nối lại với nhau bằng một sợi

chỉ bằng sắt hay bằng đồng (H.1). Người thợ nắm dụng cụ ấy bởi phần giữa vòng cung, nhanh chóng đặt sợi chỉ ấy lên đất và ấn xiên xuống. Phương cách cắt đất này vừa đơn giản vừa nhanh chóng. Khi người thợ muốn làm một đồ gốm có kích cỡ nhỏ hoặc trung bình, thì người thợ đặt mẫu đất sét đã được cắt như vậy lên cái bàn xoay. Và tức khắc người thợ làm cho mẫu đất có hình một ống tròn dẹt (H.2). Ngược lại, khi người thợ muốn làm một đồ gốm thô, thì người đó đập dẹp mẫu đất xuống và làm cho nó thành dạng của một khúc dồi lớn dài từ 0,70m đến 0 90m (H.3).



2. Bàn xoay:

H.3

Ở Bình Định, có hai loại bàn xoay rất khác biệt nhau. Một loại là bàn xoay dùng tay và loại kia là bàn xoay dùng chân.

Người ta thấy loại bàn xoay dùng tay ở tại các làng sau đây:

- | | |
|-----------------|------------|
| 1- Thượng Giang | Bình Khê; |
| 2- Hữu Giang | Bình Khê; |
| 3- Mỹ An | Bình Khê; |
| 4- Mỹ Thuận | Bình Khê; |
| 5- Vinh Ly | Phù Mỹ; |
| 6- Trà Quang | Phù Mỹ; |
| 7- Vinh Trường | Phù Cát; |
| 8- Tấn Thạnh | Hoài Nhơn; |
| 9- Cẩn Hậu | Hoài An. |

Người ta thấy có loại bàn xoay dùng chân tại các làng sau:

- | | |
|-----------------|------------|
| 1- Thượng Giang | Bình Khê; |
| 2- Diêm Tiêu | Phù Mỹ; |
| 3- Nhạn Tháp | An Nhơn; |
| 4- Nghĩa Chánh | An Nhơn; |
| 5- Thăng Công | An Nhơn; |
| 6- Phụng Càng | Hoài Nhơn; |
| 7- Hữu thanh | Tuy Phước; |

Bàn xoay dùng tay gồm có hai phần: một phần đứng yên không có một cái gì liên hệ chặt chẽ với mặt đất, và một phần chuyển động xoay quanh trên phần đứng yên ấy. Người ta phân biệt có hai hệ thống: một hệ thống rất đơn giản, chỉ đem lại một sự vững chắc tương đối cho phần chuyển động, đó là hệ thống bàn xoay làng Cẩn Hậu; hệ thống kia, có phần phát triển hơn, cho phép phần chuyển động có một sự xoay tròn bền vững theo một mặt phẳng rất ngang bằng, đó là hệ thống bàn xoay của làng Trà Quang.

Trong hệ thống bàn xoay làng Cẩn Hậu, phần đứng yên gồm có một trụ chần bằng gỗ khối dùng làm đế, vuông hoặc chữ nhật gọi là "cái ơ". Kích thước "cái ơ" này thay đổi tùy theo các làng: 12 x 12 x 12 ở làng Cẩn Hậu; 28 x 28 x 17 ở làng Tấn Thạnh; 25 x 25 x 25; ở làng Thượng Giang. Ở mặt trên và chính giữa của trụ chân, người ta đóng cứng một cái chốt có phần trên đầu tròn, cao một centimét gọi là "cái chốt" hay "cái ngỗng" làm bằng gỗ "xoáy" hoặc bằng một cái sừng bò.

Cái bàn xoay gọi là "cái chày", rất thường làm bằng gỗ mít, là một tấm ván đơn giản bằng gỗ có hình tròn và dày dặn; ở giữa trung tâm tấm gỗ hình tròn này người ta đục một cái lỗ sâu đến nửa bề dày của nó, "cái ngỗng" sẽ đội lọt vào ở đó và ổ này sẽ xoay quanh cái ngỗng ấy. Những kích thước về

bán kính và độ dày của bàn xoay là như sau: Cẩn Hậu: 0,48 x 0,48; Tấn Thạnh: 0,42 x 0,45; Bình Khê: 0,60 x 0,04. Sau đây người ta sẽ thấy sự bất tiện của hệ thống này: cái bàn xoay, được đặt không chính xác lắm trên đầu cái ngổ, cho nên nó xoay thành một mặt phẳng không cân đối. Người ta chỉ làm được những đồ gốm mà trung tâm đường sinh bên trên không luôn luôn quay trên trục đứng xuyên qua bởi trung tâm của đường sinh bên dưới.

Trong hệ thống bàn xoay của làng Trà Quang, ngược lại, thì chuyển động quay trong cùng một mặt phẳng được bảo đảm theo một cách gần như toàn bích, nhờ vào hai cái ngổ đồng tâm. Trong hệ thống này, phần đứng yên gồm có một trụ chân bằng gỗ khối hai tầng: một cái đế vuông và được đẽo thành hình một cách thô sơ, với một tầng hình tròn ở trên tầng vuông ấy được đẽo bào trơn láng một cách cẩn thận.

Tầng đế hình tròn này được đục hạ xuống một đường xối chạy vòng quanh theo chu vi, qua các điểm cách độ một phần ba đường kính của nó. Hai bên sườn đường xối vành khăn này được đục xiên khép dần để cho đáy xối uốn cong mà nhô lên ở trung tâm để tròn, nơi nhô lên này được dùng làm "cái ngổ" thứ nhất, đầu "cái ngổ" hơi cao hơn bề mặt bằng phẳng của tầng đế tròn này. Phần bờ bên ngoài đường xối của tầng tròn cũng như để giữ vai trò làm nhiệm vụ "vòng ngổ" thứ hai.

Cái bàn xoay, như vừa nói ban nãy, là một tấm gỗ hình tròn dày dặn mà xung quanh cái hốc trung tâm dành để nhận cái ngổ thứ nhất của tầng đế tròn, thì còn có một cái rãnh được đục hạ xuống chạy quanh ở khoảng một phần ba đường kính của bàn tròn. Giữa hốc trung tâm và rãnh xối là phần gỗ còn lại tạo thành hình vành khăn nổi mà sườn đục xiên hai bên hình vành khăn nổi sẽ được ráp trùng khít rất chính xác với các sườn đường xối chạy quanh trung tâm của tầng đế tròn

đã nói trên. Chính trong rãnh xối của bàn xoay lại nhận "vòng ngỗng" thứ hai của tầng đế tròn, việc ráp mộng này bảo đảm cho bàn xoay có sự bền vững chắc chắn trong lúc quay, thật toàn hảo vậy.

Những kích thước của hệ thống bàn xoay thứ hai cũng gần gần giống như kích thước của hệ thống bàn xoay thứ nhất.

Bàn xoay dùng chân cần thiết phải có hai người thợ, một người tác động bàn xoay nhờ sự hỗ trợ của cái chân người đó; trong khi người thợ kia đang nắn đất ở trên bàn xoay. Chỉ để hình thành một loại duy nhất bàn xoay dùng chân, thì đã phải gồm có ba thành tố căn bản chính yếu rồi: một cái ngỗng, một ống tròn, một cái bàn hình tròn.

Cái ngỗng là một cái cọc gỗ đơn giản, bào láng, có dạng hình nón và được đóng chắc vào đất, ở một cái hố đặc biệt dành cho bàn xoay dùng chân. Cái ống hình viên trụ rỗng quay xung quanh cái ngỗng này là một đoạn thân tre to bậm, cửa chẻ vút bỏ một phần giữa, chứa hai phần hai bên lại. Phần ống tre này được đóng chặt vào bàn xoay nhờ một đà ngang nhỏ bằng gỗ đã được đóng dính cứng vào giữa phần bên dưới của bàn xoay với hai vách kẹp của ống tre. Cái bàn xoay thì vẫn có cùng hình dáng và có cùng loại gỗ như bàn xoay dùng tay. Tuy nhiên những kích thước đều lớn hơn rõ ràng. Những kích thước của bàn xoay, đường kính của cái bàn, chiều cao của ống hình viên trụ như sau: 0,90 x 0,60 x 0,70 ở làng Hữu Thành; 0,70 x 0,70 x 0,75 ở làng Thượng Giang; 0,63 x 0,57 x 0,80 ở Diêm Tiêu; 0,60 x 0,60 x 0,70 ở Nhạn Tháp, Nghĩa Chánh và Thành Công. Như người ta thấy, khắp nơi là gần có cùng kích thước với nhau.

3. Lò nung:

Có hai loại lò nung: lò "ngửa" và lò "sấp". Cả hai thứ lò đều được làm bằng đất thường nện chắc, có trộn thêm một ít đất sét.

Loại lò ngửa biểu thị hình dáng của một hình ống đứng thẳng, thường nhất là có phình ra ở phần dưới của lòng. Cũng có đôi khi, những vách lò, thay vì đứng thẳng, lại được xây xiên, và lò nung có dạng một thân cây hình nón. Dưới phần chân lò nung, có trở nhiều cửa một số lượng và kích thước thay đổi tùy theo các làng. Có 2, 3, 4, 6 hoặc cả đến 12 cửa, bằng những cửa này người ta đun những khúc củi lớn dùng để đun lò. Ở chiều sâu đáy lò, người ta bố trí vài bức tường nhỏ bằng gạch và những đồng đồ gốm cũ bị vỡ, những đồ gốm mới được sắp lên trên đó để nung. Đồ gốm được đưa vào lò bởi phía đỉnh lò mở toang theo đường kính của lò. Ngay khi đồ gốm đã sắp đặt xong, người ta phủ lên chúng một lớp rơm ẩm ướt trộn lẫn với đất, để bịt kín miệng lò lại và người ta đốt lửa từng cửa lò bên dưới.

Những kích thước về chiều cao và đường kính của lò ngửa thay đổi tùy theo nơi: 2m x 1m20 và 3 cửa lò để đun củi đốt ở Trung Thứ; 1m10 x 1m6 và 6 cửa lò ở Trà Quang; 1m20 x 2m00 và 12 cửa lò ở Vĩnh Lý; 2m10 x 1m60 và 4 cửa lò ở Cẩn Hậu; 1m20 x 1m50 và 2 cửa lò ở An Quang.

Loại lò sắp lớn hơn lò ngửa. Loại lò sắp cao hơn và có hình dạng khác hẳn. Nó biểu thị hình dáng bên ngoài, hoặc là hình một nửa quả trứng (quả trứng bố đôi theo chiều dài) nằm úp sấp lên mặt đất, hoặc là nửa khúc thân cây có hình nón nằm úp sấp, các vách thành lại đập bẹt ra một cách rõ ràng. Lò sắp chỉ có một cửa ở một trong hai đầu, do cửa này mà đồ gốm đã đưa vào chất trong lò trước khi nung; và cũng do cửa này mà người ta đốt lửa để nung. Ngoài ra, lò còn biểu thị ở cực đối, phía trên cao nhất, một loạt các lỗ nhỏ dùng để thông gió. Những kích thước về chiều cao, chiều rộng và chiều dài là: 2m40 x 1m80 x 4m40 ở Diêm Tiêu; 2m80 x 1m60 x 2m00 ở làng Tân Thanh; 2m80 x 2m00 x 2m00 x 3m50 ở làng Thăng Công...

Hai loại lò ấy đã sử dụng hai cách nung khác nhau rõ ràng. Ở loại lò ngửa, việc nung gốm rất nhanh. Thời gian đun lò, tùy theo loại đồ gốm, số cửa để đun củi, và cường độ nung nóng một kéo dài từ 6 đến 24 giờ: 6 giờ ở Cẩn Hậu, 6 giờ ở Thượng Giang; 12 giờ ở Nhận Thành; 12 giờ ở Nghĩa Chánh; 24 giờ ở Vĩnh Lý và Vĩnh Trường. Ngọn lửa liếm trực tiếp vào đất của đồ gốm. Bởi vậy để tránh những vết cháy xém quá nặng, người ta đặt tạm những mảnh vỡ của đất nung cũ vào giữa ngọn lửa và đồ gốm mới làm đem nung. Tuy nhiên, sự hao hụt của mỗi lứa nung vẫn khá cao. Sau khi nung, người ta để cho đồ gốm nguội dần đi ở trong lò suốt nhiều ngày.

Ở loại lò sắp ngược lại, việc đun lò nung kéo dài rất chậm: một lứa nung kéo dài từ 48 đến 72 giờ: 48 giờ ở Diêm Tiêu; 48 giờ ở Tân Thành; 72 giờ ở Thăng Công. Những ngọn lửa đốt ở cửa lò duy nhất không bao giờ liếm vào đồ gốm. Thực vậy, nếu nhìn chiều dài của lò và lỗ thông hơi của chiều dài ấy, thì ngọn lửa phải chạy theo chiều dọc bằng cách chạy lướt qua sát vách bên trong ở bên trên lò, vậy nên, lửa chạy qua bên trên đồ gốm. Tỷ lệ hao hụt do vết cháy xém nhờ vậy đã thấp thua ở hệ thống lò nung trước rất nhiều; nhưng thời gian nung lại quá dài, cho nên hệ thống lò nung thứ nhất, dù có sự bất tiện của nó, song vẫn là hệ thống được dùng nhiều nhất.

4. Dụng cụ thứ cấp để làm việc

Đây chính là những dụng cụ cực kỳ đơn giản, gồm có một thanh tre cắt mỏng được chuốt vót theo công dụng mà mỗi thứ được nhắm đến. Những dụng cụ này như: cái thước, cái cung, cái khọt, cái bẻ để làm lạng, cái dùi nhọn để vạch, dùng cho việc làm thông thường của tất cả các loại đồ gốm. Những dụng cụ khác thì được dùng một cách chuyên biệt cho sự trang trí đồ gốm, mà các loại đồ gốm này có thể được tráng men hoặc không tráng men. Vì ngay cả trên các loại đồ gốm thiết dụng

đầu tiên như nôi, niêu, om, nôi bung, ấm, lu, vại, ché... đôi khi người thợ cũng vạch lên đó một mô típ trang trí đơn giản để tô điểm thêm cho mặt gốm.

Cái thước: Đây chính là một cái thước bằng gỗ có chiều dài 0m70, chính giữa có đục một cái lỗ nhỏ, một trong hai đầu được trang bị một cái vạch. Dụng cụ này được dùng để làm những bông giếng. Dụng cụ này dùng để vạch lên đất một vòng tròn, xung quanh vòng tròn này, người thợ nắn lên cái đồ gốm nhờ hai bàn tay không dùng bàn xoay cũng chẳng có khuôn đúc.

Cái cung: Dụng cụ này dùng để cắt đất sét.

Cái bê để làm láng: để làm láng mặt ngoài của đồ gốm. Dụng cụ này được nắm xiên cà vào đồ gốm trong khi bàn xoay đang chạy (không có tên đặc biệt chỉ dụng cụ này).

Cái khót: Một cái vòng tròn nhỏ bằng tre dùng để đeo phác bên trong đồ gốm. Người thợ cầm cái khót cà vào vách trong lòng cái đồ gốm, trong khi bàn xoay vẫn đang xoay; những nốt sần sùi của công việc mới làm sơ khởi được đeo gọt bởi hai bên vành của vòng tròn nhỏ ấy.

Cái dùi nhọn để vạch: Dùng để vạch những đường tròn trên đồ gốm, xung quanh cổ hoặc bụng của đồ vật. Cũng dùng để tách vật gốm đã làm xong ra khỏi bàn xoay.

Cái dùi nhọn để vạch: Đầu mút ghi chữ A dùng để vạch những rìa các ngọn lá, các hoa dùng trang trí một số vật gốm ngay cả loại không tráng men; đầu mút ghi chữ a dùng vạch các đường gân lá.

(Phụ bản XXII, G): Một đoạn tre đơn giản, chuốt tròn để làm các dấu in. Dấu in này lặp lại theo các hình ghi chữ E, e e' e"... đã cho những chuỗi hoa đẹp xung quanh những đồ vật gốm.

(Phụ bản XXIII, H): Dùng để vẽ những vảy cá, vảy rồng... với dụng cụ ghi chữ A, người ta vẽ những dấu đậm ghi số 1, 2, 3...; với đầu dụng cụ ghi chữ a, người ta vẽ những dấu nhỏ hơn, đặt vào giữa những dấu trước.

(Phụ bản XXIII, I): Dụng cụ này dùng để vẽ hình những cái lông trên cánh các con chim.

(Phụ bản XXIII, J): Dụng cụ này dùng để vẽ các đường hồi văn. Với đầu có ghi chữ A, người thợ đã vạch những đường dài của hoa văn; với đầu ghi chữ a, người thợ vạch những đường ngắn (xem Phụ bản XXIII, J').

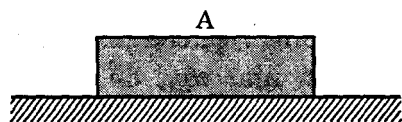
(Phụ bản XXIII, K): Dụng cụ này dùng để tạo hình chân cóc, chân chim... Phần để nổi lên giữa các dấu ấn tượng hình dấu chân.

5. Nghiên cứu cách làm một vài đồ gốm ở làng Trà Quang

Làng Trà Quang thuộc huyện Phù Mỹ, làm nghề gốm từ triều Minh Mạng. Một người thợ độc nhất còn sống ở trong làng. Ông ta làm nghề với sự giúp đỡ của bà vợ và người con dâu của ông. Gia đình ông đã làm nghề đồ gốm từ ba đời nay. Tổ tiên ông đã học được nghề từ những người lạ mà người ta không biết họ từ đâu đến.

Đất được dùng là loại đất sét xám mà người ta tìm thấy ở xóm Bào Ghe thuộc chính làng Trà Quang. Cũng như chúng tôi đã có nói qua làng này ở trước rồi; người thợ đã sửa soạn đất bằng cách đập nó thành bột vụn, bằng cách trộn đất với nước, và nhồi đảo thứ đất đó nhiều lần nhờ vào chân đạp, để đem lại cho thứ đất sét ấy tính chất có phần sạch sẽ, có sự cứng chắc, và nếu cần thì cũng không thấm nước được.

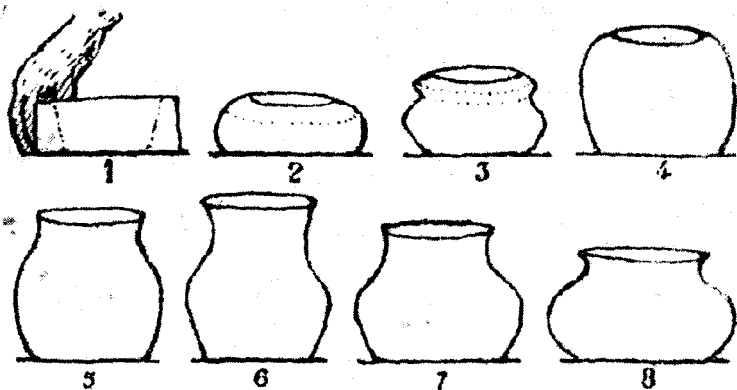
Người thợ ngồi xổm trước bàn xoay (bàn xoay dùng tay và dùng cho một người thợ độc nhất), đặt lên bàn xoay một mẩu đất mà người thợ đã làm



H.4

tròn đi và làm dẹp xuống tức khắc với bàn tay của ông (H.4). Ông ta đẩy bàn xoay và khởi sự nắn hình dạng đầu tiên cho đồ gốm bằng cách móc sâu vào mẩu đất. Sự thực hành bắt đầu một cách đơn giản bằng cách đặt ngón tay cái lên điểm A (trên hình vẽ số 4) và trong lúc đó thì ông ta dựa vào bàn xoay. Giữa các vách của đồ gốm và các ngón tay của ông, người thợ nắn cho hiện dần ra hình dạng vật đồ gốm, người thợ gốm đã cầm một cái giẻ lau luôn luôn ướt suốt trong thời gian làm việc.

Để xoay ra cái ấm chẳng hạn; thì người thợ phải trải qua những công đoạn khác nhau sau đây (H.5).



H.5

Sau công đoạn 3 là công đoạn mà người thợ phác họa ra hình cái bình, và đã nắn ra những mép bình; đột nhiên người thợ cho vươn lên những cái vách, vừa thay đổi hoàn toàn cục

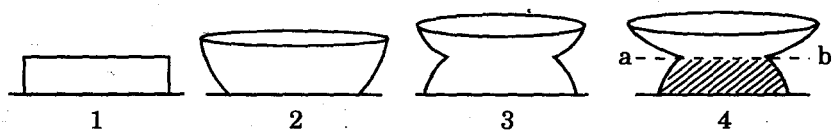
diện công việc của ông. Người thợ tiến hành phương cách đó, ông tin như vậy, để đem lại những vách của cái bình mịn màng hơn và chắc chắn hơn. Nhưng người ta lại tự hỏi, tuy thế, tại sao người thợ lại không chạm lại để làm những cái vành mép.

Đến công đoạn 6 hoặc 7, người thợ làm láng phía trong và phía ngoài. Cái đồ gốm của ông ta nhờ vào cái bê để làm láng đã miêu tả ở trên. Trong khi cái bàn vẫn xoay, người thợ đặt bàn tay phải nắm dụng cụ lên những đường vách của cái đồ gốm, hoạt động này sẽ lấy toàn bộ những rìa xờm đi.

Cái ấm đã được nắn xong; người thợ găm sát đáy vật đồ gốm một cái dùi tre và làm cho cái bàn xoay một vòng cuối cùng bằng cách giữ lấy cái dùi tre ở trong đất, hoạt động này sẽ tách rời đồ vật gốm ra khỏi cái bàn xoay hoàn toàn.

Người thợ cũng dùng một phương cách thứ hai hoàn toàn khác để tách đồ vật gốm. Phương cách đơn giản, nằm trong việc cắt ngang phần đất sét mặt bàn xoay nhờ một đoạn dây thép hoặc dây đồng do người thợ cầm căng ra.

Cái vung được làm ra một cách nhanh chóng như sau (H.6).

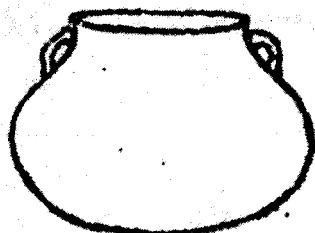


H.6

Sau công đoạn 4, người thợ cắt theo a - b, thêm vào một cái nút nhỏ bằng đất để làm núm cầm, thế là cái vung đã xong xuôi, người thợ đập tạc cái vung lên cái ấm đã làm, xong từ trước, tuy nhiên thường đúng với nhau hơn là sai lệch, vì nếu không có thước, người thợ gốm đã bỏ tấc vào sự thiếu

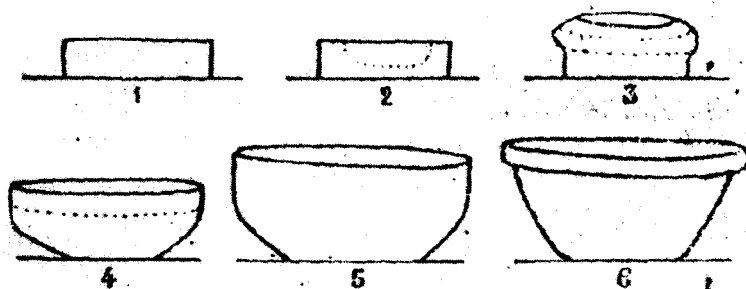
thước đo ấy bằng một cái liếc mắt áng chừng nhờ thói quen kinh nghiệm đã lâu ngày.

Bằng cách gắn thêm hai cái quai vào hai bên cái ấm, bằng cách giảm thiểu chiều rộng và độ nghiêng của những cái mép ở trên, thì người ta có được cái niêu (H.7). Bằng cách tăng những chiều kích của cái niêu và hoàn toàn giữ lại những đường nét như vậy, thì người ta có cái nôi.



H.7

Đối với cái chậu, thì người thợ phải trải qua các công đoạn sau (H.8).



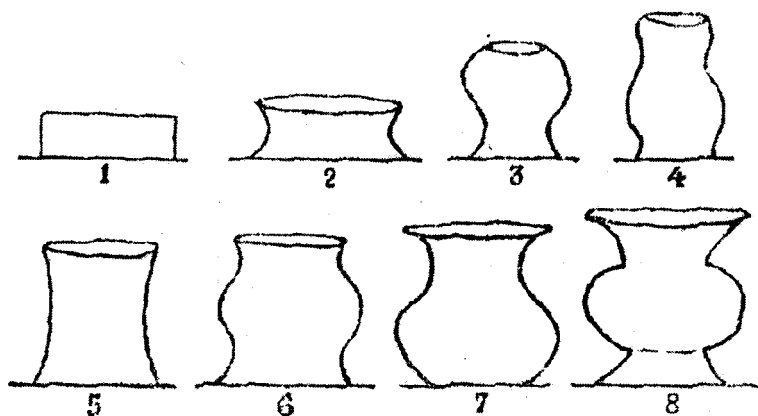
H.8

Tất cả những đồ vật gốm này được đem phơi khô dưới một nhà kho có mái lợp nhưng bốn bên đều trống. Khi đất đã khá khô, thì các đồ gốm này được đem sắp vào lò nung, người ta phủ lên chúng một lớp rơm rạ ẩm ướt và trộn với đất thường, người ta nung trong khoảng 24 giờ, lượt nung lò xong, người ta để yên như thế cho tất cả nguội đi trong năm ngày, sau đó người ta lấy các đồ gốm đã nguội ra. Tất cả đều có màu hạt dẻ sáng.

6. Nghiên cứu cách làm một vài đồ gốm ở làng Hữu Thành

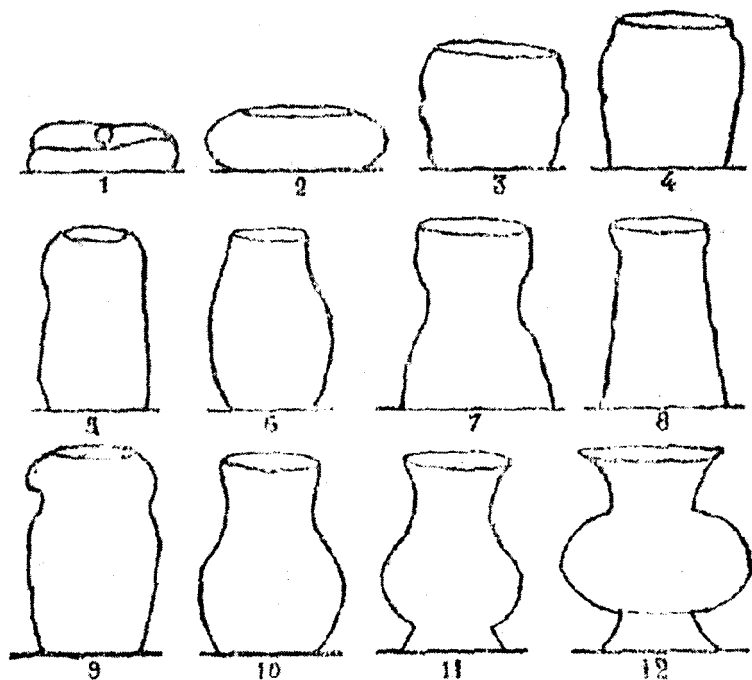
Làng Hữu Thành, ở phủ Tuy Phước, làm nghề gốm từ triều Gia Long. Mười bảy người thợ làm việc ở làng này, thì họ đều học nghề từ tổ tiên họ truyền lại. Đất dùng là đất sét vàng và đất sét xám lấy trong vùng ở bên cạnh. Họ cũng dùng đất sét đỏ, nhưng rất ít khi dùng. Người thợ gốm sửa soạn đất như đã nói ở trước, bằng cách trộn đất sét với nước và nhồi xáo nhiều lần. Để làm các vật dùng bằng gốm họ đã dùng cách thức như ở làng Trà Quang, nhưng ở đây họ dùng bàn xoay dùng chân.

Để làm một cái ống nhỏ chẳng hạn, người thợ ngồi xổm trước cái bàn xoay; trong lúc người phụ việc làm cho cái bàn xoay quanh nhờ cái chân ẩm; đặt lên bàn xoay một mẩu đất sét mà ông ta đã ấn lõm xuống với ngón tay cái của mình. Sau đó người thợ tiếp tục công việc bằng cách luôn luôn giữ lấy một cái khăn ướt giữa những ngón tay của ông ta và đất sét mà ông ta đang nắn, cứ như vậy, người thợ làm việc qua nhiều công đoạn khác nhau như sau (H.9).



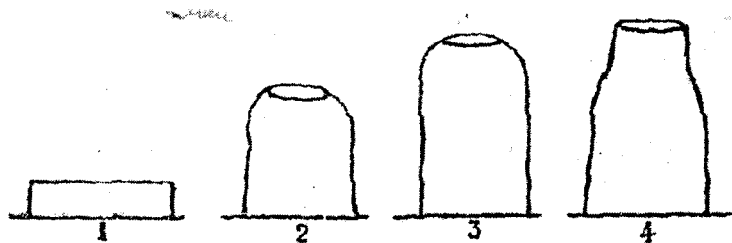
H.9

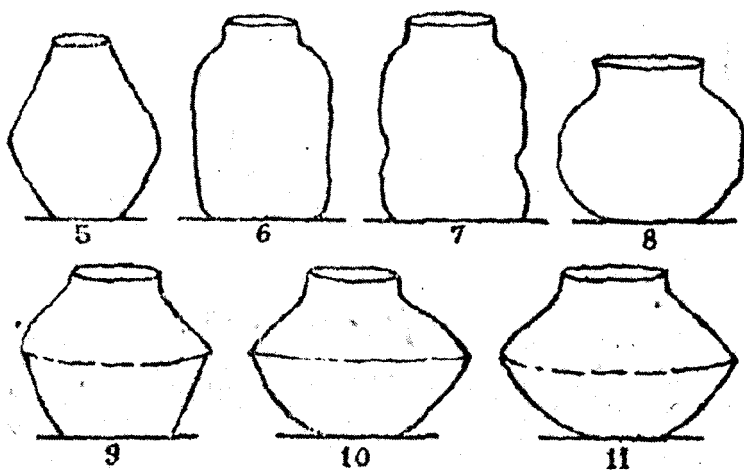
Để làm một cái ống nhỏ lớn hơn, thì trước tiên người thợ bắt đầu bằng cách làm một khúc dồi bằng đất dài từ 80 đến 90cm. Người thợ đặt khúc dồi ấy lên bàn xoay và bẻ tròn lại, sau đó tiếp tục công việc (H.10).



H.10

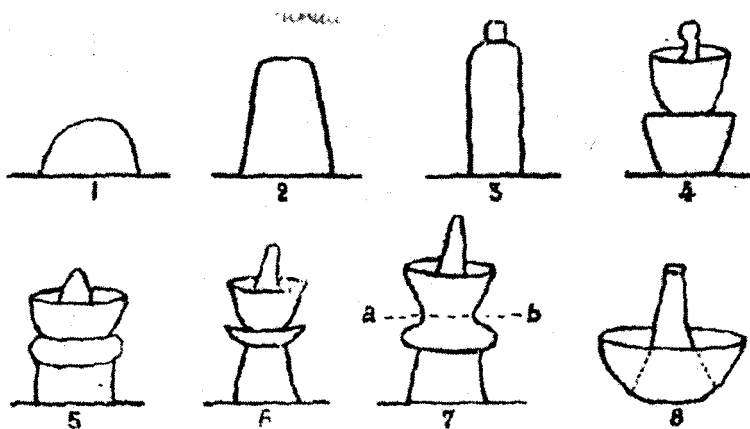
Nhiều công đoạn khác nhau để làm một cái nôi (H.11)





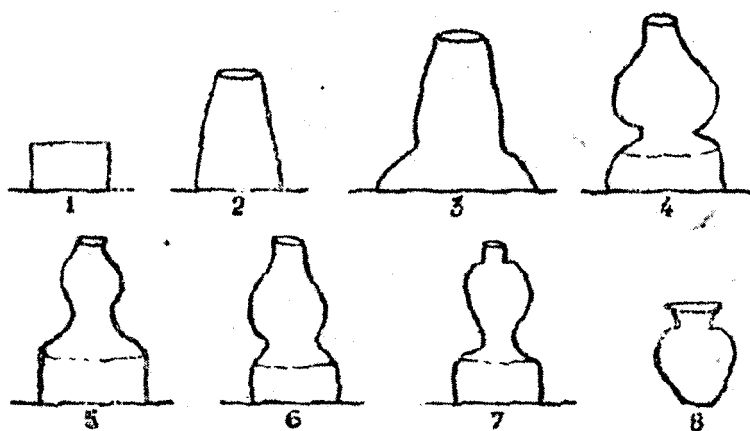
H.11

Nhiều công đoạn khác nhau để làm một cây đèn (H.12)



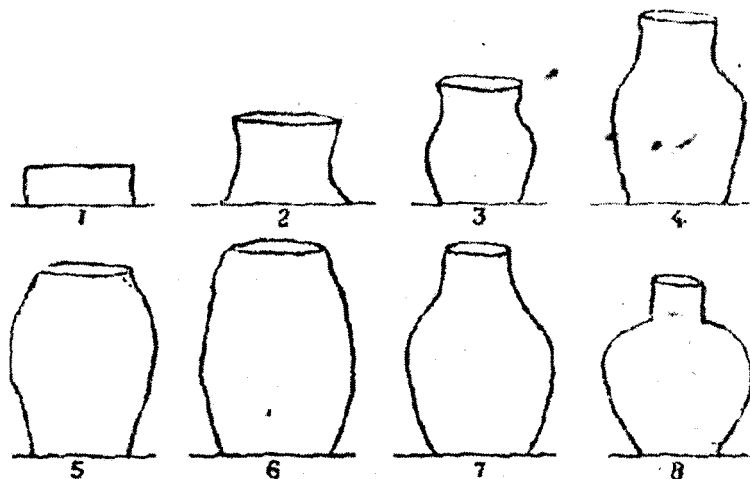
H.12

Nhiều công đoạn khác nhau để làm một hũ vôi (H.13)



H.13

Nhiều công đoạn khác nhau để làm một cái thổng (H.14)



H.14

7. Danh sách những đồ gốm không tráng men được sản xuất ở Bình Định:

Cái nôi

Cái vệm (cái trình)

Cái nồi rang	Cái âu
Cái nồi bầu	Cái bình vôi
Cái niêu	Cái ống nhỏ
Cái ôm	Cái cối tiêu
Cái chảo	Cái nồi đốt giấy
Cái trã	Cái bưng bình
Cái trách	Cái lư hương
Cái vùa	Cái cây đèn
Cái chậu rửa	Cái đài
Cái thau	Cái cộc để đèn
Cái ấm	Cái hũ thấp đèn
Cái khuônng bánh xèo	Cái thiếp đèn
Cái ang	Cái ché
Cái vò	Cái ảng (cái thùng)
Cái thống	Cái bình đựng nước
Cái mai	Con vịt đựng nước
Cái chum	Cái bọng xây giếng
Cái vại	Cái bọng làm lù
Cái ghè	Cái muống đường
Cái lu	Cái lò
Cái hông (cái chõ)	Cái bếp (cái kiềng ông táo)
Cái hũ	Cái rá lò

III - ĐỒ GỒM TRÁNG MEN

1. Cách làm

Hai làng Trùng Thử và Thượng Giang đã nổi tiếng ở địa phương và còn được coi là những làng làm đồ gốm tráng men

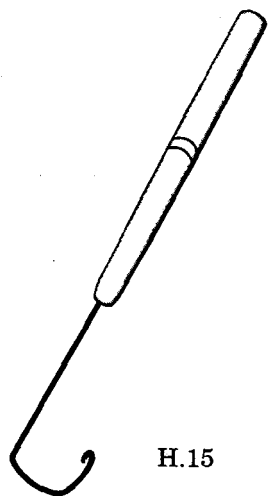
đẹp nhất trong toàn miền nam Trung Kỳ. Nếu phương cách tráng men và hợp chất men của họ giống in nhau, thì họ lại có cái đặc trưng của mỗi làng trong loại đồ gốm khác nhau một cách rõ ràng. Làng Trùng Thứ ở huyện Phù Mỹ, sản xuất những động vật để trang trí như: sư tử, con cóc, con cò, chim én, con cá, con rùa v.v... và những lọ độc bình cắm hoa có thân tròn, hoặc thân bình có 4, 6 và 8 mặt; những dụng cụ cần thiết cho công việc làm gốm của họ, thì thông dụng độc chuyên là những cái khuôn. Ở trước chúng tôi đã nói rằng làng Trùng Thứ không dùng bàn xoay.

Làng Thượng Giang ở huyện Bình Khê thì nét đặc trưng trong sản xuất của họ là làm những cái thúng lớn cao có chân, những cái vìm và những vật đồ thờ. Họ cũng làm những lọ độc bình cắm hoa có thân tròn và thân có 4, hoặc 6 mặt. Tất cả những vật gốm này đều được nắn trên bàn xoay và hoàn thành bằng tay. Công việc đầu tiên của đồ gốm nắn trên bàn xoay hoặc đúc khuôn là bắt buộc tuyệt đối phải có đối với tất cả những đồ gốm tráng men này, thì cũng như cách nắn đồ gốm đã nói ở trước đối với việc sản xuất những đồ gốm không tráng men. Đồ gốm sau khi đã hoàn tất định hình trên bàn xoay hoặc nhờ khuôn đúc, được đem nung ở lò nung lượt đầu tiên; rồi đem gốm ấy ra tráng men và đặt vào lò nung lại.

Người ta đã biết và đã dùng ba loại men có màu: đỏ, vàng, lục. Để chế tạo được các loại men này, người ta dùng mặt đồng, chì, sơn với một loại đất sét trắng gọi là đá trắng⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Phòng thí nghiệm ở các hầm mỏ ở Hà Nội (1927) đã có mỹ ý phân tích giúp cho tôi hai mẫu nhỏ sơn và đá trắng. Kết quả các thành phần hóa chất trong đó là như sau:

	Sơn	Đá trắng
Bị bay hơi khi nung khô	10.2%	3.4%



H.15

Chất chì được nấu chảy trong một cái nồi bằng đất nung, người ta đun trong 5 hoặc 6 giờ đồng hồ; suốt trong thời kỳ đun nấu, người thợ luôn luôn xáo trộn khối lượng chì nóng chảy với một cái móc bằng sắt tra vào một cái cán bằm bằng gỗ (H.15), cho đến lúc chất chì này trở thành khô và có dạng của một chất bột màu đen nhạt. Nói chung, đây chính là một sự ôxy hóa hoàn toàn chất chì theo những phương cách sơ khai. Chất bột thu được: ôxyt chì thấp đem hòa với nước trong một

cái nồi thứ hai; người ta đã lắng cặn; chất lắng cặn thu được sẽ dùng để chế thành nước men.

Mặt đồng cũng được nấu như chất chì theo cùng phương pháp đó. Người ta cũng đun lên trong 5 hoặc 6 giờ, người ta cũng được protoxyde đồng mà người ta sẽ đem hòa với nước, và người ta cũng gạn như ở trên.

Sơn thì trước tiên được rửa vào trong thùng nước đầy, rồi người ta đem nghiền nhỏ, rồi tán thành bột. Sau đó chất bột này được trộn hòa với nước và người ta đem gạn lọc để lấy chất cần có.

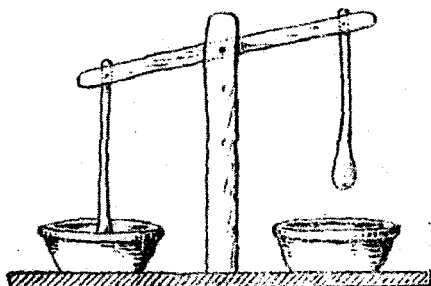
Đá trắng được nghiền ra, tán thành bột và người ta đem rây để lấy chất bột thật mịn.

Silice	32.5%	73.8%
Alumine	17.2%	14.0%
Ôxyt sắt	35.7%	0.6%
Chất vôi	0.5%	0.7%
Magnésie	0.3%	0.2%

Sự trộn lẫn những sản phẩm khác nhau ấy sẽ cho men vàng, đỏ hay lục theo tỷ lệ hòa trộn và các sản phẩm hòa trộn giữa chúng.

Men vàng	protoxyde chì:	2 phần
	đá trắng:	3 phần
Men đỏ	protoxyde chì:	2 phần
	đá trắng:	2,5 phần
	Sơn:	1 phần
Men lục	protoxyde chì:	2 phần
	Đá trắng:	2 phần
	protoxyde đồng:	0,5 phần

Sự hòa trộn được chuẩn bị theo các tỷ lệ ấy được đem đổ vào một cái nôi. Người ta đổ vào đấy một lượng nước và khuấy tất cả rất mạnh nhờ một dụng cụ gọi là bàn tán nước thuốc (H.16) trong gần 15 phút để cho chất hòa trộn ấy trở thành một chất lỏng điều hòa, không còn làm gì hơn là đem lọc làm cho trong sáng chất nước men.



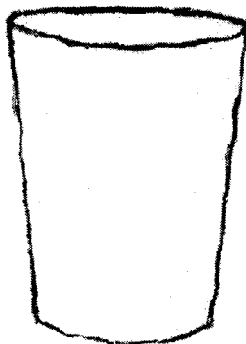
H.16: Bàn tán nước thuốc

Trước tiên người thợ phết cho đồ gốm của mình một màu đồng nhất, thường là màu vàng, bằng cách rót nước màu lên đồ gốm nhờ một cái chén nhỏ. Nước màu chảy đầm đìa bằng dòng chảy nơi này nơi kia, và chứa lại nhiều phần không nhuộm nước màu. Xong, người ta để cho nó khô đi ngoài không khí thoáng dăng; tiếp theo sau đó, với một cái "pinceau" bằng xơ dừa, người thợ vẽ bằng màu lục hay màu đỏ lên nhiều mô típ trang trí khác nhau đã được cái đỉnh tre nhọn vẽ vào đồ gốm.

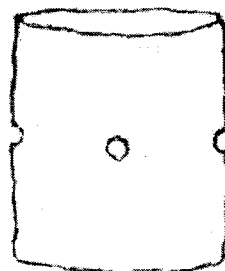
Người thợ lại để cho nước màu khô đi lần thứ hai, vẫn để các đồ gốm ấy ngoài không khí thoáng đặng; sau đó đồ gốm được đặt vào lò nung. Trong lúc nung; lượt nung kéo dài từ 18 đến 24 giờ; chất men, dưới tác dụng của lửa, đôi khi chảy thành những vệt dài; những nơi có nước màu vàng trở thành có men màu vàng cam, rồi đến tác dụng của màu đỏ trong khi đó thì màu lục sáng ánh lên. Kết quả thu được có một màu rất dễ chịu.

Để thăm dò, giám sát lượt nung, thỉnh thoảng người thợ gốm đã mở một cửa nhỏ ở vành lò để xem tình trạng của nước men, và ngay tức khắc người thợ liền đóng bít cửa lò lại.

Trong khi nghiên cứu hình dạng lò nung, chúng ta đã thấy rằng kiểu "lò sập"; nếu thời gian lượt nung kéo quá dài; biểu thị những thuận lợi đáng kể hơn "lò ngửa"; bởi vì theo một cách nào đó, lò sập tránh được mọi vết cháy nám trên đồ gốm. Thế nhưng một



H.17
Kiểu được dùng
ở Thượng Giang



H.18
Kiểu được dùng
ở Trung Thứ

số trong các làng, và không phải là thiểu số, đặc biệt đáng lưu ý hơn cả là hai làng Trung Thứ và Thượng Giang, vẫn nung đồ gốm tráng men của họ trong các lò ngửa. Để tránh những vết cháy nám của lửa tạo ra trên lớp men; các thợ gốm đã bao quanh mỗi đồ vật bằng gốm men ấy một lớp bảo hộ bằng đất nung (H.17 và H.18). Ngọn lửa tấp hỗn đã dừng lại xung quanh lớp đất nung bảo hộ ấy mà không làm hại tới lớp men.

Sau lửa nung, người ta để lò nung nguội dần, và tiếp theo sau khi lò nguội người ta lấy đồ gốm nung ra.

2. Sự trang trí

Những đồ bình cầm hoa có thân tròn thường được trang trí hình một con rồng nổi lên giữa những đám mây, rồng lượn quanh cả thân bình. Đôi khi con rồng được thay bằng một loạt những cái hoa rải rác. Trên thân bình màu đỏ, người ta vẽ con rồng màu vàng; những cái hoa lại được vẽ màu xanh lục; Trên thân bình màu vàng, người ta vẽ hình rồng màu đỏ. Trên thân bình màu lục, những cái hoa được vẽ màu đỏ. Những bình hoa có 4, 6 hoặc 8 mặt thì mỗi mặt được trang trí một bó hoa chen lẫn với một bụi tre, hoặc hình một con nai dưới một cây tùng (tùng lộc), hoặc hình một con chim trên cành hoa mai (mai diều); hoặc hình một chữ Hán. Cũng những điều đáng lưu ý này thì ở trước chúng tôi đã nói khi đề cập đến màu sắc rồi.

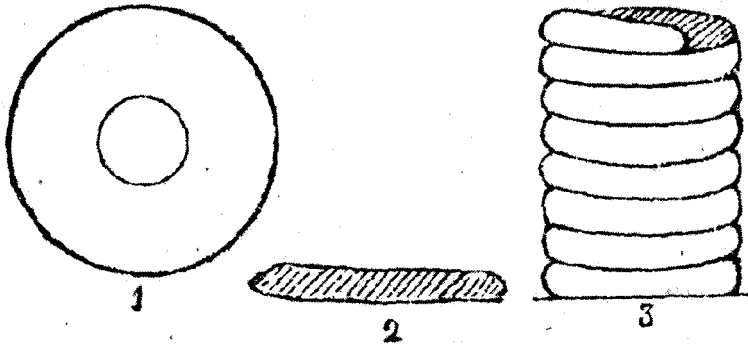
Khi một vật gốm không mang một sự trang trí hình nổi nào, thì người ta trang trí nó bằng cách vẽ đường trên toàn bộ xung quanh cái bình với những mô típ đơn giản: đường thẳng đơn giản hoặc đường thẳng ghép đôi, đường thẳng gấp khúc, đường thẳng gãy góc thành hình tam giác, một loạt chấm tròn, đường hồi văn, một dãy hình lục giác hoặc dãy hình bát giác được in mạnh vào đất bình nhờ vào một cái dùi tre vót nhọn theo mẫu để vẽ. Những mô típ này sau đó được vẽ lại bằng men xanh hoặc men đỏ trên nền thân bình thường là màu men vàng. Tài hoa phóng túng của người trang trí họa rất biến hóa trong một lãnh vực rất giới hạn. Những mô típ thì lúc nào cũng giống nhau; hình thức của chúng không bao giờ biến đổi, chỉ có cách kết hợp giữa các mô típ ấy với nhau: một đường thẳng với một đường lượn; một loạt chấm tròn đặt nằm trên hoặc dưới một đường hồi văn; một dải bằng những

hình lục giác. Kết lại, trong một hình người ta viết một chữ Nho cầu cho được hạnh phúc, giàu có và sống lâu (Phúc, Lộc, Thọ)... đã cho phép người thợ vẽ được tự do biểu diễn tài nghệ. Bởi vì chính bản thân mô típ này cũng là những bản sao chính xác của các mô típ ngày xưa, và tư tưởng không hề nảy ra trong đầu óc người thợ để làm thay đổi diện mạo của các hoa văn.

3. Nghiên cứu cách làm đồ gốm tráng men ở làng Thượng Giang

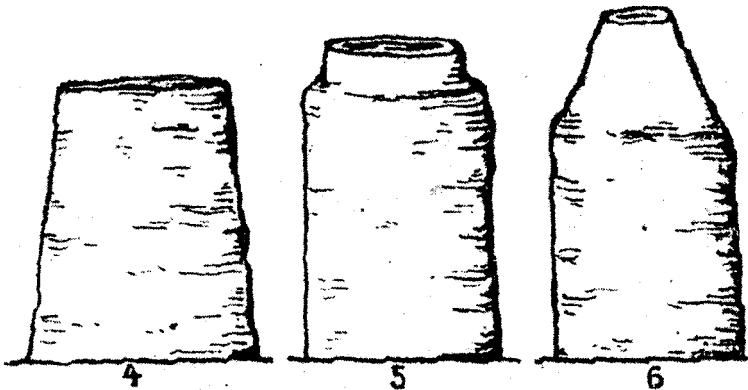
Thôn Đồng Phú ở làng Thượng Giang, huyện Bình Khê, đã làm nghề gốm từ năm Minh Mạng nguyên niên (1820), đồng thời họ vừa làm đồ gốm tráng men vừa làm đồ gốm không tráng men. Có 11 người thợ miệt mài theo nghề làm gốm tráng men; 16 người làm nghề gốm không tráng men. Trong số 11 người nói trước, mà chúng tôi chỉ nói đến công việc của họ trong đoạn này thôi thì hiện (1927) có 5 đàn ông và 6 đàn bà.

Đất được dùng là đất sét đỏ lấy ở chính tại thôn Đồng Phú. Đất này cũng được sửa soạn bằng cách trộn khoảng ba hoặc bốn lần với nước lạnh và bằng cách nhồi đất cẩn thận. Được sửa soạn kỹ như vậy rồi, thì đất được đặt lên bàn xoay để được nắn thành đồ vật. Bàn xoay dùng chân và dùng cho hai người thợ. Để làm một cái ché chẳng hạn, người thợ thực hiện theo cách sau: trên cái bàn xoay, người ấy dập bẹt một mẩu đất sét thành hình cái bánh kẹp. Với ngón tay cái của mình, người thợ vẽ lên cái bánh kẹp ấy một vòng tròn ở khoảng một phần ba đường kính cái bánh kẹp. Lúc đó người thợ nặn 4 khúc nhồi đất sét dài độ 90cm và chu vi khoảng 0,15 (H.19). Đặt khúc nhồi bằng đất đầu tiên. Khúc thứ hai đặt tiếp theo và chồng lên trên khúc thứ nhất; cứ làm như thế đối với khúc thứ ba và khúc thứ tư. Như vậy, người ta sẽ có một loại ống rỗng thô (H.19).



H.19

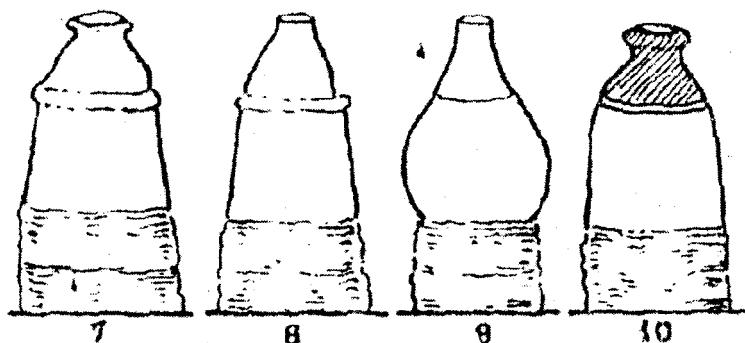
Bàn xoay bắt đầu cho chuyển động. Với những ngón tay có trang bị một tấm vải ướt, người thợ làm biến mất tất cả những tình trạng sần sùi thô kệch và không đều đặn của hình ống viên trụ, hình này sẽ có dạng một khúc thân cây hình nón, và người thợ cần thận làm tròn đường vành bên trên của hình nón cụt này (H.20)



H.20

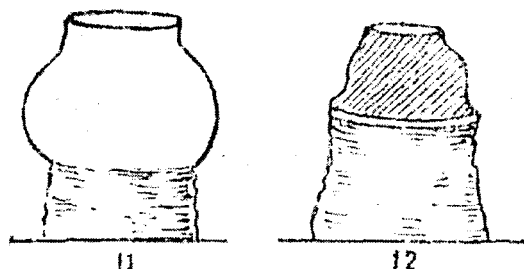
Vào lúc này hầu như người thợ chỉ chuyên chú tấn công làm một phần ba ở bên trên hình nấn, mà anh ta làm cho thon và làm cho sắc nét dần dần (H.20, số 5 và 6). Anh ta

cũng khởi sự làm biến mất những dấu vết của các khúc dồi đất ở đoạn một phần ba chính giữa, làm mỏng vách hai bên sườn, lồi các vách ấy lên theo chiều cao, và bóp dần cái cổ nhỏ lại dần dần (H.21, số 7 và 8). Dùng những ngón tay người thợ ấn mạnh lên vách bên trong để làm cho bên ngoài phồng lên (H.21, số 9); cắm một cây que dừa ngang hình phác thảo, trong khi bàn xoay vẫn quay và cắt hẳn toàn bộ một phần ba bên trên để riêng ra (H.21, số 10).



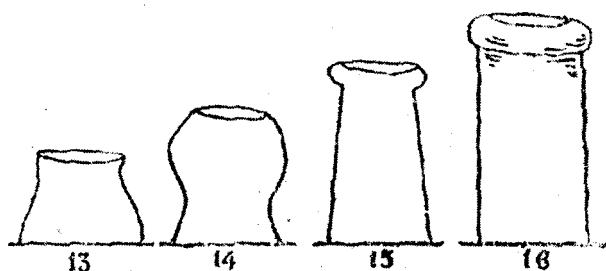
H.21

Bây giờ người thợ làm đến một phần ba ở giữa. Anh ta nắn đào dần dần cho đến lúc đem lại được cho phần này hình dạng một cái bình có bụng (H.22, số 11), lại còn làm loe phần dưới đáy của hình này, rồi cũng như lần trước, người thợ tách phần thứ hai này ra (H.22, số 12).



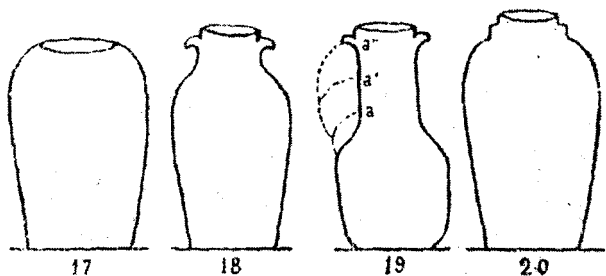
H.22

Một phần ba còn lại được trau cho hết thô, những dấu vết cuối cùng của đôi đất biến mất; người thợ làm mỏng vách hai bên và lồi chúng lên cho đến lúc đưa những vách này lên rất cao. Lúc này người thợ có một hình ống viên trụ hoàn toàn (H.23, số 13, 14, 15, 16).



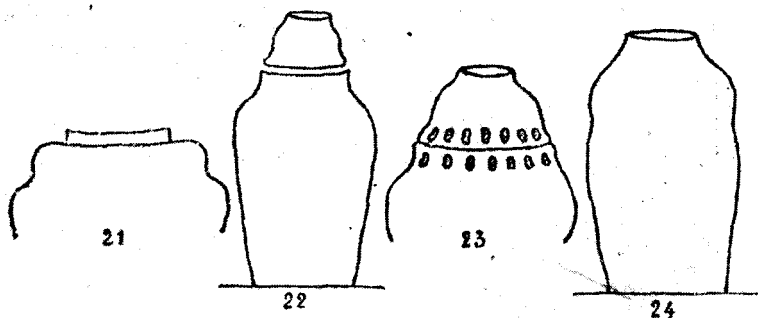
H.23

Phần bên trên của hình ống này được làm loe miệng ra, rồi đột nhiên người thợ lấy những ngón tay ấn vào thành phần cổ (H.24, số 17, 18). Nhờ vào cái bê xoa láng, người thợ áp dụng làm láng mặt bên ngoài; và đột nhiên vừa tựa cái đầu của cái bê láng áp vào mặt đất, làm biến dạng hình phác hoặc bằng cách hạ thấp chỗ phình đã mới làm được trước đây cho đến tận một đường giữa (*ligne médiane*) của nó (H.24, số 19), khúc phình này sau đó lại lên dần dần cho đến tận đỉnh cao (trong hình vẽ số 19 được diễn tả bằng các chữ a, a', a'') bằng cách tăng rộng liên tục phần hông lên (H.24, số 20).

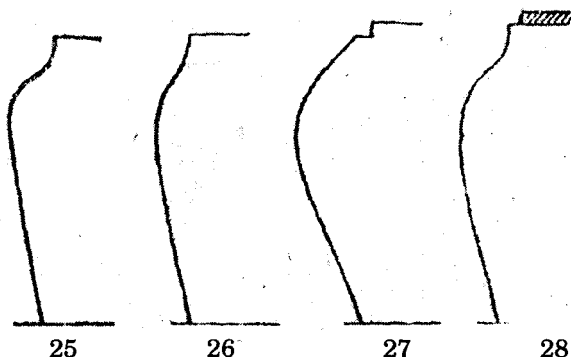


H.24

Công việc này có mục đích đào sâu vào bên trong của vật đồ gốm này bằng cách làm sắc nét các vách thành của nó, và bằng cách đem lại cho nó sự uốn cong cần thiết. Với cái cao, người thợ làm lóng phía vách trong và làm uốn cong hình phác họa càng ngày càng rõ, bằng cách làm một cái miệng hơi nổi lên trên rìa ở phần trên (H.25, số 21). Trên cái miệng ấy, người thợ ráp phần đường giữa của hình phác họa thứ nhất vừa tách ra khi nãy. Không hề có một sự đo đạc định kích cỡ nào đã được thực hiện, thế mà hai phần đã trùng khít nhau đến độ hoàn toàn. Để bảo đảm cho sự dính liền toàn vẹn của hai phần thân cái ché đang phác họa, người thợ đã dùng những ngón tay cùng với ngón tay cái bóp sát ở đường nối của phần này với phần kia (H.25, số 23) và dùng với những ngón tay, anh ta làm lóng cả bên trong lẫn bên ngoài cho đến lúc làm mất hết tất cả dấu vết chỗ nối (H.25, số 24).

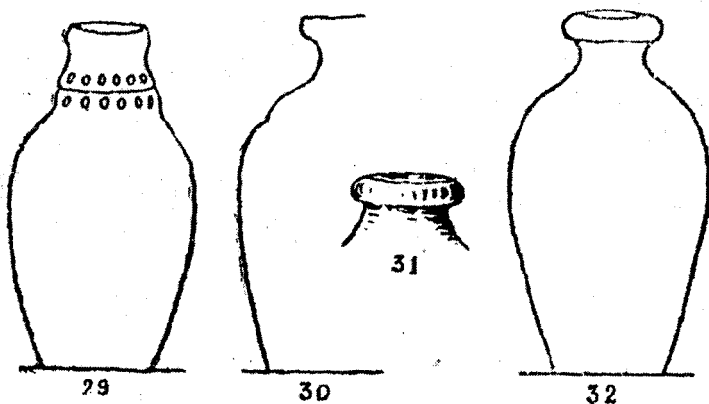


Vào lúc này hình phác họa nắn được đã rất cao. Người thợ phải thêm một cái đôn ngòl dưới anh ta; làm biến dạng rồi lại hình thành một cách liên tục cái bóng đen của vật được để làm cho mềm những vách quanh vật đồ gốm ấy, và lại còn làm thêm một cái miệng trên bờ thượng của vật đó nữa (H.26, số 25, 26, 27, 28).



H.26

Một sự thực hiện nổi thân lần thứ hai cũng được làm cùng với các điều kiện như ở lần thứ nhất. Một phần ba của phần trên đã được cắt ra từ đầu bây giờ được đặt trở lại vào vị trí của nó (H.27, số 29) chỗ phình với bóng đen cuối cùng của nó đã xuất hiện; trong khi đó, với tay này, người thợ đưa cái nạo vào phía bên trong ruột ché, và với tay kia, nâng tựa lên phía vách bên ngoài; cái cổ ché được làm chắc chắn; và cái ché đã có hình dạng cuối cùng của nó (H.27, số 30, 31, 32). Không còn công việc gì hơn là tách cái ché ra khỏi cái bàn xoay với một cái dùi mảnh.



H.27

Trên cái ché gốm này, người thợ rót lên một chất lỏng gồm có một hỗn hợp nước và đá trắng nghiền tán thành bột mịn; khi tất cả đã khô ráo, toàn bộ cái ché có một màu xám.

Cái ché sẽ được trang trí trước khi được đưa vào lò nung. Trước khi nung, thời gian nung kéo dài từ 10 đến 12 giờ, vật đồ gốm này được đem phơi cho ráo ở một nhà kho trống thoáng gió. Sau khi nung, người ta để cho nó nguội đi trong khoảng 24 giờ. Sau đó người thợ tiến hành việc tráng men. Với một cái chén anh ta rưới lên toàn bộ cái ché với một trong ba màu đã được anh sử dụng để cho màu trội. Người thợ lại đem ché ra phơi ngoài không khí tự nhiên; khi lớp men thứ nhất đã khô hẳn; với một cái "pinceau" bằng xơ dừa, anh ta vẽ nhiều mô típ trang trí khác nhau lên cái ché, với những màu mà anh ta thích đem lại cho từng cái ché. Người thợ lại đem ché ra phơi khô lần nữa, sau đó anh đặt vào lò nung. Những đồ gốm này đều được bọc trong những lớp bọc bằng đất đã nung chín một cách đặc biệt được chế tạo nhằm hiệu quả bảo vệ này, để bảo vệ đồ gốm tránh lửa tấp nấp và tránh các dụng chạm có thể xảy ra. Ở đáy và trên đỉnh lò nung; người ta sắp những đồ gốm không tráng men, ở chính giữa sắp các đồ gốm có tráng men. Toàn bộ được bao bọc và bao vây với những mảnh của đồ gốm cũ đã vỡ, và của một lớp rơm rạ ẩm ướt trộn lẫn với đất thường.

Sau tám hoặc chín giờ nung, người thợ mở một lỗ nhỏ ở vách lò để quan sát tiến độ của sự nung lò. Khi thời gian nung đã xong, thì không làm gì hơn là để cho nó nguội dần; lửa gốm đã hoàn tất.

Làng này cũng dùng những khuôn đúc để làm các chậu tròn hoặc những chậu có 6 và 8 mặt để trồng hoa kiểng.

4. Nghiên cứu cách làm một vài thứ gốm có tráng men ở làng Trung Thứ:

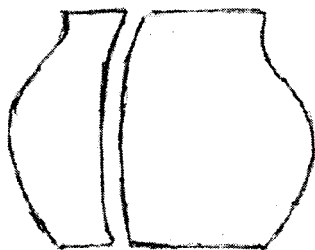
Làng Trung Thứ ở huyện Phù Mỹ làm nghề gốm từ đời vua Duy Tân năm thứ 5 (1910). Chỉ một người thợ duy nhất làm nghề ở trong làng. Nghề thuật làm gốm đã được truyền dạy cho ông bởi một người có tên là Nguyễn Hồng Tiên, người làng An Mỹ, cùng huyện; ông này lại học được kiến thức làm gốm từ một người có tên là Phan Hào, người làng An Dù, phủ Hoài Nhơn.

Đất được dùng là đất sét vàng lấy ở làng Chánh Thiện, thuộc huyện Phù Cát ở bên cạnh, hoặc đất sét xám lấy ở chân một ngọn đồi nhỏ thuộc địa vực của chính làng Trung Thứ. Trước tiên đất sét được đem phơi khô dưới ánh nắng. Rồi đất bị đem nghiền vụn, tán thành bột và trộn với nước. Được sửa soạn như vậy, nhưng đất này được dùng để làm đồ gốm thô. Còn để làm những đồ gốm thanh mịn hơn, thì bột đất sét được quấy trộn rất lâu ở trong nước lạnh, cho đến lúc người ta có được một dung dịch bột lỏng, dung dịch này được đem lọc và gạn lấy thứ đất cần dùng.

Ở đây người ta không dùng bàn xoay, người thợ chỉ chuyên dùng những khuôn đúc bằng đất sét khô cứng, tất cả đã có khoảng từ mười lăm đến hai mươi năm rồi; khuôn ấy người thợ đã được thầy của ông ta giao cho.

Người thợ không biết làm khuôn mới, điều này đã để cho người ta đoán được rằng khi những khuôn ấy bị vỡ đi thì xem như nghề làm đồ gốm ở làng Trùng Thứ sẽ biến mất theo; một hiện tượng tự nhiên dù phải trải qua nhiều thời đại với biết bao nhiêu làng.

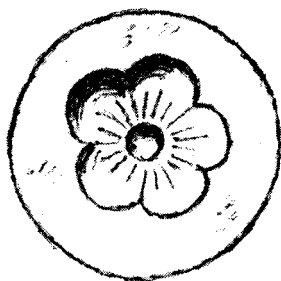
Những khuôn đúc trong làng đang có là con số 17; những khuôn này thì nhằm đúc ra những đồ vật toàn vẹn; những khuôn khác thì dùng để đúc nhiều mô típ trang trí khác nhau. Lấy ví dụ khuôn đúc những chậu hình tròn chẳng hạn (H.28),



H.28

gồm hai phần bằng nhau, trên hai phần đó là thân một con rồng được đúc. Sau khi đúc, tức là đất sét được ép lên vách bên trong của khuôn đúc, đã được làm ướt trước với một lớp đất sét mỏng; người thợ sẽ thu được một cái bình có hình một con rồng nổi lên. Người thợ sẽ để cho vật gốm này khô dần, nung, rồi

trắng men và sẽ nung lại. Như chúng ta đã thấy trước đây đối với làng Thượng Giang. Nếu người thợ muốn làm một cái bình hoa có kích thước và hình dáng giống nhau nhưng được trang trí khác nhau, thì ông ta sẽ dùng cùng một cái khuôn ấy, nhưng sau đó sẽ nhờ một cái nạo, ông ta sẽ tạo mất hình con rồng đã được đúc nổi đi. Rồi với một cái khuôn đúc các mô típ trang trí. Nói ví dụ một cái khuôn đúc hoa chẳng hạn (H.29), người thợ sẽ làm một loạt những cái hoa mà ông ta sẽ lắp vào thành một tràng hoa ở vị trí con rồng đã bị gọt bỏ, nhờ sự dính chặt, một cách đơn giản của đất sét với đất sét. Nếu ở giữa một vòng hoa, người thợ muốn tạo thêm vài ngọn lá, thì ông ta sẽ thực hiện cùng một phương cách bằng cách dùng một cái khuôn đúc lá.



H.29

Đôi khi, người thợ đẩy sự phóng túng đến chỗ trang trí cái bình của ông ta bằng cả một phong cảnh cổ điển. Lúc đó, ông ta lắp vào trên cái bình những viên nhỏ bằng đất sét, những viên này được tập hợp lại, để biểu thị khi thì một cảnh tre, có nhiều lá tre mỏng; một con chim đậu trên các cành tre đó;

Khi thì một cây tùng, dưới chân cây tùng có con nai trong điệu bộ nhảy nhót... Người thợ đóng khung bức phong cảnh của ông ta bằng một đường viền vuông vức có các góc bị chém mất góc nhọn.

Bình hoa có 6 hoặc 8 mặt thì phải cho đúc khuôn một trong các mặt ấy 6 hoặc 8 lần với một cái khuôn đúc đặc biệt, rồi sau đó ghép các mặt ấy lại với nhau.

Những khuôn đúc hình con động vật thì đa số chỉ cho hình dạng căn bản của con vật. Cần phải thêm vào đó hoặc những cái chân, hoặc cái mỏ, hoặc một phần phụ cần thiết và sửa chữa lại vài bộ phận nào đó để cho nó cân đối hài hòa với toàn bộ. Đây là điều đặc biệt đã xảy ra đối với việc làm những con cóc, người ta phải làm bằng tay để thêm những cái chân, cái bẳng để ở dưới con cóc và cái ống cắm tăm; hình nhóm hai con cò cũng vậy, người ta phải làm thêm những cái chân của hai con cò cái cổ cò và cái ống cắm tăm...

Như vậy, những đồ gốm đã được sửa soạn xong đều đem ra phơi cho khô ở giữa nơi thoáng khí. Chúng sẽ chịu một lửa nung lần thứ nhất trong khoảng gần 24 giờ đồng hồ, và sau đó chúng được phủ một lớp men đầu tiên. Sau khi đã bày ra phơi ngoài trời cho khô ráo, thì người ta lại cho phủ một lớp men thứ hai, rồi lớp men thứ ba lên những mô típ trang trí. Người ta lại đưa vào lò nung suốt 24 giờ nữa, rồi để cho nó nguội dần dần trong khoảng 13 đến 14 giờ, cuối cùng người ta lấy đồ gốm ấy ra khỏi lò. Lửa đồ gốm đã hoàn tất vậy.

5. Những đồ gốm khác nhau có tráng men, được sản xuất ở Bình Định

Cái lư đốt giấy

Con vịt

Cái cọc để đèn

Con cò (ống giắt tăm)

Cái quả bông

Con kỳ lân

Cái lư hương

Cái ống giắt hương

Cái cây đèn

Cái đèn

Cái đài

Cái độc bình

Cái chậu kiểu tròn

Cái chậu kiểu lục giác

Cái chậu kiểu bốn góc

Cái chậu kiểu tam giác

Cái ống nhỏ

Con cóc (ống giắt tắm)

Con ngỗng

Con cá (ống cắm bông)

Con rùa

Con én (ống cắm bông)

Cái đĩa

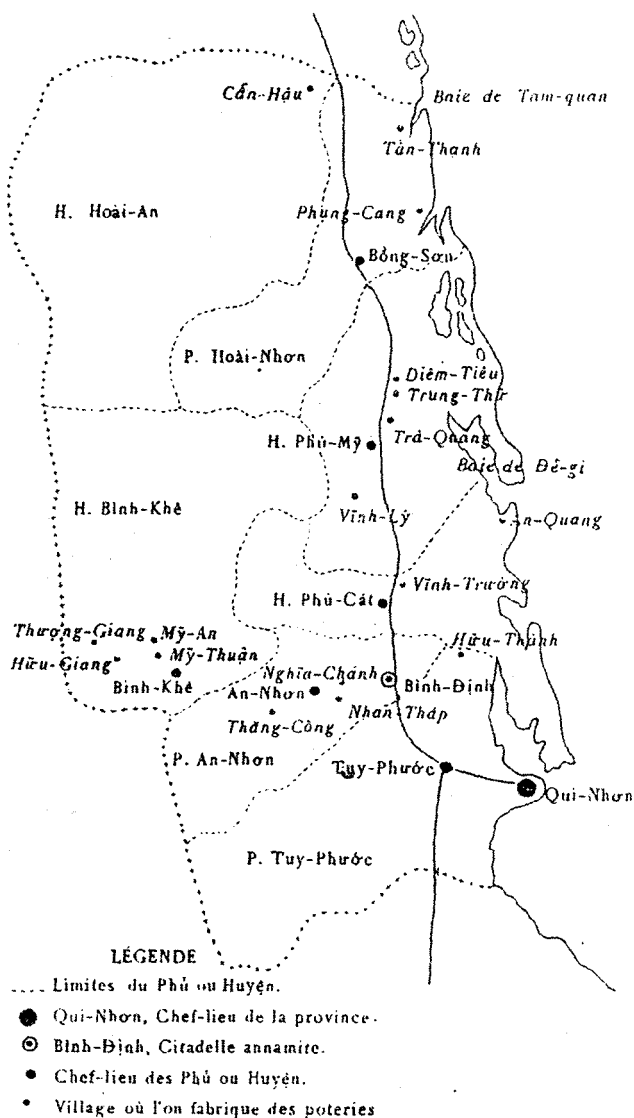
Cái bình phạn

Cái vìm

Cái lư lửa

Cái bùng bình

Cái ché



Pb.XVII: Bản đồ các làng gốm Bình Định.

Le Tour — 1. Système de Cấn-Hầu

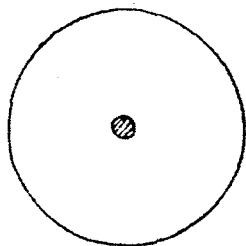
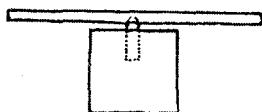


Table du Tour (vue de dessous)



Le Pied du Tour avec son pivot



Ensemble du Tour
(pivot et table)

2. Système de Tra-Quang

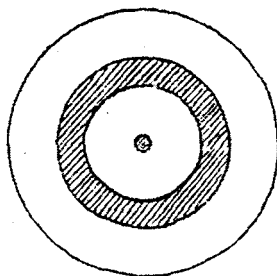
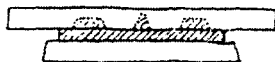


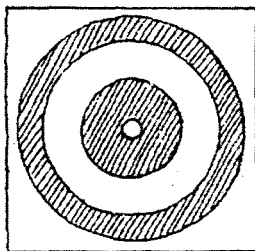
Table du Tour (vue de dessous)



Le pied du Tour



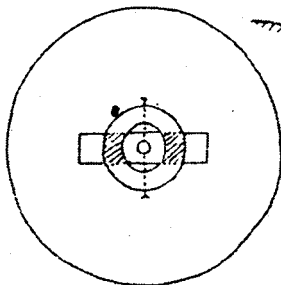
Ensemble du Tour (table et pied)



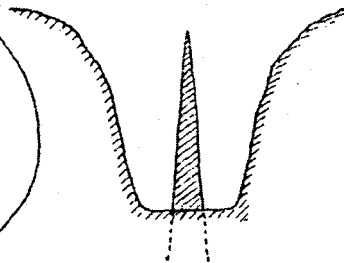
Plan du pied du Tour

Pb.XVIII: Lò nung.

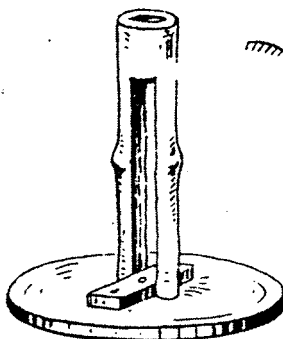
Le Tour, au pied



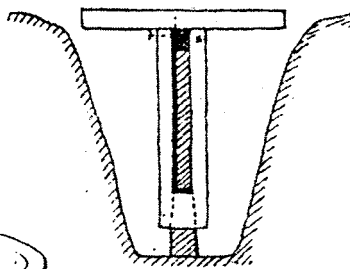
La table du Tour (vue de dessous)



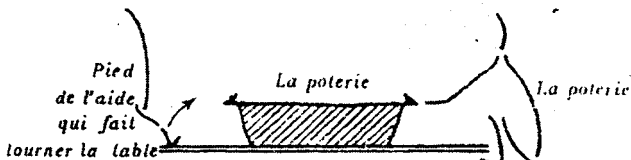
Le pivot



Assemblage de la table avec
le cylindre à pivot

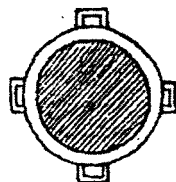
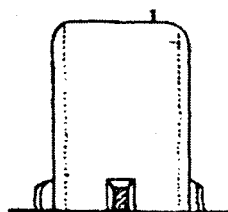


Vue d'ensemble (table sur le pivot)

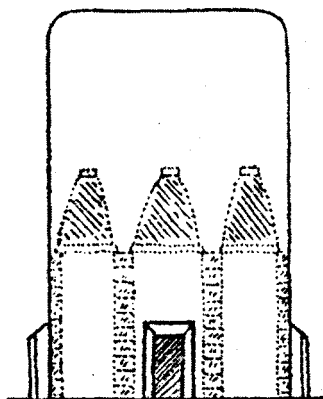


Position des 2 ouvriers par rapport au Tour

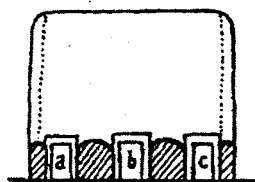
Le Four — Lò-Ngũ .



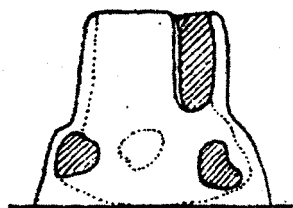
Village de Cấn-Hầu
(Élévation et plan)
4 ouvertures
H. 2^m10 × D. 1^m60



Disposition des poteries
à l'intérieur du four
sur des petits murs

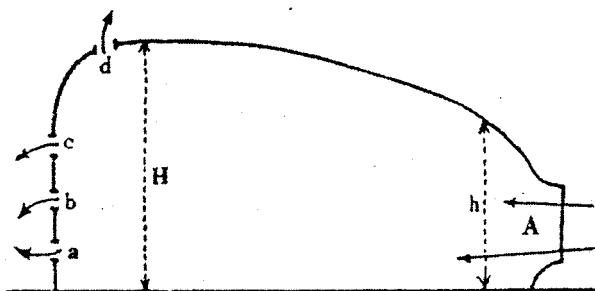


Village de Tra-Quang
6 ouvertures. a. b. c.
basses de terre
H. 1^m10 × D. 1^m60



Village de Thưng-Giang
3 ouvertures et 1 fente
pour introduction des
poteries
H. 1^m10 × D. 1^m95

Le Four — « Lò-Sập »

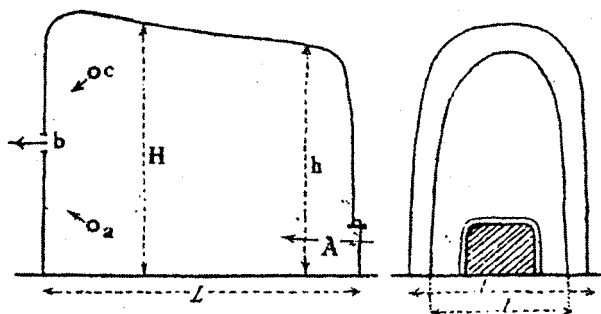


Điêm-Tiêu. Profil de Lò-Sập

A — Bouche du four par où sont introduites les poteries
(on chauffe par A la bouche)

a. b. c. d. trous de ventilation

Longueur : 4^m40. Grande hauteur H : 2^m40, hauteur h : 1^m80.



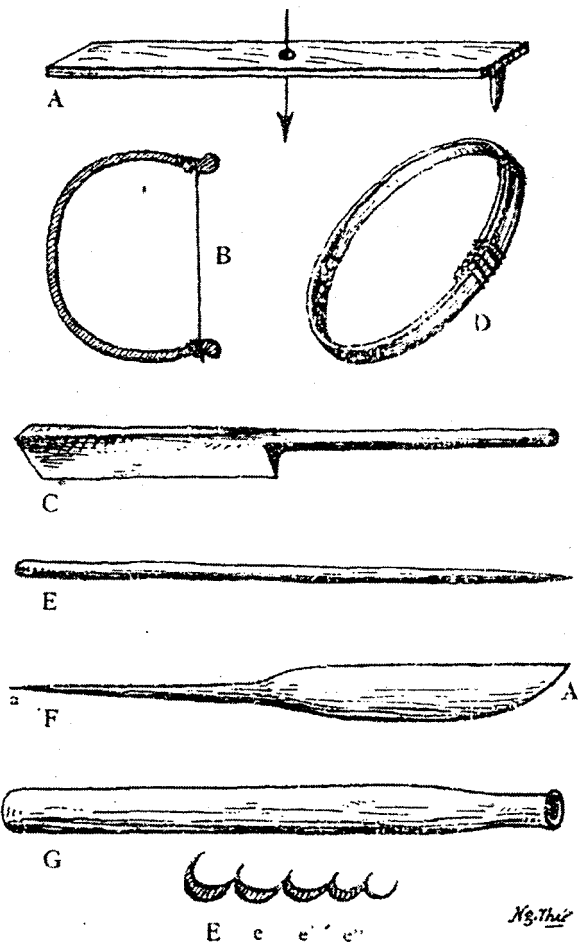
Thống-Công — Longueur L : 3^m50. Largeur l : 2^m : l' : 2^m40

Hauteur H : 2^m80. h : 2^m50

A Bouche du four (introduction des poteries et du bois de chauffage)

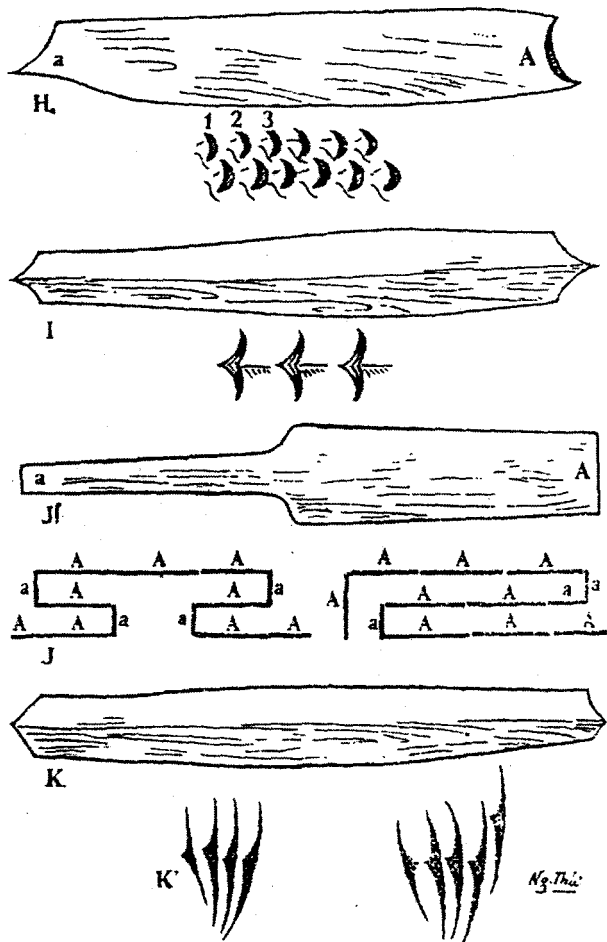
a. b. c. trous de ventilation

Pb.XXI. Lò nung.



Ng. Thái

Pb.XXII. Dụng cụ làm nghề.



Pb.XXIII. Dụng cụ làm nghề.



Cái Vò



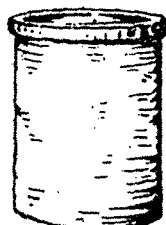
Cái Vò



Cái Nồi-báu

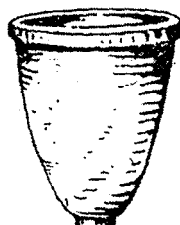


Cái Nồi



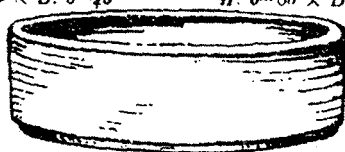
Cái Ghè

H. 0m55 x D. 0m40



Cái Muôn-Đường

H. 0m60 x D. 0m40



K37h

Cái Bông Diêng, 0m20 x 0m70

Pb.XXIV. Mẫu gốm không tráng men.



Cái Nồi bầu
0^m15 x 0^m23



Cái Chậu rửa
0^m15 x 0^m25



Cái Chảo ou Trã
0^m05 x 0^m25



Cái Vũa ou cái Ấu
0^m12 x 0^m20



Cái Om
0^m09 x 0^m16



Cái Cối dầm tiêu
mortier à poivre
0^m12 x 0^m12



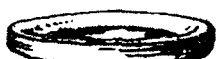
Cái Thau
0^m12 x 0^m22



Cái Cối dầm tiêu
mortier à poivre
0^m07 x 0^m11



Cái Nồi
0^m12 x 0^m18



Cái Khuông Bánh Xèo
moule à galettes
0^m01 x 0^m13



Cái Ấm
0^m12 x 0^m20



Cái Hũ



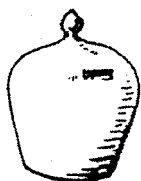
Cái Vò



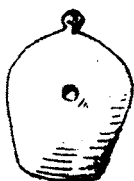
Cái Ghè



Cái Ấng



Cái Bùng bình



Cái Bình Vôi



Cái Ông Nhỏ



Cái Ông Nhỏ

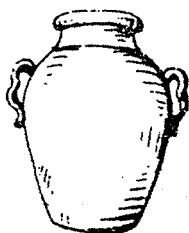


Cái Bình Vôi



Cái Thông Vôi

Hg Thu



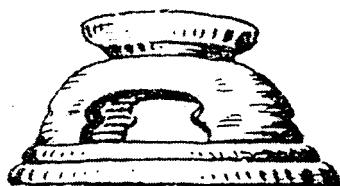
Cái Hồng



Cái Hũ



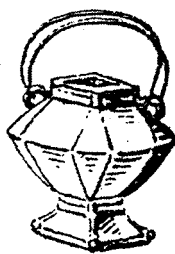
Cái Ché



Cái Đai



Cái Lư Hương



Cái Nồi Lư.



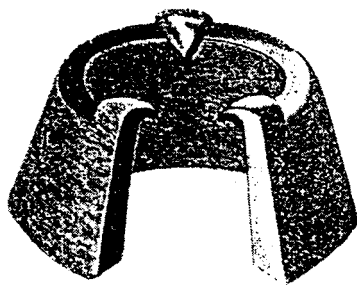
Cái Nồi dốt giấy



Cái Hỏa-Lò



Cái Lò



Cái Bếp ou Kiến Ống Táo.

Pb.XXVIII: Mẫu gốm không tráng men.



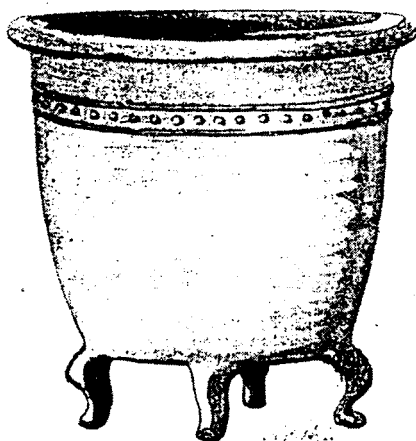
Cái An



Con Vịt đựng nước

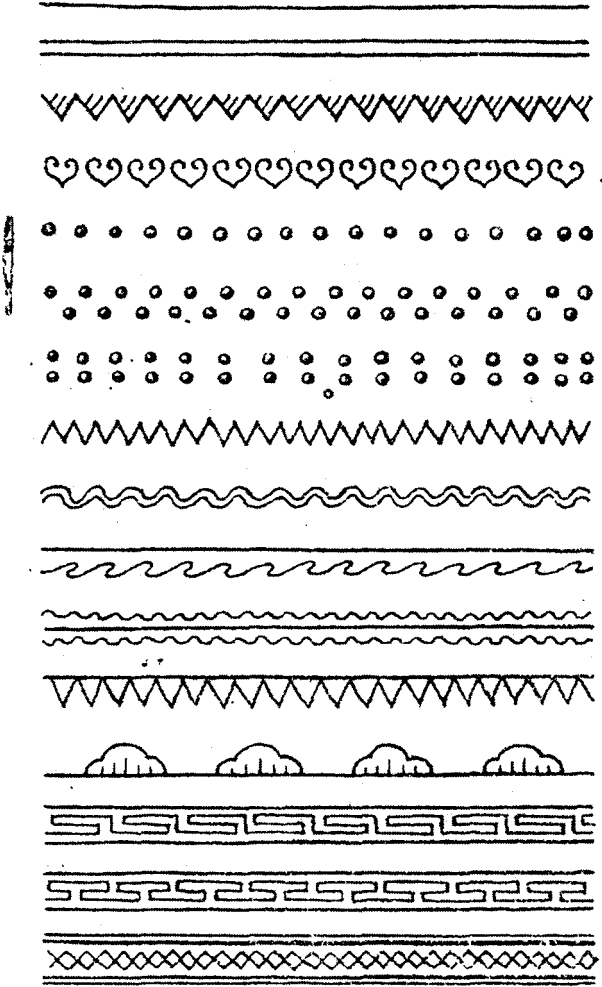


Cái Bình đựng nước

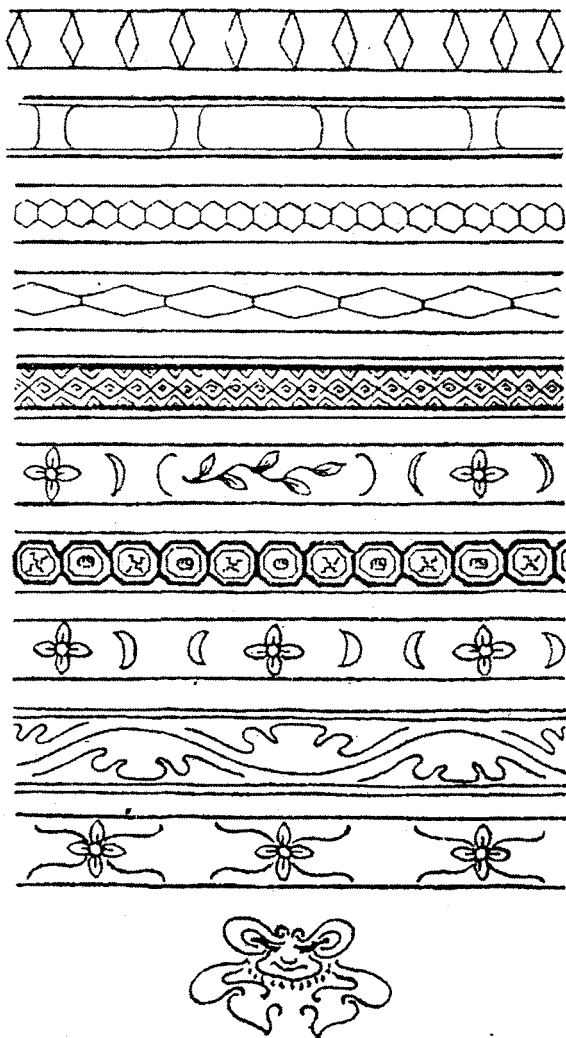


Cái Ấng

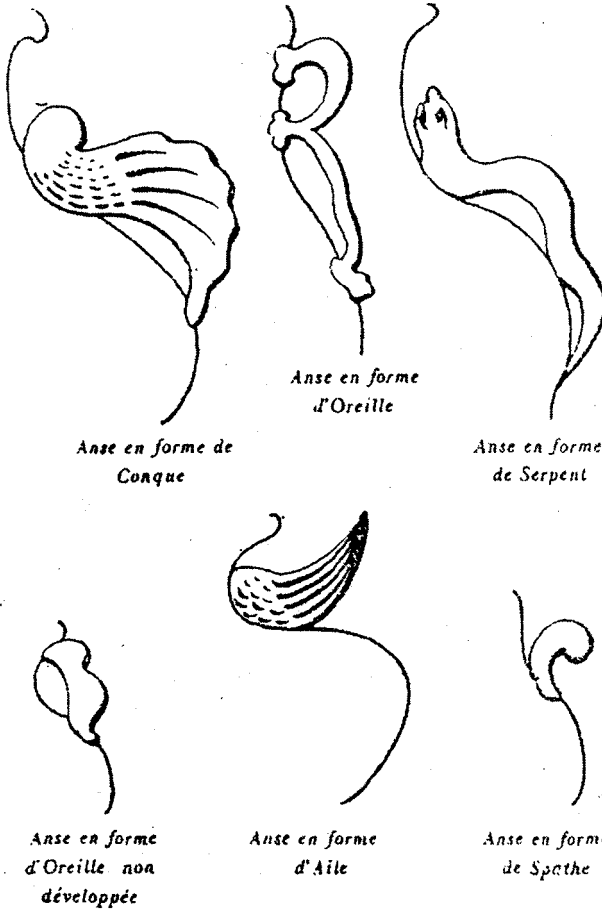
Pb.XXIX: Mẫu gốm không tráng men.



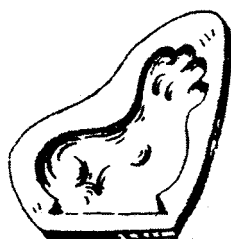
Pb.XXX: Mô-típ trang trí.



Pb.XXXI: Mô-típ trang trí.



Pb.XXXII: Những kiểu quai.



Moule à con
Kỳ-Lân

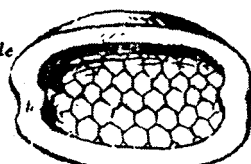


Moule à feuilles

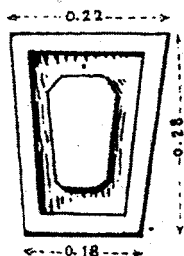


Moule « Văn-Kiên »
Le motif se place à côté du
dragon

Moule à aile de
con Cò



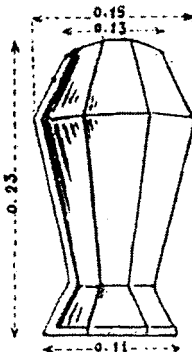
Moule à tortue



Moule à faire les pots
à 6 faces
(Lục-Giác)



Moule à fleurs



Moule à vase
(L'une des 2 moitiés)



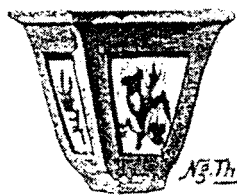
Cái Ché



Cái Ché

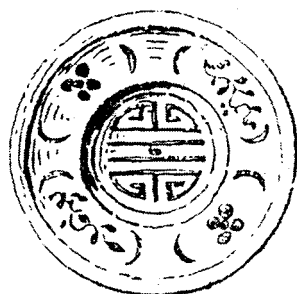


Cái Chậu kiến lục giê



Cái Chậu kiến hỗn góc
N₃ Thái

Pb.XXXIV: Mẫu gốm tráng men.



Cái Đĩa-chữ-thọ



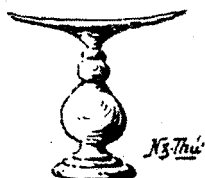
Cái Ông giắc-hương



Cái Đèn



Cái Vại

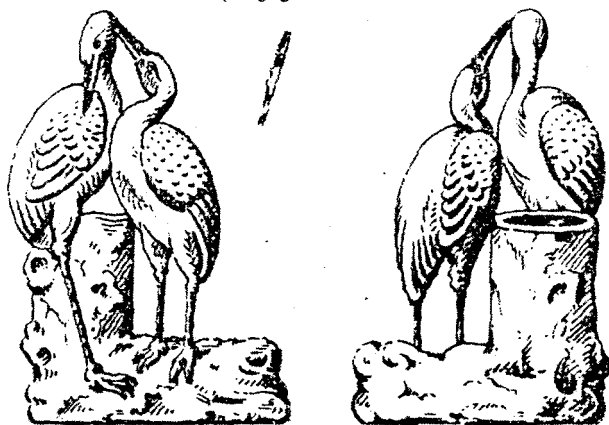
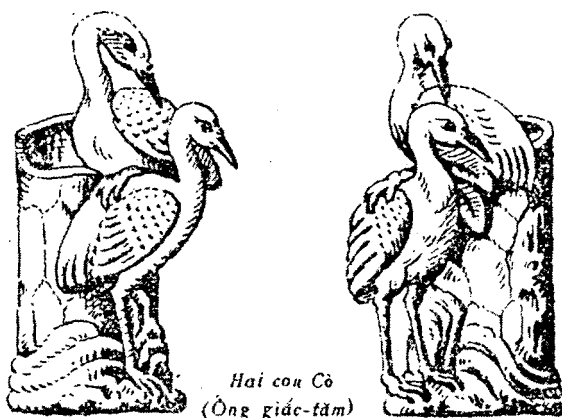


Cái Quả-bóng

Ng. Thu



Cái Lư-hương



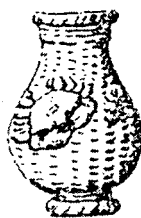
Pb.XXXVI: Mẫu gốm trắng men.



Cái Độc-bình



Con Ngỗng



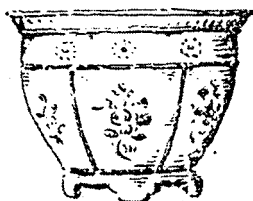
Cái Độc-bình



Con Cóc



Hai con Ến (Ổng cạm-bông)



Chậu Kiến-tròn



Chậu Kiến tròn (Độc-long)



Hai con Ến

BỨC ẢNH CHỤP ĐẦU TIÊN CỦA MỘT VỊ TRÍ ĐỊA HÌNH XỨ NAM HÀ - ĐỒN LŨY NON NAY

H.COSSERAT

TRƯỚC lúc đạo liên quân Pháp - Tây Ban Nha đánh chiếm Đà Nẵng theo lệnh của Đô đốc Rigault de Genouilly vào năm 1885, thì những tư liệu tranh ảnh mà chúng ta có về xứ Nam Hà quả tình khá hiếm. Vả lại có chăng thì những tranh ấy cũng không có một giá trị tư liệu nào cả, bởi vì chúng gồm bởi những tranh vẽ được thực hiện thường thường là theo trí nhớ dựa trên những lời chỉ dẫn mơ hồ của các nhà du lịch; những tranh ấy vẽ ra bởi những người họa công mà thiện ý của họ, thật đáng tiếc, không lấy gì để bù trừ vào chỗ thiếu khả năng của họ được; những họa công này chưa bao giờ được thấy tận mắt về những đề tài hoặc những phong cảnh mà họ phải miêu tả, cho nên họ đã đi đến chỗ tạo ra những tranh vẽ đó những nét sai lạc, lố bịch, thậm chí còn đi quá xa sự thật nhiều.

Vả lại, sự tình này vẫn còn kéo ra trong một thời gian dài sau năm 1858, và chỉ chấm dứt vào cuối thế kỷ thứ XIX, tức là vào thời kỳ mà những tiến bộ khoa học đã được thể hiện trong nghệ thuật nhiếp ảnh cho phép người ta chụp lại được theo mẫu tự nhiên các đề tài, các góc độ nhìn, các phong cảnh khác nhau nhất, đem lại cho sự in lại các ảnh đó một tính chất của cái chính thống chưa được biết cho đến lúc đó.

Vậy nên, tôi tin chắc rằng chẳng phải không có lợi ích gì để nói rõ ở đây và cho in lại một bức tranh rất có thể là bức ảnh chụp đầu tiên đã chụp một phong cảnh của xứ Nam Hà, và vào một thời kỳ mà nghệ thuật nhiếp ảnh còn đang trong thời trứng nước, nên bức ảnh đã đòi hỏi những sự cẩn trọng và những sự sửa chữa bằng tay thời đó là những điều mà ngày nay có thể làm nản lòng những người chơi ảnh tài tử có nhiệt tâm nhất.

*
* *

Chính trong tập III, bộ *Nhật ký một chuyến đi du lịch ở Trung Hoa vào năm 1843, 1844, 1845, 1846* của Jules Itier (in ở Paris 1853) mà tôi đã tìm được bản in sao của cái ảnh chụp này; hoặc nói đúng hơn là cái ảnh kiểu Daguerre này (de daguerréotype), để dùng từ ngữ cho chính xác là thế, rất thông dụng vào thời kỳ ấy; và cái ảnh này có ghi ở góc trái bên dưới hàng chữ: Itier Daguerre và ở góc bên phải đối xứng: G.Margain, lith; như vậy người ta có thể tham chiếu lại điều đó bởi bản in sao ảnh chụp mà tôi đã cho in lại ở đây.

Vậy mà, nếu người ta muốn nhớ lại rõ ràng thì chỉ trong một buổi họp khoáng đại của Hàn lâm khoa học vào ngày 10 tháng 8 năm 1839 thì Arago mới loan báo sự khám phá tuyệt vời của Daguerre, như vậy thì một cách chắc chắn là chỉ mới có sáu năm trôi qua kể từ ngày tháng loan báo cho đến tháng năm, 1845, là lúc mà Jules Itier chụp cái ảnh kiểu "daguerréotype" đang nói đây.

Vậy người ta có thể cho là, nói một cách hầu như chắc chắn, chính đây là bản in sao lần đầu tiên cái ảnh chụp một phong cảnh xứ Nam Hà.

Bản in sao mà tôi lấy từ cái ảnh kiểu Daguerre này đã không đem lại một cách hoàn hảo về sự tinh tế của chi tiết,

và độ sáng nguyên bản; bản in sao này ở trong tập 3 của tác phẩm Jules Itier. Ảnh này, tôi tin thế, đã giữ màu sắc mà cách in litô nguyên bản còn để lại một cái nền ảnh vàng nhạt; màu này đã làm cho bản in sao ảnh chụp mà tôi cho in ở đây mang một màu hơi đậm, nó làm mờ đi phần nào một số chi tiết nguyên rất rõ trên bản mẫu, và nhìn trong toàn bộ, màu đậm này có một độ màu hơi cứng. Trừ ra chi tiết này là như vậy, còn lại bản in sao này cho phép người ta nhận thấy một cách dễ dàng giá trị hiển nhiên của tư liệu được in lại.



Tác giả đã đặt một hàng chữ như là lời chú giải dưới cái ảnh kiểu daguerre: *Vue du fort cochinchinois de Non Nay* (Cảnh của đồn lũy Non Nay xứ Nam Hà).

Đồn lũy Non Nay được xây dựng ở chỗ nào?

Một vài đoạn trong bản văn của tác giả sẽ cho phép chúng ta đoán nhận được theo một cách nào đó, đồn lũy phòng thủ này ở xứ Nam Hà. Nhưng, trước khi viện dẫn những đoạn văn ấy, tôi cho là điều hữu ích để phác họa nhanh vài chi tiết về những duyên cớ chuyến đi du lịch của tác giả Jules Itier này, đến xứ Đàng Trong.

Năm 1843, ông de Lagrené, nhà ngoại giao Pháp được chính phủ triều Louis Philippe phái đi làm một sứ mệnh khác thường ở nước Trung Hoa, và đã ký hiệp ước Whampoa (1844) được phê chuẩn ở Canton (1845). Sứ đoàn này, cũng có một mục đích về thương mại, nên đã có Jules itier đi trong số thành viên; ông được tham gia vào sứ đoàn với tư cách là đại biểu của Bộ Thương mại và Tài chính. Sau chuyến về Pháp lần này, ông cho xuất bản tác phẩm có nhan đề là: *Nhật ký một chuyến du lịch ở Trung Hoa* (Journal d'un voyage en Chine), mà tôi đã nói đến ở trước.

Từ Trung Hoa trở về và đến Singapoure, ngày 08-5-1845, trên chuyến tàu hộ tống "Victorieuse"; thì vào ngày 14-5, Jules Itier đã nhận được lệnh áp hộ tống hạm "l'Alcmène", để theo Thiếu tá hải quân Fornier du Plan được phái đi khẩn cấp tới Nam Hà "nơi các cuộc đàn áp chống người theo đạo Thiên Chúa đang gia tăng và hãy tuyên bố can thiệp nhanh chóng; cũng tại đây "Chúng tôi sẽ tuyên bố đòi trả tự do cho giám mục Isauropolis, người Pháp mà hoàng đế Nam Hà đã bắt giam tù từ lâu".

Ngày 30-5-1845, vào lúc mười một giờ đêm, tàu l'Alcmène đã đến cửa lối vào vịnh Đà Nẵng (Tourane), tàu bỏ neo tại đây, đợi ngày đi vào vịnh Hàn.

"31 tháng năm 1845, chúng tôi đi quanh co suốt mất cả buổi sáng; Jules Itier viết; ở lối vào vịnh Tourane huy hoàng; một vùng lưu vực mênh mông như tách khỏi biển cả bằng một vòng đai núi non cao ngất trời tạo thành nơi ẩn trú để tránh những luồng gió mạnh, và trước con mắt nhà hàng hải quá đổi thần phục, dãy núi ấy đã hiện cho con người cả một đai vòng, mà tại đó tất cả những kho tàng của một hệ thực vật nhiệt đới đang được xếp chồng chất lên nhau. Cuối cùng, vào khoảng ba giờ, chúng tôi lại thả neo cho tàu đậu ở điểm phía nam, không xa hòn Mồ Côi, tức là đảo Quan Sát, ở dưới chân của pháo lũy Non Nay⁽¹⁾ mà sự chào đón của chúng tôi là ba phát ca nông náo nhiệt. Ngay lúc đó, tường thành của pháo

(1) "Non Nay", cách viết của Jules Itier là một sự diễn dịch sai cách đọc mấy chữ Đồn Hai. Đồn Hai là cách gọi chính xác theo người An-nam để chỉ đồn lũy nằm trên đảo Quan Sát. Hiện nay người ta sẽ tìm không ra dấu vết gì của pháo lũy cổ xưa này nữa. Không có gì còn tồn tại cả, đảo Quan Sát đã bị biến đổi hoàn toàn trong thời kỳ từ 1900 đến 1908 là thời cuối cùng của công việc làm con đường sắt vào Đà Nẵng, chạy ngang chỗ này (Lời chú của Cosserat).

lũy phủ kín quân lính vũ trang những cây giáo dài; sự náo loạn lên tới tột đỉnh; ở đây người ta lo chặn cửa đi vào; đằng kia, người ta lo bố trí những súng đại bác cỡ nhỏ bằng đồng lên trên bục bắn thành giàn hỏa lực ghê gớm, và có lẽ người ta còn giữ một số súng kiểu này ở trong kho chứa; những súng này được xem như là để bắn chéo hỏa lực của chúng với các súng ở điểm bắc của vụng Hàn". Vị quan trấn giữ thành Đà Nẵng đã đến trên bờ vịnh vào lúc 4 giờ chiều, để tìm hiểu nguyên nhân sự đến thả neo của chiếc hộ tống hạm. "... Trong thời gian đó, Jules Itier viết tiếp, chúng tôi cho đổ bộ xuống đảo Quan Sát (tức hòn Mồ Côi của người Đà Nẵng). Một ngôi miếu nhỏ được xây lên ở đây dành để thờ một chiến sĩ, có lẽ là người canh giữ lối vào vụng Hàn; đây chính là một vị Ác thần, tức là thần Đại Phong mà người Ai Cập thường đặt thờ ở các lối vào những nơi thánh địa; dáng dấp của vị thần này cũng oai phong lẫm liệt như muốn trở thành một quỷ dữ đang nhấn mặt dọa nạt người ta, và ăn mặc toàn đồ giấy, từ đầu đến chân; một cây đèn dầu được các người đến cầu cúng giữ cho ngọn lửa đỏ suốt đêm ngày trong ngôi miếu khiêm tốn ấy.

"Nói một cách chính xác, hòn Mồ Côi chỉ là một núi đá cứng, nhưng là một núi đá cứng rất lý thú, lạ lùng, theo quan điểm địa chất học, vì những mảnh đá cứng của lớp trầm tích đã được bồi vào lớp "gneiss"; đó là một trong những ví dụ đáng lưu ý nhất của sự biến chất và là một bằng chứng thêm nữa cho cách cấu tạo những lớp đá kết tinh phân tầng. Đi xa hơn, tác giả còn lưu ý đến các biện pháp bố phòng bảo đảm an ninh được chủ trương bởi vua Gia Long, tác giả đã viết: "... một vấn đề khác về sự bảo đảm an ninh đối với hoàng đế trong trường hợp có ngoại nhân xâm lăng, đó là những công trình phòng thủ lớn lao để bảo vệ kinh đô Huế và Gia Định thành ở vùng đông Nam Kỳ, những phòng thành kiểu châu

Âu, được xây dựng bởi những sĩ quan người Pháp phụng sự vua Gia Long ⁽¹⁾. Có lẽ người ta cũng xem là rất quan trọng đó là những đồn lũy theo mẫu đồn lũy ở vịnh Đà Nẵng, được xây dựng nên để phòng thủ lối vào của các cửa biển hoặc cửa sông chính; nhưng cái sai lầm của họ về các đồn lũy này là lớn biết bao, trong công cuộc xây dựng những đồn lũy này họ đã không biết đến những nguyên tắc đơn giản nhất của nghệ thuật xây dựng mà hình như người ta đã có bày cho họ. Họ đã trở lui với hệ thống xây dựng cũ của Trung Hoa, nhấn mạnh vào cách cấu trúc một thành tròn, không có hầm hố trú ẩn, không có chiến hào đánh trả, chỉ trở về phía biển những lỗ tròn để bố trí đại bác, mà với súng đại bác thì khó lòng di chuyển hòng súng nhắm. Vả chăng, đồn lũy khác với tất cả mọi loại phòng thủ bờ biển đặt vị trí trên đất, không một lỗ châu mai. Không một lỗ châu mai cho súng đại bác có bố trí sẵn súng để bảo vệ một cái cổng bằng gỗ ọp ẹp, mà người ta có thể nhảy vào với một cú đá là đủ sập. Chúng tôi in một tranh vẽ, theo ảnh "daguerreotype", của một trong những đồn lũy ấy" (tức là ảnh đồn lũy Non Nay).

*
* *

Jules Itier có chụp nhiều ảnh kiểu "daguerreotype" trong thời gian ông lưu trú trên tàu hộ tống l'Alcmène trong vịnh Hàn, nghĩa là từ 31-5 đến 12-6-1845 không?

⁽¹⁾ Thành đầu tiên xây dựng ở Sài Gòn thì ai cũng biết, thực vậy, là thành được xây dựng dưới triều Gia Long bởi những sĩ quan người Pháp; nhưng kinh thành Huế tuy được xây dựng theo phương pháp những phòng thành của châu Âu, mà người đứng ra xây dựng thì ai cũng biết rằng chỉ độc một mình người An-nam chỉ dẫn việc xây dựng kinh thành này; không hề có sự hỗ trợ của bất cứ một sĩ quan người Pháp nào (Lời chú của H.Cosserat).

Câu chuyện mà ông kể cho chúng ta nghe trong tác phẩm của ông về chuyến khởi hành hấp tấp hơn là ông nghĩ, của tàu l'Alcmène cho phép chúng ta xác nhận được rằng ông đã chụp thêm "cảnh của đồn lũy Non Nay", ít nhất là hai ảnh kiểu "daguerreotype" nữa, hai ảnh này cũng "đã thành công theo ước nguyện" theo lời diễn tả riêng của ông.

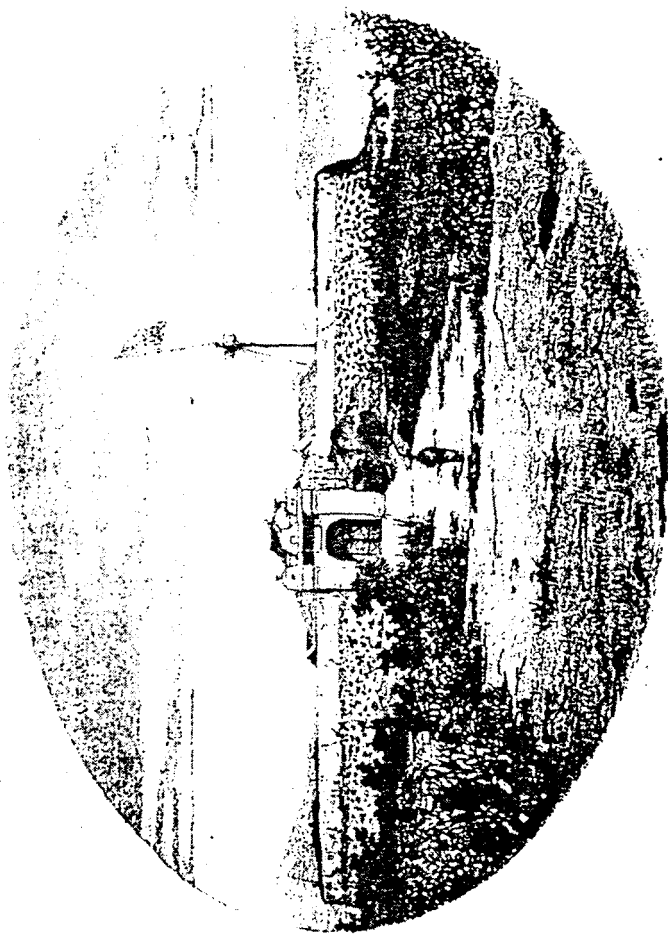
Và đây, thực vậy, là điều mà ông đã viết về vấn đề này, ngày 12 tháng sáu: "Sự chuẩn bị cho cuộc khởi hành của chúng tôi đã hoàn tất; chúng tôi không còn chờ đợi gì nữa, để nhổ neo, ngoài việc vị giáo sĩ của chúng tôi đến. Tên thông ngôn người Nam Hà vừa báo rằng vị đại quan đi theo người thông ngôn này, sớm rồi đã ngủ lại ở Đà Nẵng, và sáng nay anh ta sẽ dẫn ông quan ấy đến gặp chúng tôi. Trong lúc người ta bận sắp xếp ở trên tàu, để đón nhận ông quan ấy, thì tôi vội vã hấp tấp chuẩn bị vài tấm kính ảnh của máy daguerre, và tôi bắt đầu đi đến chân đồn lũy Non Nay. Tôi vừa mới đặt chân xuống đất thì ở trên tàu hộ tống hạm người ta phát cờ hiệu ra đi ngay theo sau một phát súng ca nòng, báo hiệu nhổ neo. Tuy nhiên, tôi vẫn phải ở lại trên đất Nam Hà, phải chụp cho xong mấy tấm kính ảnh đã chuẩn bị sẵn. Sự nhổ neo rời bến bất ngờ của chiếc tàu hộ tống là một nguồn lo âu xao xuyến đối với tôi; nhưng chúng tôi cũng thú nhận rằng nó cũng đã nâng cao thêm giá trị cái cảnh trong ảnh chụp của tôi từ một thứ ánh sáng vô vọng đó. Vài phút chậm chân có thể thay đổi hẳn tiến trình số phận của tôi; nhưng vài phút ấy thì tôi phải có chúng một cách tuyệt đối để mang lại một chứng cứ không thể phủ nhận của những sự thay đổi đột ngột ấy. Vậy, chúng tôi phải vội vã lên chiếc hộ tống hạm đã đổi hướng sườn tàu và sắp nhập vào lối đi hàng hành; sự nhập lối hàng hành vốn không phải là một điều dễ; trong lúc đó nhờ sức mạnh của những chiếc chèo và có mặt nước phẳng lặng hồ

trợ, chúng tôi đã đến được mạn tàu. Lạy Thượng đế! Hai tấm ảnh chụp của chúng tôi đã thành công theo ước nguyện: rõ ràng là có vịnh Tourane, có những núi đá cẩm thạch của ngôi chùa lớn ở chân trời; ở chính giữa, có hình của sông Faifo, và xa hơn về phía bắc là thị trấn Đà Nẵng (Tourane); đảo Quan Sát ở hàng đầu; và đây, chiếc tàu hộ tống đang trương buồm để đi xa không có ngày trở lại bờ biển Nam Hà nữa... Tất cả đều được in lại một cách trung thành trong tấm ảnh tranh cảnh này, trừ mỗi xúc cảm của tác giả; nhưng rồi bạn cũng đoán được mỗi xúc cảm đó chứ, hỡi bạn độc giả thân yêu..".

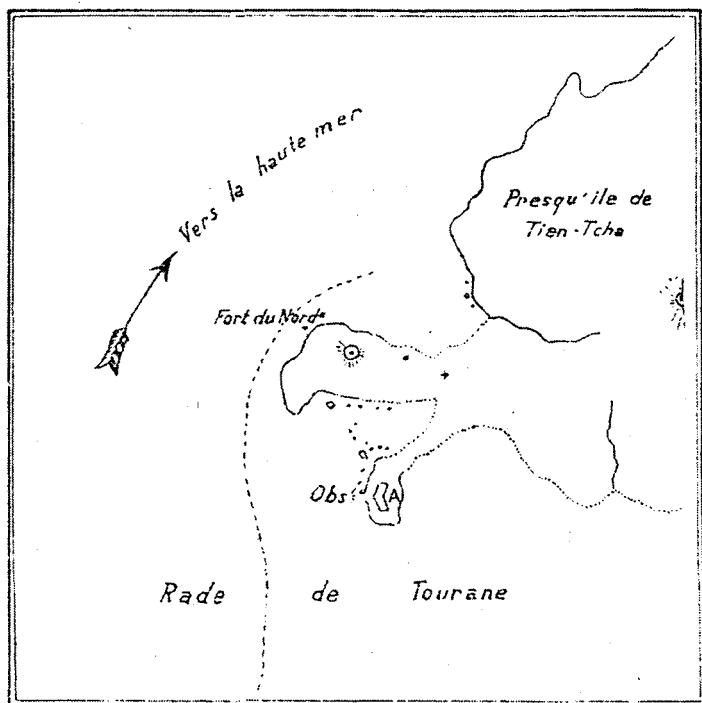
Có lẽ chúng ta phải lấy làm hận tiếc biết bao, vì theo như lời miêu tả này, khi Jules Itier đã không cho in sao vào tác phẩm của ông hai tài liệu chứng cứ ấy là những vật, nghe ông nói, "đã thành công theo ước nguyện", và đối với chúng ta ngày nay chúng sẽ là những tư liệu có một giá trị khác tốt hơn bức ảnh đồn lữ Non Nay tầm thường này mà ông đã để lại cho chúng ta!

Và như đã nói ở trên, và cũng là cái lý thú độc nhất mà một tấm kính ảnh do máy daguerre chụp hiện trạng sẽ giới thiệu với chúng ta, là trên tấm ảnh đó, người ta sẽ thấy chiếc tàu hộ tống l'Alcmène, tất cả những cánh buồm đã được trương ra, đang đi trên mặt nước một cách yêu kiều trong lối hàng hành của vịnh Tourane để đi ra biển cả dưới ánh nắng lấp lánh trong một ngày đẹp trời của tháng sáu ở nước An-nam chúng ta!

Cuối cùng, phải bằng lòng với những gì mà người ta có, và chúng ta vẫn có thể còn hy vọng với niềm sung sướng nhất, rằng cái bằng chứng bằng ảnh chụp lần đầu tiên của một phong cảnh xứ Nam Hà vẫn còn tồn tại đâu đó cho đến tận hôm nay!



Pb.XXXVIII: Đồn Non Nay.



Pb.XXXIX: Hòn Mỏ Côi và vùng Non Náy.

THƠ

HENRI DE ROUVROY

HUẾ

*Tôi thấy Huế ngủ yên giữa đôi bờ sông vắng,
Thành quách xưa bao bọc, ngọc xanh đen
Kinh thành, bờ lũy, tường cao, sao hùng tráng!
Tôi thấy Huế bừng giấc mai hồng rạng rỡ lên.*

*Tôi chọn, đôi khi, để tìm nguồn ẩn tượng
Những mai hồng cho rung động vành tim
Để thấy Huế nâng lên, như nổi buồn quả phụ
Tám màn voan sương mỏng tháng Avril*

*Huế, nơi đồn thánh tích cả nghìn năm nằm ngủ
Ngọc ngà, châu báu thời qua, thành chuyện cũ
Tôi yêu kinh Huế xưa, vùng kỷ niệm hoàng cung*

*Nhưng ô này thành quách mặt trời chiều sắp rụng
Rạng phương đoài ánh lửa của giàn thiêu
Để sống lại thời qua chiều cổ mộ.*

TRÊN SÔNG HƯƠNG

Tất cả đều xanh như bên sườn trần trụi của chiếc bình sứ,
 Dòng sông Hương có biết bao nhà vua làm thơ ca ngợi
 Mặt trăng rạng sáng ở chân trời các cánh đồng xa
 Móc cây đèn lồng của nó vào con rồng mái nhà cổ kính

Ban đêm, chiếc thuyền cong mui, theo nhịp tối tăm của
 mái chèo,
 Trôi qua, lặng lẽ; những sóng gợn lăn tăn, lấp lánh
 trên mặt nước vàng,
 Ở trên bờ, trăng bàng hoàng tơ lụa, với sợi dệt
 mong manh,
 Dợn sóng, trong như pha lê, tiếng chuông ngân
 ở một vọng lâu nào đó.

Trong khi trên đỉnh núi xa xa, đầy màu sắc
 Một ngọn lửa hồng đâu nơi trướng bụi, luôn lách và
 nạm ngọc
 Áo khoác ngoài màu xanh nhạt của núi rừng gọi nhớ
 quê hương

Tiếng hát mất tăm vào làn nước lạnh, và vùng hoang mạc
 của loài ve
 Tôi thấy lướt qua chiếc thuyền con mơ hồ thấp thoáng
 Tâm hồn tôi trôi giạt, kẻ thù của hoa sen đã nhạt màu.

BÌNH MINH TRÊN SÔNG HƯƠNG

Người đàn bà trước mũi dò đang ngoáy cả toàn thân
Theo mái chèo đưa thuyền nhẹ lướt trong sương mai
Phương đông hồng, chân trời rạng, cuốn dần đi bóng tối
Bầu trời cao khoác màu dịu của một thứ sa-tanh

Giống bức họa kakimono mà một nghệ sĩ tài hoa đã vẽ
Và đây bình minh xuất hiện rồi, những tiếng vàng đang
chuyển giọng

Những khúc ca lả lướt như tiếng gọi của ngàn thông
Ở xa kia, trên mặt nước, những viên ngọc ru-bi đang
dồn đóng lại

Chân trời lộ liễu trong suốt ánh thủy tinh
Dưới bầu trời đang ngự trị một màu xanh
Một hương thơm nhẹ tỏa, tắm gội ánh bình minh

Trên Hương giang còn đắm mình trong giấc ngủ
Thuyền con, mảnh lớn bỗng giật mình thức dậy xôn xao
Ngày mới hiện ra, những cái màng nhện đầy sương
kỳ diệu biết bao!

*
* *

HOÀNG HÔN

Hoàng hôn màu xám mở rương hòm chứa đầy thánh tích
Ngọc vàng, châu báu lấp lánh của hoàng gia
Trong bóng tối dần lan tới ngưỡng cửa nơi thờ
Bóng ma trong trắng của ngày xưa đang trở lại.

Ban đêm dần đến phủ tấm màn mông lung
 Và đâu đây, mơ hồ, đồng vọng tiếng chuông đồng
 Ngôi chùa cổ mới nện vô; "cho tiếng ngân" dần nhỏ nhẹ,
 Trong sự yên tĩnh quen thân của ngày tàn nhỏ lệ

Đâu đây lập lòe ánh lửa thiêu giấy hồ vàng bạc
 Linh hồn tôi chậm chậm kéo lê đi
 Như một lư trầm đang bốc khói thơm vào đêm đen yên lặng

Câu thần chú không đâu, và lời kinh dịu nhẹ...
 Phù phép cũng tắt rồi. Ngôi chùa không tiếng động.
 Lại trở về không khí tĩnh lặng buổi chiều hôm.



CON ĐƯỜNG TRONG SƯƠNG

Ta yêu biết mấy, hồi buổi sáng sương mờ tháng tư!
 Ta yêu sự thức giấc tỉnh khô trong trắng
 Ta muốn, trong màn sương; nơi bụi cỏ ướt đầm sương móc,
 Hái đóa hoa nhỏ khiêm nhường với điệu bộ trẻ thơ!

Con đường dát ngọc ẩn mình dưới những cành cây
 Sương mù ban mai có màu xanh nhạt, màu chất phấn
của ngày xưa
 Bầu trời mát mẻ, trẻ trung, và rất trong trẻo
 Mà ta tin mình có thể trần truồng đi tới, ngồi lên
tảng đá trắng.

Nhưng mặt trời lên sắp cất tiếng hát trên đỉnh núi cao,

Những rừng rậm của núi non đã vượt qua áng sương mù
dày đặc
Để hiện ra vẻ nguyên sơ của mái tóc rừng màu hạt dẻ

Ta ngây ngất giữa bầu hương thơm lừng ngát
Vừa ngược lên nhìn, thích thú, vừa nhẹ bước chân đi trên
những con đường.
Cành hoa có nhụy vàng đang rung động trong tay ta.



CÁI MIẾU NHỎ

Tôi biết dưới một lùm cây với vô số loài cây nhỏ,
Một ngôi miếu cổ đầy rêu phủ, nhỏ bé và hồn nhiên
Dưới gốc cây đa già, chất đầy, bình vôi ống sứ
Tôi biết dưới một lùm cây, có ngôi miếu nhỏ trầm tư

Lòng sùng tín của dân làng đã vây quanh từ lúc xây miếu
Để dâng cho ma quỷ rất cứng đầu
Luôn ám ảnh, không chối từ, bằng nỗi tang tóc yên lặng
Và đôi khi còn làm chết người dân làng sợ hãi

Không có gì đáng sợ, ngôi miếu nhỏ ấy,
Với cái bình phong trước lối vào có hình cọp tượng trưng
Và mái ngói uốn cong như tạ, đình, đóm dáng.

Trên bàn thờ nguyện cầu tha mạng, thật buồn ưu uất,
Bằng cách tung vãi lên đất những cánh hoa nhỏ bé
Từ bình hoa của một kẻ dâng cúng vô danh...

CHiếc THUYỀN NAN

Dánh hình mỏng manh, chiếc thuyền nan đi như lướt
 Trong buổi sớm tinh sương đầy hương thơm vi tế
 Thuyền đi trên dòng sông có sương mai mờ phủ
 Thuyền đi êm chẳng chạm nhẹ vòng sóng gợn tron...

Dưới sự cố gắng, uyển chuyển của người chèo đưa đẩy
 Thuyền lưu dấu lại trên mặt nước bằng phẳng lặng yên
 Một vệt nước dài lấp lánh
 Như một luống cày được gieo vãi cánh hoa rơi...
 Từ trên mạn thuyền một làn khói nhẹ vươn lên
 Của buổi ăn thanh đạm hàng ngày
 Đôi khi làn khói lam vươn cao nhẹ nhàng
 Những khúc ca trầm bổng ngất ngây

Và trong bóng ngày sắp tắt
 Chiếc thuyền nan, giữa đôi bờ cỏ ven sông,
 Như một chiếc thuyền Gondole nằm tưởng nhớ
 Giác mộng buồn lang thang trong vùng kỷ niệm xa xăm.

*
* *

MÙA GẶT

Như những con ong bầu nặng nề, người gặt lúa làn da
 rám nắng
 Còng lưng trong ruộng lúa cùng với bạn bè, bà con
 Ở khắp nơi, đi qua các miền nông thôn vui vẻ
 Những bông lúa chín vàng rung động trong ánh nắng
 ôm hôn

Những đàn ông hầu như trần trụi, chỉ mang cái khố
nhẹ nhàng,
Đi, liềm hái trong tay, xuyên qua những đồng lúa vươn cao,
Người gặt lúa đi qua những cánh đồng, chậm chậm
Đẩy lùi sóng lúa vàng thơm mà bóng chiều xám sắp dâng cao

Rồi trên những con đường đất, trong bóng mặt trời chiều
vàng rực
Gánh lúa về, hai bó lúa nặng cả đôi vai
Chen lẫn tiếng hát, tiếng cười ôi hạnh phúc

Luôn luôn thì vẫn vậy, là biểu tượng sức sống của người dân
Từ thời đại cổ sơ mù tăm trong lịch sử
Hình ảnh việc làm và sức lao động phong phú tựa mùa xuân.

*
* *

NHỮNG CON ĐOM ĐOM

Khi những đêm hè rún rẩy du dương
Như một cây đàn lyre vĩ đại dưới ngón tay thần nào đó,
Khi những đêm hè, dưới ánh trăng thân mật,
Là điều mê ly đối với tâm hồn và con mắt.

Chắc đôi khi bạn đã thấy trên mặt nước như
thứ vãi bông mịn
Những con đom đóm vàng bay múa lạng thình?
Bạn đã ngắm trong đêm miền nhiệt đới
Trên hàng tre lá lướt đóm lấp lờ bay giỡn linh tinh?

Và nếu những buổi chiều đẹp, trên những bãi cát huy hoàng
Ai chết ở biên giới cảnh nước trời yên lặng
Mà ngôi sao băng trước mắt bạn thành linh xẹt qua rồi
biển mất

Cái gì sẽ đến với bạn, hỡi người đi dạo biển cô đơn
Để bạn thoáng qua và sẽ gặp ở trên đường
Những ngôi sao vàng từ trời ấy đã sa về trên mặt đất...

*
* *

NHÀ VUA

Giữa âm thanh nhã nhạc vang lừng huyền ảo
Đoàn ngự xa lẫn bánh ở trên đường
Dân đổ xô ra trên lộ, một người dân cuống cuống hốt hoảng
Dưới ánh nắng chói chang của mai này quá nóng.

Đây những ông quan mang triều phục
Đây huy chương đang sáng bước bên nhau
Và đây binh lính bước đi theo kèn trện
Cờ hiệu nắm trong tay, quan thống chế đi đầu

Và đây chiếc kiệu sơn đen, vàng đang tiến bước
Uy nghi và nồng nhiệt, có màu ngà vàng nhạt
Dưới những cây phủ phát lớn lâu lâu lại phát

Những lọng tàn giương cao, dấu hiệu vương quyền
Và đây, giản đơn, cao khiết, và lạnh lùng tột mức
Toàn thân bao bọc những tia vàng quá khứ: Nhà vua!

CHUYỆN NÀNG TÔ THỊ

Đã trọn tuần trăng, đoàn hậu quân lên đường ra chiến trận.
Một buổi chiều, nàng Tô Thị thấy hiện ra ở chân trời gần lại
Thấy hiện ra, ôi rừng rợn, ở dãy núi đá cao đen
Tận biên thùỵ Trung Quốc, nơi mặt trời lặn xuống.

Không biết chồng nàng, một võ quan phẩm tước cao sang
Đã đi về nơi chiến thắng hay đã đi về cõi chết
Để nàng ở lại một mình và hướng về lầu cửa chốn Thần kinh
Dõi mắt theo kiếm ở đoàn quân đang diễn hành...

Trên đỉnh núi cao trong bóng cây rừng rậm rạp
Sáng mai đây, với mối tình bền bỉ keo sơn
Tô Thị vẫn còn đứng đó cánh tay giăng...

Vì trời cao rũ lòng thương số phận của nàng
Đã làm cho biểu tượng thiêng liêng trở thành bất tử
Thành hình người hóa đá mãi mãi đứng chờ mong...

*
* *

BÀN ĐÊM

Làng đã ngủ bên bờ hồ đen yên vắng
Đó đây chó sủa, còn người ta ngủ lặng
Rồi tất cả im hơn. Đêm, không gì đục chạm
Đã lấy lại sự nằm yên bất động trong bí mật mênh mông

Nửa đêm... Tâm hồn dừng lại ở ngưỡng cửa giấc mơ dữ dội
Có điều gì hồi hộp ở đáy tim rung động

Toàn bầu trời nghe như có tiếng lộp bộp của lửa
là nhấp nháy
Trở lui về sự huy hoàng xa lạ của trời đêm...

Và lần thức giấc thứ ba, cho ra từng lúc chậm chậm,
Đều đều, hoang vắng quanh hiu, trong luân phiên buồn tẻ
khô khan
Những lời van vỉ dâng cao trong đêm tối?...

Dưới thấp, một dòng ánh sáng của cây đuốc
Rót xuống trong bóng tối đen một vũng máu
Một chiếc quan tài nhỏ, người ta gánh về phía đông không...

*
* *

TRẮP ĐẶT NỮ TRANG

Cái chướng của hoàng gia biết bao nhiêu hay ước muốn
của bà hoàng kỳ sao

Đặt những ngón tay thanh tao mở trap đặt nữ trang?
Người thợ nào, ngày xưa, theo chiều thớ của gỗ mun
Đã đeo cho ước muốn của tôi loại nữ trang rất kín đáo này?

Ngà voi không tì vết, loại vật chất vương giả
Nằm vào màu trắng ngà của nó bằng hình trang trí
thiên nhiên

Và thứ ngọc trai ở bờ biển mà người ta đi dạo
Những bụi cây cách điệu hóa có phản ánh nâu màu vàng

Bụi tre rì rào với tán lá xanh mảnh dẻ

Rung động trong không trung nhẹ nhàng điểm hoa
đàn bướm bướm
và hồ sen chiếu lộn ngược bóng ngói đình

Tôi sẽ đặt cái gì vào đây nếu không là những vật quá
mong manh
Những khăn tay lụa quý, một chiếc nhẫn, một bình nước hoa
Kỷ niệm đã nhạt nhòa của một vài tình yêu đã chết.

*
* *

NGÔI BÚT LÔNG

Vua Tự Đức, cúi vâng trán rộng trên hàng chữ
thiên long nhô nhô
Và lâu lâu ngài đặt ngón tay có móng dài được chuốt rắc trơn
Lên vài câu thơ toàn bích, vua mỉm cười không bí mật
"Kim Vân Kiều" ca ngợi tâm hồn và tinh thần của ngài

Rồi ngài cầm đựng cây bút cán vàng êm ái
Một ít màu son trong đĩa nghiên bằng ngọc
Ngài vui thích bình, từ bàn tay vương giả
Lời thơ nổi tiếng, một tiếng hát của thiên cung

Ngôi bút lông dịu dàng và chậm chậm, các nhà văn học
rất yêu thương
Khi đắm mình vào tình yêu, họ ngắm nhìn
những nét ngang số
Của chữ viết như hoa, những nét vạch thanh lịch

Và dù cho cán bút là hổ phách thời xưa hay bằng tre giản dị

Cây bút này khai mở bằng biểu tượng rất êm
Trên giấy rom nhẹ, những tư tưởng tế vi

*
* *

HÀNG THÊU

Trên tấm lụa nhẹ thoảng ánh hoàng hôn
Và những bàn tay vuốt ve của thời gian vẫn còn ân ái
Một phong cảnh vàng theo viễn cận sáng lên
Thêu khung viền rực rỡ và dịu dàng có màu trắng nõn

Đây mỏm núi màu xanh lơ đỉnh nhọn hình tam giác
Những cây tung có đầu tóc rối mọc cheo leo bên sườn núi
Và nhỏ xít, tất cả đều nhuộm màu, dưới ánh trắng càng
sáng rõ

Ngôi miếu thêu chỉ bạc nhẹ nhàng sao

Dưới bầu trời uyển áo vươn cánh bay ngang
một con cò trắng...

Và cảnh này khiến người ta nghĩ, dưới ánh sáng trắng
huyền hoặc,

Rằng mùa thu đang đến gần và mùa hạ sắp tàn tất...

Trên tấm lụa màu ngà với ánh sáng nhạt diệu kỳ
Phong cảnh dịu dàng gần như trong chuyện cổ
Trang hoàng lộng lẫy làm cho mơ mộng bay cao...

NHỮNG CHỈ DẪN VỀ ĐỀN HIỂN TRUNG TỪ

VÀO năm Gia Long thứ ba (1804) nhà vua xuống dụ cho tỉnh thành Gia Định lập miếu Hiển Trung, ở làng Tân Triêm, để thờ tự ghi nhớ công đức của các vị quan đã có huân công.

Ở gian chính giữa thờ: Võ Tôn Tánh; Hậu quân Quốc công Ngô Tùng Châu, Thái sư Quận công, và một người tòng tự: Nguyễn Tấn Huyền, Chưởng cơ Ứng Nghĩa đạo. Cộng được ba người.

Ở tả án thứ nhất, người ta thờ:

Châu Văn Tiếp, Chưởng dinh Quận công

Tôn Thất Hội, Tiền dinh Quận công

Tống Viết Phước, Thiếu bảo Quận công

Mai Đức nghị

Võ Di Nguy

Nguyễn Cửu Dật, Chưởng dinh Quận công

Nguyễn Cửu Tuấn

Nguyễn Thành

Tôn Thất Dũ, Hữu quân Quận công

Nguyễn Văn Chánh, Tả quân Quận công

Cộng: 10 người

Ở hữu án thứ nhất, người ta thờ:

Nguyễn Hữu Thụy, Chuởng dinh Quận công

Nguyễn Đình Thuyên

Nguyễn Kim Phẩm

Trần Xuân Trạch

Tôn Thất Cốc

Tống Phước Hòa

Nguyễn Thái Nguyên, Thiếu phó

Bùi Kế, Chuởng dinh

Đoàn Văn Các, Chuởng cơ

Hoàng Công Thành

Cộng: 10 người

Ở án tả thứ hai:

Võ Đình Giai, Chuởng cơ

Nguyễn Văn Lợi, Chuởng
dinh

Tống Phúc Châu

Lê Văn Tín

Trần Văn Xung

Nguyễn Văn Kỷ

Trương Văn Hoãn

Đặng Văn Lượng

Đào Văn Long

Châu Văn Bích

Hoàng Tấn Cảnh

Hoàng Văn Duyệt

Hà Văn Lộc

Phan Văn Nhị

Nguyễn Văn Hương

Tống Huê

Lê Văn Mai

Nguyễn Thành

Nguyễn Văn Lượng

Phan Văn Tấn

Lê Sương

Nguyễn Quận

Phạm Văn Thạnh

Bùi Văn nghị

Nguyễn Văn Phụng

Nguyễn Sương

Nguyễn Văn Luận
Đinh Văn Long
Nguyễn Lượng
Tống Văn Trung
Trần Văn Vạn
Nguyễn Bình
Nguyễn Chương
Lê Văn Cẩn
Hoàng Lịch
Ngô Văn Lễ
Ngô Đăng
Hoàng Văn Nghiêm
Hoàng Lộc
Ngô Nghĩa
Nguyễn Đăng
Phạm Văn An
Nguyễn Vạn
Dương Văn Hạnh
Lê Phước Vũ
Nguyễn Văn Phú
Nguyễn Công Kiêm
Nguyễn Tường
Nguyễn Văn Lễ
Nguyễn Thái
Nguyễn Đồng
Nguyễn Loan
Lê Cẩm
Nguyễn Văn Thuận

Hoàng Quỳnh
Nguyễn Lâm
Ngô Cẩm
Nguyễn Văn Minh
Nguyễn Văn Tài
Võ Văn Chánh
Nguyễn Vận
Nguyễn Công Hồ
Hồ Văn Huệ
Lưu Văn Trí
Nguyễn Quả
Nguyễn Văn Thảo
Nguyễn Văn Lý
Trần Văn Liễu
Trần Tú
Nguyễn Long
Nguyễn Văn Liêm
Trương Phước Hoát
Đặng Văn Túy
Nguyễn Đăng Chiêu
Nguyễn Văn Triệu
Tống Văn Phước
Nguyễn Giám
Phan Văn Huỳnh
Hà Văn Lộc
Nguyễn Hoang
Đỗ Điền
Lưu Danh Trung

Nguyễn Văn Lễ	Võ Văn Tuy
Nguyễn Văn Thiện	Lê Văn Lan
Phạm Văn Thạt	Bùi Liêm
Nguyễn Kỳ	Nguyễn Miên
Nguyễn Công Thụy	Phạm Văn Khánh
Trần Văn Thuận	Trần Phước
Khuông, Chuông cơ	Lê Quân
Nguyễn Ngộ	Nguyễn Văn Châu
Nguyễn Văn Mỹ, Hộ bộ	Nguyễn Thiện
Nguyễn Duy Hàn, Tham tán	Hoàng Văn Tấn, Tham mưu
Phạm Văn Học	Ngô Văn Thành
Nguyễn Văn Hương	Võ Văn Diệu, Cai bộ
Lâm Tế	Phan Chánh Trọng, Ký lục
Nguyễn Đoài, Cai Cơ	Lê Trung
Lê Sương	Nguyễn Bức
Nguyễn Thái	Tống Triêm
Nguyễn Toàn	Nguyễn Anh
Đặng Nhĩ	Trương Lý
Phan Kính	Nguyễn Nghiêm
Cao Hóa	Nguyễn Châu
Nguyễn Minh	Nguyễn Hiền
Nguyễn Thọ	Võ Loan
Nguyễn Sỹ	Nguyễn Lấn
Nguyễn Thanh	Lương Nhị
Phạm Điển	Lê Quỳnh
Lâm Phú	Đỗ Nghị
Nguyễn Quyền	Lê Hào
Mạn Hòe, Chuông vệ	Nguyễn Ký, Cai cơ

(người Pháp)

Phạm Du

Nguyễn Khoa

Nguyễn Phong

Trần Văn Tu

Nguyễn Di, Vệ úy

Nguyễn Hương, Cai cơ

Bùi Huấn

Nguyễn Giáo

Tô Huấn

Nguyễn Uy

Trần Huấn

Võ Lương

Phạm Nghị

Đinh Phụng

Phạm Quê

Nguyễn Liêm

Nguyễn Đạo

Lê Viết

Nguyễn Tự

Lê Long

Trần Diệu

Hoàng Pháp

Nguyễn Diệu

Hoàng Luyện

Nguyễn Ngô

Trần Cẩm

Nguyễn Phàn

Nguyễn Vinh Quý

Tôn Thất Thắng

Trần Sỹ

Hoàng Tân

Lê Mỹ

Tô Nghiêm

Nguyễn Cẩm

Đặng Trang

Phạm Khách

Võ Hưng

Nguyễn Thiện

Trần Thuận

Nguyễn Toán

Hà Thóng

Nguyễn Triệu

Nguyễn Túy

Nguyễn Đặng

Đặng Trung

Lê Hiền

Nguyễn Sĩ

Nguyễn Khoa

Châu Tứ

Trần Mã

Hoàng Chấn

Nguyễn Điền

Nguyễn Danh Huệ

Nguyễn Thống

Nguyễn Thuận	Lương Thanh
Lại Đào	Phạm Huê
Nguyễn Danh Thái	Nguyễn Đức
Đặng Lộc	Nguyễn Triều
Nguyễn Tân	Nguyễn Nhạn
Nguyễn Chân	Trương Lục
Trương Long	Trương Giai
Nguyễn Hựu	Nguyễn Ân
Võ Thiêm	Lê Minh, Tham luận
Trương Chuân, Thái y	Trần Tô, Chánh y
Hoàng Quê, Tri phủ	

Cộng: 221 người (thực sự có 213)

Ở hữu án thứ hai:

Nguyễn Văn Đắc, Chương dinh	Nguyễn Bảo Trí, Lại bộ Tham chánh
Nguyễn Đức Khoan, Hộ bộ, Tham chánh	Trần Phước Giai
Nguyễn Đô, Lễ bộ Thượng thư	Đỗ Văn Hựu, Chương cơ
Nguyễn Văn Mẫn	Trần Văn Chánh
Hồ Văn Khách	Nguyễn Văn Đáng
Phạm Văn Thạnh	Nguyễn Công Giao
Nguyễn Văn Phụng	Phạm Văn Thạnh
Nguyễn Văn Sử	Nguyễn Văn Thông
Mai Văn Bửu	Nguyễn Văn Triệu
Trần Văn Ất	Lê Văn Ngoạn
Nguyễn Phụng	Trần Văn Huy
Nguyễn Văn Cẩn	Phụng, Chương cơ

Hoàng Văn Định
Nguyễn Văn Toán
Nguyễn Văn Tường
Nguyễn Uy, Trưởng cơ
Nguyễn Văn Huấn
Trương Văn Bình
Nguyễn Văn Nghiêm
Đặng Văn Đoái
Khoách Công Nghi
Nguyễn Văn Liêm
Mai Công Quý
Trương Phước Luật
Trương Văn Giao
Phạm Văn Sỹ
Nguyễn Đăng Văn
Nguyễn Văn Nhân
Nguyễn Hữu Nghi
Đoàn Cảnh Cư
Lê Văn Thuận
Nguyễn Văn Đăng
Nguyễn Văn Thái
Nguyễn Văn Hựu, Trưởng
đinh
Nguyễn Vinh Hựu
Võ Tấn Đầu
Dũ Kỷ
Bùi Văn Khoan
Nguyễn Văn Uy

Nguyễn Đình Lan
Võ Văn An
Trần Công Đề, Phó tướng
Nguyễn Công Thành
Nguyễn Văn Thơ
Nguyễn Văn Định
Võ Văn Cẩn
Dương Công Tú
Đoàn Văn Khoa
Tô Văn Đoái
Tống Phước Ngọc
Tôn Thọ Vinh
Nguyễn Văn Thuận
Nguyễn Suyễn
Nguyễn Thành
Nguyễn Hiên
Nguyễn Văn Định
Võ Văn Tứ
Hoàng Văn Tứ
Mai Văn Tịnh
Phạm Văn Trường
Hoàng Phước Bửu
Đoàn Phước Tân, Trưởng cơ
Nguyễn Văn Loan
Nguyễn Văn Dục
Bùi Văn Điển
Phan Văn Viễn

Nguyễn Văn Diêu	Nguyễn Văn Tuy
Cao Đức Hùng	Nguyễn Quận
Đoàn Công Tuấn	Dương Công Bảo
Lê Thành Lý	Nguyễn Đăng Phong
Hoàng Bồn	Nguyễn Chấn
Nguyễn Nghi	Phạm Công Trung
Nguyễn Võ	Lê Văn An
Võ Văn Nhựt	Lê Văn Doãn
Hoàng Công Tín	Trần Phước Tri, Binh bộ
Trần Văn Thúc, Tham khám	Hồ Công Siêu
Nguyễn Văn Tuấn	Đỗ Văn Hoàn
Trần Đại Trì, Tham nghị	Tôn, Hộ bộ
Lê Văn Xuân, Tham nghị	Nguyễn Công Hoãn
Nguyễn Hoài Châu	Nguyễn Nhơn
Nguyễn Tri	Võ Văn Sở, Tham mưu
Nguyễn Văn Tường	Nguyễn Văn Cẩm, Cai cơ
Nguyễn Kỷ	Phan Đăng Hào
Nguyễn Tấn Quỳnh	Tống Phước Đạm
Nguyễn Công Huê	Hồ Văn
Nguyễn Sum	Nguyễn Giáo
Nguyễn Thanh	Nguyễn Khương
Phan Dụ	Nguyễn Phong
Bùi Vãng	Nguyễn Chiêu
Dương Đông	Nguyễn Kính
Nguyễn Chánh	Cao Thanh
Đặng Cẩm	Nguyễn Hảo
Phạm Trị	Lê Lễ
Lê Bình	Nguyễn Thanh

Nguyễn Trung
Trần Nghiêm
Nguyễn Trĩ
Nguyễn Điền
Võ Loan
Hoàng Sỹ
Đặng Hương
Hà Nhạn
Nguyễn Thọ
Lê Nhiên
Hoàng Nhan
Nguyễn Lộc
Võ Nhục
Nguyễn Giáo
Trần Diệu
Nguyễn Thụy
Trần Quyên
Phạm Giản
Đoàn Sở
Trần Sách
Bùi Nha
Hoàng Tuyên
Nguyễn Tân
Dương Thi
Lâm Phú
Hồ Huệ
Trần Diệu
Nguyễn Áng

Phan Thiện
Võ Anh
Nguyễn Lộc
Hồ Toán
Hồ Thuận
Nguyễn Tại
Nguyễn Duyên
Nguyễn Kiên
Hoàng Trung
Hoàng Nguyệt
Nguyễn Châu
Hà An
Nguyễn Thanh
Đặng Triệu
Nguyễn Văn
Nguyễn Hùng
Trần Nhị
Nguyễn Long
Nguyễn Quả
Đỗ Diệu
Nguyễn Danh Huệ
Dương Diệu
Bạch Cháp
Dương Bá Quý
Nguyễn Đức Huân
Hồ Tịnh
Trần Viễn
Nguyễn Lương

Mai Tường	Lê Trí
Hồ Thủ	Hồ Huế
Dương Quê	Phan Đình
Lê Thao	Nguyễn Long
Nguyễn Triêm	Nguyễn Thụy
Nguyễn Định	Lê Cẩn
Võ Định	Trần Thực
Nguyễn Toán	Tăng Nhật
Nguyễn Hiếu	Hồ Siêu
Mai Hạnh	

Cộng: 221 người (thực sự có 209 người)

Ở án thờ trong tả vu:

Nguyễn Văn Hòa, Cai cơ	Lưu Đức Hiến
Lưu Văn Trung	Mai Đức Luật
Trần Văn Toán	Lê Văn Hậu
Nguyễn Văn Thạch	Nguyễn Khương
Đinh Văn Tam	Tống Văn Đồng
Ngô Văn Lễ	Nguyễn Văn Sơn
Nguyễn Văn Ân	Nguyễn Văn Luật
Phan Văn Hiến	Nguyễn Đình Thạch
Nguyễn Ý	Nguyễn Cảnh
Lê Phước	Nguyễn Huệ
Võ Linh	Nguyễn Thái
Nguyễn Duy	Nguyễn Tứ
Đặng Dực	Võ Thành
Nguyễn Trường	Nguyễn Chất
Đỗ Tu	Nguyễn Ngoan
Tống Tường	Nguyễn Trận

Nguyễn Khương

Lê Bô

Trần Tứ

Nguyễn Toàn

Nguyễn Huyền

Phan Khương

Nguyễn Quý

Đặng Lương

Nguyễn Toán

Nguyễn Cung

Nguyễn Vân

Nguyễn Trì

Phan Hồ

Lê Nho

Nguyễn Lưu

Nguyễn Bức

Nguyễn Khoa

Nguyễn Thuyền

Nguyễn Hòa

Nguyễn Quê, Cai đội

Nguyễn Nho

Trần Toán

Trần Nghĩa

Lê Khoan

Nguyễn Tường

Lê Cảnh

Trương Bảo

Nguyễn Hiền

Phạm Hóa

Võ Hiếu

Nguyễn Doãn

Nguyễn Nguyên

Phan Chữ

Nguyễn An

Cao Lục

Cao Trí

Nguyễn Bình

Nguyễn Liễn

Lê Lượng

Ngô Hiến

Biện Vĩnh

Nguyễn Vệ

Bùi Triêm

Nguyễn Thận

Tống Nhựt Khánh

Lê Lục

Nguyễn Lượng

Nguyễn Nhản

Nguyễn Nguyên

Tống Lộc

Đỗ Huê

Nguyễn Huyền

Lê Lý

Nguyễn Danh Khương

Nguyễn Thanh

Nguyễn Thủy

Đặng Hóa	Hoàng Trung
Hoàng Đồng	Nguyễn Xuân
Nguyễn Danh Châu	Nguyễn Trúć
Nguyễn Minh	Nguyễn Tại
Phạm Xiêm	Phạm Cao
Lâm Diệm	Nguyễn Thành
Hoàng Quý	Trần Phụng
Nguyễn Tánh	Nguyễn La
Nguyễn Văn	Trần Dụng
Lê Ân	Lê Thỏ
Nguyễn Hưng	Lê Long
Nguyễn Viên	Trần Thành
Nguyễn Sương	Hoàng Lễ
Lê Túc	Nguyễn Bương
Nguyễn Đào	Lê Tuyên
Trần Chấn	Nguyễn Kiên
Võ Cầm	Nguyễn Tam
Nguyễn Điều	Nguyễn Huấn
Hồ Tịnh	Dương Thiêm
Trần Kỷ	Nguyễn Thái
Nguyễn Diên	Hoàng Chân
Võ Thanh	Nguyễn Quỳnh
Trần Thường	Nguyễn Xung
Nguyễn Phúc	Nguyễn Tuần
Nguyễn Như	Trần Cẩn
Trần Tuyết	Nguyễn Thạnh
Nguyễn Trung	Nguyễn Nhựt
Trương Tịnh	Nguyễn Thảo

Đặng Đức

Võ Thành

Hồ Trân

Hoàng Cần

Nguyễn Ngũ

Phạm An

Nguyễn Phong

Nguyễn Thanh

Nguyễn Ứng

Phạm Vọng

Trần Tân

Nguyễn Á Trượng

Nguyễn Chánh

Nguyễn Hiền

Lê Nghĩ

Trần Mẫn

Trương Tánh

Trương Nguyệt

Đặng Xuân

Võ Hòa

Nguyễn Biện

Cộng: 275 người (thực sự có 165 người)

Ở án thờ trong hữu vu:

Nguyễn Hòa, Cai cơ

Lê Giang

Nguyễn Táng

Đặng Nghi

Võ Trung

Lê Dạm

Đặng Trí

Nguyễn Tịnh

Nguyễn Trí

Nguyễn Thảo

Trần Châu

Trần Toán

Nguyễn Thống

Phan Minh

Nguyễn Nguyên

Bạch Chiếm

Đinh Thù

Võ Thận

Mai Liên

Nguyễn Lễ

Nguyễn Hiền

Lê Lộc

Trần Thạnh

Bùi Nghệ

Nguyễn Chử

Trần An

Lê Tùng

Nguyễn Tân

Nguyễn Thanh
 Nguyễn Phụng
 Nguyễn Danh Minh
 Bùi Thái
 Trần Lương
 Nguyễn Loan
 Nguyễn Trì
 Võ Thương
 Nguyễn Công
 Nguyễn Lương
 Võ Hương
 Nguyễn Hùng
 Lê Tranh
 Võ Lang
 Lê Duy
 Nguyễn Thuận
 Phan Mỹ
 Hoàng Thọ
 Trần Ất
 Nguyễn Văn Ngân
 Nguyễn Danh Tánh

Võ Công Tường
 Nguyễn Võ
 Lê Tước
 Nguyễn Bản
 Lê Diệm
 Đặng Thường, Cai đội

Nguyễn Danh Hòa
 Đào Tịnh
 Đinh Tiềm
 Trần Khách
 Cao Tạt
 Phan Ân
 Nguyễn Tâm
 Nguyễn Nhơn
 Hoàng Thao
 Hồ Thái
 Trần Bản
 Phan Thanh
 Lê Khả
 Nguyễn Khảng
 Nguyễn Huy
 Nguyễn Phụng
 Lại Miên
 Nguyễn Thạnh
 Nguyễn Hồ
 Nguyễn Thuận
 Đặng Huy Chiêm Ng.,
 Tham mưu
 Nguyễn Ngoạn, Tham luận
 Trần Hữu Yến
 Phạm Doãn
 Lê Huệ
 Dương Ý
 Trần Trí

Trần Yến	Nguyễn Đức
Nguyễn Thọ	Nguyễn Liêu
Nguyễn Giản	Hồ Ngạn
Nguyễn Đông	Nguyễn Mỹ
Võ Tự	Nguyễn Cù
Nguyễn Sỹ	Hồ Tống
Hoàng Thắng	Nguyễn Văn
Đoàn Thuận	Nguyễn Nghĩa
Trần Duyên	Lê Định
Võ Soạn	Nguyễn Diêu
Nguyễn Tồn	Hồ Đàm
Đoàn Triệu	Đỗ Quỳnh, Phó đội
Dương Mỹ	Lê Sâm
Nguyễn Bửu	Đỗ Mỹ
Hồ Đức	Nguyễn Lệ
Bùi Thị	Trịnh Đông
Lê Cúc	Ngô Khuôn, Tri huyện
Ngô Nghĩa, Câu kê	Nguyễn Tú
Trần Ân	Phạm Ô, Cai hiệp
Nguyễn Định, Đội trưởng	Trương Sách
Nguyễn Thảo	Nguyễn Trương, Thứ đội trưởng

Cộng: 275 người (thực sự có 124 người).

Tổng cộng toàn thể: 1.015 nhân vật (thực sự có 734 người)

Vào năm Thiệu Trị thứ 6 (1846), nhà vua lại ban dụ như sau:

"Trong đền Hiến Trung Từ ở Gia Định, có những tấm bia và những bảng bài vị trên đó khắc tên các quan đại thần được

phụng thờ ở miếu này. Các quan tỉnh thần phải thay thế các bảng gỗ và những bia nhỏ ấy bằng một tấm bia rất dài được làm bằng gỗ rất cứng hoặc bằng đá cẩm thạch, và phải cho khắc lên ở đó bằng lối văn khắc kiểu chữ cổ. Bằng cách làm như vậy, Trẫm đã bắt chước các vị hoàng đế cổ đại cho khắc tên các quan đại thần của triều đại mình đã có những huân công đáng để ý, lên tre hoặc lên lụa vậy".

MỘT VÀI ĐIỀU CHỈ DẪN VỀ GIA ĐÌNH CỔ ĐẠO A.DE RHODES

BS. L.GAIDE

DƯỚI nhan đề: "Những người châu Âu đã thấy Huế cổ", ông Tổng biên tập thông thái của tờ kỷ yếu, cha Cadière, đã có một bài ghi chú thú vị nhất và có nhiều tư liệu nhất về cổ đạo A.de Rhodes, là "con người có một sinh hoạt khác thường ấy, đồng thời ông cũng là một nhà nghiên cứu và một nhà văn lớn".

Trong mục đích bổ sung bài ghi chú ấy, tôi đã sưu tập, suốt trong một của những ngày cuối cùng của tôi ở Avignon, nhờ có sự cộng tác nồng nhiệt của ông Girard, giám đốc thư viện và quản thủ Viện Bảo tàng Calvet, tôi phải tỏ lòng biết ơn đối với ông; tôi xin nói lại tôi đã sưu tập một vài thông tin chỉ dẫn về gia đình của De Rhodes, về chân dung của ông còn được lưu giữ ở Bảo tàng Calvet, về hai tấm đá bia mộ thuộc về gia đình ông, được đặt trong cùng Bảo tàng ấy.

Vào năm kỷ niệm ba trăm năm ngày A.De Rhodes đến Bắc Hà, kỷ yếu B.A.V.H. nên dành một số trang cho ông là người tiên phong điều tiên đem ảnh hưởng của Pháp đến xứ Đông Dương, và ông đã tặng dân tộc An-nam một hệ thống chữ ghi ngôn ngữ bằng chữ cái Âu châu, mà ngày nay người ta vẫn còn sử dụng.

"Gia đình de Rhodes (de Rhoda, hay de Rhuoda) nguyên gốc ở nước Espagne (Tây Ban Nha), đã đến cư ngụ ở Avignon vào cuối thế kỷ thứ 15, vào chính đời ông Bernardin, thân phụ của Alexandre, sau thời sinh sống ở Lyon. Hàng hậu duệ của ông Bernardin đã quay về vùng Venaissin, và định cư luôn ở Bonnieux, vào cuối thế kỷ thứ 17.

Georges de Rhodes, em của Alexandre, sinh ở Avignon năm 1597, ông cũng chọn vào dòng tu ở đây vào ngày 16-10-1615, và mất ở Lyon ngày 17-5-1661, sau thời gian dạy học 27 năm trời và làm viện trưởng chủng viện ở thành phố này. Ông đã viết:

1- 2 tập sách về thần học kinh viện, in in-fol, ở Lyon, nhà Claude Proste xuất bản, năm 1661, và nhan đề tập thứ nhất là: *de Deo, angelis et homine*; tập thứ hai là: *de Christo, Deipara và Sacramentis*.

2- *Philosophia peripatetica, opus posthumum* (Lược trích Từ điển lịch sử, tiểu sử và thư tịch của Phân viện Vaucluse, do C.F.H. Barjavel biên soạn, Carpentras, nhà in L.Desvillais - 1841).

*
* * *

Trong sách *Lược trích danh mục các bản thảo của thư viện Avignon* (l'Extrait du Catalogne des manuscrits de la Bibliothèque d'Avignon) do Laland soạn. Table, 1901, tập I, II và III, người ta tìm thấy những lời chỉ dẫn sau:

Anne de Rhodes, con gái của Bernardin, thương gia ở Avignon, kết hôn với thầy de Danguirons, thương gia ở Aragon; hôn ước ngày 05-7-1520.

Bernardin I^{er} de Rhodes có góp cổ phần trợ cấp 42 écus ở dòng tu Cavaillon, đã mất ở Chủng viện Dòng Tên Avignon.

Được dòng tu Cavaillon giao trả số tiền góp để mua cổ phần trợ cấp 42 écus ấy lại cho chủng viện Dòng Tên, người

được nhượng quyền là de Michel và Bernardin de Rhodes, các nhà giàu ở cùng thành phố ấy, ngày 26-6-1595.

Bernardin II de Rhodes, tông sĩ (écuyer) ở Avignon, con trai của Bernardin I^{er} làm giá thú với Marie Girand.

Lễ thỏa thuận kết hôn của Jean I^{er} Gay, tiến sĩ Luật, ở Avignon, con trai của Antoine, với Eléonore de Rhodes, con gái của Bernardin de Rhodes và Jeanne de Tolèle, ngày 18-6-1553.

Cũng làm lễ thỏa thuận kết hôn cho Bernardin de Rhodes, tông sĩ, ở Avignon, con trai của Bernardin de Rhodes và của Jeanne de Tolède, và cho Marie Girand, con gái của Jean, cố vấn ở hội đồng tỉnh Provence, 19-4-1588.

*
* *

Henri de Rhodes, mà tổ tiên là Jean, ông chú của Alexandre nổi danh sinh sống ở Avignon, cũng như người cha Henri đã nói trên, là một y sĩ nổi tiếng, đã định cư ở Lyon, ông là khoa trưởng của học viện y khoa ở đây vào năm 1666, và ông kết hôn ở đây vào năm 1628. Ông thường nói đến người con trai Jean của ông trong những lá thư Guy Patin (Ghi chú của Barjavel, trang 322).

*
* *

Những tấm đá bia mộ cổ nhất được Bảo tàng viện Calvet và có liên quan đến gia đình de Rhodes, có hàng văn khắc sau: HIC EST SEPULTUR... DE RUEDA, MERCATORIS, NACIONE ARAGONUM, CIVITATIS CALATIAE... OBIIT ANNO SALUTIS M^o V^o PRIMO ET DIE VI SEPTEMORIS.

Hàng chữ khắc đóng khung tảng đá; ở giữa có hình một cái khiên bị xóa mờ. Tảng đá được tìm thấy vào năm 1845, trong nhà thờ cổ S^t Geniès đường Bonneterie. Dài: 1,80m; rộng: 1,10m. Bị cắt thành hai mảnh.

Mảnh thứ hai của tảng đá bia mộ được tìm thấy vào năm 1896, trong nhà thờ St Didier d'Avignon, lầu chuông thứ hai bên phải, đi vào (lầu chuông Sacré-Coeur).

Hàng chữ khắc đóng khung tảng đá là phần bị xóa mờ. Nhưng người ta vẫn còn đọc được: HUNG SIBI DICAUIT THUMULUM NOBILIS BERNARDINUS DE RUEDA... ANNO 1557...

Trên đầu phần chính giữa khắc:

IN PACE REQUIESCANT

Vào khoảng trung tâm, khắc dấu hình cái khiên

Bên dưới khắc một dải:

SPIRITUS ALTA...

Phần còn lại, không rõ, đọc không được. Dài 2m24, rộng 1m05.

*
* *

Tranh vẽ chân dung của A.de Rhodes còn bảo tồn ở Bảo tàng viện Calvet, là tác phẩm của Giovanni Gagliardi, nhà họa sĩ La Mã ở thế kỷ thứ XIX. Bức chân dung có chữ ký: GIO. Gagliardi dip. 1865. Cao 0m98, rộng 0m74, bằng vải. Bức vẽ được đặt mua bởi ban quản trị viện bảo tàng vào năm 1865. Viện bảo tàng Khải Định ở Huế, cũng có một bức vẽ chân dung giống hệt như thế, ở đây chúng tôi cho in sao lại bản chụp bóng của chân dung này.

Người ta cũng có trưng bày ở phòng Triển lãm thuộc địa Marseille, vào năm 1922, một bức vẽ chân dung của A.de Rhodes, mà chúng tôi không biết rõ lịch sử của bức vẽ. Chúng tôi cũng cho in lại ở đây một bản in sao bản ảnh chụp bức chân dung ấy.



Pb.XLI: A.De Rhodes.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
• MỘT NGƯỜI PHIÊU LƯU MẠO HIỂM CỦA THẾ KỶ XIX: MARIE ĐỆ NHẤT VUA CỦA NGƯỜI SÉDANG (1888 - 1890)	5
<i>Lời nói đầu</i>	5
<i>Phần thứ nhất: David Mayréna</i>	8
<i>Phần thứ hai: Marie đệ nhất, vua của người Sédang</i>	24
<i>Phần thứ ba: Lúc suy tàn</i>	149
<i>Phần tư liệu</i>	170
Jean Marquet, người dịch Hà Xuân Liêm	
• ÂM NHẠC AN-NAM: NHỮNG NHẠC CÔNG MÙ Ở HUẾ; BÀI TỬ ĐẠI CẢNH	208
E.Le Bris, người dịch Hà Xuân Liêm	
• GHI CHÚ VỀ NGHỀ GỐM Ở TỈNH BÌNH ĐỊNH	225
Roland Bulteau, người dịch Hà Xuân Liêm	
• BỨC ẢNH CHỤP ĐẦU TIÊN CỦA MỘT VỊ TRÍ ĐỊA HÌNH XỨ NAM HÀ - ĐỒN LŨY NON NAY	292
H.Cosserat, người dịch Hà Xuân Liêm	
• THƠ	302
Henry de Rouvroy, người dịch Hà Xuân Liêm	
• NHỮNG CHỈ DẪN VỀ ĐỀN HIỂN TRUNG TỬ	314
Người dịch Hà Xuân Liêm	
• MỘT VÀI ĐIỀU CHỈ DẪN VỀ GIA ĐÌNH CỔ ĐẠO A.DE RHODES	330
BS.L.Gaide, người dịch Hà Xuân Liêm	

NHỮNG NGƯỜI BẠN CỔ ĐÔ HUẾ 1927

NHÀ XUẤT BẢN THUẬN HÓA
33 Chu Văn An - Huế. ĐT: 054.823847 - 821228

★
★ ★

Chịu trách nhiệm xuất bản:

LÊ DẦN

Biên tập: **VÕ NHỊ XUYỀN**

LÊ VĂN

Bìa: **PHAN CHI**

Chờu bản in: **LÊ NGUYỄN**

9(v) 14/16

5^b/504 - 02

Th - 04

In 500 cuốn, khổ 14,5 x 20,5cm tại Cty Cổ phần In Phan Văn Mảng - Long An.
Quyết định XB số: 2444/QĐ/XBTH cấp ngày 31-12-2003. Số đăng ký KHXB:
5^a/504/XB-QLXB của Cục Xuất bản cấp ngày 10-5-2002.
In xong và nộp lưu chiểu tháng 4 năm 2004.

BULLETIN
DES AMIS DU VIEUX HUE

NHỮNG NGƯỜI BẠN CỔ ĐÔ HUẾ

B.A.V.H

TẬP

XIV

1927



NHÀ XUẤT BẢN THUẬN HÒA